NĂM THỨ MƯỜI BA • # 146 • JUNE 2001

THẾ KỶ 21

11022 ACACIA PARKWAY #A GARDEN GROVE CA 92840 • TEL: (714) 839-8746 • E-mail: theky21@kicon.com

MỘT NHẬN XÉT TÂM LÝ VỀ THAM SÂN SI — NGUYỄN HỮU CHI

ÁO GẤM VỀ LÀNG — TRẦN YÊN HÒA

NGƯỜI YÊU CỦA NÓ — ĐỖ HẬU

Cơ Hội Ngàn Vàng Lại Đến Với Qúy Bạn!

KHÔNG LẼ BẠN BỎ LỠ CƠ HỘI KHÔNG GIA NHẬP MỘT CƠ SỞ VỚI 155 NĂM KINH NGHIỆM VÀ CÓ KHẢ NĂNG GIÚP BẠN NÂNG CAO TAY NGHỀ MÀ CÒN ĐƯỢC THÊM VÔ SỐ LỢI NHUẬN HẤP DẪN KHÁC NỮA SAO?

New York Life. Thành lập từ năm 1845, New York Life là một trong những cơ sở bảo hiểm và dịch vụ tài chánh hàng đầu tại Hoa Kỳ ngày nay. New York Life hiện đang tuyển mộ những vị đại diện có tài tháo vát và nhiệt tình để bổ sung vào lực lượng rao hàng của chúng tôi. Hiện nay, cơ hội ngàn vàng lại đến với qúy bạn. Hãy gia nhập ngay đội ngũ của một hãng uy tín nhất có khả năng đem lại cho qúy bạn không những tay nghề cao mà còn nhiều dịch vụ đầy lợi lộc hấp dẫn khác nữa!

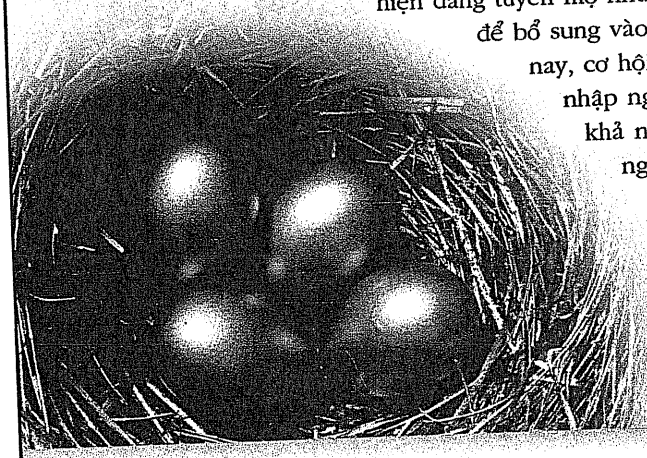

Còn chần chờ gì nữa?
Gọi ngay cho chúng tôi!

EOE M/F/D/V

NEW YORK LIFE INSURANCE COMPANY

Cung ứng bảo hiểm và những dịch vụ tài chánh khác

IRVINE
2020 S. Main St., Suite 200
Irvine, CA 92614 • (949) 797-2441

LONG BEACH
6700 E. Pacific Coast Hwy, Suite 180
Long Beach, CA 90803 • (562) 493-2571

POMONA
3201 Temple Ave., Suite 200
Pomona, CA 91768 • (909) 598-2333

BREA
3230 E. Imperial Hwy, Suite 100
Brea, CA 92621 • (714) 572-2100

LA PALMA
6 Centerpointe Dr., Suite 600
La Palma, CA 90623 • (714) 228-2779

NEW YORK LIFE
The Company You Keep.®

©2000 New York Life Insurance Company, 51 Madison Avenue, New York, New York 10010. All rights reserved

www.newyorklife.com

Sau sự thành công của những chương trình Video và DVD:
"Nước Non Ngàn Dặm Ra Đi",
"Chúng Ta Đi Mang Theo Quê Hương"...

Trân trọng giới thiệu một chương trình Video
Ca, Vũ, Nhạc mang đầy màu sắc quê hương dân tộc:

"BẾN CŨ trong lòng người đi
cũng như BẾN CŨ tại ngoại của một dòng sông,
một sân ga hay một phi trường lúc nào cũng là
đề tài phong phú cho văn chương âm nhạc."
Partir, c'est mourir un peu
Đi là chết trong lòng một ít
Edmond Haraucourt *(Rondelle De L'Adieu)*

Với sự góp mặt của:
KHÁNH LY - Ý LAN - NHƯ QUỲNH - LƯU BÍCH - THIÊN KIM
PHI NHUNG LOAN CHÂU - PHƯƠNG DIỄM HẠNH - HOÀNG LAN
TRÚC LAM - TRÚC LINH MỸ HUYỀN - LYNDA - TOMMY NGÔ
TUẤN NGỌC - THẾ SƠN - NGUYỄN HƯNG - TRƯỜNG VŨ
MẠNH QUỲNH - ĐẶNG TRƯỜNG PHÁT - ANH DŨNG
TƯỜNG NGUYÊN và ban nhạc THE LIBERTY BAND

Lời diễn đọc của
nhà văn **NGUYỄN NGỌC NGẠN** & ca sĩ **MỸ THÚY**

Trọn bộ 3 cuốn giá $30 luôn cước phí

Xin liên lạc: Trung Tâm **THÚY NGA**
MỸ & CANADA: P. O. Box 2174 Westminster, CA 92683 Tel: (714) 893-2860 / Fax: (714) 891-9673
ÂU CHÂU: 44 Ave., D'Ivry - 75013 - Paris FRANCE Tel: 01-45-83-23-41
ÚC CHÂU: 323 Chapel Rd., Bankstown - N.S.W 2200 - AUSTRALIA Tel: (02) 796-7227
Web Site: www.thuyngaonline.com / E-mail: thuynga@thuyngaonline.com

QUÀ TẶNG ĐẦY Ý NGHĨA

Một món quà tặng bạn bè, người thân mà suốt năm vẫn nhận được đều đều, suốt đời vẫn thưởng thức được, đó là **một năm báo THẾ KỶ 21.**

Nhân dịp đầu xuân, quý vị độc giả có thể tặng bất cứ ai một năm báo *Thế Kỷ 21* với giá đặc biệt, nếu người được tặng chưa phải độc giả dài hạn của TK 21.

PHIẾU TẶNG BÁO

Họ tên người tặng: .....

Họ tên người nhận: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: .....
Một năm báo *Thế Kỷ 21* (12 số) bắt đầu từ số .....
Giá đặc biệt: Bớt 10% so với giá bình thường.
Xin tham khảo nơi Phiếu Dài Hạn (Subscription Form) dưới đây.

TẠP CHÍ THẾ KỶ 21
CHÍNH TRỊ • VĂN HÓA • LỊCH SỬ

PHIẾU DÀI HẠN
SUBSCRIPTION FORM

Họ tên / *Full name:*..... *ĐT. / Phone:*.....
Địa chỉ / *Address:*.....
Tôi đặt mua **Thế Kỷ 21** / *I would like The Ky 21 delivered to me:*
□ 06 số / *issues* □ 12 số / *issues* □ 24 số / *issues* Bắt đầu từ số / *Starting from issue #*.....

Gửi Bulk Rate	□ 1 năm / 1 year US$50.00	□ 2 năm / 2 years US$90.00
Gửi First Class:	□ 1 năm / 1 year US$64.00	□ 2 năm / 2 years US$120.00
Gửi ngoài nước Mỹ (Air Mail) CANADA	□ 1 năm / 1 year US$68.00	□ 2 năm / 2 years US$130.00
ÂU CHÂU / *EUROPE*	□ 1 năm / 1 year US$90.00	□ 2 năm / 2 years US$170.00
Á, ÚC CHÂU / *ASIA & AUSTRALIA*	□ 1 năm / 1 year US$106.00	□ 2 năm / 2 years US$196.00

GHI CHÚ / *NOTES:*

(1) Giá biểu này có hiệu lực từ ngày 15 tháng Giêng 1998. / *Effective from January 15, 1998.*
(2) Ngân phiếu, hoặc lệnh phiếu, xin trả bằng Mỹ Kim, đề tên "THẾ KỶ 21." / *Checks, or money orders, in US funds, pay to "THE KY 21."*
(3) Giá biểu *bulk rate* chỉ dùng trong nước Mỹ mà thôi. Phải mất từ một tới ba tuần báo mới tới nơi. / *Bulk rate is good for US addresses only. It takes from one to three weeks to reach destination.*
(4) Nếu thay đổi địa chỉ, xin thông báo trước, và gửi kèm nhãn gửi báo. / *Please let us know in advance when you change address. Attach your label.*
(5) Số báo đầu tiên và số báo cuối cùng in trên nhãn gửi báo. / *The first and the last subscribed issues are printed on the label.*

11022 ACACIA PKWY #A, GARDEN GROVE CA 92840 USA. TEL. (714) 839-8746 FAX (714) 839-8215

"Đôi Mắt Là Cửa Sổ Của Tâm Hồn"

ThanhThảo đã được Bác Sĩ Michael Rose điều chỉnh thị giác bằng phương pháp LAZIK và nay đã có thị giác toàn hảo. Cuộc sống của Thanh Thảo đã có nhiều thay đổi tốt đẹp hơn từ ngày không còn bị lệ thuộc vào kính cận và contact lenses.

Nếu quý vị muốn có thị giác toàn hảo và khỏi phải lệ thuộc vào kính mắt hoặc contact lenses, xin hãy đến với những bác sĩ chuyên nghiệp. ***Bác sĩ Michael Rose*** và ***Bác sĩ Marc Rose*** là hai bác sĩ chuyên ngành về phương pháp ***LAZIK*** với trên 10 năm kinh nghiệm và đã hoàn tất trên 20,000 cuộc giải phẫu Laser và điều chỉnh thị giác. ***Bác sĩ Michael Rose*** là vị bác sĩ thứ nhì được chứng nhận được phép áp dụng phương pháp giải phẫu ***LAZIK*** tại miền Nam California.

SOUTH COAST LASER CENTER

3420 Bristol Street, Ste. 700
Costa Mesa, CA 92626
(714) 957-0272

ROSE EYE MEDICAL GROUP

3325 North Broadway
Los Angeles *(Lincoln Heights)*, CA 90031
Tel: 1-888-LASER-03

Để được tham khảo miễn phí, xin gọi:

(714) 957-0272

NỮ BÁC SĨ NHA KHOA
NGUYỄN THỊ NGỌC SƯƠNG

(714) 531-2773

GIỜ LÀM VIỆC:
Thứ Hai - Thứ Bảy:
10 AM - 7 PM
Chủ Nhật: nghỉ

*** CHUYÊN MÔN CHỮA RĂNG TRẺ EM TỪ 2 TUỔI TRỞ LÊN.**
*** HƯỚNG DẪN ĐÁNH RĂNG ĐÚNG CÁCH ĐỂ CHỮA BỆNH CHẢY MÁU NƯỚU RĂNG VÀ HÔI MIỆNG.**

** Tất cả dịch vụ nha khoa đều được thực hiện tỉ mỉ, thận trọng nên kết quả rất tốt đẹp.*
** Phòng Nha Khoa luôn luôn cố gắng chăm sóc chu đáo cho quý thân chủ được thực hiện tối đa những dịch vụ cho phép của Bảo Hiểm & Medi-Cal.*

NHA KHOA TỔNG QUÁT
** TRỊ BỆNH NƯỚU RĂNG*
** LÀM RĂNG GIẢ CÁC LOẠI*
*** NHA KHOA THẨM MỸ**
*** NHA KHOA NHI ĐỒNG**

SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP SÁT TRÙNG HỮU HIỆU ĐỂ NGĂN NGỪA TRUYỀN NHIỄM

14265 BROOKHURST ST., GARDEN GROVE, CA 92843
(Giữa Westminster & Hazard, bên cạnh nhà hàng Viễn Đông)

Thế hệ 1945
Thế hệ 1955
Thế hệ 1965
Thế hệ 1975...

Hãy tìm đọc những tâm tình thời của mình trong cuốn

THƠ TẠ KÝ

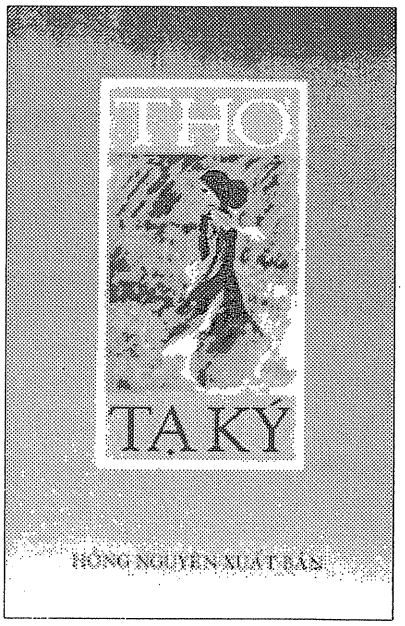

TẠ KÝ, giáo sư văn chương, nhà thơ đoạt Giải Thơ VNCH năm 1972, từ 22 năm qua đã nằm xuống tại đất Chợ Mới, An Giang. Chỉ mới gần đây phần Thể Phách của nhà thơ mới được cải táng tại Sài Gòn, và cho đến bây giờ, phần Tinh Anh mới được phục hồi với tập THƠ TẠ KÝ này.

HỒNG NGUYÊN xuất bản
Giá $10.00
Liên lạc: Tạ Thái
P.O. Box 1784 Garden Grove,
CA 92842-1784 - USA
E-mail: Tbutitry@aol.com

Nhà sách TỰ LỰC hân hạnh giới thiệu:

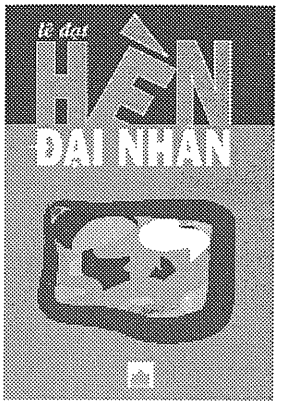

HÈN ĐẠI NHÂN

Tập truyện ngắn của LÊ ĐẠT
Người ta biết Lê Đạt là nhà thơ chống đối chế độ trong phong trào Nhân Văn Giai Phẩm, nhưng không biết Lê Đạt còn là nhà văn. Ông tự gọi mình là một *người làm thơ già*, nhưng lại là *một người viết văn trẻ*.
Tuổi Xanh xuất bản. Giá 12.00 mỹ kim.

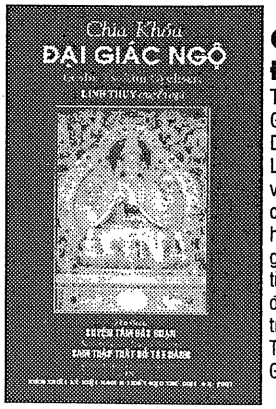

CHÌA KHÓA ĐẠI GIÁC NGỘ

Tác giả GESHE TSULTIM GYELTSEN.
Dịch giả LINH THỤY
Là một kết tập các yếu giải về hai kinh văn then chốt của Phật giáo Đại thừa. Cả hai kinh văn này được luận giải đầy đủ, và trình bày từng khúc nguyên bản theo đúng với truyền thống khẩu truyền. - Viện Triết Lý VN & Triết học Thế Giới xuất bản. Giá 12 mỹ kim.

THIỀN TRONG NGHỆ THUẬT BẮN CUNG

Tác giả EUGEN HERRIGEL. Dịch giả THÍCH VIÊN LÝ
"Kỹ xảo của môn bắn cung trở thành một nghệ thuật, và nếu mọi điều tiến triển tốt đẹp, nó sẽ đạt tới cảnh giới *"vô nghệ chi nghệ."* Xạ nghệ là phương pháp tu tập huyền bí, người thực hành không thể thành tựu được gì ở bên ngoài bằng cung tên, mà chỉ có thể thành tựu trong nội tâm, với chính bản thân..." Eugen Herrigel - Viện Triết Lý VN & Triết học Thế Giới xuất bản. Giá 8 mỹ kim.

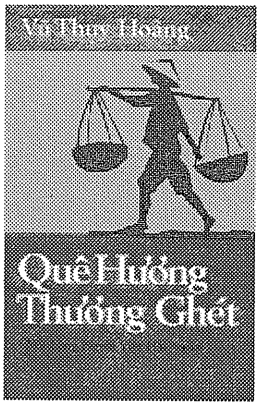

QUÊ HƯƠNG THƯƠNG GHÉT

Ký của VŨ THỤY HOÀNG
Cuốn sách về nỗi lòng người Việt hải ngoại, được viết một cách xác thực, sống động dựa trên những cuộc chuyện trò và phỏng vấn hàng trăm người rải rác từ 1075 cho tới nay.
VietNam Books xuất bản. Giá 20 mỹ kim.

THẬP VẠN ĐẠI SƠN VƯƠNG

Tiểu thuyết của HOÀNG LY
Là một tiểu thuyết phiêu lưu võ hiệp kỳ tình cực kỳ hấp dẫn lấy bối cảnh miền thượng du Bắc Việt thời pháp thuộc.
Việt Nam Press xuất bản.
Giá trọn bộ hai cuốn 24 mỹ kim.

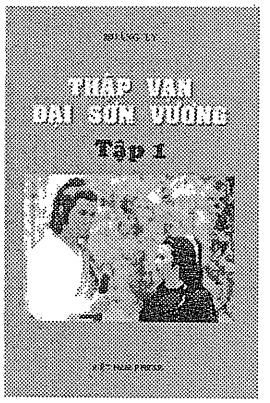

ĐIÊN

Tập truyện của HOÀNG LIÊN
"Văn chương của ông là tầm nhìn thoáng rộng, và chúng ta kinh ngạc với sự độ lượng vô biên ông dành cho cuộc đời."
Mõ Làng xuất bản. Giá 14 mỹ kim.

NUÔI TRỒNG HOA LAN

Sách dạy trồng hoa
của ĐẶNG QUÂN
Chỉ dạy tỉ mỉ mọi cách nuôi trồng đủ loại hoa lan, với đầy đủ hình vẽ. Một tài liệu rất tốt giúp những ai muốn trồng lan tại nhà.
VietNam Press xuất bản.
Giá 10 mỹ kim.

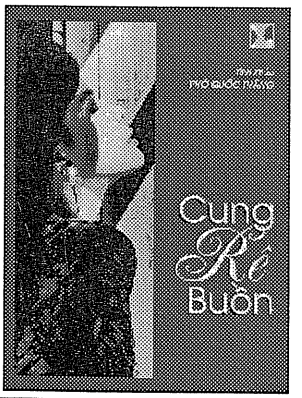

CUNG RÊ BUỒN

Tình khúc
PHÓ QUỐC THĂNG
Gồm 27 bản nhạc tình của một nhạc sĩ có tiếng từng là trưởng ban nhạc Lửa Hồng đài phát thanh Quốc gia và Quân đội, Sài Gòn; trưởng ban Nhạc Vàng đài Truyền Hình Việt Nam, Sài Gòn...
Tự Lực xuất bản
& phát hành.
Giá 12 mỹ kim.

Nhà sách TỰ LỰC, 14318 Brookhurst St.
Garden Grove CA 92843 - USA. Tel: (714) 531-5290
www.tuluc.com

MỪNG SINH NHẬT ĐỆ LỤC CHU NIÊN VNCR

Tròn sáu năm góp tiếng nói với cộng đồng người Việt tại Nam California
VNCR rất mong gặp quý vị trong buổi Dạ Tiệc

7:00 PM - 11:00 PM - Friday, June 29, 2001
tại Nhà Hàng Seafood Paracel
15583 Brookhurst Street, Westminster, CA 92683

Vui tươi, nhộn nhịp, hào hứng với sự góp mặt của các ca nhạc sĩ nổi tiếng
Lệ Thu, Quang Tuấn, Nguyên Khang, Xuân Quang, Phương Hạnh,
Hoàng Trọng Bách, Khánh Lan, Lucie Hoàng, Hoàng Trọng Thụy,
Vương Hương, Luân Vũ,... và phần xổ số với nhiều tặng phẩm giá trị.
Giá vé: **$30.00**
Mọi chi tiết xin liên lạc **cô Phan Mỹ Sương,**

Kính mời quý độc giả đón đọc

KỶ YẾU VNCR 2001 - 2002

Phát hành vào cuối tháng Sáu 2001
nhân dịp kỷ niệm Đệ Lục Chu Niên VNCR

KỶ YẾU VNCR 2001-2002 là một tuyển tập chuyên đề về phát thanh Việt ngữ duy nhất trong lịch sử báo chí Việt Nam tại hải ngoại, với những bài vở của nhiều cây viết tên tuổi trong làng văn, làng báo.

KỶ YẾU VNCR 2001 - 2002 là một bản tường trình đầy đủ về các sự kiện nổi bật trong năm nhìn lại qua lăng kính của VNCR cũng như các đài phát thanh Việt ngữ hiện có ở các nơi trên thế giới.

KỶ YẾU VNCR 2001 - 2002 đặc biệt chuyên chở nhiều bài viết xoay quanh đề tài "văn nghệ trong truyền thanh."

Ngày phát hành chính hành chính thức KỶ YẾU VNCR 2001 - 2002 sẽ là:
Thứ Sáu 29 tháng Sáu 2001
Trong buổi Dạ Tiệc Kỷ Niệm
Đệ Lục Chu Niên VNCR tổ chức vào hồi 7:00 tối
Thứ Sáu 29 tháng 6 năm 2001, tại PARACEL SEAFOOD RESTAURANT

Mọi liên lạc về quảng cáo trên **KỶ YẾU VNCR**
Xin gọi **cô PHAN MỸ SƯƠNG:**
11022 Acacia Parkway, Suite A, Garden Grove, CA 92840
ĐT: (714) 534-9430, 534-9431, 534-9432
Fax: (714) 534-9433 * Email: vncr @pacbell.net
Giá 5 mỹ kim
Quý vị ở xa muốn có KỶ YẾU VNCR 2001-2002 xin gửi họ, tên, địa chỉ, kèm theo $7.00 bưu phí, phí tổn đóng gói, chúng tôi sẻ gửi kỷ yếu đến quý vị bằng Priority Mail.

TẠP CHÍ
THẾ KỶ 21
CHÍNH TRỊ • VĂN HỌC • LỊCH SỬ

Tạp chí ra hàng tháng
Cty Người Việt sáng lập (1989)
Hội VAALA bảo trợ

11022 Acacia Parkway #A
Garden Grove CA 92840 USA
Tel: (714) 839-8746
E-mail: **theky21@kicon.com**
Web: **http://kicon.com/theky21**

Hội Đồng Quản Trị:
Đỗ Quý Toàn, Đỗ Ngọc Yến,
Hà Tường Cát, Hoàng Ngọc Tuệ,
Lý Văn Chương, Ngô Mạnh Thu,
Nguyễn Phước Quan,
Phạm Phú Minh, Phạm Quốc Bảo,
Tống Hoảng, Trần Văn Ngô.

Chủ nhiệm:
Đỗ Ngọc Yến (1989-91)
Lê Đình Điểu (1991-96)
Phạm Phú Minh (1997-2001)
Hoàng Ngọc Tuệ (2001-)

Chủ bút:
Vương Hữu Bột (1989-2001)
Phạm Phú Minh (2001-)

Bài cho Thế Kỷ 21, xin gửi bằng e-mail, bằng đĩa (có kèm bản in), hoặc bài viết trên một mặt giấy. Bài gửi cho nhiều báo xin ghi rõ để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng, không trả lại bản thảo. Tòa soạn nhuận sắc, nếu cần. Bài đăng trên Thế Kỷ 21 không nhất thiết phản ánh quan điểm của nhóm Chủ trương. Trích đăng bài của Thế Kỷ 21 phải có sự đồng ý của tòa soạn, và ghi rõ ở đầu hoặc cuối bài: Trích Thế Kỷ 21.

Trị sự:
Phan Mỹ Sương
Ngân phiếu đề: THE KY 21

Đại diện phát hành:
Bắc Cali: *Bùi Duy Thuyết*
(408) 225-2199
Đông HK: *Nguyễn Văn Khanh*
(703) 379-8976
Pháp: *Lê Tất Luyện:* 01 45 83 19 12
Ph. Thu Hương: 01 39 84 00 84
Hòa Lan: *Nguyễn Quyết Thắng*
0229 231 666
Đức: *Nguyễn Phi Hùng*
02371 43 9238
Canada: *Hoàng Chiều Nhân*
(450) 466-0895
Western Australia: *Bình Anson*
(61-8) 9448-0637

ISSN 1056-4640

Hình bìa: *Chân dung chàng Du ca* của họa sĩ **Nguyễn Đình Thuần**, sơn dầu, 39" x 39". 1998
Trình bày bìa: **Nguyễn Đồng** và **Nguyễn Thị Hợp**
Minh họa: **Nguyễn Thị Hợp, Ngọc Dũng, Thái Tuấn, Vũ Thái Hòa, Đinh Cường**
Hí họa: **Babui, Etcetera**
Ảnh: **Anh Thành, Hạo Nhiên**, tư liệu

MỤC LỤC

Số 146 . Tháng Sáu 2001

THỜI SỰ - CHÍNH TRỊ - KINH TẾ
17 Trận tuyến mới đã hình thành - **Đoàn Viết Hoạt**
19 Tai nạn trên không và căng thẳng Mỹ-Hoa - **Nguyễn Mạnh Hùng**
25 Quan niệm của người Việt Nam xưa về không gian sinh tồn... - **Nguyễn Văn Huy**
30 Toàn cầu hóa và trật tự thế giới mới - **Lưu Văn Vịnh**
41 Tọa đàm kinh tế tại Hà Nội - **Xuân Quang**

TRIẾT HỌC - NGHỆ THUẬT
36 Một nhận xét tâm lý về Tham-Sân-Si - **Nguyễn Hữu Chi**
59 Buồn bã với những môi hôn - **Cao Huy Thuần**
73 Con số Một trong ngôn ngữ, văn tự và văn chương thi phú VN - **Lê Văn Lân**
101 Bình minh của luật pháp truyện minh họa - **Nguyễn Văn Thành**

ĐỌC SÁCH
85 "Tổ Quốc Ăn Năn" tiếng nói của một người không phải đạo - **Từ Thức**
97 Một mơ ước, một bi kịch - **Vũ Quý Hạo Nhiên**

VĂN
64 Người yêu của nó - **Đỗ Hậu**
81 Áo gấm về làng - **Trần Yên Hòa**
94 Bướm đêm - **Cổ Ngư**
106 Quê hương và một cõi đi về - **Nguyễn Văn Tuấn**

THƠ
62. Chóng vánh, Có - **Hạo Nhiên. 67.** Nhanh nhanh lên - **Đạm Thạch. 75.** Champaka! - **Trần Hồng Châu. 79.** Chiều kiễng chân nhìn: tôi đi qua, Em lửa ngọn: tàn tro đời sống, khác - **Du Tử Lê. 83.** Lùa trâu ăn cỏ - **Đynh Trầm Ca. 87.** Trời mưa rớt hột - **Lê Phụng An. 96.** Có một ngày tôi về - **Võ Đình Tuyết. 105.** Lòng tôi - **Sương Mai. 109.** Dòng sông về biển - **Nguyễn Ngọc Bội.**

MỤC THƯỜNG LỆ
8 Bạn đọc viết
11 Tòa soạn và Bạn đọc - **Phạm Phú Minh**
11 Thư Trị sự - **Phan Mỹ Sương**
12 Tin Việt Nam
44 Sổ tay - **Vương Hữu Bột**
51 Đời sống quanh ta - **Thanh Thảo, Trần Quán Niệm, Thành Thạo**
112 Chân trời VHNT - **Anh Thành, Tâm Như**
116 Sách báo trong tháng - **Phạm Xuân Đài**

Không biết ai cần ăn năn

Sau khi đọc qua bài phỏng vấn và các bài giới thiệu cuốn Tổ Quốc Ăn Năn của Nguyễn Gia Kiểng, tôi có vài nhận xét sau:

1. **Mặc cảm tự ti của tác giả đối với người phương Tây quá lớn.** Ông cho rằng "tài liệu của những người phương Tây có mặt tại việt Nam lúc đó đặc biệt có giá trị vì trước hết là họ khách quan." Thực ra vào cuối thế kỷ 18, sự hiểu biết giữa Đông Tây gần như là con số không, hai bên vừa ngờ vực vừa khinh ghét lẫn nhau. Vì có súng đạn mạnh hơn, người Âu châu đã chiến thắng dễ dàng nhiều nơi cho nên họ rất tự cao tự đại. Tuy nhiên, không phải vì thế mà họ có thể dùng một trăm quân để đánh bại Nguyễn Huệ, theo như lời khoác lác của Chapman. Ông Kiểng đã tin mù quáng vào lời nói khoác này vì Chapman được phong huân tước, và còn là vì ông ta có cháu là Lawrence of Arabia, "cuộc đời đã được đưa lên màn ảnh trong một cuốn phim được bảy giải Oscar"! Nếu suy nghĩ kiểu này, thì ông nội của Bush (bố) chắc phải là người cực kỳ khôn ngoan nói đâu trúng đó, vì cả cháu và chắt của ông đều làm Tổng thống Mỹ!

Nếu chúng ta tham khảo tài liệu quân sự của những chuyên gia lỗi lạc nhất Âu châu như Maurice de Saxe, Jomini, Clausewitz, chúng ta sẽ thấy rằng họ chỉ chuyên về chiến tranh quy ước (conventional warfare) nhưng không hiểu biết gì về chiến tranh nhân dân và du kích chiến. Ngay cả những chuyên gia quân sự này cũng không có khả năng nhìn được tiềm năng của quân Việt Nam, huống chi là một số giáo sĩ và thương nhân Tây phương! Thời nhà Nguyễn, Việt Nam sở dĩ thua Pháp nhanh chóng vì triều đình Huế thiếu tầm nhìn chiến lược, Kinh đô Huế rất dễ bị tấn công bằng đường biển, mà hải quân Việt Nam không đủ mạnh để bảo vệ. Người Việt Nam chỉ sở trường đánh du kích trên bộ, mà vua quan nhà Nguyễn quá chủ quan, không hề dự phòng một nơi để rút lui một khi kinh đô thất thủ (Trần Hưng Đạo trước đó đã chuẩn bị sẵn để rút về Thanh Hóa kháng chiến, dù Thăng Long có thất thủ cũng không sao). Đó là một trong những lý do chính đã khiến cả nước Việt Nam thua nhục nhã trước vài ngàn quân Pháp và vài chiếc tàu chiến. Tuy nhiên, thắng bại là lẽ thường của binh gia. Thua keo này bày keo khác, chẳng có lý do gì phải nuôi dưỡng mặc cảm tự ti để nghĩ rằng tổ quốc Việt Nam cần "ăn năn sám hối."

2. **Ông Kiểng không hiểu biết gì (hoặc là không muốn chấp nhận) luật chơi chính trị thời phong kiến.** Vào thời đó, lưu manh có thể làm Hoàng Đế, nhưng trí thức chỉ làm được đến Tể Tướng là cùng. Dù ở Đông hay Tây, quy luật chung vẫn là "vô độc bất trượng phu." Machiavelli có nhận xét rằng nhiều người khen tài cầm quân của Hannibal nhưng lại chê ông ta độc ác - họ không biết rằng muốn làm danh tướng thì không thể không độc ác được. Còn như Nguyễn Huệ, nếu hiền lành thì chắc chỉ làm thày giáo làng quê, làm sao nên sự nghiệp anh hùng!

3. **Nhận thức về tương quan nhân quả (causal relations) của ông Kiểng đa số là vô căn cứ.** Thật ra đây là một vấn đề khó khăn tế nhị, ngay cả những học giả thông minh uyên bác nhất cũng có thể sai lầm. Nhưng những sai lầm của ông Kiểng thì khó có thể chấp nhận đối với một trí thức. Thí dụ như ông cho rằng "Đinh Tiên Hoàng đã ảnh hưởng rất tai hại trên tâm lý chính trị Việt Nam: Ông đã đem sự hung bạo vào chính trị VN, trước đó nước ta là một nước Phật giáo lấy sự hiền hòa làm cách cư xử." (?) Thật ra Phật giáo ở nước ta chỉ phát triển mạnh trong triều đại nhà Lý sau đó, còn Đinh Tiên Hoàng chỉ là một sứ quân chiến thắng, làm vua chẳng bao lâu thì bị ám sát chết, không để lại dấu ấn gì trong lịch sử Việt Nam.

Tóm lại, chúng ta có thể đọc Tổ Quốc Ăn Năn để biết về con người và những giới hạn của ông Kiểng. Nhưng thật tội nghiệp cho nước VN nếu giới trẻ hải ngoại muốn tìm hiểu về VN mà tham khảo những cuốn sách loại này.

Phạm Ngọc Khôi
(Montreal, Canada)

CHỈ ĐỂ ĐỚP

Kịch 1 Hồi 1 Cảnh
Người soạn: Dâng Oai

Phòng làm việc ở nhà riêng. Sau cơm tối. Chàng ngồi trước PC, ghế xoay ngang, tờ tạp chí trên đùi. Ngẩng mặt nhìn ra cửa, chàng gọi:

"Mật ơi, vô coi này! Lớn chuyện rồi."

Tiếng đáp thanh tao:

"Chi đó! Đợi chút. Em bồng con lên rồi vô. Đến giờ cho con bú rồi."

Nàng bồng con vô phòng. Đứa nhỏ tóc còn rất thưa đang rúc mặt vào ngực mẹ.

"Chuyện chi mà lớn, anh?"

"Em nhớ cái truyện ngắn mình đọc tháng trước rồi tháng sau có người phản đối kịch liệt đó."

Nàng thận trọng ngồi xuống ghế bành:

"A, truyện ngắn mà anh đoán chừng người viết là một ông thày tu xuất ..."

"Đúng đó. Bây giờ tòa soạn báo binh ông ấy... cũng binh kịch liệt."

"Đâu có binh được...(vừa nói vừa vén áo ngực trong khi đứa con nhỏ càng háo hức rúc). Đặt cái tựa đề như thế, phụ nữ ai mà không mích lòng..."

Nàng cúi xuống rỡn với con trong khi đứa nhỏ cong cặp môi cuống quýt tìm nguồn sống. Màn buông chậm chậm trong khi nàng nựng con:

"Âu! Có đúng thế không! Âu, con chim nhỏ của mẹ. Con cũng phải phản đối chớ. Âu, không phải để nhìn đâu. Âu, chỉ để đớp thôi..."

Một, tháng Tư, Không Một

Thêm ý kiến về "Sông cạn đá mòn"

Thế Kỷ 21 số May 2001 có đăng thư đính chính của Ông Nguyễn Gia Kiểng (Bạn Đọc Viết), trong đó ông giải thích thêm về câu "... sông có thể cạn, núi có thể mòn..." của Hồ Chí Minh. Ông Kiểng giữ vững lập trường của ông là, theo ông, Hồ Chí Minh khi nói câu này đã để lộ ý "bất chấp sự tàn phá non sông, chỉ cốt đạt mục đích." Và ông Kiểng dẫn thêm để chứng minh lập trường của ông, câu nói tiếp theo của Hồ Chí Minh "... Mỹ có thể gia tăng ném bom tiêu diệt thành phố... nhưng không lay chuyển được..."

Không phải tôi binh vực ông Hồ (vì ông này nổi tiếng về tàn phá non sông, thì ai cũng biết rồi). Nhưng câu nói "sông có thể cạn, núi có thể mòn" là một câu nói dân gian, chẳng phải chỉ dùng trong sự thề thốt lãng mạn, mà còn dùng để nhấn mạnh (và một cách văn hoa), trong tất cả các trường hợp muốn nói lên một sự việc gì "bất biến với thời gian." Với thời gian, sông núi có thể cạn mòn, nhưng sự việc muốn ám chỉ thì không thay đổi. Tôi nghĩ trong trường hợp này, ông Hồ muốn diễn tả quyết tâm "thống nhất" VN của ông, là không thay đổi với thời gian. Ý của ông Hồ trong câu nói dân gian này, không mang ý nghĩa ông Hồ bất chấp sự tàn phá non sông. Còn ý trong câu ông Hồ nói tiếp theo, là lại thêm một ý khác nữa.

Tôi chưa được hân hạnh đọc cuốn Tổ Quốc Ăn Năn của ông Nguyễn Gia Kiểng. Nhưng tôi trộm nghĩ, một câu nói dân gian mà ông Kiểng giải thích như vậy, thì khi ông phê phán khá gắt gao những điều hệ trọng hơn nhiều, như Văn Hóa Lịch Sử, Đạo Giáo Khổng Mạnh, chắc sẽ khiến tôi phải suy nghĩ, thận trọng nhiều lắm.

Nguyễn Gia Tiến *(Thụy Sĩ)*

Việt kiều Mỹ

Tôi đọc bài "Người Mỹ Tự Hào" của tác giả Hoàng Ngọc Lễ (*Thế Kỷ 21* số 145), cảm thấy thích thú vì ông ta đã vạch trần được bộ mặt thật của một số người Việt sống ở Mỹ một cách hết sức dí dỏm.

Tôi đến Mỹ từ năm 1975 và cũng đã từng gặp nhiều loại Việt kiều Mỹ như vậy đó! Còn hơn như thế nữa kia! Ước gì ông Hoàng Ngọc Lễ còn khui thêm những truyện khác để cho bà con đọc cho sướng và để từ đó mấy ông Việt kiều Mỹ bớt kiêu ngạo.

Tran Da Quyen
(Houston, TX)

Hay đấy

(Vấn về truyện Người Mỹ Tự Hào)

Có ông Mít nào mà dỏm thế! Cá nhân tôi cũng đã từng thấy nhiều ông cao ngạo như vậy rồi đấy! Ếch ngồi đáy giếng, chả biết gì mà vẫn coi thiên hạ bằng vung.

Có những ông Mít bên này đi làm cu li, làm bồi cho nhà hàng mà về Việt Nam xưng mình là thương gia, kỹ sư...

Có nhiều ông còn giả bộ quên tiếng Việt, mở miệng ra nói toàn những câu tiếng Mỹ mà ở Mỹ có dùng để hỏi đường, người Mỹ "thứ thiệt" cũng không hiểu.

Ông nhà báo của *Thế Kỷ 21* viết ra được điều này đọc thấy xấu hổ làm sao ấy, nhưng mà hay đấy! Cám ơn ông Thế Kỷ đã cho đọc cái truyện buồn cười.

Dinh Ba Que *(Internet)*

Nguyên nhân của "hận thù vô lý"

Đọc bức thư *Báo chí hải ngoại "quá yếu kém và hận thù"* của ông Nguyễn Gia Tiến trên mục Bạn Đọc Viết báo Thế Kỷ 21 số 145, tôi xin có vài ý kiến.

Trước hết từ "bốc thơm" mà tác giả dùng, trong câu: *Trong đoạn đầu của bài viết, tác giả "bốc thơm" tờ TK 21, và một tờ nữa ở Canada...* Theo hiểu biết của tôi, "bốc thơm" là một lối nói nặng vẻ đùa cợt, để chỉ một sự khen ngợi quá đáng, thường có tính cách nịnh bợ. Trong thảo luận đứng đắn người ta không dùng tiếng này. Đọc lại bài được trích dẫn của ông Nguyễn Văn Tuấn (Năm Con

Rắn Và Thế Kỷ 21, đăng trong TK 21 số 142), tôi thấy lối viết của ông Tuấn hoàn toàn nghiêm túc, điều này đòi hỏi người đối thoại nên có một thái độ tương tự. Nếu coi đây là một thảo luận đứng đắn thì tôi thấy lối dùng chữ thiếu tử tế như thế là không phù hợp.

Ý thứ nhì là về sự chỉ trích của ông Tiến về câu *"Có nhiều tờ báo lấy tin từ VN, rồi thêm thắt, soạn lại với những lời lẽ nặng nề cảm tính, xúc động, lờ đi sự thật để nuôi dưỡng những hận thù vô lý"* rút ra từ bài của ông Tuấn. Thay vì có ý kiến về cách loan tin của một số báo Việt Nam như ông Tuấn mô tả là đúng hay sai, ông Tiến bắt bẻ ông Tuấn ở một điểm khác:

... Và mặc dù trong câu này, ông Tuấn không nêu rõ "hận thù vô lý" đối với ai, mọi người cũng đều hiểu là hận thù đối với chế độ CS, chứ không ai kém thông minh đến độ nghĩ là hận thù "dân."

Và ông tiếp tục lý luận để cho người đọc thấy rằng *"ông Tuấn muốn gửi thông điệp: 'Đừng nuôi dưỡng những hận thù vô lý với chế độ Cộng sản, vì ở VN có những cái tốt.' Thông điệp này gây cho ta một cảm giác quen quen, như đã nghe qua, khi đọc báo chí của 'nhà nước' VN."*

Tôi thấy từ một câu văn trích, ông Tiến đã đi quá xa. Khi trích một câu, trước hết ta hãy hiểu thật rõ câu ấy nói gì đã, và nếu cần, đặt câu đó trong văn cảnh của toàn bài để hiểu cho thấu đáo hơn. Câu của ông Tuấn có hai ý liên hệ nhân quả rất rõ ràng:

1. Sự thêm thắt, soạn lại những tin lấy từ VN "với những lời lẽ nặng nề cảm tính, xúc động lờ đi sự thật"

2. (Những tin như thế sẽ) "nuôi dưỡng những hận thù vô lý."

Theo mạch văn, "hận thù vô lý" ở đây rõ ràng là hận thù gây ra bởi những gì không đúng sự thật, những gì bị xuyên tạc, bóp méo một cách cố ý. Ý nghĩa của câu văn tưởng đã rất sáng sủa: bởi có cái này nên mới sinh ra cái kia. Hãy để ý chữ "vô lý," tại sao lại vô lý? Nếu những tin VN ấy là đúng sự thật và gây hận thù thì đó là hận thù "có lý," còn nếu đã bị cố tình bóp méo sai sự thật thì sự hận thù do nó gây ra là hận thù "vô lý."

Thật ra nếu đừng bị bới bèo ra bọ thì bài của tác giả Nguyễn Văn Tuấn rõ ràng muốn nói về một việc rất tích cực, đó là sự đứng đắn của báo chí. *Thế nào là báo "nghiêm trang"? Theo tôi đó là tờ báo giữ đúng lề lối, đạo đức nghề nghiệp, và tôn trọng sự thật, được biểu hiện qua hành động và thái độ.* Quan niệm như thế mới là thái độ chống cộng đích thực (nếu muốn nói về việc chống cộng hay không chống cộng), vì phẩm chất báo chí như ông Tuấn vừa nêu Cộng sản không những hoàn toàn không có, mà còn rất sợ hãi. Còn tự gọi là chống cộng mà lúc nào cũng sẵn sàng "thêm thắt, soạn lại, bóp méo sự thật" thì xin lỗi, Cộng sản là tổ sư của cái trò đó, chúng ta có bắt chước cũng chưa đáng là học trò của họ đâu, chưa kể làm thế thì tự mình sẽ đánh mất cái chính nghĩa của mình đi.

Kim Hùng
(Chino Hills, CA)

Đâu là sự thật?

Tôi có đọc trên Internet bức thư của Hoàng Phủ Ngọc Tường cải chính về một đoạn trong bài nói của Trịnh Cung trong buổi tưởng niệm Trịnh Công Sơn tại California ngày 3 tháng Tư 2001, mà *Thế Kỷ 21* có đăng lại trên số báo 145 vừa qua. Ông Tường cải chính về điều ông Trịnh Cung nói *Chính Sơn kể cho tôi nghe, Hoàng Phủ Ngọc Tường không đồng ý bài đó, nói phải làm lại vì chưa thành thật ... Sơn đã đóng cửa nhà mình, không tiếp Hoàng Phủ Ngọc Tường trong nhiều năm.* "Bài đó" là *bài thu hoạch*, một loại tự kiểm điểm nhận những tội lỗi của mình đối với chế độ cộng sản.

Ông Tường phủ nhận những chuyện đó. Ông nói thời đó ông không có nhiệm vụ quyết định những việc như Trịnh Cung nói, và tình bạn giữa ông và Trịnh Công Sơn trước sau vẫn không suy suyển gì.

Họ là bạn bè của nhau, ngay cả những chuyện của chính họ mà nay mới một người nằm xuống mà đã có những điều không biết đâu là sự thật. Chuyện này khiến tôi nhớ tới phim La Sanh Môn của Nhật Bản mà tôi coi đã lâu, một vụ án mạng mà năm "nhân chứng" mỗi người thuật lại một kiểu không ai giống ai. Thế mới biết truy tầm cho ra sự thật là chuyện gay go lắm vậy. Dù bây giờ ông Trịnh Cung và ông Hoàng Phủ Ngọc Tường vẫn còn đó, sự thật về chuyện này chắc cũng không bao giờ biết được, trừ khi Trịnh Công Sơn sống dậy... Chúng ta, những người ngoài, (mà lại ở ngoài nước nữa, tức là ngoài đến hai lần), thì chỉ còn cách là tin hay không tin ai mà thôi.

Lâm Đình Tuyết *(Internet)*

Công bằng

Số Thế Kỷ 21 số 145 vừa qua, những bài tưởng niệm Trịnh Công Sơn đều ca ngợi nhà nhạc sĩ tài hoa khía cạnh này hay khía cạnh khác, nhưng nếu tinh ý người ta sẽ

thấy có một bài "lên án" họ Trịnh nặng nề, mặc dù viết ở dạng hư cấu. Tôi không tin tòa soạn không nhận thấy ẩn ý này khi chọn đăng truyện ngắn Tặng Vật của tác giả Nguyễn Văn Thà. Và tôi cũng chắc nhiều độc giả khác cũng nhận ra như tôi nhân vật Đỗ Công San trong truyện không ai khác hơn là Trịnh Công Sơn.

Truyện Tặng Vật vừa mang tính chất hiện thực vừa như truyện giả tưởng, cho người đọc cái cảm giác hư hư thực thực. Hình ảnh nhạc sĩ họ Trịnh hiện ra trong cõi nửa thực nửa hư ấy. Ấy là một dụng ý khá tài tình của tác giả, để nói lên chủ đề chống đối cái hoa mỹ của ngôn từ, mà theo tác giả, nó đã mang lại tai họa cho bao nhiêu người. Nhưng đồng hóa cái *rhétorique* trong các phong trào cách mạng và chính trị với ngôn ngữ thuần túy nghệ thuật của Trịnh Công Sơn tôi cho là một điều không ổn. Tính chất hùng biện của các khẩu hiệu có thể lừa dối người ta, nhưng cái đẹp của ngôn ngữ nghệ thuật thì không bao giờ, nó chỉ làm phong phú tâm hồn chúng ta, bây giờ và mãi mãi. Chúng ta không thể vì sự kiện miền Nam bị thua trận mà "kết tội" ngôn ngữ Trịnh Công Sơn và đổ sự giận dữ lên người nhạc sĩ tài hoa ấy. Công bằng phải là đạo người ta ở đời!

Trịnh Như Lê *(Seattle WA)*

Tháng qua Tòa soạn nhận được bài vở của những tác giả sau:

Sương Mai, Trần Công Sung, Nguyễn Lê Hồng Hưng, Hồng Khắc Kim Mai, Nguyễn Văn Thành, Tiêu Dao, Anh Thư, Trịnh Nhật, Võ Đình Tuyết, Vũ Quý Hạo Nhiên, Trần Gia Phụng, Trần Hồng Châu, Lâm Vĩnh Quới, Hoàng Đống, Nguyễn Đạt, Đỗ Hậu, Lê Khánh Hoàng, Nguyễn Văn Cường, Trần Huy Sao, Đạm Thạch, Nguyễn Gia Tiến, Ngô Nguyên Dũng, Nguyễn Văn Thà.

Đính chính:

* Truyện Đôi Mắt Vời Trông, *Thế Kỷ 21* số 144, trang 74, xin sửa lại nhan đề là: Đôi Mắt Vời Trông.

* Bài Trịnh Công Sơn và Chiến Tranh, Thế Kỷ 21 số 145, trang 70, cột 2, câu trích bài Trương Chi của Văn Cao "Ngồi đây ta gõ mạn thuyền," xin đọc: Ngồi đây ta gõ **ván** thuyền.

Xin cáo lỗi cùng các tác giả và quý độc giả.

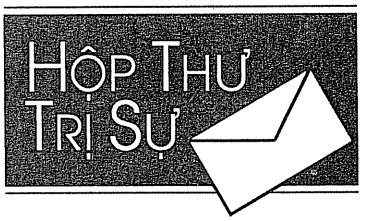

Độc giả mới và độc giả gia hạn

Nguyen Ngoc Hoang (GREECE), Tran Cong Phung (Lancaster PA), Hoang Huu (San Jose), Nguyen Ket (Dorchester MA), Hung Phan (University Place WA), Tran Tuan Anh (San Francisco CA), Bui Van Vinh (Anaheim CA), Nguyen Thanh Trang (San Diego CA), Nguyen Anh (Highland CA), Nguyen Huu Hong (Grand Prairie TX), Pham Thi Hoan (FRANCE), Phuong Chan Thi Tran (San Jose CA), Nghi Van Nguyen, M.D (Tarentum PA), Dau Thi Le (Virginia Beach VA), Nguyen Van Trung (Anmandale VA), Pham Thi Hao (Arlington VA), Nguyen Duc Ban (Oaklawn IL), Do Van Nhan (Nashua NH), Phung H. Le (North Quincy MA), Le Van Duc (Ontario CA), Bonnyrigg High School (AUSTRALIA), DR. Nguyen Tan Si (Westminster CA), Chan K. Nguyen DDS (San Diego CA), DR. Nguyen Huu Chi (CANADA), An Ha Chau (Richardson TX), Do Hong Chuc (Laguna Hills CA), Tran Thi Than (Australia), Dr. Bui Trong Cuong (Australia), Dr. Khai Manh Nguyen (CANADA), Hai Duong (CANADA), Phan Thanh Tam (Shoreview MN), Le Chi Toai (West Hartford CT), Nguyen Kim Ngoc (White Plains NY), Phan Tan Trinh (Garland TX), Thi Pham (Pittsburgh PA), Pham Van Thong (Harvey LA), Tran Vu Huyen (Montclair CA), Tony Truong (Santa Rosa CA), Loc Vu (San Jose CA), Mien Thuy (HOLLAND), Minh Vu (Watterloo IA), Tran Dinh Tuong (AUSTRALIA), Vu Van Thanh (GERMANY), Đuong Nguyen (San Jose CA).

Độc giả thay đổi địa chỉ

Quynh Loan Pham (Columbia Heigh MN), Phan Manh Luong (Fountain Valley CA), Le Van Duc (Ontario CA), Ngoc Tu h. Vu (Quincy MA), Loc Vu (San Jose CA), Nguyen Du Khiem (Manshester NH), Minh T Ha (Stockton CA).●

Làm láo, báo cáo hay: bệnh kinh niên

HÀ NỘI 25-5 (NV).- Tại sao 26 năm sau khi nuốt được miền Nam Việt Nam, dưới sự thống trị của Cộng Sản, nước ta vẫn là một trong những nước nghèo khổ nhất, lạc hậu nhất, tham nhũng nhất thế giới?

Câu trả lời nằm ngay trong các buổi họp của quốc hội bù nhìn Hà Nội mà giới truyền thông quốc tế gọi là cơ chế "rubber stamp" của chế độ (QH rập khuôn theo chỉ thị).

Quốc hội CSVN bắt đầu họp từ ngày 22-5-01 nghe Nguyễn Tấn Dũng, phó thủ tướng CSVN, cũng như các thành viên khác trong chính phủ đọc các báo cáo thành tích và đưa ra "sáu biện pháp cấp bách giải quyết các vấn đề bức xúc."

Vì là một cơ chế bù nhìn, chỉ được đưa ý kiến để cãi qua bàn lại cho có vẻ dân chủ (tất cả đại biểu quốc hội đều là đảng viên cao cấp của CSVN, đại diện cho 2.5 triệu đảng viên, chứ không đại diện cho 76 triệu người dân trên cả nước), mọi quyết định đều đi ra từ Ban Bí Thư (từ mới thay cho Bộ Chính Trị tức cơ quan quyền lực cao nhất của chế độ nằm dưới sự điều động của tổng bí thư).

Tuy vậy, những lời phàn nàn bên lề cho thấy nhiều đảng viên thấy mình bất lực trước cung cách điều hành guồng máy chính trị kinh tế của các thượng cấp của họ.

Nguyễn Thiết Hùng, đại diện tỉnh Khánh Hòa, than với báo Lao Động rằng, để các địa phương "vượt chỉ tiêu" các kế hoạch được giao phó, họ phải "xin" và được giao chỉ tiêu thấp, rồi cuối cùng, báo cáo với con số cao hơn chỉ tiêu để được khen ngợi là "vượt chỉ tiêu" và tránh được các rắc rối.

Một dẫn chứng được đưa ra: bộ Tài Chính, năm 2000 ước thu 81,000 tỉ đồng tiền thuế. Kế hoạch đề ra là phải thu 86,000 tỉ, nhưng con số thực thu là tới 89,000 tỉ. Một khoảng cách quá xa giữa các con số dự thu và thực thu mà Nguyễn Thiết Hùng nói hậu quả của cơ chế "xin cho" phổ biến trong các cơ quan công quyền của chế độ.

Nguyễn văn T., đại biểu tỉnh Đồng Nai, than: "Bộ Thương Mại khi đụng đến chuyện ầm ĩ thì đều nói không biết. Ngay chuyện nhập ồ ạt xe ô tô, xe máy, khi hỏi cũng trả lời không biết. Tại kỳ họp quốc hội kỳ thứ 8, Đại biểu Quốc hội chất vấn chuyện nhập ngô, đậu tương, Bộ Thương Mại cũng trả lời... không phải trách nhiệm của mình... Nếu Bộ Thương Mại đụng đến cái gì cũng nói không biết thì nên giải tán."

Ngày 23-5-01 vừa qua, báo SGGP tiết lộ rằng, đám công ty quốc doanh thu mua gạo xuất khẩu báo cáo đã thu mua đủ một triệu tấn gạo tạm trữ trong vòng sáu tháng đến một năm nhờ số tiền Hà Nội ứng trước (không lãi). Tuy nhiên, đám này đã "sử dụng khoản cho vay mua lúa gạo tạm trữ để quay vòng vốn kinh doanh," tức theo lối nói thông thường thì là "mượn đầu heo nấu cháo."

Một mặt, ép giá nông dân phải bán dưới 1,000 đồng/kí lô trong khi từ trên ấn định giá sàn (giá thấp nhất) là 1,300 đồng/kí lô. Bộ Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn của chế độ ước tính rằng giá thành của nông dân là 1,100 đồng/kí lô. Quan chức thu mua gạo của đảng báo cáo láo đã thu mua đủ nhưng theo giá bóp cổ nông dân, một mặt khác thì dùng tiền chế độ ứng trước để đi buôn bán thứ khác kiếm lời.

Báo SGGP nói số tiền Hà Nội ứng trước không lời cho đám quốc doanh thu mua gạo là 2,000 tỉ đồng.

Tăng đoàn Huế đòi CSVN đánh giá lại toàn bộ chính sách đàn áp tôn giáo

HUẾ 25-5 (NV).- "Yêu cầu đánh giá lại toàn bộ chính sách của Đảng và Nhà nước về Tôn Giáo, để các tôn giáo tại Việt Nam, trong đó có Phật Giáo, có tự do tôn giáo thật sự trong các lãnh vực truyền đạo và hành đạo."

Trên đây là điều yêu cầu thứ ba trong ba lời yêu cầu mà hòa thượng Thích Thiện Hạnh, trưởng tăng đoàn Thừa Thiên-Huế thuộc Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, gửi đến các lãnh tụ CSVN tại Hà Nội, qua "Thư yêu cầu" đề ngày 16-5-01 mới đây được phổ biến ra ngoại quốc.

Nhân dịp đòi chế độ Hà Nội phải trả tự do ngay cho hòa thượng Thích Huyền Quang, Xử Lý Thường Vụ

Viện Tăng Thống GHPGVNTN bị giam lỏng ở Quãng Ngãi, qua "Thư yêu cầu" trên, HT Thiện Hạnh trình bày cho thấy lời nói và việc làm của CSVN hoàn toàn trái ngược nhau.

Các lãnh tụ của đảng luôn mồm tuyên bố bất cứ dịp nào cũng đều hô hào đoàn kết dân tộc, nhưng cách đối xử với các tôn giáo cho thấy ngược lại.

Dẫn chứng chỉ một chứng cứ, việc giam giữ TH Huyền Quang tại Quảng Ngãi suốt 21 năm qua, không bị đưa ra tòa xét xử, không bị ghép vào tội gì mà ngài nói rằng đã bị "tù không tội" trải qua năm đời tổng bí thư của đảng, HT Thiện Hạnh viết rằng: "Đảng, Nhà nước luôn luôn kêu gọi đoàn kết dân tộc mà xem các tôn giáo như kẻ thù địch, để rồi ra tay đánh phá, trù dập, cấm cản, làm cho các tôn giáo ai nấy ngả nghiêng, điêu đứng."

Ngài viết tiếng rằng: "Đưa đẩy các tôn giáo vào thế đối lập, kêu la phản kháng, như Phật Giáo, Thiên Chúa Giáo, Phật Giáo Hòa Hảo, Tin Lành ... thì Đảng và Nhà nước cho là phản động, chống phá chế độ."

Trong bức "Thư yêu cầu", HT Thiện Hạnh loan báo sẽ từ Huế vào Quảng Ngãi, cùng với các phái đoàn khác từ Sài Gòn và các địa phương khác, ngày 7 tháng 6 sắp tới, sẽ rước HT Huyền Quang về nơi cư trú cũ của ngài ở Sài Gòn.

Tiền giả lan tràn

SÀI GÒN 24-5 (TH).- Vì tiền giả tràn lan trên thị trường, nhiều người buôn bán ở các chợ Sài Gòn đã từ chối không chịu lấy một số loại giấy bạc Hồ, theo nguồn tin của tờ SGGP ngày Thứ Năm 24-5-01.

Theo báo này, các loại giấy bạc có mệnh giá 50,000 đồng, 10,000 đồng và 5,000 đồng có thể bị làm giả nhiều và được in với kỹ thuật khá tinh vi con mắt thường khó phân biệt.

Nguyễn Kim Phụng, phó thống đốc Ngân Hàng Nhà Nước CSVN, trong cuộc phỏng vấn với báo SGGP số kể trên nhìn nhận sự việc "có một số người, trong quan hệ giao dịch, đã từ chối nhận một số loại tiền cũ: 50,000 đồng và 10,000 đồng phát hành năm 1990 và loại 5,000 đồng phát hành năm 1987."

Bà này cho hay các loại giấy bạc vừa kể vẫn được lưu hành bình thường nhưng lưu ý rằng "loại tiền giả 50,000 đồng phần lớn đều rất mới, có kỹ thuật in tương đối tinh vi, thoạt nhìn rất giống tiền thật..."

Bà Phụng kể một số chi tiết kỹ thuật và các điểm giúp phân biệt giữa tiền thật, tiền giả nhưng không cho hay chế độ có biết số lượng tiền giả lưu hành trên thị trường là lối bao nhiêu hay không.

Khi có nhiều người từ chối lấy các lại tiền kể trên, người ta nghĩ rằng sự việc đến độ phải từ chối để tránh thiệt hại phải là số lượng tiền Hồ giả lớn đáng kể.

Bà Phụng nói rằng: "Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam đã chỉ đạo cho các ngân hàng trong cả nước có biện pháp thu hồi tờ 50,000 đồng cũ (phát hành năm 1990) mà chỉ phát tiền mới, để tránh giả mạo tờ bạc 50,000 đồng."

Tuy ra lệnh thu hồi tiền cũ nhưng bà này lại dọa ai không chịu nhận các loại tiền cũ 50,000 đồng vì sợ bị tiền giả "là hành vi vi phạm pháp lệnh về tiền tệ" trong khi chế độ chưa có biện pháp nào để đối phó. Bà này nói trong cuộc phỏng vấn: "Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam đang có phương án phòng chống tiền giả."

LM Nguyễn văn Lý vẫn tuyệt thực

CSVN gia tăng khủng bố giáo dân

HUẾ 24-5(NV).- Linh mục Nguyễn Văn Lý vẫn tuyệt thực không biết sinh mạng ra sao và trong khi đó, giáo dân tại hai xứ Nguyệt Biều và An Truyền vẫn bị CSVN liên tục khủng bố.

Nguồn tin do Ủy Ban Tự Do Tôn Giáo Cho Việt Nam cho hay như vậy khi nói rằng linh mục Nguyễn Văn Lý vẫn còn bị giữ ở bệnh viện Đồn Mang Cá (quân y viện Nguyễn Tri Phương cũ) và tình trạng sức khỏe của ngài đáng lo ngại.

Ngài bị bắt từ sáng sớm ngày 17-5-01 đến nay đã một tuần lễ và ngài cương quyết tuyệt thực để phản đối như đã tuyên bố từ trước.

Các tin tức từ ngày hôm qua cho hay ngài đã giựt kim truyền nước biển (serum) để bày tỏ sự quyết liệt đối với chế độ CSVN.

Nguồn tin trên cho hay tiếp rằng giáo dân không những tại giáo xứ An Truyền mà còn cả tại Nguyệt Biều, họ đạo ngài chăn giắt trước khi về An Truyền, cũng đều bị công an khủng bố ngày ngày.

Mỗi ngày khoảng 10 giáo dân An Truyền và 2 tới 3 giáo dân Nguyệt Biều bị công an lôi đến trụ sở hạch hỏi, dọa nạt và đôi khi cả đánh đập tàn nhẫn.

Được biết toàn thể giáo

dân ở cả hai giáo xứ này đều nguyện đứng sau lưng vị chủ chăn của họ trong bất cứ việc gì. Nhiều người trong số họ đã lấy thân mạng ra để bảo vệ ngài ngày đêm nên phải nhận các sự trả thù của chế độ.

CSVN phạt nặng kẻ nào ăn trộm mật mã Internet

HÀ NỘI 15-5(SCMP).- Nhà cầm quyền Hà Nội đang cố đối phó với nạn ăn cắp mật mã (password) để truy cập Internet gây thiệt hại tiền bạc cho người khác.

Báo SCMP ở Hồng Kông cho hay chế độ có thể phạt đến 20 triệu đồng (khoảng 138 đô la) kẻ nào hành động như vậy như thấy thông báo trên báo chí trong nước.

Theo nguồn tin này, Tổng Công Ty Bưu Điện và Điện Thoại đang soạn thảo một thông tư liệt kê các mức phạt khác nhau cho những trường hợp vi phạm luật lệ sử dụng Internet mà mức phạt nặng nhất dành cho các tay ăn cắp mật mã (hackers).

Theo bản dự thảo này, mức phạt thấp nhất khởi sự từ 10 triệu đồng (lối 69 đô) đã là rất nặng nề cho một đất nước nghèo khó như Việt Nam. Nhưng nhà nước không biết cách nào khác hơn để đối phó.

Hãng tin nhà nước viết rằng: "Nếu không xác định rõ rệt loại tội ăn cắp này, các công ty cung cấp dịch vụ Internet không biết làm gì hơn ngoài cách khuyên khách hàng đổi mật mã thường xuyên."

Tháng trước, một số tay đạo tặc mật mã Internet đã gửi thư cho nhà nước thách đố cũng như đe dọa sẽ làm tê liệt toàn hệ thống Internet tại Việt Nam nếu danh tánh của họ bị công bố.

Tuy nhiên, chế độ bèn công bố 51 địa chỉ bị nghi là những tay ăn trộm mật mã và phân phối những địa chỉ ăn trộm cho nhiều người cùng sử dụng. Đồng thời, chế độ cắt 120 đường điện thoại của những người bị nghi sử dụng mật mã đã bị ăn trộm từ sự thuê bao của người khác.

Hà Nội đã đưa ra biện pháp đối phó với các tay đạo tặc mật mã khi có tin những người này đã thiết lập một địa chỉ (website) dành cho các tay đạo tặc mật mã. Địa chỉ này công bố hàng trăm địa chỉ đã bị đánh cắp nay đã bị nhà cầm quyền dùng "bức tường lửa" ngăn chặn.

Cả nước Việt Nam có 78 triệu dân nhưng phần lớn nghèo khổ không đủ ăn nên, tới nay, thống kê nói cả nước chỉ có chừng 120,000 địa chỉ thuê bao Internet. Đa số là địa chỉ thuộc các cơ quan của nhà nước hay các hãng quốc doanh.

CSVN bắt dân đóng góp thêm tiền để tăng lương cán bộ đầu năm 2002?

HÀ NỘI 11-5 (NV).- Đang có những bàn cãi ở Hà Nội để tăng lương tối thiểu cho công chức cán bộ các ngành từ 210,000 hiện này lên 400,000 đồng một tháng vào đầu năm tới.

Báo Lao Động tường thuật như vậy trong ngày Thứ Năm vừa qua khi các người có trách nhiệm lương bổng và ngân sách của chế độ họp bàn tìm cách tăng lương cho đám cán bộ công chức nhưng không biết đào đâu ra tiền ngoài cách bắt dân chúng gồng lên để chịu qua cách "xã hội hóa" các dịch vụ công ích.

Hiện tại, dân chúng Việt Nam phải còng lưng gồng gánh tiền lương cho lối bảy triệu người ăn lương nhà nước từ kẻ "có công với cách mạng" đến thương bệnh binh, công chức, đảng viên chi bộ đảng, công an v.v... Con số này chiếm gần 10% của tổng số dân cả nước.

Trung bình, trên thế giới, khối công chức và những người hưởng các khoản lương bổng hay hưu bổng từ ngân sách chính phủ chỉ có 2%.

Vì số người lãnh tiền của nhà nước quá nhiều như vậy, lương bổng cũng như hưu bổng chiếm đến 1/3 ngân sách chính phủ CSVN nên công chức cán bộ đảng viên các cấp đặc biệt là cấp thấp nhất có đồng lương chết đói.

Từ đầu năm 2001 đến nay, lương tối thiểu của công chức cán bộ nhà nước là 210,000 ngàn (gần 14.5 đô la) một tháng. Năm ngoái chỉ có 180,000 đồng một tháng, không đủ cho cá nhân một cán bộ sống lương thiện.

Tổng số người lãnh lương từ ngân sách nhà nước khoảng 7 triệu người, nhưng nguồn tin trên nói rằng chỉ tìm cách tăng lương cho đám cánh bộ công chức khu vực "hành chánh sự nghiệp" tức khoảng 1.5 triệu người. Đám tham nhũng được mô tả là tham nhũng nhất Á Châu nằm trong chỗ này.

Hai giải pháp được nhìn ra để có ngân khoản tăng lương, thứ nhất, sa thải bớt đám người thừa thãi dôi dư trong các cơ quan; và thứ hai, bắt dân chúng đóng góp thêm qua việc đánh thuế nặng hơn nữa trên các sản phẩm hàng hóa cũng như các dịch vụ và tiện nghi công cộng.

Việc giảm bớt đám người dôi dư trong các cơ quan công

quyền được các định chế tài chính quốc tế thúc ép giải quyết để tăng hiệu năng cho công việc và bớt cồng kềnh trong thủ tục hành chính từ năm ngoái.

Hồi tháng giêng, Hà Nội loan báo cắt bớt 5% công chức cán bộ trong năm nay (lối 70,000 người) và 10% cho năm tới với ngân khoản vay của các định chế tài chính quốc tế.

Tuy nhiên, loan báo giảm bớt người như vậy để cầm tiền viện trợ cho dễ nhưng, trong khi đó, "có 31 công việc chồng chéo giữa các bộ và các ngành" và "chưa tìm ra động lực để cải cách hành chính" như sự mô tả của tờ SGGP số ra ngày 12-4-01 nên cái lực lượng "hành chánh sự nghiệp" ngày một phình ra chứ không phải giảm đi dù giữa tháng 8 năm ngoái, chế độ đã ra lệnh cấm không được tuyển dụng thêm công chức, cán bộ.

Số báo SGGP kể trên nói tổng số cán bộ công chức trong khu vực "hành chính sự nghiệp" trong năm 2000 là 1,385,542 người (tăng 2.5% so với năm 1999. Năm nay, theo tờ Lao Động ngày 9-5-01, khối người này "chỉ chiếm khoảng 1.5 triệu người."

Vẫn theo số báo Lao Động vừa nói, nằm trong 1.5 triệu người đó có 20% là "khối đảng, đoàn thể" là các tổ chức chính thức và ngoại vi của đảng CSVN mà người dân cả nước phải đầu tắt mặt tối ngày đêm để nuôi họ. Đảng Cộng Sản và các tổ chức ngoại vi của chế độ là các thành phần của một phe nhóm chính trị trong xã hội tại sao lại bắt tất cả dân chúng mà đại đa số không là đảng viên phải nuôi?

Trong cuộc họp về "cải cách ngân sách và tiền lương" của chế độ tổ chức tại Hà Nội ngày 8-5-01 vừa qua, đám quan chức hoạch định chính sách lương bổng của chế độ nói rằng: "Phải tăng cường công tác xã hội hóa đối với các hoạt động giáo dục, y tế, văn hóa nghệ thuật, thể thao, nhằm huy động các thành phần kinh tế khác (sống bên ngoài) Ngân sách nhà nước bảo đảm tiền lương và thu nhập... tạo điều kiện cho việc sử dụng ngân sách nhà nước cho một diện công chức nhỏ hơn."

Nói khác, nhiều sắc thuế sẽ cao hơn, trẻ con dù học trường công cũng phải gồng hết mọi phí khoản giáo dục, con bệnh đến nhà thương phải trả tiền nặng hơn, đi coi đá banh mua vé đắt hơn v.v... để ông cán bộ có lương cao hơn. Ông sẽ có lương cao hơn nhưng ông sẽ chừa tham nhũng hay không lại là một chuyện khác.

Lương 400,000 đồng một tháng, nếu được tăng như vậy vào đầu năm tới, số tiền này cũng chỉ tương đương gần 27.5 đô la.

Conoco bỏ thêm 1 tỉ mỹ kim khai thác mỏ dầu VN

SÀI GÒN, Việt Nam (TH) — Nguồn tin từ Việt Nam hôm Thứ Sáu 25 tháng Năm cho hay công ty Conoco, công ty dầu hỏa lớn hàng thứ năm của Mỹ, cùng các công ty khác trong một tổ hợp hiện đang hoạt động tại Việt Nam có thể sẽ đầu tư thêm 1 tỉ mỹ kim để khai thác hai mỏ dầu hiện có hầu nâng mức sản xuất lên thêm 45 phần trăm.

Công ty Conoco vào hôm Thứ Tư tuần qua cho biết một giếng đào thử trong khu vực Sư Tử Đen, nằm trong thềm lục địa Cửu Long, cách Sài Gòn chừng 190 cây số về phía đông nam, có khả năng sản xuất khoảng 11,032 thùng dầu thô mỗi ngày. Việc chính thức khai thác mỏ dầu này, với trữ lượng có thể lên đến 250 triệu thùng, sẽ được bắt đầu vào cuối năm 2003 hay đầu năm 2004.

Hồi tháng qua, Conoco cho biết họ đã tăng mức sản xuất tại mỏ Rạng Đông cạnh đó lên đến 55,000 thùng mỗi ngày từ mức 45,000 thùng trước đó. Theo nữ phát ngôn viên của công ty Conoco từ Houston, bà Wendy Olson, thì tổng số dầu hỏa khai thác mỗi ngày từ cả hai mỏ này có thể lên đến 80,000 thùng vào năm 2004.

Theo các dữ kiện do tổng cục thống kê nhà nước CSVN đưa ra thì trong tháng Tư mức xuất cảng dầu thô của Việt Nam đã tăng 17 phần trăm so với cùng thời gian năm ngoái, ở mức 1.4 triệu tấn và thu về được 278 triệu mỹ kim.

Tổ hợp do Conoco cầm đầu gồm có công ty Conoco với 23.25 phần trăm cổ phần tại mỏ Sư Tử Đen nằm trong lô 15-1; công ty dầu khí quốc doanh CSVN, PetroVietnam với 50 phần trăm cổ phần; công ty dầu hỏa nhà nước Nam Hàn, Korean National Oil Corp. với 14.25 phần trăm; công ty SK Corp. với 9 phần trăm và công ty Geopetrol với 3.5 phần trăm.

Các công ty hợp tác với Conoco ở mỏ Rạng Đông gồm Japan-Vietnam Petroleum Co với 46.5 phần trăm, PetroVietnam với 17.5 phần

trăm và Conoco giữ 36 phần trăm.

Dịch sốt xuất huyết: đã có 16 ca tử vong

SÀI GÒN, Việt Nam (TH) — Theo nguồn tin từ cơ quan y tế nhà nước CSVN mới đây thì dịch sốt xuất huyết năm nay đã đến sớm hơn thường lệ với số người mắc bệnh tăng cao và số tử vong đã lên đến 16 người.

Bộ y tế CSVN cho biết tính đến ngày 24 tháng Năm trên cả nước đã có 5,327 trường hợp bị mắc bệnh sốt xuất huyết, tăng 31.5 phần trăm so với cùng thời gian năm trước. Đa số những người mắc bệnh này đều là người dân ở các tỉnh phía nam.

Theo các con số sơ khởi thì tại thành phố Sài Gòn đã khám phá ra 755 trường hợp mắc bệnh sốt xuất huyết, tại An Giang có 588 trường hợp, tại Bến Tre có 400 trường hợp bệnh. Tại Hà Nội đã có 15 trường hợp mắc bệnh, tăng 50 phần trăm so với năm trước.

Đến nay số người chết vì bệnh sốt xuất huyết trong năm 2001 ở Việt Nam là 16 người, trong số có 13 người ở An Giang và Bà Rịa-Vũng Tàu.

Cơ quan y tế cho hay dịch sốt xuất huyết năm nay có chiều hướng trầm trọng hơn năm vừa qua.

Hai phụ nữ đi tù vì buôn bán trẻ em

SÀI GÒN, Việt Nam (TH) — Nguồn tin từ Sài Gòn hôm Thứ Sáu 25 tháng Năm cho hay hai phụ nữ đã bị tuyên án 5 năm tù về tội bán hai bé gái với giá 800 mỹ kim.

Theo nguồn tin từ tòa án CSVN thì bà Bùi Thị Tám, 63 tuổi và bà Nguyễn Thị Mười, 35 tuổi, đã bị cáo buộc là mua ba trẻ sơ sinh năm 1995 với giá 15 mỹ kim mỗi em từ các sản phụ tại một bệnh viện ở An Giang.

Hai bé gái trong số này sau đó đã được bán cho một cặp vợ chồng người Pháp với giá 800 mỹ kim. Em bé trai còn lại, sinh ra với vi khuẩn HIV trong người, đã có người mua về để bắt đi ăn xin trên đường phố.

Hai phụ nữ này đã bị bắt sau một cuộc điều tra lâu dài của công an CSVN. Hai bé gái đã được trả lại và tạm thời đưa vào trong cô nhi viện vì không xác định được danh tánh của mẹ các em.

Tình trạng buôn bán trẻ em cho người ngoại quốc làm con nuôi đã phát triển rất mạnh trong khu vực miền Nam Việt Nam, đặc biệt là ở các tỉnh vùng đồng bằng Cửu Long, thời gian qua.

Chính phủ Pháp vào năm 1999 đã ra lệnh tạm ngưng các vụ nhận con nuôi từ Việt Nam cho đến khi có được một thỏa ước minh bạch về vấn đề này, vốn đã được ký hồi năm ngoái.

CSVN săn bắt người Thượng trên đất Cambodia

PHNOM PENH, Cambodia (TH) — Một tổ chức thiện nguyện quốc tế có tên là Refugees International hôm Thứ Năm 24 tháng Năm đã lên tiếng tố cáo rằng nhà cầm quyền CSVN đã gửi công an tiếp tục truy lùng người Thượng ngay trên đất Cambodia.

Tổ chức này cũng cáo buộc rằng Hà Nội đã áp dụng các chính sách hà khắc khiến cho người thuộc các sắc dân Thượng sinh sống trong vùng cao nguyên Trung Phần phải vượt biên giới trốn sang Cambodia.

Trong một lá thư gửi thủ tướng Hun Sen, tổ chức Refugees International đã cáo buộc rằng nhà cầm quyền CSVN đã làm cho vấn đề trở nên trầm trọng hơn bằng cách đưa bộ đội và công an vượt biên giới để lùng bắt người Thượng và đưa họ trở lại Việt Nam. Tổ chức nói trên đòi hỏi nhà cầm quyền Hà Nội phải ngưng ngay các hành động đàn áp khiến người dân phải bỏ trốn và ngưng việc xâm phạm chủ quyền của Cambodia.

Lời kêu gọi này đã được đưa ra chỉ gần một tuần lễ sau khi Cao Ủy Tị Nạn LHQ (UNHCR) thiết lập một trại tạm trú cho khoảng 160 người tị nạn bên ngoài Sen Monorom, thủ phủ của tỉnh Mondulkiri.

Đại sứ CSVN tại Cambodia, ông Nguyễn Duy Hồng, và trưởng ty cảnh sát Cambodia tại Mondulkiri, đại tá Reach Samnang, đều chối rằng không có việc nhân viên an ninh CSVN hoạt động tại đây. Ông Hồng cũng lập lại các luận cứ của Hà Nội cho rằng các "thành phần ngoại quốc" đang "tuyên truyền" để xúi giục người Thượng trốn khỏi Việt Nam.

Một đại diện của tổ chức Refugees International là ông Lionel Rosenblatt vừa trở về Phnom Penh sau hai ngày tìm hiểu tình hình và tiếp xúc với mọi giới chức tại Mondulkiri vẫn giữ lập trường rằng các nhân viên an ninh và quân đội CSVN hiện đang tiếp tục lục soát tìm kiếm người Thượng trên lãnh thổ Cambodia.●

TRẬN TUYẾN MỚI ĐÃ HÌNH THÀNH

ĐOÀN VIẾT HOẠT

Trước tình hình thế giới hoàn toàn thay đổi vào đầu thập niên 1990, trước nguy cơ tan rã của chế độ, đảng cộng sản Việt Nam đã phải chấp nhận từ bỏ nền kinh tế chỉ huy. Đồng thời họ cũng nhận ra rằng nền kinh tế thị trường tất yếu sẽ dẫn đến sự sụp đổ của chế độ chuyên chính cộng sản. Do đó họ chỉ đổi mới nửa vời về kinh tế, mà không chấp nhận thay đổi trong chính trị, vẫn đặt sự tồn tại của đảng cộng sản lên trên hạnh phúc và tự do của người dân, lên trên quyền lợi của dân tộc. Hậu quả là đời sống người dân chỉ được cải thiện tạm thời trên bề mặt còn đất nước vẫn trong vòng bế tắc chưa có được cơ hội và triển vọng phát triển bền vững và ổn định.

Trong khi đó thì nhân loại đang chuyển mình vào thiên niên kỷ thứ ba, thiên niên kỷ của Á Châu- Thái Bình Dương. Các vấn đề kinh tế, chính trị và an ninh của khu vực Đông Bắc Á và Đông Nam Á sẽ trở thành vấn đề quốc tế hàng đầu trong những thập niên sắp tới. Toàn dân Việt Nam, cả trong nước lẫn hải ngoại, lại đang có một cơ hội mới tháo gỡ cơ chế chính trị độc đoán, lạc hậu và bế tắc hiện nay để xây dựng chế độ dân chủ pháp trị chân chính, khơi dậy sức sống tiềm ẩn của toàn dân, đưa đất nước hội nhập vào trào lưu tiến bộ chung của nhân loại, mở đường cho dân tộc phục hưng.

Từ tháng 1 năm 1989, khi còn ở trong nước, tôi và những bạn đồng chí hướng đã cho ấn hành bí mật tờ *Diễn Đàn Tự Do* để khởi đầu giai đoạn đấu tranh chính trị đòi lại tự do dân chủ cho toàn dân. Lúc đó tôi đã khẳng định rằng một trận chiến mới đã bắt đầu. Đó là trận chiến chống độc tài, nghèo đói và lạc hậu, đòi dân chủ, phú cường và tiến bộ. Trong trận chiến mới này có hai chiến tuyến: một bên là thiểu số độc tài thống trị, một bên là toàn dân bị thống trị. Trong trận chiến này cuối cùng chỉ có một bên thắng là toàn dân Việt Nam, là sự thực và công lý; một bên bại là đảng cộng sản, là giáo điều, độc đoán, bất công và lạc hậu.

Từ đó đến nay trận tuyến tự do dân chủ và nhân quyền ngày càng được mở rộng. Ban lãnh đạo đảng cộng sản Việt Nam ngày càng bị đẩy vào thế bị động. Xu thế toàn cầu hóa được mở rộng từ kinh tế thương mại sang văn hóa chính trị đang làm xụp đổ các thể chế chính trị văn hóa độc đoán, cô lập và đóng cõi trên khắp thế giới. Cuộc đấu tranh cho một nước Việt Nam tự do dân chủ và phồn vinh đã bước vào một giai đoạn mới: **giai đoạn công khai, thách thức trực diện với ban lãnh đạo đảng cộng sản**. Trong giai đoạn này mặt trận dân chủ toàn dân và toàn diện đang hình thành. Chúng ta cần sử dụng các phương thức đấu tranh hợp xu thế nhân bản toàn cầu, hữu hiệu và khả thi để kết hợp sức mạnh toàn dân trong nước với người Việt hải ngoại, sức mạnh dân tộc với yểm trợ quốc tế, sức mạnh kinh tế thị trường tự do cạnh tranh với văn hóa nhân bản và chính trị dân chủ. Mặt trận mới này sẽ đẩy ban lãnh đạo đảng cộng sản vào chọn lựa cuối cùng: hoặc thực thi dân chủ,trả lại cho toàn dân quyền quyết định vận mệnh đất nước, hoặc mất quyền và tan rã trong bạo loạn.

Trong mặt trận mới này hải ngoại có nhiều thuận lợi. Trong khi ở trong nước, dưới chế độ cộng sản, nhà nước chi phối mọi hình thức tổ chức và sinh hoạt của dân chúng thì tại hải ngoại, người Việt tự do và tự động lập ra hàng trăm tổ chức và hội đoàn khác nhau để đáp ứng sở thích và nhu cầu sinh hoạt của mình. Từ các hội ái hữu cựu học sinh sinh viên các

trường học văn hóa và quân sự (cựu quân nhân), tới các hội đoàn cứu tế xã hội. Đặc biệt là các tổ chức ngành nghề chuyên môn cao cấp như các hội bác sĩ, kỹ sư, luật sư, và các hội chuyên gia. Ngoài ra, còn có các tổ chức cộng đồng phản ảnh thực tế của gần ba triệu người Việt tị nạn cộng sản sống lưu vong ở 70 quốc gia trên thế giới. Không ai bảo ai mà khối người Việt hải ngoại tự nhiên sinh hoạt gần giống nhau ở khắp nơi trên thế giới. Dường như có một nước Việt lưu vong, một nước Việt không có biên giới quốc gia nhưng vẫn thống nhất, với ngôn ngữ chung, với các sinh hoạt và tổ chức xã hội dân sự không chính phủ giống nhau. Các truyền thống văn hóa và xã hội Việt vẫn được duy trì ở bên ngoài đất nước, nhất là truyền thống xã hội dân sự. Trong khi ở trong nước mọi hoạt động của người dân đều bị nhà cầm quyền kiểm soát và chi phối thì người Việt hải ngoại hoàn toàn tự do tổ chức mọi sinh hoạt của mình theo sở thích và sở trường.

Hiện nay, trước sức ép của xu thế toàn cầu hóa và của những khó khăn kinh tế xã hội ở trong nước, đảng cộng sản phải mở cửa với thế giới. Cộng đồng người Việt hải ngoại đang có cơ hội tác động trực tiếp vào trong nước, thông qua các hoạt động và tổ chức tự nguyện của mình. Việc giao lưu trực tiếp giữa người dân trong nước với người Việt hải ngoại, *không cần và không qua giới cầm quyền,* đang tạo ra những cơ hội thuận lợi không những cho việc xây dựng xã hội dân sự ở trong nước, cơ sở nền tảng của dân chủ và phát triển, mà còn cho việc làm suy yếu, cô lập và tách biệt giới cầm quyền cộng sản ra khỏi đại đa số quần chúng. Cuộc đấu tranh đòi tự do dân chủ và tôn trọng nhân quyền của người Việt hải ngoại sẽ có kết quả nhanh chóng hơn nếu người Việt hải ngoại vận dụng được thế mạnh dân sự, phi chính phủ của các hình thái tổ chức và sinh hoạt phong phú đa dạng ở hải ngoại, từ kinh tế thương mại tới văn hóa văn học nghệ thuật, truyền thông, giáo dục, cứu trợ xã hội, và cả chính trị, để tác động vào trong nước. Các hình thức hoạt động trực tiếp giữa người dân trong và ngoài nước (people-to-people) không qua và không cần tới giới cầm quyền, trong cả ba lãnh vực kinh tế, văn hóa và chính trị, sẽ giúp người dân trong nước mạnh lên, dần dần dành lại quyền chủ động trước hết trong kinh tế thương mại, tiến đến các quyền văn hóa giáo dục, thông tin, và cuối cùng khi thời cơ đến, sẽ dành lại nốt quyền lực chính trị. Cộng đồng người Việt hải ngoại, đặc biệt là các bạn trẻ (vì Việt Nam hiện nay là một nước rất trẻ), hãy vận dụng tinh thần dân bản và nhân bản trong truyền thống đạo lý dân tộc, cùng với tiềm năng của các tổ chức và sinh hoạt xã hội dân sự đang có ở hải ngoại, kết hợp với người dân trong nước, không qua và không cần tới giới cầm quyền cộng sản, để dần dần hình thành một *xã hội Việt mới*, một **Đáy Tầng Việt,** *tách biệt và tiến tới đối kháng với* **Mặt Tầng Cộng sản.** Kết hợp với vận động quốc tế để dành lại *thế chính nghĩa* (the Right vs. the Wrong) và *bác bỏ tính hợp pháp* (legitimacy) của chế độ cộng sản hiện nay, việc xây dựng *đáy tầng Việt không biên giới*, thông lưu trong ngoài nước sẽ tạo được thế mạnh thời đại, vừa dân tộc vừa nhân loại, vận dụng dòng tiến hóa toàn cầu, toàn nhân loại (thông qua khối người Việt hải ngoại), để khơi dậy và tăng cường tiềm năng toàn dân ở trong nước. Làm được như thế chúng ta không những tạo được sức mạnh chủ động, đủ để gạt bỏ chế độ cộng sản hiện nay, mà còn khơi mở dòng tiến hóa của dân tộc cho hòa quyện vào dòng tiến hóa chung của toàn nhân loại và thế giới.

Vận mệnh dân tộc phải nằm trong tay toàn dân. Quyền lực chính trị phải được trả về cho toàn dân. Tương lai đất nước tùy thuộc vào sự tham gia tích cực và chủ động của mọi tầng lớp nhân dân, đặc biệt là giới trẻ. Một nước Việt Nam mới phải được xây dựng bằng sự tự chủ, tự giác và tự động của mỗi người dân, của mỗi thanh niên Việt, cả trong nước lẫn hải ngoại. Trong cuộc đấu tranh của toàn dân dành lại quyền quyết định vận mệnh đất nước, người Việt cần bước vào con đường trước mặt với một thái độ *bao dung, tin tưởng và dũng cảm*. Bao dung với mọi khác biệt chính trị và tư tưởng; tin tưởng vào sức mạnh tiềm tàng của dân tộc và xu thế nhân bản của thời đại; và dũng cảm đương đầu với mọi trở lực đi ngược lại quyền lợi tối thượng của dân tộc và những quyền căn bản của con người.

Bằng tấm lòng bao dung dân tộc, nhãn quan nhân bản thời đại, ý chí chính trị dũng cảm và hành động đấu tranh quyết liệt, một thời đại mới sẽ mở ra và dân tộc Việt sẽ phục hưng.

30.4.2001

THÁNG TƯ, TAI NẠN TRÊN KHÔNG, VÀ CĂNG THẲNG MỸ-HOA

NGUYỄN MẠNH HÙNG

Tai nạn trên không

Mùng 1 tháng 4, cái ngày mà người ta có thể đùa nhả một cách vô tội vạ, một phi cơ thám thính EP-3E của hải quân Mỹ và một phi cơ tác chiến của Trung Quốc đụng nhau trên không phận quốc tế, khoảng 50 dặm phía Đông Nam đảo Hải Nam. Hậu quả là phi cơ tác chiến của Trung Quốc gãy làm đôi rơi xuống biển, viên phi công bị mất tích. Phi cơ Mỹ bị gãy đầu phải đáp xuống đảo Hải Nam của Trung Quốc theo thủ tục khẩn cấp, cả phi cơ Mỹ và 24 nhân viên phi hành đoàn bị Trung Quốc cầm giữ để điều tra.

Các viên chức thuộc bộ Tư Lệnh Thái Bình Dương của Hoa Kỳ nói rằng đó chỉ là một "phi vụ thông thường" và coi việc đụng máy bay như một "tai nạn." Hoa Kỳ đòi Trung Quốc phải trao trả phi hành đoàn và máy bay bị nạn, vì đó là "tài sản" của Mỹ. Tư Lệnh Lực Lượng Thái Bình Dương, Đô Đốc Dennis Blair, tiết lộ rằng trong nhiều tháng vừa qua, phi công Trung Quốc đã có thái độ hung hăng hơn trong việc theo dõi máy bay Mỹ, và Mỹ cũng đã phản kháng với nhà cầm quyền Trung Quốc về hành động ấy. Trong lúc đó, báo chí và các đài truyền hình của chính phủ Trung Quốc lập tức đổ tội cho Mỹ phải "hoàn toàn chịu trách nhiệm về vụ này." Phát ngôn viên bộ Ngoại giao Trung Quốc Chu Bang Tạo tuyên bố "nguyên nhân trực tiếp" của vụ đụng máy bay là vì "máy bay Mỹ vi phạm luật lệ hàng không và đột nhiên nghiêng cánh, đụng vào máy bay của Trung Quốc," còn phi hành đoàn Mỹ đã "vi phạm không phận của Trung Quốc mà không có phép và đã hạ cánh trên một phi trường của Trung Quốc." (1)

Đòi hỏi của Trung Quốc

Một mặt Trung Quốc cầm giữ phi hành đoàn Mỹ để hỏi cung, và máy bay thám thính của Mỹ để nghiên cứu và ăn cắp kỹ thuật tối tân của Mỹ; mặt khác Trung Quốc đòi Mỹ phải xin lỗi (apology). Ngoại trưởng Mỹ Colin Powell tuyên bố ông "tiếc" (regrets) về chuyện phi cơ Trung Quốc bị rơi và phi công người Hoa bị mất tích. Ngày 7/4, Phó Thủ Tướng Trung Quốc Tiền Kỳ Tham gửi văn thư cho Ngoại trưởng Powell nói rằng "hối tiếc" thôi chưa đủ. Báo chí của chính phủ Trung Quốc đòi Mỹ phải "xin lỗi" và còn nhắc lại lời đòi hỏi của Tổng Thống Giang Trạch Dân trong tuần trước là Mỹ phải chấm dứt các phi vụ thám thính ngoài khơi Trung Quốc. Ngay ngày hôm sau, 8/4, cả Phó Tổng Thống Hoa Kỳ Dick Cheney lẫn Ngoại trưởng Colin Powell đều xuất hiện trên vô tuyến truyền hình bác bỏ đòi hỏi Hoa Kỳ phải "xin lỗi" Trung Quốc, khẳng định quyền của Hoa Kỳ thực hiện các phi vụ thám thính trong không phận quốc tế, và cảnh cáo rằng việc Trung Quốc trì hoãn giải quyết tai nạn máy bay ấy sẽ gây ảnh hưởng bất lợi cho mối bang giao Hoa-Mỹ. Cheney tuyên bố trên đài truyền hình NBC rằng "Mỗi ngày đi qua mà cuộc khủng hoảng không được giải quyết sẽ gây thêm những tai hại lâu dài cho mối bang giao giữa hai nước." Powell trả lời phỏng vấn trên đài CBS, nói rằng hiện nay mối bang giao hai nước đã bị tổn hại rồi, nhưng "để tránh gây thêm tổn hại, [cuộc khủng hoảng này] cần được giải quyết sớm ngày nào hay ngày ấy." (2) Trong khi Tổng Thống Bush viết thư chia buồn với quả phụ của viên phi công mất tích, một số thượng nghị sĩ Hoa Kỳ đe dọa nếu Trung Quốc tiếp tục cầm giữ phi hành đoàn Hoa Kỳ, họ sẽ phải xét lại thái độ của họ đối với việc biểu quyết cho Trung Quốc hưởng quy chế mậu dịch bình thường vào tháng Sáu sắp tới. Cựu ngoại trưởng Kissinger cũng khuyến cáo Trung Quốc nên giải quyết mâu thuẫn này trước ngày Quốc Hội Mỹ họp để tránh rắc rối bất ngờ.

Sau 11 ngày điều đình ráo riết, đại sứ Hoa Kỳ tại Trung Quốc, cựu đô đốc Joseph Prueher, gửi văn thư cho ngoại trưởng Trung Quốc nhắc rằng cả Tổng Thống Bush lẫn

Ngoại trưởng Powell đã bày tỏ sự "thành thật hối tiếc" (sincere regret) về cái chết của viên phi công Trung Quốc và cái máy bay bị rơi. Sau khi nhấn mạnh rằng máy bay bị nạn của Mỹ đã "hạ cánh khẩn cấp sau khi đã tuân thủ các thủ tục quốc tế," văn thư tiếp: "chúng tôi rất ân hận (very sorry) việc máy bay Mỹ đã đi vào không phận Trung Quốc và đáp xuống phi trường của Trung Quốc mà không có phép miệng trước." Prueher cũng xác nhận thỏa thuận hai bên sẽ họp ngày 18/4 để bàn về vụ đụng máy bay. Dựa vào văn thư đó, báo chí Trung Quốc giải thích rằng Mỹ đã xin lỗi. Chính quyền Trung Quốc bằng lòng để Hoa Kỳ gửi một máy bay dân sự đến Hải Nam đón 24 nhân viên phi hành đoàn Mỹ, nhưng vẫn tiếp tục giữ máy bay thám thính của Mỹ để "điều tra."

Hội đàm Hoa-Mỹ

Ngày 18/4 Mỹ gửi một phái đoàn sang Bắc Kinh hội đàm với nhà cầm quyền Trung Quốc. Trước khi đi Mỹ đã dự đoán Trung Quốc sẽ đòi Mỹ ngưng các phi vụ thám thính, nhưng giới chức Mỹ nói trước họ sẽ không chấp nhận đòi hỏi đó và sẽ yêu cầu hai bên thiết lập một số nguyên tắc và thủ tục để tránh những đụng độ tương tự trong tương lai. Ngoài ra, Mỹ đòi Trung Quốc phải cứu xét vấn đề trả máy bay thám thính cho Mỹ. Sau hai ngày thảo luận không có kết quả, phái đoàn Mỹ ra về, giao việc thương thuyết lại cho tòa đại sứ Mỹ. Điều này có nghĩa là việc thương thảo sẽ kéo dài và được hạ xuống một cấp thấp hơn để tránh sự dòm ngó của báo chí và áp lực của công luận.

Phản ứng của Hoa Kỳ

Sau khi phi hành đoàn Hoa Kỳ được thả, hai bên bắt đầu tìm cách chứng tỏ với công luận quốc nội là mình không phải là phe bị nhân nhượng. Bộ máy tuyên truyền của Trung Quốc coi đó là một "chiến thắng" ngoại giao của Trung Quốc dưới tài điều khiển của Tổng Thống Giang Trạch Dân, một "chiến lược gia ngoại giao siêu việt," người đã từng "dạy cho [Tổng Thống] Bush hiếu chiến một bài học." (3)

Lập trường của Mỹ trở nên cứng rắn hơn. Ngày 12/4, trong khi lên tiếng khen ngợi phi hành đoàn, Tổng Thống Bush tuyên bố rằng ông sẽ chỉ thị phái đoàn Hoa Kỳ nêu ra "những câu hỏi hóc búa" trong phiên họp 18/4 sắp tới với Trung Quốc, và đoan quyết sẽ tiếp tục các phi vụ thám thính bất kể sự chống đối của Trung Quốc. Ông cũng khẳng định rằng máy bay Hoa Kỳ "bay trong không phận quốc tế theo đúng mọi luật lệ và thủ tục, và đã không làm gì để gây ra tai nạn" máy bay đó. Ngày hôm sau, Tổng Trưởng Quốc Phòng Hoa Kỳ Donald Rumsfeld tố cáo Trung Quốc đã đưa ra những lời giải thích sai lệch về không nạn kể trên, đồng thời nói rằng Mỹ sẽ tiếp tục các phi vụ thám thính ngoài bờ biển Trung Quốc, bất kể các hành động có tính cách "khiêu khích" của phi công Trung Quốc. Ông còn cho trình chiếu một cuốn phim quay hôm 24/1 để minh chứng lối bay nguy hiểm dễ gây tai nạn của các phi công Trung Quốc trong quá khứ, và nói rằng trước khi đáp xuống Hải Nam, phi hành đoàn Mỹ đã phát tín hiệu cấp cứu ít nhất là từ 25 đến 30 lần.

Ngày 29/4, Trung Quốc bằng lòng cho một phái đoàn chuyên viên Hoa Kỳ sang đảo Hải Nam để quan sát và ước tính mức độ thiệt hại của máy bay Mỹ. Sau khi nhận được phúc trình của đoàn chuyên viên, giới chức Mỹ, ngày 4/5, nói rằng có thể chữa máy bay rồi bay về Mỹ. Lập trường của Trung Quốc là không cho phép máy bay bị nạn bay ra từ lãnh thổ Trung Quốc và đòi chấm dứt các phi vụ thám thính của Mỹ ở ngoài khơi Trung Quốc. Ngày 6/5 cả Tổng Trưởng Quốc Phòng Mỹ Donald Rumsfeld lẫn phát ngôn viện tòa Bạch Ốc Ari Freischer đều lên tiếng cho rằng giải pháp hợp lý nhất là nếu máy bay có thể sữa chữa được thì phải chữa rồi bay thẳng về Mỹ. Ngay hôm sau, ngày 7/5, một máy bay RC-135 của không quân Hoa Kỳ được lệnh tái tục phi vụ thám thính ngoài khơi Trung Quốc. Vài hôm trước đó, ngày 2/5, Bộ Quốc Phòng Mỹ còn phổ biến một văn thư chỉ thị các cấp và các binh chủng phải duyệt xét lại mọi trao đổi quân sự với Trung Quốc. Phản ứng của thượng nghị sĩ John McCain còn mạnh hơn. Ngày 13/5, trong một cuộc phỏng vấn với đài truyền hình NBC, ông tuyên bố Trung Quốc phải để cho Mỹ sửa máy bay rồi bay về, vì không có lý do gì phải cưa xẻ làm nhiều mảnh rồi mới chở về một cái máy bay đắt tiền như vậy. Ông còn nói thêm: "Trung Quốc có hai chọn lựa, hoặc cộng tác hòa bình với Mỹ hoặc cạnh tranh và đối đầu với Mỹ."

Hậu quả

Ngay sau khi tai nạn xảy ra, cả Tổng Thống Hoa Kỳ George W. Bush lẫn Tổng Thống

Trung Quốc Giang Trạch Dân đều lên tiếng cho rằng quyền lợi của hai nước đòi hỏi phải duy trì mối giao hảo giữa Mỹ và Trung Quốc. Giang Trạch Dân tiếp tục chuyến công du sang các quốc gia Châu Mỹ La Tinh để tỏ ra không có tình trạng khủng hoảng. Báo chí Trung Quốc về sau tiết lộ rằng trước khi lên đường Giang Trạch Dân đã chỉ thị rằng vụ đụng máy bay phải được giải quyết êm thấm nhưng phải bắt Hoa Kỳ tôn trọng Trung Quốc. Thái độ cứng rắn của Trung Quốc trong vụ này một phần có thể vì Trung Quốc khó chịu về thái độ của chính quyền mới ở Mỹ, phần khác có thể vì Trung Quốc muốn thử thách chính quyền mới xem họ có thể đi xa đến đâu trong việc đối đầu với Trung Quốc. Dầu sao, hậu quả trước mắt của nó là đã gây tổn hại cho mối bang giao Hoa-Mỹ, tạo bất bình trong giới chức Mỹ, và tăng ảnh hưởng của phe chủ trương cứng rắn với Trung Quốc ở Mỹ. Trung Quốc đã vô tình tạo cho Mỹ một đồng thuận mới. Các cuộc phỏng vấn của báo chí và các cuộc thăm dò dư luận cho thấy giới lãnh đạo và chuyên viên cao cấp của Mỹ thuộc cả hai đảng và đại đa số nhân dân Mỹ đều cho rằng Trung Quốc đòi hỏi quá đáng và họ không chấp nhận Mỹ phải xin lỗi Trung Quốc. Nó còn làm cho một số thượng nghị sĩ và dân biểu thuộc đảng Dân Chủ trước kia có thái độ hòa hoãn với Trung Quốc phải xét lại thái độ. Thượng nghị sĩ Joseph Biden, trả lời đài truyền hình CBS ngày 15/4, cho rằng Trung Quốc đã phải "trả giá" cho hành động của mình. Thượng nghị sĩ Robert Torricelli nói rằng tai nạn trên không đó sẽ tạo "một thay đổi quan trọng trong bang giao hai nước" và sẽ có "trừng phạt." (4) Dân biểu Robert Matsui, ngày 25/4, nhận xét rằng các nhà lập pháp Hoa Kỳ "bây giờ nhìn Trung Quốc với thái độ thù nghịch hơn." Trong khi đó, báo chí Hoa Kỳ tiết lộ "nhiều viên chức cao cấp Hoa Kỳ rất bực mình" với việc Trung Quốc cầm giữ phi hành đoàn Hoa Kỳ trong suốt 11 ngày, và họ có ý định buộc Trung Quốc phải "trả giá." (5)

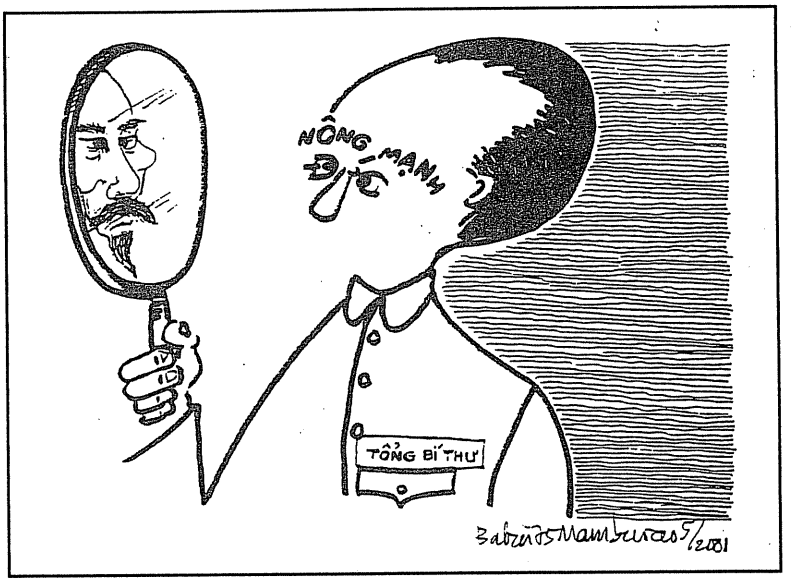

Việc bắt Trung Quốc trả giá được thể hiện qua một số hành động, từ những quyết định hành chánh đến quyết định bán vũ khí cho Đài Loan và những lời tuyên bố về chính sách của Mỹ. Thứ nhất, Mỹ cấp chiếu khán cho cựu Tổng Thống Đài Loan Lý Đăng Huy sang Mỹ thăm trường cũ (đại học Cornell) từ ngày 30/4 đến ngày 4/5. (6) Chuyến viếng thăm của ông này mấy năm trước hồi ông còn là Tổng Thống Đài Loan đã bị Trung Quốc cực lực phản đối và làm thương tổn bang giao Hoa-Mỹ trong một thời gian. Thứ hai, Mỹ đồng ý để Tổng Thống Đài Loan đương nhiệm Trần Thụy Biển ghé Houston và New York trên đường thăm viếng năm quốc gia Trung Mỹ, ông cũng có thể gặp gỡ các dân biểu, nghị sĩ Mỹ trên những trạm ngừng chân của ông. Thứ ba, Hạ Viện Mỹ, ngày 24/4, đồng thanh thông qua một quyết nghị yêu cầu chính phủ Hoa Kỳ ủng hộ đơn xin gia nhập Tổ Chức Mậu Dịch Quốc Tế của Đài Loan. Thứ tư, cùng trong ngày hôm ấy, Tổng Thống Bush loan báo quyết định bán cho Đài Loan một số vũ khí trị giá bốn tỷ Mỹ kim gồm có bốn tiềm thủy định loại Kidd, 12 máy bay chống tàu ngầm P-3 Orion, và tám tàu ngầm chạy bằng diesel. (7) Đây là một vụ chuyển giao vũ khí lớn nhất cho Đài Loan trong vòng 10 năm qua. Tuy Mỹ không bán cho Đài Loan những loại vũ khí mà Đài Loan muốn mua, như tiềm thủy đĩnh loại Arleigh Burke trang bị hệ thống radars tối tân Aegis có khả năng phát hiện 100 mục tiêu cùng một lúc, hỏa tiễn phòng thủ chống hỏa tiễn Patriot PAC-3, và hỏa tiễn HARM có khả năng đánh

phá các mục tiêu ở sâu trong lục địa Trung Quốc, Mỹ cũng bán cho Đài Loan một số vũ khí mà Trung Quốc coi như là vũ khí tấn công (chứ không phải phòng thủ), như các tầu ngầm và máy bay chống tàu ngầm. (8) Một viên chức dấu tên của Trung Quốc nói với báo chí rằng quyết định của Bush làm Trung Quốc rất bực bội và sẽ đưa đến "hậu quả nặng nề." (9)

Ngay ngày hôm sau, 25/4, trong một cuộc phỏng vấn vô tuyến truyền hình, Tổng Thống Bush tuyên bố rằng ông sẽ áp dụng "mọi biện pháp cần thiết" để giúp bảo vệ Đài Loan chống một cuộc tấn công của Trung Quốc. Dù cố ý hay vô tình, với lời tuyên bố này, ông Bush có vẻ như đã dẹp bỏ chính sách "mơ hồ chiến lược" (strategic ambiguity) mà Mỹ theo đuổi từ 22 năm qua đối với Đài Loan, chuyển sang chính sách "minh bạch chiến lược" (strategic clarity), một chính sách mà nhiều cố vấn của ông đã từng cổ võ, kể cả chánh văn phòng của Phó Tổng Thống Dick Cheney, Thứ Trưởng Quốc Phòng Paul Wolfowitz, và Thứ Trưởng Ngoại Giao Richard Armitage. Cái mới trong chính sách này đã được xác nhận khi chính Phó Tổng Thống Dick Chenney nói với Fox News hôm 29/4 rằng câu tuyên bố của Tổng Thống Bush cam kết dùng mọi biện pháp giúp phòng thủ Đài Loan không phải là một "lầm lẫn," mà vì Mỹ không muốn Trung Quốc hiểu lầm chính sách của Mỹ.

Lời tuyên bố của Tổng Thống Bush bị Trung Quốc phản đối kịch liệt. Phó Ngoại Trưởng Trung Quốc Lý Triệu Tinh đòi đại sứ Mỹ Joseph Prueher yêu cầu Tổng Thống Bush "rút lại quyết định sai lầm, đình chỉ việc bán vũ khí cho Đài Loan để tránh làm tổn hại cho mối bang giao hai nước" và cảnh cáo rằng vụ này sẽ có "hậu quả trầm trọng đối với sự cộng tác hai nước trong việc chống phổ biến vũ khí." Ngày 26/4 phát ngôn viên bộ Ngoại Giao Trung Quốc, bà Trương Khải Nguyệt, họp báo tuyên bố "chính phủ và nhân dân Trung Quốc phẫn nộ và phản đối" những lời phát biểu "hết sức lầm lẫn" của Tổng Thống Bush; điều này chứng tỏ Hoa Kỳ đang đi sâu vào một "con dốc nguy hiểm." Bà cho rằng lời tuyên bố của Tổng Thống Bush có tác dụng khuyến khích phong trào đòi độc lập ở Đài Loan, gây nguy hại cho hòa bình và ổn định trong vùng eo biển Đài Loan, và làm tổn hại cho mối bang giao Hoa-Mỹ." Báo chí Trung Quốc đòi Hoa Kỳ phải "ghìm cương ngựa trước khi nó lao xuống vực thẳm," và cảnh cáo các nhà lãnh đạo Đài Loan sẽ tự rước lấy lãnh thảm họa nếu họ toa rập với Mỹ kìm chân Trung Quốc. (10)

Cố Gắng Hạn Chế Căng Thẳng

Đòi hỏi của Trung Quốc mà Mỹ cho là thái quá và phản ứng cứng rắn của chính quyền Bush đã tạo ra một tình trạng căng thẳng giữa hai nước, một tình trạng cần phải ngăn chặn trước khi nó đi đến mức độ nguy hiểm. Có lẽ vì hiểu như vậy cho nên các phụ tá của ông Bush đã cố gắng giải thích rằng lời tuyên bố của Tổng Thống Bush ngày 25/4 không khác gì lời phát biểu của ông trước khi ông làm Tổng Thống, và chính sách của Mỹ đối với Trung Quốc và Đài Loan — chính sách công nhận chỉ có "một Trung Quốc" — vẫn không thay đổi. Khi cựu Tổng Thống Hoa Kỳ Bill Clinton gặp Tổng Thống Trung Quốc Giang Trạch Dân tại một hội nghị thương mại quốc tế tại Hồng Kông ngày 9/4, ông cũng có dịp trao cho Giang Trạch Dân lời nhắn của chính quyền Bush là chính quyền mới muốn có liên hệ tốt đẹp với Trung Quốc.

Trong khi đó thì cả Đài Loan lẫn Trung Quốc đều lên tiếng đề nghị nối lại cuộc thương thuyết về vấn đề thống nhất đã bị chấm dứt từ tháng 7/1999 vì Tổng Thống Đài Loan lúc ấy tuyên bố mối liên hệ giữa Đài Loan với Trung Quốc là mối liên hệ giữa hai "quốc gia." Ngay cả khi Mỹ tái tục phi vụ không thám, Trung Quốc cũng chỉ có phản ứng nhẹ nhàng, Tổng Thống Trung Quốc Giang Trạch Dân tuyên bố với báo chí khi ông dự hội nghị thương mại quốc tế ở Hồng Kông kể trên rằng Trung Quốc sẽ tiếp tục "mở cửa giao tiếp với thế giới bên ngoài và tuân thủ các mô thức hành động phổ quát." (11) Đại sứ Trung Quốc ở Mỹ, ông Dương Khiết Trì, xác nhận trong bữa cơm trưa ngày 11/5 với các biên tập viên và phóng viên tờ *Washington Post* rằng Trung Quốc không phải là mối đe dọa của Mỹ và Trung Quốc cũng không có ý định đối nghịch với Mỹ. Ông khuyên Mỹ nên có một chính sách "tế nhị" (sensitive) đối với Trung Quốc, vì Trung Quốc cũng có những phàn nàn chính đáng. Khi ông James Kelly, Phụ Tá Tổng Trưởng Ngoại Giao Mỹ đặc trách Đông Á và Thái Bình Dương viếng thăm Trung Quốc để giải thích kế hoạch thiết lập hệ thống hỏa tiễn phòng thủ của Mỹ, mặc dầu Trung Quốc chống kế hoạch ấy, hai bên vẫn

cam kết cộng tác để duy trì mối giao hảo giữa hai nước. (12)

Cạnh Tranh Quyền Lực

Vụ đụng máy bay trên không hồi đầu tháng Tư vừa qua xảy ra vào một thời điểm bất thuận lợi trong bang giao Hoa-Mỹ. Trong khi Trung Quốc còn chưa hết bất mãn với vụ phi cơ Mỹ ném bom [nhầm] vào sứ quán Trung Quốc ở Belgrade năm 1999 và đang phản nàn Mỹ can thiệp vào nội bộ của Trung Quốc khi lên án Trung Quốc đàn áp phái Pháp Luân Công thì ở Mỹ lại có một chính quyền mới được coi là có thái độ cứng rắn hơn đối với Trung Quốc. Chính quyền này cũng đang bực bội vì một số các hoạt động gián điệp đánh cắp kỹ thuật quân sự của Mỹ và việc Trung Quốc bắt giữ một số học giả người Mỹ gốc Hoa.

Tai nạn kể trên là điều khó tránh vì trong vòng một năm qua Hoa Kỳ đã thực hiện khoảng 200 phi vụ thám thính sát lãnh thổ Trung Quốc, trong khi đó thì càng ngày các phi công theo rõi của Trung Quốc càng bay sát hơn để đe dọa phi cơ Mỹ. Nhưng nó chỉ là biểu hiện bên ngoài của một tình trạng căn bản. Đó là sự cạnh tranh quyền lực giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc trong vùng Á Châu Thái Bình Dương. Trung Quốc coi Hoa Kỳ như một trở ngại cho việc thống nhất với Đài Loan và mộng trở thành một cường quốc hùng cứ trong khu vực Á châu. Hoa Kỳ càng ngày càng e ngại ý đồ của Trung Quốc tại Á Châu và tìm cách đối phó.

Cuộc chiến tranh vùng vịnh năm 1991 và Kosovo năm 1999 khiến các nhà lãnh đạo quân sự Trung Quốc thấy rõ chênh lệch giữa tình trạng vũ trang của Trung Quốc so với các khí giới hiện đại siêu việt của Hoa Kỳ. Bạch Thư của bộ Quốc Phòng Trung Quốc phổ biến tháng 10 năm 2000 chỉ trích Hoa Kỳ đang thi hành chính sách "ngoại giao được hỗ trợ bằng tàu chiến," chính sách "tân can thiệp," và chính sách "tân thực dân kinh tế," đồng thời coi Mỹ như một trở ngại cho việc Trung Quốc thống nhất với Đài Loan và dự định trở thành một cường quốc thống soái trong khu vực Á Châu. Sự lo ngại này được củng cố bởi chính sách cứng rắn của chính quyền mới ở Hoa Thịnh Đốn. Chính quyền Bush dẹp bỏ chính sách cũ của chính quyền Clinton coi Trung Quốc như một "đồng minh chiến lược" mà chỉ coi Trung Quốc như một kẻ "cạnh tranh chiến lược," bỏ chính sách coi Trung Quốc là ưu tiên (China first) mà coi Nhật Bản là ưu tiên (Japan first), và bỏ luôn cả chính sách của Clinton ngưng chỉ việc đưa ra nghị quyết chỉ trích Trung Quốc vi phạm nhân quyền trong khóa họp thường niên của Ủy Ban Nhân Quyền Liên Hiệp Quốc. Chính quyền Bush lại có nhiều viên chức cao cấp thân Nhật và nghi ngờ Trung Quốc. Trong bối cảnh đó, sách lược của Trung Quốc là một mặt dọa Đài Loan để Đài Loan không dám tuyên bố độc lập, mặt khác tăng cường sự hiện diện hải quân để cản trở các hoạt động của Mỹ trong vùng Thái Bình Dương. Sách lược này đưa đến việc hiện đại hóa quân đội và chương trình mua võ khí tối tân của Nga. Chương trình hiện đại hóa quân đội còn nhằm mục tiêu khiến Trung Quốc có đủ sức mạnh để trở thành một cực trong thế chính trị quốc tế đa cực chống lại hệ thống chính trị quốc tế nhất cực dưới sự khống chế của Mỹ.

Về phía Hoa Kỳ, họ quan tâm đến việc Trung Quốc tăng số hỏa tiễn tầm ngắn dàn trên bờ biển đối diện với Đài Loan từ 50 lên đến 300 và việc Trung Quốc mua của Nga tiềm thủy đĩnh loại Kidd, các tàu ngầm mới và các loại máy bay chiến đấu SU-27 và SU-30. Những vũ khí này cho Trung Quốc khả năng phong tỏa hai hải cảng lớn nhất của Đài Loan là Kaohsiung ở phía Nam và Keeling ở phía Bắc. Thêm vào đó, trong tháng Ba vừa qua Trung Quốc đã quyết định tăng ngân sách quốc phòng lên 17.7 phần trăm, một ngân sách quốc phòng lớn nhất trong vòng 20 năm qua, trong khi ngân sách quốc gia đang bị thâm thủng nặng. Phải chăng Trung Quốc thấy nếu muốn thống nhất Đài Loan thì phải chuẩn bị chiến tranh với Mỹ? Sự quan tâm của các chiến lược gia Mỹ về ý đồ của Trung Quốc được thể hiện trong văn kiện "Cái Nhìn Chung về năm 2020" (Joint Vision 2020) của bộ Tham Mưu Liên Quân Mỹ công bố năm 1999. Tài liệu đó không chỉ đích danh Trung Quốc nhưng đã nói đến khả năng xuất hiện trong tương lai của một "kẻ cạnh tranh ngang hàng" (peer competitor). Vì thế, quân đội Mỹ đã dần dần chuyển trọng tâm hoạt động từ Âu Châu sang Á Châu là nơi mà bộ Quốc Phòng Mỹ cho là vùng có thể xảy ra những đụng độ quân sự trong tương lai. Trong những năm gần đây Mỹ đã gửi nhiều tàu chiến hơn sang vùng biển Thái Bình Dương và thực hiện nhiều cuộc tập trận hơn ở Á Châu. Một dự thảo về sách lược quốc phòng mới của Hoa Kỳ được

Ngũ Giác Đài phổ biến trong nội bộ để tham khảo ý kiến hồi trung tuần tháng Năm đã nhận định rằng Thái Bình Dương là khu vực quan trọng nhất đối với các chiến lược gia Hoa Kỳ, và Trung Quốc có thể trở thành một mối đe dọa cho các căn cứ của Mỹ ở Á Châu. (13) Tạp chí *Newsweek* số ngày 7/5/2001 tiết lộ rằng một nhóm chuyên viên Mỹ dưới sự hướng dẫn của Thứ Trưởng Quốc Phòng Wolfowitz tin rằng đây là lúc thuận lợi nhất để tăng cường sự hiện diện quân sự của Mỹ ở Á châu trong khi Trung Quốc còn quá yếu để chống lại. Những người này dự đoán Trung Quốc sẽ trở thành một cường quốc, và liên hệ giữa Mỹ với Trung Quốc sẽ gồm cả sự cộng tác lẫn đối đầu. Vì thế, cần làm cho Trung Quốc hiểu rõ quyền lợi chiến lược sinh tử của Mỹ ở Á châu để tránh hiểu lầm và đụng độ. Tác dụng của thái độ cứng rắn của Trung Quốc trong vụ đụng máy bay vừa qua trên cách suy nghĩ của giới chức quân sự Hoa Kỳ được tóm gọn trong lời tuyên bố với báo chí của Đô Đốc Dennis Blair, Tư Lệnh Các Lực Lượng Thái Bình Dương của Mỹ, khi ông ghé Tân Gia Ba ngày 18/5/2001. Ông nói: "Tôi không coi vụ [đụng máy bay] đó giản dị chỉ là một cuộc khủng hoảng giữa Mỹ và Trung Quốc. Câu hỏi cần được đặt ra là, [trong tương lai] khi Trung Quốc mạnh hơn và có nhiều thế lực hơn, liệu Trung Quốc có chịu tuân thủ các luật chơi mà tất cả chúng ta đã đồng ý hay Trung Quốc sẽ đòi đặt ra những quy luật mới cho khu vực kế cận Trung Quốc nơi mà Trung Quốc có thể áp đặt bằng sức mạnh quân sự của mình." (14)

Tương lai nào cho Á Châu?

Những người lạc quan hy vọng rằng vì quyền lợi của hai nước, vì cán cân lực lượng còn chưa thuận lợi cho Trung Quốc, sau cơn khủng hoảng này bang giao hai nước sẽ được ổn cố. Những người lo xa thì muốn chuẩn bị cho viễn tượng một ngày kia khi Trung Quốc lớn mạnh hơn nhiều, Hoa Kỳ có thể bị đẩy ra khỏi khu vực Thái Bình Dương và Trung Quốc sẽ làm bá chủ một trục giao thông đường biển quan trọng nối Thái Bình Dương qua Ấn Độ Dương đến vùng vịnh Ba Tư.

Đối với Hoa Kỳ thì đã vậy. Đối với các quốc gia nhỏ bé vùng Đông Nam Á, thái độ của Trung Quốc trong không nạn vừa qua có một ý nghĩa đặc biệt. So với Hoa Kỳ, sức mạnh quân sự hiện tại của Trung Quốc không thấm vào đâu. Thế mà Trung Quốc còn dám có những đòi hỏi quá đáng và còn huênh hoang tuyên bố "dạy cho Bush một bài học." Khi sức mạnh quân sự của Trung Quốc lớn hơn nữa, khi nó đạt được khả năng gián chỉ (deterrence) với Hoa Kỳ, thống nhất được với Đài Loan, chế ngự vùng biển phía Nam Trung Quốc, thì tương lai những nước nhỏ bé ở Đông Nam Á đang có tranh chấp chủ quyền với Trung Quốc trên những quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa, như Việt Nam, sẽ đi về đâu?

Một số chiến lược gia Mỹ cho rằng chính sách cô lập hóa, đương đầu với Trung Quốc chỉ dồn Trung Quốc vào tâm trạng bất ổn và thái độ hiếu chiến. Họ chủ trương cần phải tăng cường liên lạc với Trung Quốc, khuyến khích Trung Quốc hội nhập vào nền kinh tế toàn cầu, đưa Trung Quốc vào con đường dân chủ hóa. Đạt được mục tiêu ấy, Trung Quốc sẽ không còn là một đe dọa đối với hòa bình và ổn định ở Á Châu, nói riêng, và trên thế giới, nói chung. Đó là một mục tiêu tốt. Nhưng nếu không đạt được mục tiêu ấy thì sao? Đâu sẽ là lối thoát của Hoa Kỳ và của các quốc gia nhỏ bé ở Á Châu?

20-5-2001

(1) *The New York Times*, April 2, 2001

(2) *The Washington Post*, April 9, 2001

(3) CNN Update, April 21, 2001

(4) Associated Press, April 15, 2001

(5) *The Washington Post*, April 14, 2001

(6) Chuyến đi này bị hoãn vì lý do sức khỏe của ông Lý Đăng Huy

(7) Loại tàu ngầm này dùng thiết kế và kỹ thuật của Đức và Hòa Lan, nhưng hai nước này cho biết họ không cho phép Mỹ dùng thiết kế và kỹ thuật của họ trong vụ bán vũ khí này.

(8) Trước khi xảy ra tai nạn máy bay, Phó Thủ Tướng Tiền Kỳ Tham khi viếng thăm Hoa Kỳ đã cảnh cáo rằng việc bán tiềm thủy đĩnh tối tân loại Arleigh Burke cho Đài Loan vi phạm thông cáo chung Hoa-Mỹ năm 1982, và nó sẽ chuyển tiến trình thống nhất Đài Loan với Trung Quốc "từ phương cách hòa bình sang phương cách quân sự." Sa Tổ Khanh, viên chức cao cấp Trung Quốc phụ trách thương thuyết kiểm soát võ trang, nhận xét rằng "Việc Mỹ bán vũ khí cho Đài Loan đã là tệ rồi, bán tiềm thủy đĩnh trang bị Aegis là tệ nhất. Bán tiềm thủy đĩnh trang bị Aegis hay phi cơ chống tàu ngầm PAC-3 có nghĩa là Mỹ muốn phục hồi liên minh quân sự với Đài Loan." (*The Washington Post*, April 14, 2001)

(9) *The Washington Post*, April 27, 2001

(10) *The New York Times*, April 28, 2001; *The Washington Post*, April 26-27, 2001

(11) *The Washington Post*, May 8, 2001

(12) *The Washington Post*, May 16, 2001

(13) *The New York Times*, May 17, 2001

(14) AFP, May 18, 2001

Tìm hiểu sự hình thành các vùng biên giới Việt Nam

QUAN NIỆM CỦA NGƯỜI VIỆT XƯA VỀ KHÔNG GIAN SINH TỒN, LÃNH THỔ VÀ QUỐC TỊCH

NGUYỄN VĂN HUY

Cho tới nay công cuộc mở mang bờ cõi thường được biết đến qua cuộc Nam tiến, tức sự nới rộng lãnh thổ về phía Nam. Cuộc Nam tiến này thật ra cũng ít người nắm vững, người ta đại khái chỉ biết là nó bắt đầu từ năm 1069 và kết thúc vào khoảng thế kỷ 18, kéo dài hơn gần bảy thế kỷ, và cũng không ít người cho rằng hình thể đất nước Việt Nam có được ngày nay là do cuộc Nam tiến đó.

Thực tế đã không hẳn như vậy. Cuộc Nam tiến của người Việt cho đến đầu thế kỷ 18 chỉ chinh phục được một dải đất hẹp chạy dài từ vùng đồng bằng duyên hải miền Trung đến vùng ven biển tỉnh Đồng Nai, sau đó tỏa rộng xuống châu thổ sông Cửu Long. Vùng đất rộng lớn trên cao nguyên miền Trung hoàn toàn xa lạ với người Việt và chỉ mới hội nhập vào Việt Nam hồi đầu thế kỷ này (*tức thế kỷ 20 - TS*) mà thôi.

Nhiều người tự hỏi tại sao trong suốt cuộc Nam tiến người Việt không hề nghĩ đến việc tiến lên cao nguyên lập nghiệp hay chinh phục các hải đảo ngoài khơi? Có thể trả lời rằng vì đó không phải là không gian sinh tồn đúng như quan niệm của người Việt xưa đã có. Cho tới một ngày gần đây dân tộc Việt Nam vẫn chỉ là một dân tộc lục địa, sinh sống bằng nghề trồng lúa nước ở vùng đất thấp, tập trung vào những thành phố hay khu dân cư đông đúc, cạnh những dòng sông và vùng duyên hải. Núi rừng và biển cả, cho đến nửa cuối thế kỷ 20, chưa bao giờ hấp dẫn cộng đồng người Kinh.

Quan niệm về không gian sinh tồn

Theo quan niệm của người Việt xưa, không gian sinh tồn là một không gian thuần chủng, nơi không có sự pha trộn giữa các giống nòi, đó là một không gian thuần túy của người Kinh. Trong suốt thời kỳ lập quốc, những cuộc hôn nhân đị chủng, nhất là với những dân tộc khác văn hóa, rất khó được xã hội chấp nhận, và nếu vì bắt buộc thì phải được đền bù bằng những món quà đáng kể, chẳng hạn như liên minh quyền lực hay đất đai. Quan niệm này, một cách vô thức, vẫn còn tồn tại trong sinh hoạt của từng người Việt, nhất là tại những nơi có sự cộng cư với các chủng tộc khác.

Quan niệm về không gian sinh tồn, được thành hình từ năm 2224 trước công nguyên dưới thời vua Thuấn, đã được người Trung Hoa, sau đó là người Việt Nam, chấp nhận như một nguyên lý tổ chức xã hội. Theo đó, không gian sinh tồn được chia thành năm ô vuông, mỗi ô tập trung một thành phần chủng tộc riêng biệt với một chỗ ở cố định; khoảng cách giữa các ô là 500 dặm (khoảng 247 cây số).

- Ô vuông đầu tiên là "khu cấm thành," nơi cư trú của vị quân vương và các sinh hoạt triều chính; ô này tuy không rộng lớn nhưng là khu vực trung tâm, nơi tập trung tối cao của ánh sáng văn minh và quyền lực.

- Ô vuông thứ hai là "khu hoàng thành," nơi các hoàng thân và công thần được ban phong đất đai để cai trị; khoảng cách xa gần với khu vực trung tâm tùy thuộc sự tin cẩn của vị quân vương trong mục đích có thể trở về bảo vệ khu vực cấm thành nhanh nhất khi có loạn.

- Ô vuông thứ ba là "khu an bình," nơi sinh cư lập nghiệp của đại đa số quần chúng cùng chủng tộc trên những vùng đất thấp trong lục địa, xa kinh đô và được cai quản bởi các quan chức hay lãnh chúa địa phương do triều đình ủy nhiệm.

- Ô vuông thứ tư là "khu vực cưỡng chấp," nơi sinh trú của những người không cùng giống nòi ở vùng ngoại biên: 300 trăm dặm

đầu là khu vực trái độn, chỗ ở của những dân "man" tiến bộ (các sắc tộc thiểu số hay các lân quốc thần phục triều đình, còn gọi là "thuộc man" hay "thuộc quốc"); 200 dặm sau dành cho những tội phạm bị đày biệt xứ.

- Ô vuông sau cùng là "khu vực vô cương," nơi không có cương thường đạo lý: 300 dặm đầu là nơi cư trú của những loại "man" chưa thấm nhuần đạo lý của thánh hiền (Khổng Mạnh) còn rất hung hăng; 200 dặm sau là khoảng trống, nơi sinh trú của các sắc dân không có chỗ ở nhất định và những vùng đất không được biết tới.

Theo sự sắp xếp trên, người Hoa và người Việt chỉ có thể sinh trú trong một không gian thuần chủng, tập trung ở ba ô đầu, tức khu vực nội biên, chốn thị thành và những vùng đất thấp, mà sinh hoạt kinh tế chính là trồng lúa nước và trao đổi nông phẩm. Núi rừng và biển cả thuộc hai không gian còn lại.

Tại Việt Nam, cho đến giữa thế kỷ 16, chỉ khu vực quanh đế đô Thăng Long mới hội đủ điều kiện áp dụng nguyên tắc trên; các sắc tộc thiểu số ở miền thượng du Bắc Việt là những "thuộc man" sinh trú trong 200 dặm đầu của ô vuông thứ tư; nơi sinh trú của họ được gọi là Kẻ Đông, Kẻ Bắc, Kẻ Tây và Kẻ Nam ("kẻ" có nghĩa là người xa lạ ở ngoài vòng đai thân thuộc). Các sắc dân Bồn Man, Lão Qua hay Ai Lao cũng được xếp vào không gian này. Phần đất phía sau nơi sinh trú của họ là nơi đày ải những tội phạm biệt xứ. Cũng nên biết tội biệt xứ là tội chết, một loại án tử hình treo dành cho những tội phạm chưa đáng bị chém đầu; những tội phạm biệt xứ thường chết vì đói khát, bệnh tật hay lao lực trên những vùng rừng thiêng nước độc, nơi không có người đồng chủng để cưu mang.

Năm 1558, khi Nguyễn Hoàng xin vào trấn thủ Thuận Hóa, Trịnh Kiểm liền đề nghị vua Lê Anh Tôn chấp thuận. Thuận Hóa đối với Thăng Long là khoảng sau của ô vuông thứ tư, tức vùng đất dành cho những người bị đày biệt xứ và là nơi sinh trú của những sắc dân không cùng giống nòi. Trịnh Kiểm tin rằng Nguyễn Hoàng không thể tồn tại Thuận Hóa vì đất đai nơi đây nghèo nàn, khí hậu khắc nghiệt và bão tố liên miên; đây cũng là cách loại trừ một đối thủ hợp pháp. Nguyễn Hoàng thì không nghĩ như vậy, vào Thuận Hóa là để tránh xa kinh đô, xây dựng lực lượng trở về kinh đô loại đối thủ là chúa Trịnh. Do đó, để hợp thức hóa không gian mới này, Nguyễn Hoàng chọn làng Ái Tử làm khu vực trung tâm, các vùng đất khác là những không gian còn lại. Những người theo Nguyễn Hoàng tự nhận mình mới là chính thống nên gọi vùng đất mới này là xứ Đàng Trong, khi những nhóm dân cư miền Bắc trung thành với nhà Lê hay chúa Trịnh bị xem là người ngoại thuộc, xứ Đàng Ngoài. Quyết định của Nguyễn Hoàng không ngờ đã mở ra một cuộc di dân lớn không ngừng mở rộng không gian sinh tồn về Nam. Từ 1600 trở đi, những di dân mới này đã vận dụng toàn lực xây dựng không gian sinh tồn Thuận Hóa thành một trung tâm hùng cường.

Tại đây một vấn đề địa lý lại đặt ra, không gian sinh tồn mới này vì trải dài trên một dải đất hẹp không thể tổ chức xã hội theo khuôn mẫu ở Đàng Ngoài, do đó ba ô vuông đầu được giới hạn trên các đồng bằng duyên hải Bình Trị Thiên, phần đất phía Tây là những không gian ngoại thuộc; từ đó mới nảy sinh các danh xưng "thuộc man" và "thuộc quốc." "Thuộc man" là những sắc dân ở cạnh "khu vực an bình" thần phục triều Nguyễn để được ban phong tước hiệu triều đình và trao đổi lương thực, "thuộc quốc" là những lãnh thổ có tổ chức nhưng yếu kém hơn, chịu thần phục để được che chở như Chiêm Thành, Láng Cháng, Vạn Tượng và Chân Lạp. Khoảng đầu của ô vuông thứ tư, hay khu vực trái độn, được giới hạn ở ngoại vi các vùng đất thấp đã bình định tới dưới chân dãy Trường Sơn về phía Tây, nơi sinh trú của những "thuộc man" (các sắc tộc Thượng sinh sống trên Tây Nguyên và Lào) và những "thuộc quốc" (Chiêm Thành, Nam Bàn, Trà Lai và Chân Lạp). Đằng sau khu vực trái độn là các vùng duyên hải chưa bình định ở phía Nam dành cho những kẻ bị đày biệt xứ chứ không phải các vùng rừng núi. Tại đây, những người biệt xứ thường lấn chiếm không gian sinh tồn của người Chiêm Thành ở phía Nam để tìm lương thực. Người Chăm đã nhiều lần nổi lên chống lại triều Nguyễn, một phần vì muốn giành lại các vùng đất đã mất trước đó, một phần cũng vì bực tức những hành vi bất hảo của những tội phạm biệt xứ trong vùng trái độn.

Ô vuông thứ năm, "khu vực vô cương," là vùng rừng núi phía Tây các tỉnh miền Trung, nơi sinh trú của những sắc tộc Thượng chưa được soi sáng bởi Khổng Giáo. Trong "khu vực vô cương" này, cho đến cuối thế kỷ 19 ít có người Kinh nào dám tự ý phiêu lưu vào sinh cư lập nghiệp, kể cả những tội phạm biệt

xứ. Nếu người Hoa xây Vạn Lý Tường Thành ngăn chặn rợ Hung thì người Kinh xây Tịnh Man Trường Lũy ngăn cản người Thượng dọc "khu vực vô cương." Việc xây thành đắp lũy ngăn chặn sự tiếp xúc với những sắc dân khác là phản ứng tự nhiên của những dân tộc đồng bằng, sống co cụm để bảo tồn sự thuần nhất của chủng tộc. Quyết tâm ngăn chặn sự xâm nhập của những nhóm dân "man" đã được tiến hành trong suốt 350 năm, từ giữa thế kỷ 16 khi vua Lê Trang Tôn năm 1540 ủy nhiệm trấn quận công Bùi Tá Hán vào dẹp loạn Đá Vách (người Hré) phía Tây các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi và Bình Định, và chỉ chấm dứt vào tháng 4-1899 khi Pháp giải thể chính sách Sơn Phòng Trấn, một chương trình phòng thủ các tỉnh Quảng Ngãi và Bình Định do tiểu phủ sứ Nguyễn Tấn thành lập năm 1869 thay thế Trấn Man của Lê Văn Duyệt năm 1804.

Nói tóm lại, trong suốt cuộc Nam tiến, người Việt không hề có ý định lên Tây Nguyên hay thám hiểm biển cả để tìm đất sống. Không gian sinh tồn của người Kinh chỉ quanh quẩn ở những vùng đất thấp trong châu thổ sông Hồng, sông Cửu Long và các đồng bằng duyên hải miền Trung. Lãnh thổ Việt Nam chỉ thực sự mở rộng và ổn vững dưới sự cai trị của người Pháp sau 1884.

Quan niệm về lãnh thổ và ranh giới

Lãnh thổ và ranh giới nước Việt Nam được thành hình như thế nào qua các thời đại, ít có tài liệu Việt ngữ nào giải thích cặn kẽ. Từ thời lập quốc, chúng ta không rõ nước Văn Lang đã được hình thành như thế nào và lớn rộng tới đâu. Dưới thời Bắc thuộc, lãnh thổ Giao Châu dừng lại ở đâu là một dấu hỏi, còn trụ đồng Mã Viện cho đến nay không ai biết được dựng lên ở biên giới nào. Sang thời tự chủ, ranh giới giữa Đại Việt và các lân bang lại càng không rõ vì chinh chiến liên miên, lãnh thổ co giản tùy theo sự lớn mạnh của mỗi triều đại. Chỉ đến khi bị Pháp chiếm đóng và cai trị, Việt Nam mới có một vị trí địa lý - chính trị ổn định.

Theo quan niệm xưa, lãnh thổ là một không gian nội vi thuần chủng với những khu vực ngoại vi đa chủng. Không gian thuần chủng (người Kinh) là một không gian cụ thể, tập trung quanh khu vực trung tâm trong ba ô vuông đầu, đặt dưới sự cai quản của một dòng vương hay một triều đại, có thể đo lường qua số lượng dân cư, đất canh tác và nguồn thuế thu nhập. Khu vực ngoại vi, hay "khu vực cưỡng chấp," là một không gian trừu tượng, rộng hẹp tùy theo ân đức của vị quân vương đối với các chủng tộc sinh sống trong đó. Chính sự lấn cấn giữa không gian cụ thể và không gian trừu tượng này mà ranh giới nước Việt xưa, từ thời tự chủ đến cuối thế kỷ 19, rất khó xác định.

Về định mức phân chia, lãnh thổ nước Việt xưa được chia làm hai loại: nội biên và ngoại biên. Nội biên là lằn ranh hành chánh phân chia lãnh thổ giữa các "khu vực an bình" với nhau; ngoại biên là lằn ranh phân chia khu vực nội biên với nơi sinh trú của những sắc dân dị chủng ở hai ô vuông sau. Trong không gian thuần chủng, hay lãnh thổ nội biên, sự phân chia các khu vực hành chánh giữa các địa phương với nhau tương đối rõ ràng. Người ta thường lấy con sông, ao hồ, chân núi, gốc cây cổ thụ, viên đá tảng, bìa rừng, cây cầu cạnh thửa ruộng canh tác cuối cùng của một địa phương hay dòng họ làm định mức. Những lằn ranh này trong thực tế đã được tôn trọng một cách tự nhiên giữa các địa phương và các nhóm dân cư với nhau, triều đình đã chỉ hợp thức hóa để tổ chức thành đơn vị hành chánh như "thôn, làng, xã, huyện, phủ" khi một ngôi đình dựng lên. "Khu vực cưỡng chấp," hay lãnh thổ ngoại biên, tổ chức chính trị lúc đầu do quân đội nắm giữ, sau đó giao lại cho những người lãnh đạo địa phương khi trật tự và an ninh được vãn hồi. Tên các đơn vị hành chánh cũng khác: "sách, nguồn, tổng, châu, trấn" dành cho những khu vực nằm ở phần đầu ô vuông thứ tư do những nhân sĩ địa phương quản trị; "nguyên, đạo, cơ" dành cho những địa danh ở phần sau do quân đội quản lý.

Về mặt chiến lược, các vùng đất ngoại biên thường được dùng làm vùng trái độn để ngăn chặn các cuộc xâm lăng đến từ bên ngoài vào khu vực trung tâm. Do không đủ khả năng chi phối các sắc dân sinh sống bên ngoài lãnh thổ ngoại biên, triều đình Việt Nam thường cảm hóa những sắc dân không cùng văn hóa và chủng tộc sống trên lãnh thổ ngoại biên để nhận sự thần phục, đổi lại họ được bảo vệ, ban phong tước vị, giúp đỡ vật chất và có nhiệm vụ thu thuế và báo cáo về khu vực trung tâm những cuộc điều binh khả nghi. Chính sách này dưới triều Lê có tên là "dĩ man trị man" (dùng người địa phương cai trị người địa phương), dưới triều Nguyễn được gọi là "nhu

viễn" (cảm hóa người phương xa).

Tại miền Bắc, nơi sinh trú của những sắc dân miền núi nằm giữa các tỉnh Quảng Tây và Vân Nam (Trung Quốc) và vùng Thượng Du, cao nguyên Hòa Bình, trước kia là khu vực trái độn với các triều đại Trung Hoa. Tại miền Trung, vùng núi rừng từ phía Tây các tỉnh duyên hải miền Trung đến tả ngạn sông Mékong là khu vực trái độn với Xiêm La và Chân Lạp. Trong cuộc Nam tiến, sự có mặt của người Kinh tại đồng bằng duyên hải miền Trung không diễn ra ồ ạt ngay khi người Chăm vừa tặng đất hay mất đất, nó tiến cùng nhịp với thời gian khi số lượng người Kinh "di dân khẩn thực" vừa đủ đông để thành lập một đơn vị hành chánh; trước đó các vùng đất này chỉ là những khu trái độn, nơi xảy ra các cuộc tranh chấp với Chiêm Thành. Vì là những vùng đất thấp, thích hợp với nghề trồng lúa nước và sự đi lại khá dễ dàng, các khu trái độn duyên hải miền Trung dần dần trở thành "khu vực an bình" theo đà suy kiệt của vương quốc Chiêm Thành.

Trong "khu vực vô cương," lằn ranh rất khó xác định. Đối với người Kinh, đây là những vùng đất dữ (ác địa), nơi chưa được soi sáng bởi đuốc văn minh (Khổng Giáo), do đó không ai dám vào khai thác hay tiếp xúc, càng tránh xa bao nhiêu càng tốt. Chính vì e ngại chốn rừng thiêng nước độc, non cao hiểm trở này mà trong suốt thời kỳ lập quốc cho đến khi bị Pháp đô hộ, "khu vực vô cương" (thượng du Bắc Việt và Tây Nguyên) vẫn còn là những vùng đất vô chủ.

Do không có một ý niệm rõ ràng về lằn ranh phân chia địa giới, nhiều danh xưng được đặt ra với những nội dung mơ hồ. Khu vực giáp ranh với một lân bang được gọi là "biên cương," "cương dịch," "biên thùy" hay "biên viễn"; khu vực ngoại biên có tên "biên cảnh," "biên viên"; các vùng nội biên gọi là "biên bỉ," "biên địa," "biên duệ," "biên ngung," "biên tuyến" v.v... "Biên" chỉ là lằn ranh phân chia hai khu vực. Khi bị người phương Tây chiếm đóng, các dân tộc Á Châu, trong đó Việt Nam, mới có một khái niệm rõ ràng về lãnh thổ và biên giới quốc gia. Ngày nay danh từ "biên giới" được hiểu là lằn ranh ấn định giới hạn địa lý của một hay nhiều khu vực hành chánh, chính trị, kinh tế, văn hóa và ngôn ngữ khác nhau trong cùng một quốc gia hay với nhiều lân bang. Những biên giới này có một căn bản pháp lý vững chắc dựa trên những văn kiện chính thức do quốc hội hay chính quyền địa phương ban hành, trên phương diện quốc tế đó là những hiệp ước song phương hay đa quốc. Mỗi biên giới có những vị trí cố định, có thể nhận diện qua những cột mốc và đo đạc được.

Các vùng biên giới Việt Nam hiện nay đều do người Pháp thay mặt triều đình Huế ký với các lân bang từ cuối thế kỷ 19 và tu bổ dần qua những hiệp ước song phương. Biên giới này ổn vững trong gần 70 năm, nhưng từ giữa thập niên 1970 trở đi các cuộc tranh chấp đất đai trên bán đảo Đông Dương và ngoài khơi Biển Đông, tính cách pháp lý của những biên giới phân chia các quốc gia trong vùng Đông Nam Á đang bị đặt lại. Riêng đối với Việt Nam, các sách sử và địa lý của Trung Quốc, Hồng Kông, Đài Loan và Kampuchea thường diễn giải sai lạc các lằn ranh và lãnh hải của Việt Nam có từ thời Pháp thuộc, trong khi về phía Việt Nam chúng ta gần như nắm rõ sự hình thành các vùng biên giới của mình.

Quan niệm về công dân và quốc tịch

Ngày nay công dân và quốc tịch là hai khái niệm không thể tách rời nhau. Trên một khía cạnh nào đó, công dân thuộc lãnh vực nội biên và quốc tịch thuộc lãnh vực ngoại biên. Trong một quốc gia, công dân là những người có đầy đủ tư cách pháp lý, bất kể nguồn gốc chủng tộc, sinh sống hợp pháp trong một quốc gia hay trên một lãnh thổ có chủ quyền. Quốc tịch chỉ là sự xác nhận tư cách pháp lý đó với người ngoài. Tùy trình độ dân trí và tổ chức xã hội của mỗi quốc gia mà quyền công dân phát triển khác nhau trong khi quốc tịch không thay đổi. Công dân là một quyền pháp lý và chính trị, quốc tịch chỉ là một thủ tục hành chánh.

Quan niệm về công dân này khác với quan niệm của các xã hội Châu Á xưa, theo đó tư cách pháp lý của một công dân được xác định qua sự thần phục một triều vương, gọi là "thần dân." Những "thần dân" này có thể cùng chủng tộc, tiếng nói, phong tục tập quán nhưng cũng có thể khác hoàn toàn miễn sao thần phục một triều vương là đủ. Tuy nhiên, xã hội Việt Nam ngày xưa phân biệt hai loại thần dân: thần dân nội biên và thần dân ngoại biên. "Thần dân nội biên" là những người có cùng nguồn gốc chủng tộc, tiếng nói, phong tục tập quán và đóng thuế cho triều đình; "thần dân ngoại biên" hay "thuộc man" là

những người khác chủng tộc, tiếng nói, phong tục tập quán nhưng chịu thần phục triều đình và cống phẩm vật. Người nào ở trong hoặc cạnh khu vực an bình không nộp thuế hay không triều cống phẩm vật, không biết ai cai trị mình, tư cách "thần dân" người đó không được công nhận, nghĩa là bị bạc đãi và hành hạ. Vùng đất nào chưa tiếp nhận ánh sáng văn minh (Khổng Giáo), vùng đó vô chủ, cần phải tránh xa. Tuy nhiên cũng không thể khẳng định vùng đất nào vô chủ hoàn toàn khi có người sinh trú tại đó, do đó mỗi triều vương đều cố gắng mở rộng tối đa ảnh hưởng của mình để lôi kéo các khu vực còn tăm tối vào ánh sáng khu vực trung tâm hay thu phục những sắc dân sinh sống ở khu vực ngoại biên để tư cách "thần dân" được công nhận và cũng để bảo vệ khu vực trung tâm khi có loạn lạc.

Về quốc tịch, người Việt Nam hay người Trung Hoa ngày xưa thường xác nhận mình là "thần dân" của một triều đại, bề tôi của một vị vương, chứ ít khi xác nhận mình là người "nước Bắc" (Trung Hoa) hay người "nước Nam" (Việt Nam). Mỗi lãnh thổ đều có một danh xưng riêng nhưng người ta thường lấy tên một triều đại để xác nhận "quốc tịch" của mình vào thời điểm đó, vì trong một lãnh thổ có thể có nhiều triều đại cai quản khác nhau. Chẳng hạn như Trung Quốc có nước Ngô, nước Sở, nước Thục, v.v... Đại Việt có nhà Mạc, nhà Lê, chúa Trịnh, chúa Nguyễn, Tây Sơn. Vấn đề quốc tịch như chúng ta hiểu ngày nay không đặt ra bởi vì quốc gia ngày xưa đồng nghĩa với triều đại, đất nước là của riêng của một dòng vua; bảo vệ một quốc gia là bảo vệ một triều đại, một vị vua; từ bỏ một vị vua hay một triều đại là từ bỏ một quốc gia. Khi một triều đại sụp đổ, tư cách pháp lý này mất theo, các "thần dân" cũ nếu thần phục chủ nhân mới thì được coi là "thần dân" của triều đại mới. Quốc tịch của người Việt xưa chính vì vậy rất giản dị, một người bỏ chúa Trịnh ở Đàng Ngoài vào đầu quân chúa Nguyễn ở Đàng Trong, quốc tịch của người đó liền được công nhận.

Sở dĩ có sự giải thích dài dòng như trên chỉ vì muốn chứng minh sự mở rộng bờ cõi lãnh thổ của người Việt Nam hoàn toàn dựa trên những quan niệm xưa. Quan niệm về không gian sinh tồn thuần chủng của người Việt xưa loại hẳn những sắc tộc sinh sống cùng lãnh thổ ra khỏi vòng đai xã hội, các sắc tộc "ngoại biên" đã từng góp công góp sức trong suốt thời kỳ lập quốc và kiến quốc nhưng chưa bao giờ được nhìn nhận như là những "thần dân" (hay "công dân" theo nghĩa ngày nay) trọn vẹn. Ý niệm về lằn ranh và lãnh thổ của người Việt xưa cũng rất trừu tượng, trong quá khứ mỗi khi bị lâm nguy tổ tiên chúng ta thường tập trung bảo vệ khu vực trung tâm và vòng đai chủng tộc mà bỏ rơi các vùng "ngoại biên" (năm 1975 miền Nam sẵn sàng bỏ Tây Nguyên để bảo vệ đồng bằng), chính vì vậy Việt Nam chưa bao giờ là một nước lớn mặc dù luôn tự cho mình là nước lớn đối với các lân bang yếu kém.

Ngày nay một số quan niệm xưa vẫn còn tồn đọng trong tâm lý của mỗi người Việt, các ý niệm về lòng yêu nước và sự toàn vẹn lãnh thổ không vượt quá không gian sinh tồn và chế độ đang sống (khu vực trung tâm) ở vùng đất thấp.

Năm 1974, giữa lúc cuộc chiến tranh Nam-Bắc đang tới hồi quyết liệt, hải quân Trung Quốc tiến chiếm quần đảo Hoàng Sa, toàn thể nhân dân miền Nam đau khổ trong khi miền Bắc dửng dưng. Sau khi chiếm đóng toàn bộ lãnh thổ miền Nam, giới lãnh đạo cộng sản miền Bắc cũng không hề lớn tiếng đòi lại chủ quyền trên quần đảo Hoàng Sa và chỉ khi Trung Quốc tiến chiếm nhiều hòn đảo trên quần đảo Trường Sa lúc đó mới có phản ứng, nhưng rất yếu ớt. Khơi lại một vết thương không ai mong muốn nhưng phải khơi lại để nhắc nhở mọi người biết quí từng tấc đất của tổ tiên mà ra công bảo vệ.

Sức mạnh của một quốc gia ngày nay không phải do có vật chất dồi dào và vũ khí tối tân, mà là sự đồng thuận dân tộc. Sự đồng thuận này chỉ có thể có trong một xã hội tôn trọng tiếng nói và chỗ đứng ngang nhau giữa mọi công dân, nghĩa là chỉ có trong một chế độ tự do dân chủ. Chế độ cộng sản Việt Nam hiện nay không thể đem lại đồng thuận đó, ý thức hệ và cách tổ chức xã hội cộng sản không những duy trì những quan niệm cũ về không gian sinh tồn mà còn đóng chặt những cánh cửa mở ra những chân trời mới. Với trào lưu tiến hóa của thời đại, thay đổi chế độ độc tài cộng sản là điều có thể làm nhưng thay đổi một tâm lý "đóng cửa" đã từ lâu rỉ sét trong quan niệm sống của người Việt không phải dễ và cũng không thể thực hiện ngay tức khắc. Dù sao, ý thức được vấn đề cũng đã là một bước tiến quan trọng, nhất là cho những người còn quan tâm đến tương lai đất nước.●

TOÀN CẦU HÓA & TRẬT TỰ THẾ GIỚI MỚI

** Tiến hóa Sử luận của Toynbee*
** Sách lược Toàn Cầu Hóa và Trật Tự Thế Giới Mới*
** Viễn Đông đứng ở đâu?*

LƯU VĂN VỊNH

Tổng Thống Clinton trước khi mãn nhiệm đã dừng ở London ngày 12-12-2000 để nhắc lại lý tưởng Toàn Cầu Hóa, danh từ này và sách lược này mang nhiều ý nghĩa ở đây, từ đế đô của thế giới *"mặt trời không bao giờ lặn trên đế quốc Anh."* Trước đó một ngày, Thủ tướng Anh Tony Blair cũng đã nhấn mạnh về sách lược toàn cầu hóa kinh tế thế giới qua kỹ thuật và kiến thức nhằm giảm nghèo xóa đói cho nhân loại (... *if the poorest countries can be drawn into the global economy and get increasing access to modern knowledge and technology, it could lead to a rapid reduction in global poverty.* Trích U.K. White Paper on International Development). (1)

Đầu thập niên 1990, bức tường Bá Linh xụp đổ, chiến tranh lạnh chấm dứt, Âu Châu dần dần hiệp nhất, tham vọng thống nhất Âu châu của Nã Phá Luân, của Đức Quốc Xã, nay đã hình thành kiểu mới, chốt cuối cùng, Kosovo, rút cục cũng đã được san bằng vào cuối thiên kỷ. Trật tự Thế giới mới không còn đối cực Tư bản-Cộng sản, bắt đầu nghiêng theo hình thái mới, hình thái kinh tế, phát triển có trật tự theo quy luật quốc tế mà Anh Mỹ gọi là toàn cầu hóa. Cả hai danh từ: *world order* và *globalisation* có lẽ bắt nguồn từ suy tư của sử gia Toynbee trong đại bộ sử luận *A Study of History* xuất bản đầu thế kỷ XX, chỉ có tư tưởng gia của đế quốc Anh mới có tầm nhìn chiến lược rộng lớn như thế vì từ thế kỷ XVIII, bắt đầu với cuộc cách mệnh kỹ nghệ, vị thế của Anh vượt trội với lực lượng hàng hải trải rộng toàn cầu, tới thế kỷ XX, nước Mỹ như một gạch dài của Anh, nhập cuộc vào thế sự qua đệ nhất đệ nhị Thế chiến. Từ London, Winston Churchill nhìn thấy tham vọng của Staline, nhìn thấy nhu cầu chuyển hướng từ thực dân sang liên hiệp, *commonwealth của Anh sáng suốt tránh được hiểm họa Cộng sản,* trong khi thực dân Pháp chậm chân và không thành thật nên sa lầy vào chiến tranh nóng ở Đông Dương. Trước Toynbee và Churchill một thế kỷ, Marx và Engels cũng đã ngồi ở London để đưa ra mưu đồ Đệ nhất quốc tế, *international*, một danh từ tuy khác nội dung nhưng cùng ý hướng hợp tung liên hoành thiên hạ!

Cuộc chinh phục nửa địa cầu của Âu Tây, với Alexander The Great, từ Hy Lạp sang Hy Mã Lạp Sơn (tk IV tr.Tây lịch), đế quốc La Mã từ Rome sang Anh (khoảng 100 tr.Tây lịch tới 300 sau TL), vẫn không rộng lớn bằng vó ngựa Hung Nô từ Á sang Âu, qua Trung đông, tới Pháp, từ tk 12 tới 14, 15. Ở Đông phương, chuyện nhất thống thiên hạ thu vào Trung Hoa với Tần Thủy Hoàng thống nhất Lục quốc khoảng tk thứ III trước Tây lịch, mãi tới giữa tk XX mới lại thấy sách lược Đại Đông Á của Nhật Bản mưu đồ được dăm năm ở quanh Thái Bình Dương. Nhìn đại lược lịch sử thế giới từ hơn 2000 năm nay, người Âu Tây đã thực hiện ba lần chiến lược toàn cầu hóa:

- Thực dân (Anh, Pháp, Bồ Đào Nha, Hòa Lan...) vào thế kỷ 17-19
- Cộng Sản Quốc tế từ Nga Sô khởi đầu 1917 tới 1990
- Toàn cầu hóa thị trường khởi đi từ thập niên 1990.

Lần đầu, thực dân sách lược chiếm đất gồm yếu tố *kinh tế* song song với bành trướng *tôn giáo*.

Lần hai, Cộng Sản, mang yếu tố *ý thức hệ*, chiếm đất và dân.

Lần này, cộng đồng toàn cầu *đồng tiến,* mang mầu sắc kinh tế nhân bản hơn hai lần trước.

Tiến hóa lịch sử tiểu đại quốc theo sử gia Toynbee

Tuy Hegel triết gia Đức từ đầu thế kỷ 19 đã nói tới một nhà nước toàn cầu, nhưng tư tưởng duy lý Hegel nhìn lịch sử toàn cầu (histoire universelle) như diễn biến của Lý trí (raison) không chắc gì ảnh hưởng rộng bằng sử luận hiện đại của Toynbee. Từ đầu thế kỷ 20, giữa lúc Nga Hoa còn đang mạnh, Toynbee phân tích thịnh suy lịch sử thế giới đã nhìn ra những quy luật lịch sử khác với Marx (1818-1883). Duy vật sử quan nhìn diễn biến lịch sử theo năng động biện chứng khúc đầu và khúc giữa, tới khúc cuối lại bất động nằm ỳ ở một xã hội Cộng sản không biến hóa. Toynbee không phải là một triết gia, ông thuộc truyền thống trí thức Anglo Saxon thực tiễn, phân tích dữ kiện, suy luận trên data chứ không diễn dịch mơ mộng như Marx. Theo nghiên cứu của Toynbee, xã hội chuyển dịch từ thô sơ tới tinh tiến, từ tiểu quốc đến đại quốc *universal states* (chữ *đại* ở đây hiểu nghĩa *bao quát, hoàn toàn* như chữ đại trong từ *đại học*) hoàn chỉnh hơn, rồi cứ thế tiến hóa mỗi ngày một cao hơn nếu biết thích ứng với hoàn cảnh, biết giải hóa nguy cơ để sinh tồn, đây là quy luật chung của sinh vật mà Darwin đã chứng minh trong sinh vật học (1871). Tôn giáo tín ngưỡng cũng vậy, đi từ tín ngưỡng cổ sơ, mê tín dị đoan, thiếu tổ chức, lên tới các tôn giáo có tổ chức, có kinh sách giá trị, được quần chúng đông đảo tin theo, từ tín ngưỡng sơ khai đến tôn giáo phổ quát - *universal churches.* Xã hội nào biết đáp ứng linh động với thách đố (*challenge and response*) thì tồn tại và tinh tiến, xã hội nào không thích ứng được sẽ tiêu ma (*unhistoric*) hoặc cứng đọng như hóa thạch (*fossils of history*), nói khác đi Toynbee và truyền thống suy tư Anh Mỹ tin ở sức người đẩy bánh xe tiến hóa *"the sky is the limit,"* không như Spengler hay Đông phương, hay Marx... nhìn lịch sử như một chu kỳ thịnh suy (Đông phương), xuân hạ thu đông (Spengler), cộng sản nguyên thủy, tư bản-cộng sản (Marx), không có la *fin de l'histoire* với một nhà nước toàn cầu như Hegel.

Lối nhìn lịch sử thực tế của Anh Mỹ có thể giải thích những chuyển hóa lịch sử thích hợp với điều kiện phát khởi mới: buông thuộc địa trước hiểm họa Cộng sản, bỏ chiến tranh nóng ở Đông Dương để xây trật tự mới với Tầu, Nga... linh động không cần tới sĩ diện thắng bại nhất thời khiến Anh Mỹ trở thành khối hùng mạnh nhất hoàn vũ trong khi nước *Đại* Pháp thì thụt lùi vì không đáp ứng thức thời thách đố mới trên thế giới (challenge and response) gần suốt thế kỷ 20. Sau 70 năm thử nghiệm, Nga Xô sắp thành *"fossils"* của lịch sử thì được trào lưu Toàn cầu hóa của Anh Mỹ kéo ra tẩy rửa, Tầu, Việt, Hàn... là những hóa thạch trong vũng máu đỏ ngoi ngóp bò vào trật tự mới, chưa hoàn hồn vì bị phong kiến độc tài đè nặng quá lâu. Lối suy tư *nhật tân nhật nhật tân,* mỗi ngày một đổi mới, nhìn về tương lai mà không để quá khứ ám ảnh, cạnh tranh chính đáng (*fair competition*), là sức đẩy thị trường tự do và chính trị dân chủ mà Adam Smith đã cổ vũ từ cuối thế kỷ 18. Quyền lợi tư nhân tự quay theo (*libre jeu*) quyền lợi tập thể trong luật chơi kinh tế dựa trên tình người (*Théorie des sentiments moraux*) chính là cách tạo nên phồn thịnh hay nhất *(richesses des nations*), ở đây Adam Smith đã nói tới nations số nhiều, nghĩa là ông đã viễn kiến chuyện toàn cầu với 7 đại quốc kinh tế - 7 G - cách đây hơn 200 năm! Tới hôm nay, giới kinh tài Anh Mỹ bắt đầu dùng một cụm từ mới: *darwinian economy*, kinh tế tiến hóa theo luật đào thải - *law of selection* - của Darwin, từ mới nhưng nghĩa cũng không khác sử luận của Toynbee.

Diễn tiến trật tự thế giới mới New World Order

1913: Quốc hội Mỹ lập ra hệ thống Federal Reserve, là ngân hàng trung ương giám sát và cho các ngân hàng tư vay tiền, quyết định phân lời và chính sách tiền tệ, khách hàng của Fed. Reserve là chính phủ liên bang và các ngân hàng tư (Ngân khố Liên Bang *Treasury* có chương mục ở đây và tiền cọc *cash reserves* các ngân hàng cũng nằm ở đây! FR gồm 12 trung tâm với 12 vị Quản đốc, riêng quản đốc FR Bank of NY được giữ ghế liên tục. Xin ghi thêm World Bank lập vào năm 1944 và IMF International Monetary Funds 1946 là Hiệp hội 183 hội viên giữ vững hệ thống mua và bán tiền tệ giữa các nước).

1932: Hội Liên Quốc nhằm tạo Trật Tự Thế Giới Mới

1940: Hội Carnegie Endowment phát hành tài liệu về TTTGM

1945: TT Truman đọc diễn văn ủng hộ Chính quyền Toàn cầu *World Government.*

1959: Ủy Ban Ngoại Giao Quốc Hội Mỹ kêu gọi Trật Tự Quốc Tế Mới *New International Order* kể cả các nước Cộng Sản.

1960: TT Eisenhower cho rằng bước đầu tiến tới Chính quyền Toàn cầu là tiến bộ bốn mặt : Kinh tế, quân sự, chính trị và xã hội.

1962: Thống đốc New York Nelson Rockefeller thấy cần có Trật Tự Thế Giới Mới vì trật tự cũ đã tan vỡ, trật tự mới phải thành hình, một cấu trúc liên quốc thế giới tự do (federal structure of the free world).

1967: TT Nixon trong bài viết Á Đông Sau Việt Nam (*Asia After Viet Nam* số 10 Foreign Affairs) nhắc lại diễn tiến một TTTGM.

1972: TT Nixon nói tại Bắc Kinh: Hy vọng của mỗi chúng ta là xây dựng một TTTGM (*the hope for each of us has to build a new world order*).

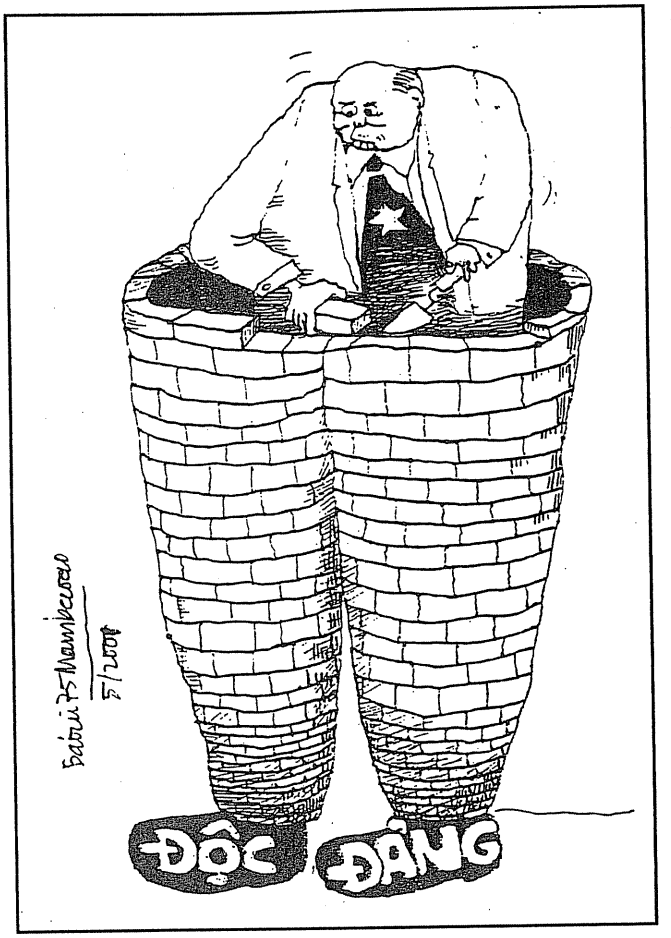

1972: Giám Đốc Cơ quan Quản trị & Ngân sách (Office of Management and Budget) tiên liệu: trong vòng 20 năm nữa cấu trúc nền tảng cho nền kinh tế thế giới sẽ được thành hình (*within two decades the institutional frame world for a world economy community will be in place*).

1973: Nhà tỷ phú D. Rockefeller lập Ủy Ban Tam Tài *Trilateral Commission* (gồm giới trí thức, thương gia, chính trị hành chính vùng Bắc Mỹ, Âu và Nhật, Ban Thường Vụ 40 người, hội viên 350 người, tam niên kế hoạch 2000-2003), với trụ sở ba vùng ở NY, Paris, Tokyo, Quản đốc đầu tiên là Brevzinski và một trong những sáng lập viên là Jimmy Carter, ủy ban chủ trương Chính quyền Liên quốc bang (*transnational federal government*).

1974: Liên Hiệp Quốc kêu gọi tái phân phối tài phú từ nước giầu sang nước nghèo (*redistribution of wealth*) và Trật tự Kinh Tế toàn cầu (*International Economic Order*).

1979: Barry Goldwater viết trong Hồi ký *With No Apologies* rằng Ủy Ban Tam Tài nhằm củng cố bốn mặt: chính trị, tài chính, văn hóa và tôn giáo... tạo ra một siêu lực kinh tài thế giới vượt trên chính trị... vật chất phong phú tạo ra sẽ xóa đi dị biệt giữa các nước... họ sẽ lãnh đạo thế giới tương lai (*What the Trilateralists truly intend is the creation of worldwide economic power superior to the political goverments of the nation-states involved. They believe the abundant materialism they propose to create will overwhelm existing differences. As managers and creators of the system they will rule the world.*)

1988: George Ball chủ trương bắt đầu từ cấp vùng regional- rồi tiến tới toàn cầu sau.

1988: Gorbachev nói tới sự đồng thuận quốc tế (*universal human consensus*)

1989: TT Bush chào đón Liên Bang Xô Viết trở về với Trật Tự Thế Giới.

1992: trên báo *Time*, tác giả Talbott (từng là bạn cùng phòng học xá với Clinton) viết về "*The birth of the global nation*" (cả Talbott lẫn ngoại trưởng Warren Christopher đều thuộc nhóm Tam Tài *Trilateralists*).

1995: hội Gorbachev Foundation dùng từ

ngữ Quản trị Toàn cầu (*global governance*) thay cho từ ngữ New World Order. (3)

Đại cương sách lược toàn cầu hóa tự do dân chủ

Kể từ 1990 tới nay, số quốc gia có dân chủ tăng từ 69 nước lên 120 nước, sách lược **Toàn Cầu Hóa Tự Do Dân Chủ** bao gồm những mục tiêu cải cách chính như sau :

- Kiện toàn hệ thống hành chánh pháp luật tại các nước đang mở mang.
- Đầu tư chủ yếu vào giáo dục y tế.
- Chia sẻ kỹ thuật, khảo cứu toàn cầu.
- Kiện toàn hệ thống tài chính ngân hàng quốc tế, giảm thiểu những cản trở thương mại đầu tư, diệt trừ tham nhũng...
- Viện trợ hữu hiệu thực tế hơn cho các nước nghèo.
- Bảo vệ môi sinh ngoại cảnh.

Phe chống đối Toàn cầu hóa đưa ra những luận cứ như sau :

- Toàn cầu hóa là một hình thức độc tài mới của giới tài phiệt quốc tế qua các ngân hàng trung ương, ngân hàng thương mại và hãng buôn quốc tế (*central banks and multinational companies*).
- Xóa bỏ biên giới thương mại chỉ lợi cho các nước giầu mạnh, hàng hóa nhập cảng tràn ngập sẽ làm phá sản công kỹ nghệ èo uột tại các nước nghèo yếu, nhân công bị bóc lột, lương bổng bị chủ nhân ngoại quốc trả thấp hơn...
- Giới truyền thông quái vật khổng lồ quốc tế tạo ra một thế giới ảo ảnh (virtual world) tô điểm cho chiều hướng toàn cầu hóa của các cường quốc.
- Giá cả tăng vọt, lợi nhuận giảm thiểu, vốn nội địa chạy sang nước khác.
- Trước đây GTT (General Agreement on Tariffs and Trade) kiểm soát giao thương quốc tế, mở cửa tự do hàng hóa đi lại, từ 1995 tổ chức WTO (World Trade Organization) thay thế lại càng thấy rõ quyền lực của các cường quốc kỹ nghệ G-7 muốn nắm vận mệnh kinh tế thế giới, làm giảm quyền lực của Liên Hiệp Quốc. (4)

Đức Giáo Hoàng La Mã nhìn theo lăng kính tôn giáo: "Việc toàn cầu hóa hệ thống kinh tài thế giới càng nhanh bao nhiêu càng thấy rõ nhu cầu cấp thiết: ai là người chịu trách nhiệm về lợi ích chung toàn cầu và về quyền hành xử quyền lợi kinh tế xã hội. Thị trường tự do tự nó không làm được nhiệm vụ đó vì con người có những nhu cầu nằm ngoài thị trường." (... *who is responsible for guaranteeing the global common good and the exercise of economic and social rights*... World Peace Day-1-1-1999) (5).

Việt Nam và Đông phương đứng ở đâu?

Nhìn từ 2000 năm nay, Đông phương chưa ra khỏi phong kiến và đi chậm hơn cách mạng dân chủ Âu châu 1789 hơn 200 năm. Ngay ở vài nước có nền dân chủ từ lâu như quân chủ lập hiến Nhật, Thái Lan... cũng chỉ là dân chủ tiệm tiến, không nói gì tới Việt Nam, Hàn, Trung Quốc... từ phong kiến quân chủ sang phong kiến Cộng sản, từ triều đình thay bằng trung ương đảng, với tập đoàn "*vô sản lưu manh*" (lumpen prolétariat) cũng thối nát tham nhũng không kém mà lại còn bất lương vô lại tàn ác gấp bội... Trước sau cách mạng dân chủ tự do vẫn chưa có nhưng sẽ nẩy nở vì công cuộc toàn cầu hóa chính là cuộc cách mạng không biên giới của thế kỷ 21, trong đó thế hệ "*điện tử không biên cương*" sẽ là nòng cốt vận động.

Kinh tế toàn cầu dựa trên hai thực tế: *phân công và phân lời*, nói cách khác là xã hội hóa tư bản, sau khi giới tài phiệt quốc tế nhận định rằng phải có sự phân công thì bộ máy kinh tế toàn cầu mới chạy mạnh và lan rộng, phải có sự phân lời thì thế giới mới phát triển yên ổn và hóa giải kẻ có người không, mang lên bàn cân tính ra lợi hơn, không tốn xương máu, miếng bánh chia sẻ, nghèo nhất cũng có phần ăn. Lấy một thí dụ Việt Nam, Java Nam Dương, Columbia.. trồng được cà phê nhưng phải có hệ thống trao đổi phân phối quốc tế, vào thị trường stock Nữu Ước, Chicago (hiện ở mức 59-62 đô)... thì mức lời mới vọt lên quốc tế, nếu cố bảo vệ thị trường quanh chợ quê thì mức sản xuất cho nhu cầu địa phương sẽ chỉ có giới hạn, mà đi lên thị trường quốc tế toàn cầu thì phải theo luật quốc tế, từ kế toán tới quy ước trao đổi... Chính đầu óc bảo thủ bế quan tỏa cảng còn rơi rớt lại khiến ba nước láng giềng Tầu, Việt, Bắc Hàn trì trệ trong cuộc canh tân, với mặc cảm "*sợ bị các cường quốc tư bản nuốt mình.*" Chỉ cần nhìn Thái Lan cũng thấy ngay mặc cảm ấy sai: với chính sách mở rộng phá chấp, cả mấy trăm năm nay Thái tránh được họa Thực dân, họa Cộng sản và bảo tồn nguyên vẹn tôn giáo phong tục truyền thống, chẳng có ai nuốt nổi nếu biết uyển chuyển thích ứng theo trào lưu tiến bộ thế

giới, ngay một nước đông dân nghèo đói bậc nhất như Ấn Độ mà cũng không mắc vào họa Cộng Sản bởi vì họ có bản lĩnh tinh thần qua một Gandhi, một Tagore, tự trọng, không làm nhục hiền thánh tổ tiên như Tầu, Hàn, Việt! Tới nay, Ấn đang đi vào kinh tế thị trường quốc tế và có cơ trở thành trung tâm điện tử phương Đông nhờ chất xám cao và nhờ liên hệ chặt chẽ với khối Anh Mỹ. Trong thế kỷ 21, không chắc gì Viễn Đông da vàng đã hơn được Ấn vì Ấn đã hội đủ điều kiện để cất cánh: đủ chuyên viên, có khả năng lập thể chế dân chủ, có kinh nghiệm hội nhập quốc tế...

Những con hổ ven Thái Bình Dương: Tân Gia Ba, Đài Loan, Hương Cảng, Nam Hàn, cộng với Nhật Bản, Trung Quốc, Nam Dương... hơn 1500 triệu nhân lực, tuy nhanh và khôn, nhưng vì óc dân tộc bảo thủ cao nên khó thành một khối quốc tế như Âu Mỹ. Nếu cả Âu châu nay là một "Liên Quốc Âu," thì "Liên Quốc Á" khó có cơ thành tựu dù 100 năm nữa. Tuy nhiên cao trào Toàn Cầu Hóa qua kinh tế, truyền thông cũng xóa dần biên giới, ít nhất là biên giới tâm lý, khiến công dân một nước có thủ cựu đến mấy cũng cảm thấy mình thuộc một địa cầu chung. Chiến tranh tai ương không chừa nơi nào, thì nay cơ hội phồn thịnh ấm no cũng không bỏ nước nào, người nào. Vấn đề là tri kiến theo chiều thuận hay chiều nghịch, bắt lấy cơ hội hay không bắt lấy. Người cầm quyền ở Trung, Hàn, Việt... muốn làm một Hoàng Sào, một Nguyễn Hữu Cầu, hay muốn chuyển hóa "*bỏ dao xuống*" thành nhân, quốc dân đi vào trật tự thế giới mới? Ở nơi nào có CS, thì nơi đó lụn bại, ở nơi nào có tự do thì nơi đó phát triển: nhìn lại Đài Loan, Nam Hàn, sau một thế hệ lãnh đạo cứng rắn quân phiệt của Tưởng Giới Thạch và Phác Chính Hy, cũng đã tiến tới dân chủ phồn thịnh, đó là diễn tiến theo bánh xe toàn cầu, mà Tầu Cộng, Bắc Hàn vẫn còn đang sa lầy trong vũng bùn đảng phiệt hẹp hòi cố chấp, chẳng nói gì tới CSVN vốn dĩ chỉ là một nhóm *lumpen prolétariat* báo oán!

Nếu so sánh Trung Cộng với Việt Cộng thì Trung Cộng có đại kế hơn nhờ lãnh tụ có óc thực tiễn là Đặng Tiểu Bình và một khối thương nhân tài ba, cộng với khối Hoa kiều tư bản hải ngoại. Ở Việt Nam, ông Hồ Chí Minh (tuổi Tân mão, 1891) và đa số nhóm người quanh ông và quanh quê quán ông (Trần Phú, Lê Hồng Phong, Minh Khai, Trần Quốc Hoàn, Hoàng Văn Hoan, Nguyễn Khắc Viện, Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp...) là những quân bài bá đạo được quốc tế huấn luyện để khuynh đảo Đông Dương, họ là lớp làm chính trị để báo oán (*hate crime*) chứ không phải làm chính trị vì nhân ái, vì không ai có lương tri mà đi giải quyết mâu thuẫn xã hội bằng cách cổ võ *đấu tranh giai cấp tận diệt lẫn nhau*, không có ai có lòng nhân mà đi *khuếch đại ác tính* dã tâm oán thù lật trên nâng dưới! Trong khi các lãnh tụ quốc gia chân chính, như Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh, Phan Văn Trường, Nguyễn Thế Truyền, Nguyễn Thái Học, Trương Tử Anh, Lý Đông A, Huỳnh Phú Sổ... không vướng vào canh bài bịp ấy nhưng thất bại vì thiếu trợ lực quốc tế. Sau một thế hệ giỏi về khuynh đảo phá phách, Cộng sản Việt, Hàn... không có được một lãnh tụ biết thiết kế xây dựng như Trung Quốc hoặc quyết tâm thay đổi từ bỏ Mác Lê như Gorbachev, Yeltsin... rút cuộc Việt, Hàn, Cuba vẫn chưa cất cánh nổi cùng thế giới tiến bộ. Mưu đồ bắt cá hai tay, giữ độc đảng, nắm tư bản, trước sau cũng mất một tay mà lại làm chậm thêm bước tiến cần thiết lịch sử, vận tốc chuyển biến phát triển thế giới bây giờ không phải là vận tốc 30 năm một thế hệ mà là 5, 10 năm một lớp mới. Không nhìn ra vận tốc ấy là đắc tội với tương lai sinh tồn dân tộc.

Trước kia, trong thời chiến lạnh, Đông Dương là một điểm nóng lạc lõng để hai phe thử lửa, guồng máy tuyên truyền Cộng sản quốc tế khai thác được những nhược điểm của phe tư hữu tự do: phản chiến, an thân, và nhất là tạo mặc cảm "nước lớn bắt nạt nước nhỏ, tư bản tư hữu là ăn cướp *propriété c'est le vol...*", mặc cảm này được một số người thân Cộng, ở Pháp, Mỹ... khai thác, trong đó giới truyền thông vốn khuynh tả vô tình hoặc cố tình yểm trợ. Cho tới nay, vẫn chưa có một nghiên cứu nghiêm túc khách quan nào về bàn tay của KGB Cộng sản đằng sau truyền thông phản chiến Mỹ, bàn tay của giới hành động *activists* Do Thái (thường khuynh tả) và đảng Dân chủ Mỹ đối với cuộc chiến Việt Nam (như trường hợp J. Fonda và T. Hayden... với nhóm thanh niên sinh viên lên đường xuống đường đa số ngây thơ ăn cơm quốc gia thờ ma CS !), nhưng dựa trên tài liệu của KGB về những âm mưu trong thời chiến tranh lạnh tại Paris, KGB chi tiền cho các cơ quan truyền thông Pathé, Le Monde, xâm nhập tình báo NATO và Sứ quán Pháp ở Mạc Tư Khoa... thì cũng thấy những phong trào phản chiến thân Cộng diễn ra nhịp

nhàng từ Âu sang Mỹ hẳn phải có bàn tay của KGB (2). Những mưu đồ hỏa mù này làm Việt Cộng hiểu nhầm Mỹ cho tới ngày nay, và qua lăng kính của bọn phản chiến thân Cộng, Việt Cộng cho đến hôm nay vẫn *ếch ngồi đáy giếng*, đinh ninh là mình làm nghĩa vụ quốc tế dù cả đế quốc Nga đã sai và đã đổ. Rút cuộc việc vận động dân chủ tự do cho Việt Nam vẫn vướng giới Cộng Sản thủ cựu *"tám ngàn con em đất Bái"* đang phải giữ lấy sinh mạng và quyền lợi, và nhóm tả phái thân Cộng Mỹ, Pháp... lấy VN làm căn cứ cố thủ, ôm lấy quá khứ ông Mao, ông Hồ, ông Castro... làm cái phao tâm lý biện minh cho bàn tay nhúng tràm trót lỡ của mình.

*

Từ nhiều thế kỷ nay, từ nhân số một tỷ đầu người năm 1804 tới sáu tỷ nhân mạng năm 1999, nhân loại đã kinh qua nhiều thử thách mang chiều kích rộng lớn *liên quốc liên châu*: thử thách tôn giáo như Thiên Chúa giáo, Hồi giáo, thử thách thực dân, thử thách ý thức hệ như Quốc Xã, Mác Lê, những thử thách đó đều từng gây chiến tranh và từng làm đảo lộn văn hóa, văn minh, biên cương nhiều nước, nhiều dân tộc, nhất là 100 năm vừa qua. Một kế sách toàn cầu phù hợp cho mọi nước mọi người là việc khó thành, nhưng cũng không thể phủ nhận những cố gắng thiện tâm của nhiều kế hoạch gia thời đại mới. Nhiều chỉ trích về trật tự mới và kinh tế toàn cầu hóa do các cường quốc đề ra thường bắt nguồn từ mặc cảm tự ty nghèo yếu chậm tiến hơn là chịu thành khẩn nhìn thực tế nhằm canh tân xã hội: nếu Nhật Bản thời 1860 cũng bế quan tỏa cảng như Trung Hoa làm gì trở thành một cường quốc kinh tế thứ nhì thế giới như ngày nay, nếu Đại Hàn 30 mươi năm trước mang mặc cảm con ếch không thể to bằng con bò, hoặc đa nghi (paranoid) đứng ngoài lề guồng máy kỹ nghệ tân tiến thì làm gì cất cánh lên hàng cường quốc được tổ chức Thế vận hội từ năm 1988! Vả lại sách lược toàn cầu hóa kinh tế thị trường, cho dù các đại cường chiếm phần lời sư tử, xem ra vẫn còn nhân nhượng hơn các thử nghiệm tôn giáo, ý hệ... trong quá khứ và vẫn mang lại nhiều cơ hội phát triển đồng tiến cho các nước nghèo.

Có kinh tế gia như Alan Rugman lại cho rằng cuộc Toàn Cầu Hóa kinh tế đã thất bại, ông đưa ra nhận định là các tổ chức toàn cầu rút cục sẽ thu lại thành các tổ chức kinh doanh liên quốc MNE (*multinational enterprises*) hữu hiệu hơn và sát với quyền lợi hơn như NAFTA chỉ gồm Canada - Mỹ - Mễ Tây Cơ, (6). Tất nhiên diễn trình Toàn Cầu Hóa không phải một thập niên mà thành tựu ngay được, nó đòi hỏi thời gian dài, ngắn, tùy mức tiến bộ của mỗi nước, mỗi vùng, ngay như *Liên Quốc Âu European Union* cũng đòi hỏi cả 30 năm mới thành hình được, và nhìn lại hệ thống ngân hàng khởi đầu với Rothchild ở vài nước Âu châu, một trăm năm sau thì hệ thống ngân hàng liên châu đã thành hình... đó là diễn trình tiến hóa mà sử gia Toynbee đã khảo sát qua lịch sử nhân loại. Đường dài nhưng phải bắt đầu và chiều hướng khả quan này không dễ đảo lộn. T.T. Anh T. Blair tin tưởng nhân loại có thể hợp tác xây dựng một thế giới mới, trong đó cảnh nghèo đói sẽ đi vào quá khứ, một thế giới vững bền, an ninh cho con cháu (*...we can help build a world in which mass poverty will exist only as memory...*), nửa thế kỷ trước, TT Anh W. Churchill, cái đầu sư tử bảo vệ tự do dân chủ chống Quốc Xã và Cộng Sản, đã thâm trầm: "Chẳng ai dám nói dân chủ là hoàn hảo, có người còn cho rằng thể chế dân chủ là tồi tệ nhất, nhưng tệ đến đâu cũng vẫn hơn những thể chế đã từng mang ra thử." (*No one pretends that democracy is perfect or all-wise. Indeed it has been said that democracy is the worst form of government except all those other forms that have been tried from time to time.* thoát dịch diễn văn 1947).

Thực ra ở các nước độc tài chậm tiến không phải người ta không thấy giá trị của tự do dân chủ, nhưng dân chủ tự do là ngọn đèn soi sáng đêm tối, mà kẻ gian lại rất sợ ánh sáng, họ nại đủ cớ để tránh né, vì thế đa số nhân loại cứ loay hoay mãi từ thời Tần Thủy Hoàng đến nay vẫn chưa ra khỏi hầm tối! ●

Tham khảo:

(1) www.globalisation.gov.uk/

(2) Xem *The Sword and The Shield, The Mitrokhin Archive and the Secret History of the KGB* by C.Andrew and V.Mitrokhin 1999 tr.460-475 và *Đảng CSVN Qua Những Biến Động Trong Phong trào CS Quốc Tế* của Nguyễn Minh Cần 2001.

(3) theo *The New World Order* by Cuddy trong Koinonia House trên *web site hhouse.org*

(4) (5) theo web site oneworld.org/guide/WTO

(6) *The End of Globalisation* by Alan Rugman, 1-2000.

MỘT NHẬN XÉT TÂM LÝ VỀ THAM - SÂN - SI

NGUYỄN HỮU CHI

1. Định nghĩa vài danh từ liên quan tới "Tham"

Dục vọng là động cơ thúc đẩy các sinh vật tìm cách thỏa mãn *dục tính* (nhu cầu thể xác).

Thèm muốn hoặc **thèm khát** phát sinh từ *dục vọng. Thèm khát* bị thúc đẩy bởi *dục vọng* nhiều hơn là *thèm muốn*. Tuy vậy, *thèm muốn* vẫn còn liên quan đến dục tính (như "thèm muốn xác thịt"), nhưng đôi khi nhằm mục tiêu cao xa hơn (như "thèm muốn công danh").

Tham lam là *thèm muốn* quá đáng với ý định xâm lấn sang quyền lợi của người khác. Hành động *tham lam* là một hành động bất công nên bị xã hội chê cười.

Mong muốn bắt nguồn từ *thèm muốn*, nhưng không bị vẩn đục bởi dục tính bằng *thèm muốn* (như "mong muốn con cái thành công" hay "mong muốn được sống thản thơi, v.v.). Trên thang đạo đức, *mong muốn* được coi cao nhã hơn là *thèm muốn*, và *thèm muốn* cao nhã hơn *dục vọng.*

Mong ước (tương tự như **ước muốn, ước vọng, kỳ vọng**) là *mong muốn* một cái gì quá khả năng của mình. *Mong ước* ám chỉ một trạng thái tiêu cực vì người mong ước chỉ ngồi trông mong điều mình mong muốn sẽ tới.

Ảo vọng là một biến thể của *mong ước. Mong ước* có tính cách thụ động, nhưng *ảo vọng* có tính cách hiếu động. Thật vậy, người nuôi một *ảo vọng* nào đó không phân biệt được giữa thực tế và **ảo tưởng**, nhưng lại cố gắng thực hiện hoài bão của mình. Không những thế, họ còn muốn lôi kéo người khác chạy theo ảo tưởng của họ để kéo nhau rơi xuống hố thất bại.

Tham vọng khác *ảo vọng* ở chỗ *tham vọng* không theo đuổi ảo tưởng nên gần với thực tế hơn là *ảo vọng. Tham vọng* cũng khác *tham lam*; hai chữ kép này đều bắt đầu bằng chữ *"tham,"* nên có người lại coi *tham vọng* như tội *tham lam*, rồi lại còn cho rằng tham vọng là căn nguyên của bể khổ. Nhưng theo tôi nghĩ, con người tạo ra những cảnh điêu linh chỉ vì chạy theo *ảo vọng* chứ không phải vì *tham vọng.* Thực ra, *tham vọng* thường được xã hội khuyến khích vì *tham vọng* không ám chỉ một hành vi bất công như *tham lam*, và không đưa tới hậu quả tai hại như *ảo vọng.* Do đó, nhà văn Nguyễn Bá Học đã khuyên chúng ta nên cố gắng thực hiện tham vọng với câu: *Đường đi không khó vì ngăn sông cách núi, mà khó vì lòng người ngại núi e sông.*

Các nhà tâm lý học Âu Mỹ coi *tham vọng* như một nhu yếu của con người, và gọi nhu yếu đó là **"nhu yếu thành công"** (need for achievement) [1]. *Tham vọng* không những là một nét đặc thù của nhân tính, mà còn là một động lực quan trọng thúc đẩy con người phát triển nền văn minh nhân loại. Các khoa học gia, triết gia, văn nghệ sĩ, v.v. đã làm việc ngày đêm, với hy vọng "để lại cái gì cho hậu thế," cũng chỉ vì *tham vọng.* Nói tóm lại, đã là con người, ai cũng có tham vọng. Người quân tử có cái tham vọng quân tử, kẻ tiểu nhân có cái tham vọng tiểu nhân. Ngay cả những người cố gắng dạy chúng ta *"diệt tham vọng"* cũng bị thúc đẩy bởi *tham vọng*, vì họ mong muốn thành công trong công tác giáo hóa loài người.

Trong bài khảo luận này tôi sẽ dựa vào lý thuyết tâm lý về **ngã** (self theory) [2] để quy định sự khác biệt giữa *tham vọng* và *ảo vọng.* Tôi cũng sẽ dùng lý thuyết về **bất mãn** (frustration) và lý thuyết về *bạo kháng* (rebellion) [3] để tìm hiểu nguồn gốc và hậu quả của trạng thái **sân-si**. Sau phần lý thuyết, tôi sẽ đưa ra vài ý kiến về vấn đề diệt tham-sân-si, và vài nhận xét về chính trị ở

Việt Nam.

2. Lý thuyết về cái Ngã và Tham, Sân, Si

a) Cái Ngã Trong Dòng Thời Gian (Temporal Self)

Chúng ta ý thức được cái ngã của chúng ta (self conscious) khi chúng ta biết chúng ta là ai. Cái ngã của chúng ta nằm trong dòng thời gian (time dimension) nên chúng ta biết chúng ta *đã* làm được những gì trong quá khứ, *đang* làm gì trong hiện tại, và *sẽ* làm gì trong tương lai. Cái ý định "sẽ làm gì" chính là tham vọng, và cũng có thể là ảo vọng. Vì vậy, ta có thể coi tham vọng và ảo vọng đều nằm trong cái ngã, và phát xuất từ cái ngã mà ra. Trái lại, con vật không có tham vọng (hay ảo vọng) vì chúng không có một ý thức gì về cái ngã. Chúng chỉ biết phản ứng theo dục vọng: khi đói thì kiếm mồi chứ không biết dành dụm cho ngày mai, khi bị tấn công thì bỏ chạy hay quay lại cắn đối thủ chứ không biết nuôi hận thù, khi bị tình dục thúc đẩy thì tìm cách thỏa mãn sinh lý một cách tức thời chứ không nghĩ đến chuyện kén chọn đôi lứa tương xứng.

Chúng ta ý thức rõ ràng về vai trò của chúng ta trong quá khứ, hiện tại, và tương lai nếu cái ngã được phát triển toàn diện trên dòng thời gian. Nhờ vậy, chúng ta mới có thể suy xét đúng đắn về chúng ta trong khi tìm cách thực hiện tham vọng của chúng ta. Trái lại, nếu cái ngã chỉ nằm cố định vào một thời điểm nào đó (fixation), chúng ta sẽ có cái nhìn khiếm diện về chúng ta: chúng ta không biết chúng ta từ đâu tới và sẽ đi về đâu. Trong tình trạng này, chúng ta dễ rơi vào tình trạng vong ngã (alienation) hoặc theo đuổi một ảo vọng nào đó để rồi bất mãn vì thất vọng.

Thí dụ, trong cộng đồng chúng ta có những người chỉ ngồi tưởng nhớ cái quá khứ vinh hiển của mình (fixation on the past), rồi tự giam mình vào trong quá khứ. Họ sống bên lề của hiện tại, và cũng không thiết tha gì đến tương lai. Họ không có tham vọng gì, ngoài cái mơ ước kéo dài thời hoàng kim của mình. Mơ ước đó chỉ là ảo vọng, vì quá khứ đã đi rồi làm sao mà kéo lại được nữa. Do đó, họ dễ rơi vào tâm trạng buồn thảm (depression) thể hiện bằng câu than *"Đời là bể khổ."*

Lại có người chỉ biết sống cho hiện tại, từ bỏ quá khứ và không nghĩ đến tương lai (fixation on the present). Chúng ta thường chê loại người này là người "không có tham vọng," là kẻ "bê bối," "trác táng." Lên án như vậy cũng đúng. Thật vậy, các thanh niên du đãng là những người chỉ biết tìm thỏa mãn tức thời (instant gratification), không cần biết đến hậu quả cho ngày mai. Họ từ bỏ quá khứ, tức là từ bỏ luôn nguồn gốc cùng với những nguyên tắc đạo đức mà thế hệ trước đã truyền cho họ. Trạng thái *vong ngã* này (alienation) dần dần đẩy họ vào đường phạm pháp.

Lại còn có người chỉ chú trọng đến tương lai (fixation on the future) mà không nghĩ rằng tương lai cũng phản ảnh một phần nào hiện tại và quá khứ. Thành ra ý niệm của họ về tương lai rất thiếu thực tế. Thí dụ cụ thể nhất là những người theo chủ thuyết Các-Mác một cách cực đoan, gạt bỏ quá khứ và hiện tại để *"nhảy vọt"* từ giai đoạn Phong Kiến lên giai đoạn Xã Hội Chủ Nghĩa để tiến tới Thiên Đường Cộng Sản, tuy rằng Các-Mác tin rằng Cách Mạng Lao Động chỉ có thể thực hiện được *sau khi* kinh tế Tư Bản đã phát triển đến mức cực độ. Do đó từ Lê-Nin, Sì-Ta-Lin, đến Mao và Hồ Chí Minh đã phải tiêu diệt hàng chục triệu dân vô tội để theo đuổi ảo vọng — đó là ảo vọng tiêu diệt quá khứ, và không chịu chấp nhận hiện tại.

Ba thí dụ trình bày ở trên tả trường hợp cái ngã không được phát triển toàn diện trên giòng thời gian (gồm cả quá khứ, hiện tại, và tương lai) nên con người mới ở trong một trạng thái mất thăng bằng, suy nghĩ lệch lạc, mơ mộng hão huyền về một thời điểm nào đó.

b) Tham Vọng, Ảo Vọng Và Cái Ngã Thời Gian

Tham vọng, cũng như ảo vọng, thúc đẩy con người nhắm vào một mục đích nào đó để tiến tới trong tương lai. Có thể là một mục đích kinh tế (muốn có nhiều tiền *hơn trước*), hoặc là một mục đích xã hội (muốn có danh giá *hơn trước*), hoặc là một mục đích siêu linh (muốn thánh thiện *hơn trước*) v.v... Dù theo đuổi một mục đích nào đi chăng nữa, người tham vọng khác người ảo vọng vì người tham vọng dùng phương pháp suy luận quy nạp (inductive logic) để tìm lối tiến thủ. Họ luôn luôn duyệt lại thành công hay thất bại trong quá khứ, và kiểm điểm thực trạng hiện tại (khả năng, phương tiện, và thời cơ). Với dữ kiện đó, họ phác họa một mục tiêu để tiến tới trong tương lai. Trái lại, người theo đuổi ảo vọng không suy luận theo phương pháp đó. Họ không để ý đến thành quả trong quá khứ, không thẩm định khả năng hiện tại, rồi họ ngồi vẽ ra một giấc mộng huy hoàng cho tương lai. Họ chạy

theo ảo tưởng vì cái ngã khiếm diện chỉ biết hướng về tương lai (fixation on the future).

Một điểm sai biệt quan trọng giữa tham vọng và ảo vọng là cái thức của người tham vọng và cái si của người ảo vọng. Người tham vọng ý thức được khả năng của mình, nên chỉ nhắm vào những mục đích nằm trong tầm tay của họ. Do đó, người tham vọng dễ thành công hơn. Nếu không may bị thất bại, họ biết thích ứng với thực trạng một cách mau lẹ hơn, bằng cách hạ thấp mực tham vọng xuống, hay chọn một đường tiến thủ dễ dàng hơn, đỡ chông gai hơn. Trái lại, người ảo vọng không thức thời (không để ý đến quá khứ và hiện tại). Họ mù quáng theo đuổi ảo tưởng để đi đến thất bại. Khi thất bại, họ lại không có khả năng nhìn thẳng vào "thực tế phũ phàng." Thực vậy, theo lý thuyết tâm lý về "nhận thức bất hợp" (dissonance theory) [4], một người tin tưởng vào một cái gì đó thường không chấp nhận những điều "trái tai, gai mắt," vì họ không muốn giấc mơ của họ bị xáo động. Lòng tin càng mãnh liệt bao nhiêu, họ lại càng bị lụy vào *cái si của ảo vọng* bấy nhiêu. Đối với những người này, ta khó mà khuyên giải họ được. Nếu ta cố lôi họ ra khỏi cõi u mê, họ sẽ phản ứng mãnh liệt. Đó là *cái sân của ảo vọng.*

Tôi xin nêu vài thí dụ về tham vọng và ảo vọng. Một người sống trong cảnh đói khổ lâu ngày chỉ mong có một nồi cơm đầy cho ngày mai. Cái tham vọng bé nhỏ này không khác gì cái tham vọng của một người tỉ phú muốn kiếm ra được vài triệu trong năm tới. Tuy mức tham vọng kinh tế khác nhau, nhưng cả hai người đều dùng một phương pháp suy luận thực tiễn và duy lý để quy định mức tham vọng của mình: họ so sánh cái gì họ đã có, với cái gì họ đang có, để biết cái gì họ có thể có. Cũng vì lối suy luận này, không người nghèo nào lại kỳ vọng rằng ngày mai mình sẽ tạo ra được một gia tài khổng lồ, không một người triệu phú nào lại ngây thơ đến mức chỉ mơ ước ngày mai sẽ kiếm được một mẩu bánh mì! Vậy, ta đừng chê người nghèo là người không có chí lớn, và ta cũng đừng gán tội tham lam cho những người giầu khi họ muốn giầu hơn nữa! Đôi khi ta thấy một người triệu phú không muốn làm giầu nữa, ta đừng tưởng là những người này thiếu lý trí, hay đã thành công diệt được lòng tham vọng. Thực ra, họ chỉ bỏ tham vọng kinh tế, rồi thay vào đó bằng tham vọng xã hội (muốn được danh tiếng là người đại lượng) hay tham vọng tâm lý (muốn thanh thản, hoặc muốn gột rửa mặc cảm tội lỗi).

Người say mê cờ bạc mới là người thiếu lý trí khi theo đuổi cái ảo vọng làm giầu trong các sòng bạc. Họ không chịu nhìn vào thực tế (ai "nuôi" sòng bạc?). Tuy thua bạc đều đều, họ vẫn say mê đi tìm cái vận đỏ. Họ đi ngược phương pháp quy nạp thông thường để bào chữa cái ảo vọng của họ. Họ tin rằng "trước kia thua thì ngày mai sẽ được." Do đó, càng thất bại, họ lại càng có "lý" để tiếp tục lao đầu vào con đường thất bại. Nếu may mắn được một canh bạc, họ lại càng tin rằng họ có tài đánh bạc "siêu việt." Họ sẵn sàng quên những lần đã thua to, nên cứ tưởng rằng mình là người"bách chiến bách thắng."

Vài chính thể cộng sản còn sống sót đến ngày hôm nay vẫn ôm cái ảo vọng vào Thiên Đường Cộng Sản, chẳng khác gì người say mê cờ bạc. Cái "nôi" của chủ nghĩa Các-Mác ở Liên Sô đã bị đập tan tành, cả khối cộng sản đông Âu đã xụp đổ. "Vốn liếng" to lớn như vậy mà cũng đã bị tiêu tan. Nhưng đảng cộng sản Việt Nam vẫn còn ôm mộng Mác-Lê, và tự coi mình là "lương tâm của thời đại." Hiện tại trong "thời đại Hồ Chí Minh," nước Việt Nam vẫn là một trong những nước nghèo đói nhất thế giới, tuy các nước tư bản đã cho vay và cho không hàng trăm tỷ Mỹ kim để Đảng có dịp xây dựng một chế độ cộng sản phú cường. Trong khi phải đi nhờ vả "kẻ thù truyền kiếp của dân tộc" như vậy, Đảng vẫn tự cho mình là "siêu việt," "bách chiến bách thắng," và vẫn tin rằng chế độ tư bản thế giới sẽ tan rã trong một ngày gần đây! Có lẽ chỉ những người ngồi trên "đỉnh cao trí tuệ của loài người" mới có cái nhìn xa thực tế đến như vậy!

c) Cái Ngã Trong Môi Trường Xã Hội (Social Self)

Con người sinh trưởng trong một xã hội nào thì cái ngã cũng nằm trong khung cảnh văn hóa của xã hội đó. Cái ngã bao gồm tất cả những hiểu biết, những nguyên tắc đạo đức, những kinh nghiệm mà ta đã gom nhặt được khi giao dịch với những người sống quan trọng xung quanh ta (significant others). Đó là cái ngã xã hội (social self) — ngoài cái ngã thời gian (temporal self) mà tôi đã trình bày ở trên.

Chúng ta phát triển được cái ngã của chúng ta và ý thức được cái ngã của chúng ta (self consciousness) bằng cách so sánh chúng ta với những người xung quanh (social comparison). Nhờ vậy, chúng ta mới biết chúng ta là ai, đứng trong vị thế nào trong xã hội, và ý thức

được "nên làm cái gì," "có thể làm cái gì," hay "phải làm cái gì." *"Biết người để biết mình"* là vậy.

Tôi xin đưa ra một thí dụ cụ thể về cái ngã xã hội. Đang phải sống trong một môi trường xã hội văn hóa xa lạ tại Bắc Mỹ, mối ưu tư của chúng ta là phải "giữ gốc ra làm sao" hay "hội nhập như thế nào." Chúng ta thắc mắc về cái ngã của chúng ta vì sang đây chúng ta bị *khủng hoảng về ngã* (identity crisis), không biết nên sống theo mẫu người nào. Để giải quyết vấn đề này, chúng ta thường quy định cái ngã của chúng ta bằng cách so sánh chúng ta với những người quen sống xung quanh chúng ta. Khi so sánh như vậy, chúng ta tìm ra chúng ta (self discovery). Tùy theo môi trường xã hội, có thể chúng ta muốn trở thành một *"người Việt kiêu hùng biết giữ gốc,"* có thể chúng ta muốn trở thành một *"người Việt khôn ngoan biết hội nhập."*

Một khi cái ngã đã được quy định, cái ngã đó chi phối nhân sinh quan của ta, và giúp ta ý thức được cái gì là đẹp, cái gì là xấu, cái gì là phải, cái gì là trái, v.v.. Vì thế, những nhận định của "người Việt kiêu hùng" khác với những nhận định của "người Việt khôn ngoan." Hơn nữa, để biết mình *"kiêu hùng"* đến mức nào, những "người Việt kiêu hùng" phải so sánh mình với những "người Việt kiêu hùng" khác. Những "người Việt khôn ngoan" cũng làm như vậy: họ so sánh mình với những người bản xứ và những "người Việt khôn ngoan" khác để biết mình đã hội nhập được đến đâu và *"khôn ngoan"* đến mức nào. Dù chọn lối sống (life style) nào đi chăng nữa, nếu những người xung quanh ta hơn ta, ta thường cố gắng hoàn hảo cái ngã của ta để bằng họ, hay hơn họ, hay ít nhất là không kém họ. Nói một cách khác, cái ngã xã hội cũng là cái nôi của tham vọng.

Hành động tự so sánh ta với người sống xuh quanh ta rất cần thiết cho đời sống tâm lý. Hành động đó giúp ta biết ta. Ta càng biết rõ ta là ai, thì ta lại càng cảm thấy ổn định trong lòng bấy nhiêu (self security). Vì thế, chỉ những người có một tâm trạng lệch lạc mới tự hào cho rằng "Ta không cần phải tự so sánh ta với ai cả, vì ta là ta." Thật vậy, nếu không có dịp so sánh mình với người khác, con người sẽ rơi vào trạng thái *vong ngã*: không biết mình là ai, không phân biệt được cái phải và cái trái, và kết quả là tâm thần rối loạn (mental disturbance).

Thí dụ như một đứa trẻ bị lạc vào trong rừng lúc còn nhỏ và sống với đàn chó sói (chuyện này đã xảy ra ở Ấn-Độ hồi đầu thế kỷ 20). Nó lớn lên trong khung cảnh đó, và tiếp tục sống như một con vật. Vì không có dịp so sánh mình với người khác, cái ngã của nó không được phát triển. Nó không có *"nhân cách"* (no identity), không biết mình là giống gì, và không có một khái niệm nào về đạo đức, và cũng không cần nghĩ đến tham vọng cho tương lai, ngoài cái mong muốn thỏa mãn nhu cầu hiện tại như những con chó sói khác.

Tình trạng xã hội ở những đô thị lớn cũng tương tự như tình trạng một người sống trong rừng hoang. Người sống cô đơn giữa đám đông xa lạ và phức tạp thường không biết người xung quanh mình một cách sâu đậm để so sánh, và cũng không biết so sánh trên khía cạnh nào. Nếu cố gắng so sánh thì sự so sánh cũng rất là hời hợt. Do đó, cái ngã cũng không được phát triển toàn diện. Sống trong môi trường xã hội đó, nếu ta không có một cái ngã vững chắc (strong ego), ta sẽ thiếu khả năng tự kìm hãm (self control), ta sẽ rơi vào trong tình trạng vong ngã (alienation), và sống"bất cần đời." Nạn phạm pháp tràn lan trong các đô thị lớn cũng chỉ vì lý do này.

Cái ngã phát triển bởi hành động tự so sánh mình với người khác, nên chúng ta ý thức được cái "vinh" và cái "nhục." Nói một cách thực tế hơn, chúng ta cảm thấy kiêu hãnh (hay hổ thẹn) khi chúng ta hơn (hay kém) những người khác về phương diện nào đó — kinh tế, xã hội, hay đạo đức v.v.. Ta cũng nên biết, ý niệm về "vinh" và "nhục" tùy thuộc vào môi trường xã hội của mỗi người. Nếu sống trong một nhóm bất lương, mọi người sẽ theo "phong trào thi đua" bất lương. Kẻ nào đạt được mức bất lương cao hơn tất cả mọi người khác sẽ được cả nhóm bất lương sùng bái như một "God Father," một đấng "siêu việt," một lãnh tụ "vĩ đại," một thần tượng "muôn vàn mến yêu." Trái lại, trong một cộng đồng đạo đức, người bất lương lại bị khinh bỉ vì không đạo đức bằng những người khác.

d) Tham Vọng, Ảo Vọng Và Cái Ngã Xã Hội

Như đã trình bày ở trên, tham vọng nằm trong cái ngã. Khi cái ngã được quy định theo dòng thời gian, thì tham vọng cũng được quy định bằng một hành động so sánh giữa các thời điểm (cố gắng "khá hơn trước" hay "đỡ cực hơn trước"). Khi cái ngã được quy định trong môi trường xã hội, thì tham vọng được

quy định bằng một hành động so sánh giữa các người trong xã hội (cố gắng "hơn người khác," "bằng người khác," hoặc ít nhất "không quá kém người khác"). Vì thế dưới chế độ cộng sản, Đảng đưa ra những *"phong trào thi đua"* buộc các đảng viên phải luôn luôn tự so sánh mình với các đảng viên khác để chứng tỏ mức độ "đạo đức cách mạng" của mình. Chế độ Khổng Nho dễ thở hơn vì không có cái trò "thi đua." Khổng tử chỉ dạy ta phát triển đạo đức bằng cách so sánh giữa hai mẫu người: quân tử và tiểu nhân. Nếu chúng ta có tham vọng muốn trở thành người có "đức độ" (theo đạo Khổng) thì chúng ta phải cố gắng bắt chước người quân tử và tránh những hành vi tiểu nhân.

Trong thực tế, ta không tự so sánh với các mẫu người lý tưởng. Vậy ta tự so sánh với ai, và so sánh trên khía cạnh nào để quy định mức tham vọng? Câu hỏi này rất quan trọng vì nếu ta so sánh bừa bãi, ta sẽ rơi vào hố si mê của ảo vọng. Thật vậy, không ai dại gì mà tự so sánh mình với các vĩ nhân, rồi mong muốn có tài ba và danh tiếng như các vị này. Nuôi cái ảo vọng đó trong lòng tức là tự dấn thân vào tình trạng bất mãn triền miên cho mình. Người bình thường làm sao mà có đủ khả năng để đua đòi với những vĩ nhân? Hành động so sánh thiếu thực tế này dễ đẩy con người vào cảnh đua tranh. Đua tranh sẽ không bao giờ thành công nếu ta không đủ khả năng đua tranh nhưng lại muốn bằng địch thủ hay hơn địch thủ. Theo đuổi cái ảo tưởng như vậy chỉ có thất bại. Thất bại đưa tới bất mãn. Bất mãn biến đổi đua tranh thành ghen tức. Ghen tức nung nấu sau một thời gian trở thành oán thù, và đi đến bạo động hay nổi loạn. Đó là cái *sân-si của ảo vọng.*

Người có khuynh hướng thực tiễn không bao giờ so sánh lố lăng để rơi vào cảnh si mê của ảo vọng như vậy. *Họ thường so sánh địa vị của họ với những người sinh sống trong điều kiện tương tự nhưng đã đạt được mức thành công tương đối cao hơn họ một chút.* Thí dụ như một người mới mở một tiệm chạp phô. Họ chỉ mong sao thành công như mấy tiệm chạp phô người Hoa trong phố Tầu mà thôi, chứ họ không bao giờ chọn một siêu thị khổng lồ của người Mỹ để quy định mức tham vọng của mình.

Trong thời cực thịnh của đế quốc, người Á Đông cũng có tâm trạng tương tự. Sự cách biệt kinh tế và quyền lực giữa người Âu Tây và người Á Đông quá lớn, nên ít người Á Đông mơ tưởng sẽ có ngày ngang hàng với người Âu Tây. Vì thế, các thành phần ưu tú ở các nước Á Đông không có tham vọng đánh đổ chế độ thuộc địa. Vài cuộc cách mạng lẻ tẻ đã thất bại, vì không được mọi giới hưởng ứng. Tại Việt Nam thời đó, đa số các bậc "sĩ phu" cũng chỉ mong mỏi "Nước Đại Pháp" cải tiến dân sinh trong khung cảnh "Pháp Việt đề huề" mà thôi. Sau khi nước Nhật đánh bại Hạm Đội Viễn Đông của Nga Hoàng, một số trí thức Á Đông mới bắt đầu thức tỉnh. Họ so sánh nước mình với nước Nhật, và nghĩ rằng họ có thể theo gương người Nhật để đuổi kịp người da trắng. Phong trào Đông Du phát sanh ra từ đó. Tuy nhiên, phải đợi đến thời Đệ Nhị Thế Chiến, hình ảnh người da trắng "bách chiến bách thắng" mới hoàn toàn bị xóa bỏ trong đầu óc người Á Đông khi họ chứng kiến cảnh quân đội Nhật Hoàng tiêu diệt đoàn quân viễn chinh Âu Tây một cách dễ dàng. Lúc đó, toàn khối Á Đông mới có đủ tự tin để vùng lên, lật đổ chế độ thuộc địa.

(Còn tiếp)

Sau *Sài Gòn Tuyết Trắng*, mời quý vị đọc

Quê Hương Thương Ghét

Nỗi Lòng Người Việt Hải Ngoại

Vũ Thụy Hoàng

44 năm trong ngành báo chí

33 năm với Washington Post

để biết

Những vui buồn, yêu ghét khi về quê nhà, khi đi kiếm vợ

Những đấu trí ly kỳ với hải quan

Những mạo hiểm của Lý Tống, Hoàng Cơ Minh, Võ Đại Tôn, Trần Văn Bá

Những dằn vặt, ước vọng đối với thân nhân, đất nước

Xác Thực, Sống Động, Ý Nhị

Sách dày 432 trang

Giá $20. Ngoài Mỹ $24.

Sài Gòn Tuyết Trắng: $18.

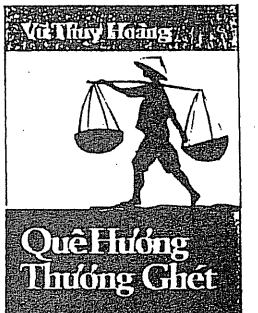

Xin gửi check, money order về: **Catherine Vũ, P.O. Box 5060 Springfield, VA. 22150**

website: www.geocities.com/vuthuyhoang

TỌA ĐÀM KINH TẾ TẠI HÀ NỘI

XUÂN QUANG

Lần đầu tiên một số kinh tế gia gốc Việt ở hải ngoại từ Úc, Nhật, Indonesia và Hoa kỳ đã về Hà Nội để thảo luận về kinh tế, trong khuôn khổ một cuộc "tọa đàm" về cuốn sách họ viết gọi là *Đánh thức con rồng ngủ quên: Kinh tế VN vào ngưỡng cửa TK 21.* Cuộc tọa đàm này được Viện quản lý kinh tế Trung ương (CIEM hay Central Institute for Economic Management, một "think tank" trực thuộc bộ Kế hoạch, nơi quy tụ nhiều chuyên viên kinh tế VN về đủ mọi ngành) tổ chức với sự tài trợ của chương trình phát triển của LHQ (UNDP hay United Nations Development Program).

Cuốn sách về kinh tế VN này là do hai anh Phạm Đỗ Chí, một chuyên gia IMF, và anh Trần Nam Bình giáo sư đại học New South Wales ở Úc chủ xướng biên tập, hoàn toàn qua hệ thống Internet. Sau các trao đổi và cộng tác trên mạng lưới, cuốn sách đã hoàn tất nội dung với các chuyên gia từ Canada như GS Triển của đại học Waterloo, từ Nhật như GS Trần Văn Thọ của đại học Waseda, GS Trần Nam Bình của đại học New South Wales, Úc, TS Phạm Đỗ Chí và Thái Văn Cẩn của IMF, TS Thiện của Exim Bank, TS Vũ Quang Việt của LHQ (New York,) TS Đinh Xuân Quân cố vấn USAID/Indonesia, các TS Liêm và Hanh của miền Bắc California, vv. và một số người trong nước như GS Võ Tòng Xuân của đại học Cần Thơ, GS Nguyễn Thiện Tống của Đại học Khoa học TP HCM (trường Phú Thọ cũ) và một số chuyên viên trẻ trong nước như Nguyễn Tân Thắng của Viện nghiên cứu kinh tế TP HCM, Lê Việt Đức của bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Có năm chuyên gia từ ngoại quốc đã về Hà Nội trong dịp này, ai cũng lấy làm ngạc nhiên về việc cuốn sách được phép xuất bản tại Việt Nam (mặc dù phải chịu sửa đổi đôi chút về hình thức), và họ cũng ngạc nhiên về cuộc tọa đàm được tổ chức.

Cuốn sách và cuộc toạ đàm/hội thảo này là do công của nhiều người như anh Chí, anh Bình và những anh em âm thầm làm công việc sửa chữa, nhuận sắc các bài vừa Việt vừa Anh của nhiều tác giả. Cuốn sách sẽ được xuất bản ở VN dưới sự bảo trợ của nhóm Economic Times Group và của đại học Texas Tech University ở Lubbock. Một bản bằng tiếng Anh sẽ được một nhà xuất bản chuyên môn về kinh tế ở ngoại quốc ấn hành. Nội dung sách gồm bốn phần chính: (1) công cuộc đổi mới, phát triển kinh tế trong tương lai, (2) phát triển các khu vực: canh nông, công nghiệp thông tin, (3) thay đổi cơ chế và (4) các thử thách cho tương lai.

Các hội thảo viên trong và ngoài nước gặp và làm quen nhau ngày 5 tháng 5-2001 ở khách sạn Hanoi Towers, nơi họ cư ngụ thời gian hội thảo. Đây là một khách sạn nổi tiếng vì xây trên nền nhà tù Hỏa Lò, hoặc Hanoi Hilton theo lối gọi của các tù binh Mỹ bị giam tại đó thời chiến tranh. Một phần của nhà tù cũ được giữ lại làm bảo tàng - ghi dấu tích đau thương của dân tộc thời Pháp thuộc - nhưng bảo tàng này có một thiếu sót lớn vì không nói gì đến việc là đây chính là mắt xích chính và đầu tiên của hệ thống "Gulag VietNam" đã được các tác giả Vũ Thư Hiên (*Đêm giữa ban ngày*), Bùi Ngọc Tấn (*Chuyện kể năm 2000*) kể lại về chuyện biết bao người bị chế độ CS giam giữ và hành hạ.

Các tác giả trong và ngoài nước làm quen nhau lần đầu tiên trong bữa ăn tối. Tôi đã quen anh Chí nổi tiếng về bộ râu quay nón 30 năm trước khi còn đi học ở Philadelphia, nay có lẽ vì làm 'phối viên' cho nên đã cho cạo mất bộ râu này. Anh Thọ thì đã làm việc với nhau ở Tokyo trong khi đã gặp anh Thiện tại World Bank. Các tác giả khác thì 'trước lạ sau quen.' Còn các tác giả trong nước (Đức, Ngọc Anh, Hằng, Thắng) ở lứa tuổi 30-40, tốt nghiệp từ Pháp, Úc hay các chương trình trong nước do

các nước ngoài tài trợ. Sau 1975, các chương trình học kinh tế tại VN nặng về lý luận Mác xít hơn là chuyên môn, nhiều giáo sư được nhà nước phong Tiến sĩ, không tùy thuộc vào trình độ. Từ 1992, sau khi đổi mới, chương trình phát triển LHQ (UNDP), Pháp (trường quản trị và thương mại), Thụy Điển (chương trình MBA), Hoà Lan (chương trình MA về kinh tế) và một số đại học Hoa Kỳ (MA về kinh tế) đã tổ chức nhiều chương trình đào tạo cho công chức và nhiều nước đã viện trợ kỹ thuật cũng như nhiều học bổng như học bổng Fullbright cho giới sinh viên và công chức VN. Từ khi đổi mới, các giáo sư có bằng cấp kinh tế tại các đại học miền nam hay ngoại quốc như Pháp, Đức, Hoa Kỳ, vv. mới có cơ hội dạy về kinh tế. Câu chuyện trong bữa ăn tối hôm đó xoay quanh các đề tài kinh tế - dĩ nhiên "chuyên" chứ không "hồng" - với mẫu số chung được mặc nhiên hiểu kinh tế đây là kinh tế thị trường.

Tọa đàm/hội thảo

Ngày hôm sau chúng tôi gặp nhau tại thính đường của Viện CIEM. Trên 150 quan khách, chuyên gia quốc tế (Anh, Đức, Đan Mạch), các chuyên viên kinh tế các bộ, các GS đại học và viện nghiên cứu, vv. có cả thứ trưởng Kế hoạch Võ Hồng Phúc và thứ trưởng Ngoại giao Bin và ông đại diện UNDP. TS Lê Đăng Doanh của viện CIEM chủ tọa. Vì cuốn sách chưa được chính thức in ấn và xuất bản, ban tổ chức CIEM đã cho in tạm khoảng 150 bản để phân phối cho các người phê bình, tham luận và cho các tham dự viên.

GS Thọ mở màn bằng phân tích và so sánh sự phát triển kinh tế VN với các nước láng giềng đông nam Á. Theo GS Thọ thì ở thập niên 70 VN xấp xỉ các nước ĐNA và vì VN bỏ lỡ nhiều cơ hội cho nên nay VN thua Thái Lan 25 năm. Thành phần tham gia đã đặt nhiều câu hỏi nhưng không ai phủ nhận là VN nay thua các nước ĐNA rất nhiều và đặt vấn đề làm sao VN có thể bắt kịp các nước láng giềng?

TS Chí nói về các thay đổi thành công trong thời kỳ Đổi mới và các chính sách kinh tế trong những năm gần đây, nhất là chính sách 'kích cầu' của chính phủ qua các dự án xây dựng hạ tầng cơ sở. Nhiều người cho là cần phá giá hối suất mạnh mẽ để giúp khu vực nông nghiệp, vì phá giá đồng VN nông dân sẽ nhận nhiều tiền hơn. Nhiều chuyên gia Việt kiều không đồng ý vì họ cho là việc phá giá hối suất sẽ giúp các doanh nghiệp nhà nước (DNNN) xuất khẩu nhiều hơn là giúp nông dân. Các nghiên cứu kinh tế đều cho thấy là các DNNN lấy quá nhiều trị giá thặng dư của nông dân (qua việc bắt chẹt giá) cho nên có phá giá hối suất thì cũng sẽ không giúp các nông dân. Trong việc này, VN cần lưu ý làm sao thay đổi môi trường xuất khẩu để các nông dân có dịp nhận được nhiều trị giá gia tăng hơn vì các DNNN đang lợi dụng ưu thế độc quyền để bắt chẹt nông dân.

TS Thiện nói về mô hình phát triển kinh tế Trung Quốc và kinh nghiệm cho VN. Đề tài này rất sôi nổi vì các thành phần trong đảng nhìn theo mô hình TQ làm mẫu chuẩn để giữ định hướng XHCN. Giám đốc Trung Tâm nghiên cứu TQ của TT nghiên cứu Khoa học xã hội, TS Đỗ Tiến Sâm cũng đóng góp thêm về đề tài này, trưng ra nhiều tài liệu bằng tiếng TQ. Có nhiều tranh cãi, và theo GS Thọ thì đừng tin TQ vì họ "nói một đàng làm một nẻo." Họ nói định hướng XHCN nhưng thật ra trong ruột họ thay đổi rất nhiều như việc cổ phần hoá các DNNN, cho phép khu vực tư cạnh tranh và bắt tay với các DNNN; họ đã bắt các doanh nghiệp của quân đội cổ phần hoá và không cho quân đội làm kinh tế. GS Tống nói thêm là TQ sử dụng theo cách mà người miền nam gọi là "nói như vậy mà không phải vậy." Theo nhận xét nhiều người, rõ ràng đảng CSVN vẫn còn tin TQ về "diễn tiến hoà bình" và các chính sách định hướng XHCN, trong khi các chuyên viên kinh tế VN đều nghi ngờ việc làm của TQ. Các thuyết trình viên trong nước thì nói về "hạch toán kinh tế" để dự đoán về tiết kiệm và xuất khẩu.

Nhìn chung trong buổi sáng đầu tiên các tranh luận đều dựa trên dữ kiện kinh tế hơn là "duy ý chí." Đây là một thay đổi đáng khích lệ vì các chuyên viên VN nay có phần được đào tạo tốt hơn về mặt kinh tế.

Buổi trưa chúng tôi đi ăn cơm gần viện để có thì giờ bàn và trao đổi ý kiến tiếp về các bài tham luận buổi sáng nhất là về ý định thay đổi hối suất nhằm giúp nông nghiệp. Việc này đã được nhiều người đề nghị tiếp tục thảo luận vào buổi chiều.

Buổi chiều, GS Bình nói về việc ứng dụng các 'model hạch toán kinh tế' để dự đoán tăng trưởng kinh tế và trong việc làm chính sách.

Sau đó GS Tống nói về cải cách Đại học nhằm cho tự trị đại học trong mô hình các đại

học tổng hợp. GS Phạm Minh Hạc, cựu bộ trưởng Giáo dục và đào tạo phê bình bài này, những luận cứ của ông cho thấy giới giáo dục VN chưa thấy rõ lợi ích của mô hình các đại học tổng hợp tự trị.

Với đề tài cải cách hành chính và chính trị, TS Quân đã nói về hình ảnh nước Indonesia (nơi ông đang làm việc cho USAID) về các chính sách thay đổi chính trị và việc thay đổi ngồi thảo luận thẳng thắn chỉ dựa thuần túy trên tinh thần khoa học.

Tối hôm đó, một bữa tiệc liên hoan được tổ chức bởi Ủy Ban người Việt nước ngoài dưới sự chủ tọa của thứ trưởng ngoại giao Bin. Trong bữa tiệc còn có mặt các cố vấn kinh tế của Thủ tướng, các ông Đức Nguyên và Việt Phương. Hai người này có hỏi một số ý kiến về việc thay đổi hối suất, việc hiệp thương giữa

cơ cấu hầu chống tham nhũng. Kinh nghiệm Indonesia cho thấy là VN cần có quy trình ngân sách tốt, trong suốt và có thủ tục hành chánh rõ ràng chưa kể việc các quyền hành lập pháp, hành pháp và tư pháp phải được phân chia, độc lập và kiểm soát lẫn nhau.

Thời gian một ngày không đủ để mổ xẻ cả sáu bài thuyết trình. Buổi chiều TS Doanh đã phải chấm dứt chương trình hội luận và hẹn một kỳ khác trong việc hợp tác giữa anh em trí thức trong và ngoài nước.

Trước khi chấm dứt, anh Chí thay mặt các cộng tác viên của cuốn sách đã cảm ơn UNDP, ban tổ chức, TS LĐ Doanh, Viện CIEM, các tham dự viên từ các bộ, ngành, viện nghiên cứu hay cả thành phần công an, đã đến nghe và thảo luận sôi nổi về các vấn đề kinh tế cho VN. Đây là lần đầu tiên các chuyên viên trong nước và các chuyên gia Việt kiều cùng nhau Hoa Kỳ và VN, đầu tư ngoại quốc và các biện pháp để đẩy kinh tế VN phát triển nhanh hơn.

Đánh giá thay kết luận

Trao đổi rất thẳng thắng trong tinh thần đóng góp về chuyên môn nhiều hơn tranh luận. Các chuyên viên kinh tế trong nước ngày nay đã khá nhiều, có phẩm chất và trình độ cao hơn so với những năm đầu thập niên 90. Nhiều chuyên viên đã được đào tạo tại các nước Tây phương.

Đây là cố gắng đầu tiên của các kinh tế gia Việt kiều viết sách về các vấn đề kinh tế tại VN và bàn về các vấn đề trong sách. Cố gắng này được phía CIEM đón nhận một cách cởi mở và mong muốn được tiếp tục trao đổi. Đây là một bước tiến nho nhỏ, và cuốn sách này cũng sẽ được bán tại VN với giá tượng trưng.●

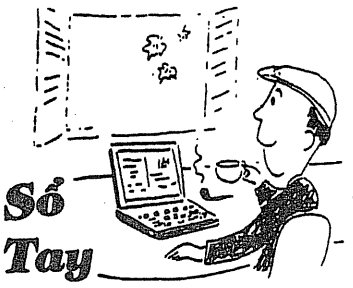

VƯƠNG HỮU BỘT

MÙA XUÂN Ở TRONG KHÔNG KHÍ

Mùi gì là mùi hương tiêu biểu của mùa Xuân? Đối với nhà tôi, đó là mùi hoa *muguet* tiếng Việt gọi là hoa Linh Lan. Trong vườn, khi những đóa uất kim hương (tulipe) đang tàn, mà thứ hoa này không bốc hương thơm, thì hoa linh lan bắt đầu chúm chím nở. Những chuông vàng mỏng tí bằng hạt đậu treo tòng teng thành chùm trên cọng xanh nhỏ mong manh, cúi xuống nhìn mặt đất. Buổi sáng ra sân cả một góc vườn thơm ngát. Hoa Lưu ly thảo (forget me not) cũng nở cùng lúc với linh lan nhưng không tỏa hương. Mỗi ngày bà vợ tôi không cầm lòng được lại hái mấy cọng hoa linh lan đặt lên bàn thờ, cắm trong các phòng khác. Trong nhà nhiều quá thì trước khi tới thăm ai lại hái mấy ngành đem tặng. Ai cũng muốn đem mùa xuân đi chia sẻ với mọi người. Muguet mọc rất nhanh, như cỏ dại, những lưỡi lửa xanh chen chúc nhau bốc lên tràn đầy một góc sân. Mấy tuần trước tôi cào, quét dọn đất còn chưa thấy một mầm nào nhú lên. Ngoảnh đi ngoảnh lại cả miếng đất đã xanh um. Nhiều cây đi lạc ra ngoài uốn lách chui lên giữa những khe gạch rải rác trong sân.

Nhưng đối với tôi thì mùi hương bốc lên mạnh nhất báo hiệu mùa Xuân là mùi lá mục ẩm. Mùa xuân về nhà tôi đi quét dọn sân, vườn. Những lá phong (maple) vàng chưa đổ hết từ mùa Thu năm ngoái giờ này còn xếp tầng trên mặt đất, giữa những tảng đá, những hòn sỏi, dưới các gốc cây. Buổi sáng đầu tiên tôi cào lớp lá mục bết đó ra, như cởi bỏ tấm chăn dầy phủ suốt mùa đông cho mặt đất được tự do hít thở, được mở mặt ra phơi dưới nắng xuân ấm áp, bỗng nhiên mùi lá mục, mùi mốc, mùi đất ẩm bốc lên ngây ngất. Tôi đứng lặng để cảm thấy mùi đất và lá lên men thấm thía dần dần trong lỗ mũi, vào khí quản, lên cả trong đầu mình. Một thứ mùi hương quen thuộc báo hiệu Xuân về.

Năm nay tôi trở lại Làng Cây Phong sống một tuần, bắt đầu đúng ngày 22 tháng Năm, là ngày năm ngoái tôi ở Làng trở về thành phố. Mùa xuân đã về. Đêm ngủ trong lều nghe gió thổi lồng lộng bên ngoài, mà ngủ say sưa ngon lành, vì trong lòng chỉ thấy bình an. Một năm đã qua, thế giới bao thay đổi, chính mình cũng thay đổi. Biết chấp nhận cuộc đời thay đổi thì thấy bình an, biết thương xót chính mình và thương xót mọi người. Mọi năm tôi vẫn quen dựng lều ở một góc cuối bãi đất trống, năm nay tôi đổi chỗ. Tự nhủ, nếu cứ dựng lều ở mãi một nơi thì dần dần trong lòng sẽ quyến luyến, ràng buộc với đất, với cây, với mảnh trời xanh ở đó. Thay đổi chỗ ngủ để biết mọi sự đều thay đổi, thế nào rồi cuộc đời cũng đổi thay. Tôi tìm một khoảng đất mới, giữa hai cây boulot trắng để cắm lều. Cào đám lá khô và củi mục, hương mùa xuân lại bất ngờ bốc lên.

Nhiều người cào lên đống lá cũ chắc chỉ ngửi thấy một mùi hôi của thảo mộc ẩm mốc. Không hiểu sao, tôi quên mất đó là một mùi hôi. Nó không thể gọi là một hương thơm, nhưng vẫn bốc lên một mùi vị thân mật, ấm áp, quen thuộc đánh thức các tế bào khứu giác của mình. Có lẽ mùi lá mục gợi nhớ đến những mùa Xuân trước vẫn phải đi cào lá mục, trong nắng mới, trong không khí nồng nàn vì thế giới cây cỏ đang rạo rực hồi sinh. Mùi đất ẩm giống như hồi ở Việt Nam sau một trận mưa rào mình bước ra sân gạch cũ phủ rêu thấy hơi nước bốc lên ngào ngạt. Cũng có thể nó quen thuộc như mùi những gốc rạ ở quê tôi khi bị những lưỡi cầy bật lên cùng với đất, mỗi lúc Xuân về. Thủa bé có những năm tôi đi học phải băng cánh đồng sang trường làng bên. Đi bộ qua những thửa ruộng mới sới thế nào cũng được ngửi mùi rơm rạ còn sót lại từ mùa đông năm trước trong các tảng đất được lật lên nằm ngổn ngang trên các luống đất mới cầy.

Ở một tiền kiếp nào đó chắc tôi sống trong rừng nên quen mùi lá mục mỗi lúc xuân về nên bây giờ những cảm giác mạnh đó sống lại. Tiền kiếp vẫn còn để dấu vết ở trong hạt gene di truyền. Dù sống ở thành phố bao nhiêu năm, khi gặp lại mùi lá mục cùng đất ẩm, cảm giác trong di truyền lại hiện ra. Tổ tiên chúng ta, hàng chục triệu năm trước sống giữa thiên nhiên, mỗi lúc Xuân về họ vẫn ngửi thấy mùi lá ẩm từ mặt đất bốc lên như thế,

trong nắng ấm mới trở về rộn rã niềm vui. Vui vì cây sẽ nở hoa, hoa sẽ kết trái, và các loài cầm thú ra khỏi hang. Đều là thực phẩm. Vui vì biết mình sắp được ăn no, sắp được rủ nhau đi tìm kiếm thức ăn mà không còn phải lo gió rét lạnh. Và những chàng trai, các cô gái đang trông chờ sắp gặp được con người mình vẫn yêu mến, vẫn mơ mộng, thèm khát qua những đêm đông. Được sống, và yêu. Những niềm vui Xuân đó trộn lẫn mùi lá mục trong rừng mỗi mùa Xuân đều trở lại, đã thấm thía rồi in dấu trong hạt giống di truyền, trải qua bao nhiêu đời vẫn còn chứa trong gene của tôi. Khi được mùi lá mục quen thuộc đánh thức dậy thì trong lòng không biết tại sao lại hân hoan rộn rã. Mùa Xuân đã trở về, ở trong không khí. Mùa Xuân đánh thức những bản năng nền tảng nhất của các sinh vật: sống và bảo tồn chủng loại.

LỊCH SỬ NHƯ ĐỜI SỐNG THẢO MỘC

Mùi lá ẩm mốc và nắng xuân đã dẫn trí tưởng tượng của tôi đi quá xa. Chắc đó cũng là một tật xấu. Tật của những người quen sống tưởng tượng, những người ham đọc tiểu thuyết, ham triết lý vẩn vơ, đi tìm những liên hệ nhân quả lờ mờ chằng chịt ở những chốn hoang đường. Những người quen sống với Natacha, với Lara. Có khi quên luôn cả những người sống cạnh mình, khi biết ra thì ân hận. Sống tách rời thực tế của những trẻ mồ côi quen thui thủi một mình, chui vào trong thế giới tưởng tượng của mình, như con tằm tự đan kén cho mình bằng những sợi tơ ảo tưởng, ẩn trốn trong đó. Một căn bệnh lớn của những người đọc sách là tìm cách giải thích các hành vi, thái độ của chính mình, và thế giới chung quanh mình, một bệnh ghiền, khó bỏ được. Rất nhiều người không quan tâm đến những mối lo âu đó. Họ sống bình thản, giải quyết mỗi vấn đề cụ thể trước mắt một cách thực tế. Họ thành công ở đời, không thắc mắc tại sao mình thành công. Họ chế ra máy vi tính, làm ra con "chíp", và cứ từ từ thay đổi đời sống cả loài người.

Nhiều người thuộc thế hệ tôi mắc tật giải thích lịch sử và thế giới vì bị ám ảnh của chủ nghĩa Mác xít. Thời trung học chúng tôi đã đọc những lý thuyết đó, có những người bạn tôi tin tưởng một cách nhiệt thành lý thuyết lịch sử của Karl Marx. Họ tin dễ dàng, giản dị, cũng giống như các người bạn khác của tôi tin có Chúa. Những người mác xít thì không tự coi là tín đồ tin một tôn giáo mà lại tự nhận là theo khoa học. Thái độ đó kích thích nỗi băn khoăn đi tìm những cách giải thích khác.

Tôi nhớ lần đầu đến London cùng Nguyễn Đăng Thường đi tìm ngôi mộ của Karl Marx trong nghĩa trang Highgate, đứng đọc câu nói bất hủ khắc trên bia mộ ông. Nhưng sau khi Karl Marx than phiền các triết gia chỉ lo giải thích thế giới, và ông đề nghị mình phải lo thay đổi thế giới nữa, thì chính các đệ tử của ông đã làm ngược lại. Họ bám lấy lối giải thích lịch sử đầy tham vọng của ông, họ tin tưởng ông như tín đồ tin đạo. Và thay vì nhìn thế giới chuyển hóa thì họ lại muốn khép thế giới lại trong những giáo điều. Bây giờ họ còn muốn bảo vệ hệ thống xã hội mà họ dựng lên theo trí tưởng tượng của Marx chứ không chịu nhìn thế giới thay đổi khác với khuôn khổ mà ông thầy đã giải thích và tiên đoán. Cuối cùng thì chính triết lý của Marx, một lối suy nghĩ để giải thích cuộc đời, trở thành những gông cùm trói buộc bao nhiêu người trong một thái độ tất định theo truyền thống Hegel, tin tưởng có một quy luật "tất yếu của lịch sử." Từ đó, ngăn cản không cho phép thế giới quanh mình được thay đổi tự nhiên. Cho đến khi họ tỉnh ra, thấy loài người không biến chuyển như một cái máy. Đời thay đổi như một thực thể sống.

Sau khi đảng Cộng Sản chọn ông Nông Đức Mạnh làm Tổng Bí thư, một người bạn phụ trách một cơ quan truyền thông lớn đã viết email hỏi thẳng chúng tôi tại sao có thái độ dè dặt, bi quan quá. Không nhìn thấy một ưu điểm nào của Trung ương Đảng mới và nhà lãnh đạo mới của đảng Cộng Sản hay sao?

Tôi công nhận ông Nông Đức Mạnh có một ưu điểm so với các vị Tổng Bí thư trước ông, là ông học về lâm nghiệp. Và ông đã từng làm việc với rừng, với cây, nhiều năm trước khi bước vào quan trường. Tiếp xúc với thiên nhiên có thể giúp người ta nhìn loài người với nhãn quan có tính chất hữu cơ hơn, nhìn xã hội như một thực thể sống, chứ không phải như một cái máy. Cái ý kiến này đã cũ rồi, ít nhất đã truyền từ Lev Tolstoi đến Boris Pasternak như tôi đã đọc từ tuổi thanh niên. Một người

đã từng thấy cây cối mọc lên và thay đổi, đã quan sát thiên nhiên, chắc sẽ không nhìn xã hội loài người một cách máy móc, đơn sơ quá đáng, như, thí dụ, một người chỉ vùi đầu trong sách vở giáo điều, hoặc xuất thân làm thợ hoạn, hoặc chỉ quen trông thấy súng đạn giải quyết những khó khăn mình gặp trong đời.

TU SĨ VÀ GUỒNG MÁY

Nhưng phương cách đảng Cộng Sản Việt Nam đối phó với các vị tu sĩ, như Linh mục Nguyễn Văn Lý hoặc Hòa thượng Thích Quảng Độ thì vẫn máy móc như cũ. Cha Lý nói những lời chống đối thì công an đến tận nhà thờ bắt đi. Thầy Quảng Độ báo trước sẽ đi thăm Hòa thượng Thích Huyền Quang thì cho gọi lên công an đe dọa. Đúng là phản ứng của một bộ máy tự động, mỗi công an là một bánh xe răng cưa nhỏ xíu trong đó, đạp chân bơm hơi xăng là xe chạy. Khi bộ máy chạy, mọi việc diễn ra tự động. Bắt bớ người, giam cầm người ta, hay đem công an tới vây bọc, quản thúc không cho ra khỏi chùa, là những việc dễ dàng, máy móc quá. Nó không giải quyết được những nguyên nhân sâu xa ẩn khuất và tiềm tàng trong xã hội, trong lòng người. Các nguyên nhân sâu xa đã đưa tới hành động của các nhà tu hành. Những nỗi bất bình trong lòng hàng triệu người khác sẽ không vì thấy các thầy tu bị bắt mà nguôi đi, ngược lại còn nung nấu mạnh mẽ hơn.

Đầu năm nay, Hòa thượng Thích Quảng Độ trả lời một cuộc phỏng vấn của đài Á châu Tự do, ngài nêu lên những ước muốn thật nhỏ nhoi. Vị thiền sư 73 tuổi nói, người Việt Nam giờ chỉ mong đảng Cộng Sản tôn trọng luật pháp và cho dân được sống tự do hơn một chút, đổi mới nhanh hơn một chút, thế thôi. Tự do hơn một chút, chẳng hạn như được đi thăm một đồng đạo già 83 tuổi, bị án quản thúc mãn đời chỉ vì không chịu cúi đầu theo nhà nước bảo. Linh mục Nguyễn Văn Lý trẻ hơn, ông nói nhiều và nói thẳng thắn, mạnh bạo hơn. Ông nêu ra những trói buộc, kỳ thị mà giáo dân và giáo hội Công giáo Việt Nam phải chịu từ năm 1975 đến nay. Điều khiến cho chính quyền cộng

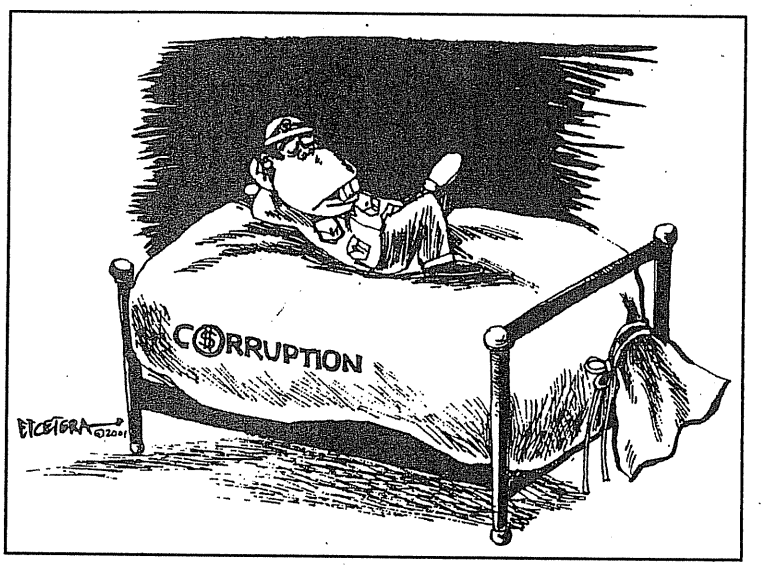

sản nổi giận, là Linh mục Lý đã được các Dân biểu Quốc hội Hoa kỳ mời nói. Họ muốn nghe sự thực sau khi nhận được lời yêu cầu của Ủy ban quốc tế Tự do Tôn giáo của Quốc hội Mỹ. Ủy ban này xin Quốc hội không phê chuẩn Hiệp định Thương mại Việt Mỹ nếu chính phủ Việt Nam không tôn trọng tự do của các tôn giáo. Linh mục Lý được mời cho thêm chứng cớ ông không được tự do hành đạo. Không được phép đi thì ông gửi thư. Biết mà không nói là bất nhân, nói mà không hết lời là bất nghĩa. Được mời nói thì một vị linh mục làm sao không lên tiếng, để mang tiếng bất nhân bất nghĩa hay sao? Năm ngoái Thượng tọa Thái Hòa được mời sang New York dự hội nghị Hòa bình Thiên niên kỷ, ông cũng không được đi, cũng phải gửi thư phát biểu. Nhưng từ đó Thượng tọa Thái Hòa cũng trở thành một nhân vật quốc tế. Ngày nay Thượng tọa lên tiếng thì thế giới lắng nghe. Guồng máy của đảng Cộng Sản giúp tạo ra tình trạng đó.

Nhưng cách sử sự máy móc đó không thể kéo dài mãi được. Xã hội loài người là một thực thể sống. Những khát vọng của con người không thể bị đè nén mãi. Sau cơm no, áo ấm, người ta sẽ đòi được đối xử bình đẳng, được tự do, và được coi là có phẩm giá.

Nhiều người so sánh hành động đàn áp tôn giáo của đảng Cộng Sản Việt Nam với việc Cộng Sản Trung Hoa bắt bớ, tra tấn các môn đồ Pháp Luân công. Nhưng các tu sĩ đòi tự do tôn giáo ở Việt Nam chưa ai tạo ra một

phong trào quần chúng như Pháp luân Đại pháp. Chưa thu hút được hàng chục triệu người mỗi ngày ra ngoài đường sinh hoạt tín ngưỡng với tư cách tập thể, trong đám đông đi tập khí công và ngồi thiền này có cả quân đội và công an.

Mà Cộng Sản Trung Hoa muốn đàn áp Pháp Luân công cũng phải bắt đầu bằng một đạo luật, Quốc hội của họ đã đặt giáo phái này ra ngoài vòng luật pháp. Ít nhất, họ cũng che đậy chính sách đàn áp của họ bằng một cái lá nho pháp lý! Vì chính họ muốn cho đảng viên tập sống trong pháp luật, đặt cơ bản cho một xã hội sống trong luật lệ. Vì họ biết nước Trung Hoa đang thay đổi, không thể cứ bấm một cái nút là hàng triệu người được đem bỏ vô tù như thời Stalin và Mao Trạch Đông được nữa. Tiếp tục sống lối bất chấp luật pháp như vậy thì chính bản thân họ, và tài sản mà họ đã chiếm được, cũng có ngày sẽ bị đe dọa!

Cộng Sản Việt Nam thì vẫn theo lối Lênin. Theo chủ nghĩa Lenin, nhà nước là một khí cụ để giai cấp thống trị đàn áp dân bị trị. Họ dùng guồng máy đó phân phát thực phẩm, chia quần áo, nhà ở, để kiểm soát dân. Tôi mới nói chuyện với một bạn trẻ đã rời khỏi Việt Nam năm 1983. Chú em này quê ở Thái Bình, bị bắt đi bộ đội năm 1980, dù cha chú đã năn nỉ xin ông chủ tịch xã xét cho trong nhà đã có hai anh đi bộ đội rồi. Chú đi lính được bốn tháng thì nhớ cha nhớ mẹ quá, trốn từ Quảng Trị về quê, ở lì trong nhà. Chính quyền làng xã cũng chẳng ai thèm bắt. Và chỉ một tháng sau người cha lại phải dẫn con vào Quảng Trị đến xin lỗi ông tiểu đoàn trưởng xin cho con được trở về đơn vị cũ. Vì ở nhà thì không có gì ăn. Khẩu phần của mỗi người đã định sẵn cả rồi, anh đào ngũ không có trong hộ khẩu, thêm một miệng ăn của anh thì chị, em, các cháu phải nhịn bớt. Xã hội được điều khiển như một cái máy, không bánh răng cưa nào được chạy lệch lạc.

Bây giờ chế độ đã đổi mới, nhưng thói quen cũ vẫn còn. Đảng vẫn muốn kiểm soát. Các khẩu phần văn hóa, tư tưởng được Đảng nấu nướng sẵn để phân phối, dân không được nếm thử món khác. Trong số báo Xuân vừa rồi, tờ *Tuổi Trẻ* ở Sài Gòn còn đăng một cách long trọng câu nói của Hồ Chí Minh: "Tự do tư tưởng là tự do phục tùng chân lý." Tất nhiên, trong chế độ công an của họ, Đảng Cộng Sản giữ độc quyền "phân phối chân lý" trong các cửa hàng mậu dịch như báo, đài do Đảng kiểm soát! Chính vì muốn giữ độc quyền chân lý nên họ không muốn cho một phong trào tư tưởng, một tín ngưỡng, một xu hướng nghệ thuật nào phát triển ngoài các tín điều của Karl Marx, Lenin do Nguyễn Khoa Điềm phân phối. Đến giờ đảng Cộng Sản Việt Nam vẫn chỉ biết có một hệ thống cai trị máy móc đó.

Những người quen sống trong guồng máy đó, như các bánh răng cưa, những người quen sử dụng bộ máy đó như tài xế lái xe, họ phản ứng trước các biến đổi trong xã hội một cách máy móc. Ai không "phục tùng chân lý Đảng" thì đã có công an xử lý! Nhưng xã hội vẫn thay đổi. Người dân Việt Nam không ngu mà cũng không hèn. Chính người dân đã thay đổi. Không ai có thể ngờ các sinh viên trường kỹ thuật Phú Thọ lại dám rủ nhau đi đánh bộ đội, đụng tới cả cơ sở làm ăn của các quan chức có súng! Phản ứng của các sinh viên không phải chỉ bộc phát vì cảnh một người bạn bị oan ức: vào cửa hàng Cora của quân đội, gửi xe, ra lấy thì xe bị mất, không được bồi thường mà còn bị vu oan và đánh đập. Trong lòng những sinh viên kéo nhau đi đánh bộ đội giữ xe còn chứa những nỗi uất ức trước cảnh các tướng tá chiếm đất công làm của riêng xây biệt thự, từ trường đua Phú Thọ đến Tổng tham mưu cũ, từ 1975 đến nay. Các tướng còn mời người nước ngoài vào "chung nhau mở một ngôi hàng" hưởng lợi. Như thế vẫn chưa đủ thỏa mãn. Lại còn dung túng nhau cho đi ăn cắp vặt, đứng giữ xe rồi chiếm cả xe. Trong lòng các sinh viên đi đánh nhau đó cũng còn cả mối lo lắng mai mốt ra trường không biết có việc làm đúng khả năng không.

Và trong nước Việt Nam bây giờ không phải chỉ có các sinh viên Phú Thọ uất ức. Hàng triệu những vụ oan ức ở khắp nơi. Đồng bào Phật giáo Hòa Hảo ở miền Nam uất ức. Đồng bào thiểu số ở cao nguyên uất ức. Những người bị chiếm đất, bị chiếm nhà khắp nơi uất ức. Ngay cả những bộ đội, công an nghèo khó cũng uất ức.

Không thể cai trị 78 triệu dân Việt Nam theo lối máy móc kiểu Stalin được nữa. Không thể bắt tất cả mọi người "phục tùng chân lý" theo lối bảo sao nghe vậy được nữa. Đổi mới kinh tế

nửa vời thì sẽ làm cho dân tiếp tục thiếu thốn, nhưng không đổi lối cai trị máy móc thì sẽ còn tiếp tục phạm những sai lầm với hậu quả lâu dài khó lòng chữa được.

MỞ MẮT

Các nhà báo ngoại quốc đã ghi nhận một cảnh tượng đặc biệt lúc đảng Cộng Sản Việt Nam họp Đại hội Chín vừa qua, đó là cảnh các đại biểu cao tuổi đứng xúm xít chung quanh những máy vi tính mới nhãn hiệu IBM. Với dáng điệu lóng ngóng, họ trố mắt cúi nhìn cảnh "Đảng lên mạng lưới toàn cầu"- World Wide Web! Đúng là một dịp để Đảng "mở mắt ra." Chỉ tiếc là nhạc sĩ Văn Vĩ không còn đó để chứng kiến. Có thể nhiều đảng viên còn kinh ngạc khi thấy đảng chuộng tiếng Anh! Vì "trang lưới" của đảng ngoài tiếng Việt ra chỉ có tiếng Anh, không có tiếng Nga, tiếng Tầu. Tất nhiên, địa chỉ trên mạng lưới của đảng cũng viết tắt chữ Anh: www.cpv.org.vn. Những chữ "cpv" chắc là Communist Party of Việt Nam. Có lẽ công ty IBM nên tặng ngay cho mỗi ông, bà trong Trung ương Đảng Cộng Sản Việt Nam một bộ máy mạnh nhất, kể cả máy in laser và máy soi hình, xì can. Hãng America Online nên tặng họ năm năm sử dụng mạng lưới AOL miễn phí. Năm năm là thời gian giữa hai đại hội, tính giá 20 đô la một tháng thì quà tặng chỉ đáng 1,200 Mỹ kim; chắc chắn họ được phép nhận mà không sợ mang tiếng tham nhũng. Sau đó họ có thể đem tặng các trường học, như ông Đỗ Mười từng nhận một triệu Mỹ kim của công ty Đại Hàn nào đó rồi lại đem cho vậy. Công ty Cisco hãy tặng thêm cho Trung ương Đảng những bộ máy chuyển mạng (server). Vì khi các ủy viên Trung ương Đảng đảng Cộng Sản làm quen với mạng lưới toàn cầu thì chắc chắn mắt họ sẽ mở ra rộng hơn - ít nhất cũng để coi hình.

Nếu các ủy viên Trung ương Đảng không muốn nhận quà của Mỹ (Đại Hàn bây giờ là nước anh em, còn Mỹ vẫn có thể bị nghi ngờ là thế lực thù nghịch), thì các công ty Mỹ kể trên có thể tặng cho bà Joelle Fishman rồi nhờ bà chuyển tới như quà của đảng bà ta. Bà Fishman đại diện cho đảng Cộng Sản Hoa Kỳ đã đến dự Đại hội Chín và được vỗ tay nồng nhiệt nhất, vỗ tay lâu quá làm cho đồng chí Hồ Cẩm Đào đại diện đảng Cộng Sản Trung Quốc cũng sốt ruột. Bà Fishman giúp không khí đại hội rất phấn khởi, vì bà cho biết trên 50 tiểu bang ở Mỹ chỗ nào cũng có người của đảng ta cả. Điều đó chứng tỏ rằng khi các đồng chí Lê Khả Phiêu, Nông Đức Mạnh nói Chủ nghĩa Xã hội thế nào cũng tràn ngập khắp thế giới thì chuyện đó là chuyện có thật chứ không nói chơi. Khi nào đảng Cộng Sản Hoa Kỳ làm cách mạng ở nước họ xong thì lúc đó tại Hà Nội sẽ đầy các cửa hàng McDonald bán bánh hamburger và french fries theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Không những tặng máy móc cho các ủy viên Trung ương Đảng, bà Fishman còn nên xin các hệ thống đài truyền hình Mỹ tặng không cho mạng lưới cpv.org.vn tất cả các chương trình ti vi Mỹ, nhất là các bản tin và các cuộc thảo luận chính trị, phụ đề tiếng Việt cho dễ hiểu. Vì khi các đảng viên cộng sản được coi những người Mỹ nói xấu nhau như thế nào, họ sẽ thấy chủ nghĩa tư bản nó xấu hết thuốc chữa. Cứ xem các đại biểu Quốc hội Mỹ "chửi" các vị Tổng thống của họ thì thấy ông Clinton chỉ đáng làm tài xế cho các cô đào chiếu bóng, ông Bush chỉ đáng về trại chăn bò. Còn cụ Greenspan thì lẩm cẩm không biết gì hết, chỉ có cái lãi suất mà cũng cứ phân vân không biết nó nên cao hay thấp, lâu lâu lại thay đổi, chẳng có chút quyết tâm, không biết kiên định lập trường nào cả! Đúng là tình trạng chủ nghĩa tư bản dẫy chết.

NGUYÊN TẮC TỔ CHỨC CHE ĐẬY

Sau khi coi các chương trình ti vi Mỹ, chắc đồng chí Nguyễn Đức Tâm sẽ thay đổi ý kiến, không còn ngồi uống trà nhạt để lầu bầu nữa. Ngay sau khi Đại hội chín họp xong, ông Nguyễn Đức Tâm đã viết một lá thư phê phán nặng nề gửi cho tất cả các ủy viên Trung ương than phiền về chuyện trong đảng không biết che đậy, dấu giếm cho nhau. Ông Tâm vốn là người thấm nhuần chủ nghĩa Mác Lenin hơn ai hết, nhất là các chủ nghĩa Stalin và Mao Trạch Đông thì ông càng thành thục. Rất tiếc ông chỉ làm Ủy viên Bộ Chính trị có năm năm, từ 1986 đến 1991. Tuy phải đứng ngoài coi, ông cũng biết trong Đảng mất đoàn kết. Ông viết: "Tôi được thông báo về việc đồng chí cố vấn Lê Đức Anh phúc trình với Bộ Chính trị về các hành động sai nhầm của đồng chí Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu... Đây là một cuộc vận động với

mục đích xấu, vi phạm các luật lệ của Đảng và những nguyên tắc tổ chức của chúng ta!"

Nghĩa là khi những người trong một đảng mà vạch ra những sai lầm để bầu người này, bỏ người khác, là vi phạm những nguyên tắc tổ chức. Đúng nguyên tắc tổ chức của đồng chí Stalin thì ông bảo bầu ai là bỏ phiếu cho người đó, ai làm sai lệnh sẽ cho ra tòa thành khẩn thú mọi tội lỗi, xong cho đi Tây Bá Lợi Á nghỉ mát, hoặc cho mỗi người một viên đạn. Theo lối Mao Trạch Đông thì cho đi lao động cải tạo rồi chết rũ trong tù. Còn theo lối các ông Hồ Chí Minh, Lê Đức Thọ, Lê Duẩn thì có các tai nạn xe hơi hay là tai nạn lúc đi săn bắn.

Cho nên, ông Nguyễn Đức Tâm và các ủy viên Trung ương Đảng Cộng Sản Việt Nam cần phải coi những chương trình ti vi Mỹ để họ biết có những nguyên tắc tổ chức khác, nó thích hợp với những người ăn hamburger hơn. Có biết như vậy rồi họ mới mở mắt ra thêm. Nếu không, khi cách mạng vô sản ở Mỹ thành công, đảng viên cộng sản làm chủ tất cả các nước trên thế giới, ở đâu cũng có quán McDonald thì đảng Cộng Sản Việt Nam lại tụt hậu lần nữa!

KINH TẾ CHỮ ĐỒNG TỬ

Lần đầu đọc bản Báo cáo Chính trị của đảng Cộng Sản trong Đại hội Chín vừa qua, chúng tôi đã ngạc nhiên, tự hỏi không hiểu tại sao một văn bản xác định chiến lược kinh bang tế thế trường kỳ những năm năm, 10 năm, hoặc xa xăm hơn, cho tới ngày cả thế giới tiến đến Chủ nghĩa Xã hội, một báo cáo quan trọng như vậy mà lại nêu ra một chuyện rất tầm thường, có thể gọi là nhỏ nhặt. Đó là vấn đề nhân dân ta gây nhiều tai nạn lưu thông quá. Nói chung là nhân dân gây ra, để khỏi qui trách nhiệm cho bộ Giao thông Vận tải hay cho các ông bà công an lưu thông.

Nhưng bây giờ thì tôi hết ngạc nhiên về điều này, mà lại ngạc nhiên về chuyện khác. Không hiểu tại sao có một vấn đề quan trọng không kém mà các tác giả bài Báo cáo Chính trị lại quên. Nếu họ quên cũng được, nhưng tại sao ông Lê Khả Phiêu khi đọc lại không nhắc họ nêu ra để trình đại hội Đảng một vấn đề lớn lao như thế.

Đó là vấn đề ở nước Việt Nam hiện nay nhân dân ta đang thiếu mũ che đầu khi lái xe gắn máy. Đáng lẽ sau khi liệt kê các khó khăn của đất nước, thí dụ như nạn buôn lậu, công chức tham nhũng, cán bộ và đảng viên không chịu học tập thông suốt đường lối Đảng, công cuộc đổi mới bị nhiều thế lực thù nghịch phá hoại, v.v., thì ông Lê Khả Phiêu cũng nên báo động với Đại hội rằng dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng do Bác Hồ sáng lập đất nước ta đã tiến những bước vĩ đại đúng tầm vóc lịch sử nhưng rất tiếc nhân dân ta anh hùng vẫn chưa đủ mũ đội đầu khi lái xe gắn máy nhập cảng từ Nhật Bản, Trung Quốc, Đại Hàn, v.v.!

Đọc báo Thanh Niên bữa nay mới biết năm ngoái ở Việt Nam có 7,882 người thiệt mạng vì tai nạn lưu thông, do đó, mới hiểu rằng đây là một vấn đề đáng để ông Lê Khả Phiêu trình đại hội Đảng. Quý vị thử tính, với số tử vong đó, và chiều hướng mỗi năm tai nạn lại tăng lên, chỉ trong vòng năm, sáu năm là có thể sẽ tới 50 triệu người chết. Năm, sáu năm là thời gian rất ngắn. Nếu quý vị còn nhớ, trước đây các ông Lê Duẩn, Lê Đức Thọ, và trực tiếp là ông Lê Đức Anh, đưa bộ đội sang làm nghĩa vụ quốc tế ở Cam Bốt, đã phải mất chín, mười năm mới làm chết 50 ngàn thanh niên Việt Nam. Bây giờ, dưới sự lãnh đạo của các ông Đỗ Mười, Võ Văn Kiệt, Lê Khả Phiêu, v.v. chỉ cần năm, sáu năm Đảng cũng gây ra hậu quả lớn như vậy.

Và tất nhiên, Đảng lúc nào cũng muốn nhân dân sống chứ không muốn họ chết. Vì chỉ người còn sống mới có thể mua xe và lái xe gắn máy theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Một nước 78 triệu dân mà có đến bẩy triệu cái xe gắn máy, như vậy thì biết các xí nghiệp kinh tài của Đảng và các đảng viên có cơ hội làm giầu trong nghiệp vụ nhập cảng như thế nào. Ngoại tệ kiếm đâu ra mà mua nhiều xe gắn máy như vậy?

Năm 1970 tôi được ra khỏi xứ lần đầu, sang Đài Bắc, Hán Thành, trong lòng khâm phục những xứ đang bắt đầu làm nhà máy ráp xe hơi như Đài Loan, Nam Hàn mà ngoài đường chẳng mấy khi thấy xe Honda hay Suzuki chạy, khác hẳn cảnh tượng ở nước mình. Khi về Sài Gòn tôi đã viết trên một mục bình luận của báo *Đại Dân Tộc*, đặt câu hỏi chính phủ Việt Nam lấy ngoại tệ đâu ra mà nhập cảng xe gắn máy nhiều như vậy? Và câu trả lời ai cũng biết, lúc đó đô la Mỹ đổ vào đầy nước Việt Nam là vì

có chiến tranh. Nhiều đô la, nhưng chính quyền không biết cho nhập cảng những thứ cần để mở mang hạ tầng cơ sở kinh tế, hay phát triển hệ thống chuyên chở công cộng, lại đem nhập cảng xe gắn máy cho một số thương gia làm giầu. Phải ghi nhận rằng chính quyền Sài Gòn lúc đó cho phép một ký giả được tự do viết điều đó ra. Và bài báo còn nói thẳng rằng khi cưỡi trên chiếc xe gắn máy chúng ta nên ngậm ngùi nghĩ rằng mình đang lợi dụng xương máu của các chiến sĩ và đồng bào mình. Trong những năm mà "chế độ Thiệu Kỳ" được coi là độc tài đáng ghét nhất, người viết báo ở Việt Nam vẫn được chút tự do phê phán như vậy, bây giờ nhớ, lại thấy tiếc!

Còn bây giờ thì họ lấy ngoại tệ ở đâu ra? Ngoài việc xuất cảng gạo, cà phê, tôm cá, tiền viện trợ, đầu tư, còn vài ba tỷ Mỹ kim của "Việt kiều" mỗi năm gửi về hay đem về Việt Nam. Bẩy triệu cái xe gắn máy cũng tốn đến mươi tỷ đô la, bằng bốn năm năm tiền Việt kiều đem về nước. Đủ làm một cái nhà máy lọc dầu, nếu biết sử dụng. Đủ để sửa chữa các con đường khắp nước, lập hệ thống đèn báo hiệu để bớt tai nạn lưu thông, như xe đò lật trên đèo hay rớt xuống biển! Nhưng nếu không cho nhập cảng xe và nếu không có những tổ chức nhập cảng lậu xe gắn máy thì các đảng viên có chức có quyền lại vất vả, mất công tìm cơ hội kiếm tiền khó khăn hơn!

Đó là cách "lãnh đạo" của Đảng, mà Đảng thì không chịu cho ai bàn coi họ có đáng lãnh đạo hay không. Nhà báo nào ở Việt Nam mà đem bàn thì chắc sẽ bị coi ngay là "thế lực thù địch." Ông Vũ Cao Quan đem bàn nên bị bắt.

Để xử lý bảy triệu cái xe gắn máy sao cho đỡ chết người, nhà nước đã ra cái luật văn minh, từ ngày 1 tháng Sáu này ai lái xe gắn máy phải đội mũ an toàn. Luật nghiêm như Mỹ vậy. Không biết lúc áp dụng ra sao, nhưng có luật vẫn hơn. Nhưng chỉ còn ba tuần nữa là thi hành luật, Đảng mới nhớ ra rằng có hơn bẩy triệu cái mũ an toàn không phải chuyện dễ. Có thể biện hộ rằng Đảng chỉ lãnh đạo thôi, chuyện quản lý sao cho đủ mũ đội là chuyện nhà nước. Mọi việc nhập cảng và chế tạo chất nhựa plát tích, cho đến những cái nón, không biết những công ty nào phụ trách. Chắc vẫn lấy quốc doanh làm chủ đạo, đó là đường lối trước sau như một. Mà xí nghiệp quốc doanh thì chỉ lo định hướng xã hội chủ nghĩa, chứ đâu có tính toán theo nhu cầu kinh tế thị trường? Vậy trước khi làm ra luật nhà nước có nghiên cứu khả năng thi hành luật, sao cho mỗi người lái xe có một cái nón hay không?

Cuối cùng Đảng cũng mở lượng khoan hồng cho hoãn thi hành luật đội mũ an toàn. Luật mới ra mà lại hoãn thì mất thể diện quá! Trong tình trạng này đáng lẽ Đảng phải đề cao và áp dụng chủ nghĩa kinh tế Chử Đồng Tử. Tức là cứ hai cha con hai cái xe nhưng chia nhau một cái nón. Con đội nón lái xe đi thì cha ở nhà, bao giờ con về thì cha được đội nón. Cái tư tưởng kinh tế Chử Đồng Tử này rất tiện, có thể đem áp dụng khắp nơi được. Thử nghĩ coi, nếu bây giờ thiếu ngân sách mà cho học sinh theo chủ nghĩa Chử Đồng Tử một ngày em này học, em kia ở nhà, là giải quyết được nạn thiếu trường lớp. Nếu lương các thầy cô giáo mà ít quá không đủ sống thì cứ một bữa người này ăn, người kia nhịn, sẽ giải quyết được vấn đề lương bổng giáo chức.

Cứ như vậy, chắc chẳng bao lâu sẽ tiến tới dân giầu nước mạnh xã hội công bằng dân chủ văn minh.◉

CHÚC MỪNG

Vừa nhận được hồng thiệp của
anh chị NGUYỄN TÂM TÚ
báo tin làm lễ thành hôn cho thứ nam:

Cháu NGUYỄN TÂM DŨNG

sánh duyên cùng

Cháu ĐỖ THỊ KIM NGỌC

thứ nữ của **ông bà Đỗ Hữu Kỉnh**
Hôn lễ sẽ cử hành tại Pennsauken, New Jersey
vào ngày 17 tháng 7 năm 2001
Xin chúc mừng anh chị Nguyễn Tâm Tú có dâu hiền.
Chúc hai cháu Tâm Dũng - Kim Ngọc
đời đời hạnh phúc

Vợ chồng Trần Doãn Nho,
Worcester, Massachusetts.

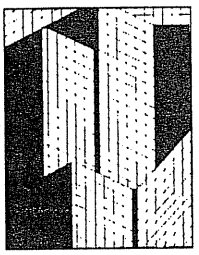

Đời sống quanh ta

XE "KHÔN NGOAN" ĐỂ ĐỐI PHÓ XĂNG TĂNG GIÁ

THANH THẢO

Cuối tháng Hai năm nay, khi sang Ý, Thanh Thảo để ý đến một kiểu xe rất ngộ nghĩnh, ngắn thua phân nửa xe du lịch thường thấy bên Mỹ, chạy khắp đường phố Rome và Florence. Những chiếc xe nhìn giống như bị chặt bỏ phần đuôi, chỉ còn đầu máy và hai chỗ ngồi cho tài xế và hành khách, màu xanh da trời pha nước biển tươi sáng, tiện lợi vô cùng trên đường phố vừa hẹp vừa cũ kiểu thời Trung cổ của Rome. Thấy xe xinh quá, Thanh Thảo mới hỏi thì biết đó là xe hiệu Smart, tạm dịch là "Khôn Ngoan" của hãng Daimler-Chrysler.

Xe Smart này là kiểu nhỏ nhất thế giới và là loại xe được chuộng nhất hiện nay tại Âu Châu. Vì quá nhỏ, gọn, xe Smart được mệnh danh là "những chiếc túi đeo lưng lưu động" (rolling back-pack). Chưa sang những nước khác, nhưng chỉ cần nhìn xe Smart này chạy luồn lách tài tình trong những con hẻm cổ kính quanh Thánh đô Rome, Thanh Thảo cũng thấy sự tiện dụng đặc biệt của loại xe này. Thêm vào đó, vì thiếu chỗ đậu xe, nếu đậu sát lề đường, hai chiếc xe Smart này đậu nối đuôi nhau cũng vẫn còn ngắn hơn một chiếc xe van Excursion của hãng Ford, xe Smart quả thật là một phát minh khôn ngoan, ít nhất trên những đường phố ở Ý.

Theo nhiều nhà quan sát ý thích của giới tiêu thụ tại Mỹ, không những chỉ trên những con đường cổ của Âu châu xe Smart mới tiện dụng, tại Mỹ dù đa số đường phố và xa lộ thênh thang không phải là nơi dụng võ chính của kiểu xe chỉ dài có 8 feet này, nhưng cũng có những nơi xe Smart sẽ có chỗ đứng đáng kể, như tại San Francisco chẳng hạn.

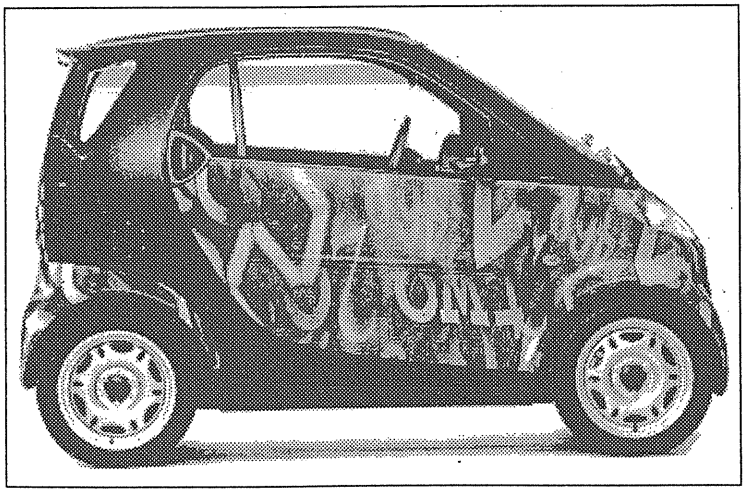

Bỏ qua hình dạng dễ thương, ngộ nghĩnh và kích thước nhỏ bé của xe Smart, một vấn đề khác khiến xe Smart sẽ được giới tiêu thụ Mỹ đón nhận nồng nhiệt là vấn đề ít tốn xăng. Nhiều nhà phân tích kinh tế và lập pháp liên bang cho rằng mỗi gallon xăng tại Mỹ sẽ tăng đến $3 Mỹ kim Hè năm nay. Quí vị thử tưởng tượng xe Smart chạy được 57 dặm mỗi khi "uống" một gallon xăng. Tiết kiệm xăng cỡ này thử hỏi về "khôn ngoan" xe nào qua mặt nổi chiếc Smart?

Còn về giá cả thì sao? Chỉ cần $9,000 Mỹ kim, quí vị có thể mua một chiếc xe Smart. Tuy nhiên, công ty Daimler Chrysler cho biết xe này chưa hợp pháp tại Mỹ vì vấn đề an toàn giao thông. Theo dự trù, xe Smart sẽ được nhập cảng sang thị trường Hoa Kỳ vào năm 2003. Vào thời điểm đó, nhân viên đại diện công ty Daimler hy vọng sẽ áp dụng được những kỹ thuật cần thiết để xe Smart hội đủ tiêu chuẩn an toàn trên nước Mỹ.

Nhiều nhà tranh đấu cho sự an toàn xe hơi nổi tiếng như bà Clarence Ditlow cho rằng trừ khi nào các kỹ sư hãng Daimler có cách gắn hỏa tiễn dưới chiếc xe Smart tí hon thì may ra người lái xe mới được bảo vệ trong trường hợp chiếc xe "khôn ngoan" nhỏ xíu mỏng và nhẹ như bấc này đụng phải một chiếc xe thể thao SUV, chẳng hạn. Bà nói rằng vì xe này nhỏ quá,

nên giới làm luật lưu thông buộc phải dành đường riêng cho kiểu xe này nếu xe được cho phép chạy trên các xa lộ Mỹ.

Nhân viên công ty Daimler xác nhận khi chế kiểu xe Smart, các kỹ sư không chú trọng đến các xa lộ thênh thang, mà chủ tâm bán xe này cho người lái thuộc những thành phố vừa nhỏ vừa chật chội, đông người. Nếu ở Mỹ, có lẽ ngoài các trung tâm thành phố lâu đời, xe Smart tiện dụng trong những khu Đại Học, hoặc phương tiện di chuyển trên những con đường trong thành phố mà thôi.

Trong quá khứ, kiểu xe nhỏ nào cũng gặp bất lợi khi được giới thiệu vào thị trường tiêu thụ Mỹ. Người Mỹ có lối suy nghĩ "cái gì lớn hơn tất tốt hơn" từ lâu, nên cho đến nay những kiểu xe thịnh hành nhất vẫn là xe lớn, như xe thể thao SUV chẳng hạn. Theo thống kê, dù nền kinh tế nói chung bắt đầu có triệu chứng suy thoái, và dù giá xăng tăng nhiều so với năm ngoái, số xe SUV vẫn có mức bán tăng 5% trong năm nay.

Nhưng theo nhiều phân tích gia kinh tế, đợt trì trệ kinh tế lần này có những điểm khác biệt so với những đợt trước, vì gặp nguy cơ thiếu dầu do các nước Á Rập Trung Đông quyết nghị cảnh cáo Do Thái và những nước ủng hộ Do Thái, cùng lúc với nạn thiếu điện trầm trọng hứa hẹn cúp điện luân phiên toàn quốc. Vì vậy, vào lúc chiếc xe Smart này hội đủ điều kiện nhập vào thị trường Hoa Kỳ, người tiêu thụ Mỹ lúc đó sẽ sẵn sàng trở nên "khôn ngoan" hơn khi chọn cho mình phương tiện di chuyển.

TRACY PORTER: LÀM GIÀU NHỜ THÍCH VẼ

TH.TH.

Cô Tracy Porter và chồng John Porter cho chúng ta thấy đôi khi những thú tiêu khiển cũng có thể mang lại cơ hội làm giàu, nếu gặp đúng thời cơ, và nếu có niềm tin rằng mình sẽ thành công.

Khi biết những vật dụng trang trí trong nhà được vẽ những hình ảnh đầy màu sắc của mình được nhận vào bày bán trong chương trình triển lãm quan trọng tại New York năm 1992, cô Tracy Porter, một cựu người mẫu, đã vô cùng sửng sốt.

Sửng sốt vì chỉ mới vài tháng trước đó, hai vợ chồng Tracy và John Porter mới mở "công ty" chế tạo và bán những vật dụng trang hoàng trong nhà tại trang trại của họ ở Wisconsin. Họ thích vẽ, tin rằng ý kiến của mình có nhiều điểm lạ, và chỉ gửi vài mẫu vẽ trong lúc cao hứng đến ban tổ chức cuộc triển lãm mỹ thuật để cầu may, ai ngờ được nhận. Nhưng điều kiện bắt buộc là họ phải có ít nhất 50 sản phẩm. Với vốn khởi sự của họ rất khiêm nhường, chỉ có $5,000 Mỹ kim mượn được từ cha mẹ của Tracy, trong vòng vài tháng trời, hai vợ chồng làm việc ngày đêm. John và Tracy Porter cố vẽ cho đủ 50 kiểu mẫu bằng những hình thể tùy hứng, đủ màu sắc trông vui mắt nhưng không chú trọng hẳn vào một sản phẩm đặc biệt nào. Trái lại, họ vẽ trên những vật dụng rất khác biệt, từ những giá chân nến, đến những bức màn che. Đa số hình họ vẽ dùng mẫu hình hoa, cũng không theo một kiểu nhất định nào.

Sau khi hoàn tất 50 mẫu vật dụng, con số tối thiểu để được tham gia vào chương trình triển lãm và bán của một cuộc triển lãm sản phẩm mỹ thuật lớn, Tracy và John chất hết những "sản phẩm" này lên chiếc xe van, lái 18 tiếng đi New York. Tuy cả hai mệt nhoài, nhưng họ đã đạt kết quả không ngờ. Sau cuộc triển lãm, Tracy và John nhận được đơn đặt hàng trị giá $75,000 Mỹ kim. Tracy thuật lại khi trở về khách sạn buổi tối hôm đó, cả hai người, John và cô, đã rải tung những đơn đặt hàng khắp mặt giường, rồi nhảy như trẻ con trong sự sung sướng và kinh ngạc không thể diễn tả hết.

Đó là chuyện cách đây tám năm. Nhắc lại thời đó, Tracy, nay 33 tuổi và John, 39 tuổi, cho biết nếu lấy những đơn đặt hàng họ đang giữ trong hàng chục cuốn sổ lớn hiện nay đem rải ra mặt giường, có lẽ cả chục chiếc giường cũng không có chỗ chứa. Từ bước đầu hết sức khiêm nhường đó, công ty Tracy Porter đã có số doanh thu hàng năm trên $25 triệu Mỹ kim. Những mặt hàng công ty sản xuất ngày nay bao gồm đủ loại từ những tấm thiệp vẽ theo nét vẽ tay giá bán lẻ $1.95 Mỹ kim, đến loại bình cắm hoa bằng thủy tinh, vẽ hình hoa bán giá $17 Mỹ kim một cái, ngay cả loại bồn tắm vẽ hình có một không hai trị giá $8,500 Mỹ kim.

Thành công đến với Tracy ngoài sức tưởng tượng của một thiếu nữ rất nhút nhát, sinh trưởng vùng đồng quê Fond du Lac, tiểu bang Wisconsin. Là con gái thứ nhì

trong số ba người con của ông bà David và Annetter Schaberg, chủ nhân công ty sản xuất nhôm, Tracy thường dành trọn thời gian rảnh làm những việc thủ công nghệ. Cô thuật lại mẹ mình thường đưa mình đến những tiệm bán vật liệu thủ công, nghệ thuật, mua cho cô đủ thứ từ sơn, cọ, giấy, hay những hạt cườm, đồ vật tí hon... Dù biết bày cho con gái làm những thứ này để cô đỡ rảnh rỗi quá, nhưng người mẹ cũng đã tạo cho con mình sự tự tin bằng sự khích lệ cần thiết đối với Tracy.

Tracy càng tự tin hơn khi cô được một công ty đại diện người mẫu tại Milwaukee chọn, gửi cô đi Paris làm việc khi cô 16 tuổi. Làm việc tại Paris trong hai năm sau khi tốt nghiệp Trung Học, Tracy trở về Chicago tìm việc làm. Tại đây, cô gặp gỡ John, một người mẫu trình diễn quần áo mặc thoải mái trong nhà cuối tuần, còn gọi là sweat-suits. Hai người trở thành tình nhân từ đó, và quyết định lấy nhau tháng Tám năm 1991. Sau khi thành hôn, hai vợ chồng mới cưới thuê một căn nhà trong nông trại tại thị trấn Princeton nhỏ bé, tiểu bang Wisconsin.

Trong lúc ngồi suy nghĩ làm cách nào kiếm ra tiền để xây tổ ấm, Tracy chợt nhớ đến thú tiêu khiển thuở ấu thơ của mình. Cô tự tin đến độ dùng ngay chuồng gà làm bàn làm việc. Cô vẽ đủ thứ hình hoa lá cành trên những sản phẩm bằng gỗ đủ loại cô mua ngay trong vùng. John, chồng cô, cũng chia sẻ công việc với cô, và tuy không khéo tay như Tracy, John đóng vai trò cũ của người mẹ Annette khi khuyến khích cô mỗi lần cô hoàn tất một kiểu vẽ mới, hay khi cô hân hoan với mơ mộng xây hạnh phúc bằng một mái nhà tranh với hai quả tim vàng. Tracy thuật lại chuyện này và nhấn mạnh "Tôi đã làm việc cực nhọc như một người lao động chính hiệu."

Trong số những đơn đặt hàng đầu tiên cặp vợ chồng Porter nhận được sau cuộc triển lãm năm 1992, có một đơn của cửa hàng bán lẻ nổi tiếng đắt giá, hiệu Neiman Marcus. Đơn đặt hàng này thử thách khả năng điều hành của hai vợ chồng Porter, với 400 cái khay vẽ mẫu hình hoa, phải giao trong vòng sáu tuần. John thuật lại, vì quá sung sướng, anh trả lời ngay "Được, chúng tôi sẽ hoàn tất những sản phẩm này đúng thời hạn, không có vấn đề gì cả." Vấn đề đầu tiên khiến cặp vợ chồng trẻ toát mồ hôi hột là việc mướn nhân viên đầu tiên, rồi còn hỏi xem đóng thùng gửi hàng đi như thế nào... vân vân. Vậy mà họ đã vượt qua được hết mọi trở ngại, và nay đã là ông bà chủ một công ty nhỏ với trên 50 nhân viên. John Porter hiện giữ công việc điều hành tài chính và pháp lý cho công ty. Còn Tracy vẫn là... họa sĩ sáng tạo như thuở nào, chỉ khác nay cô họa sĩ này có 15 nhân viên phụ tá.

Tracy tâm sự "Thành công tài chính không phải là tất cả hạnh phúc, mà hạnh phúc là nguồn cảm hứng mỗi khi tôi làm xong sản phẩm nào đó mà vẫn còn cảm thấy muốn nhảy như trẻ thơ trên giường hồi nhận được loạt đơn đặt hàng đầu tay vậy." Cô còn nói "ngày nào không còn nguồn cảm hứng này, ngày đó chúng tôi sẽ không làm tiếp nữa."

Tuy thành công tài chính không mang lại nguồn hạnh phúc hoàn toàn như Tracy nói, nhưng rõ ràng thành công cô đạt được chứng tỏ ý chí, niềm tin, và sự tận lực sáng tạo cộng với một chút may mắn sẽ đem đến cho người tìm hạnh phúc cả hai thứ, tinh thần và vật chất. Hạnh phúc bắt nguồn từ một thú tiêu khiển và dẫn đến cuộc sống đổi dào tiền bạc.

XÃ HỘI MỸ QUỐC NĂM 2000

TRẦN QUÁN NIỆM

Sau hơn một năm âm thầm làm việc một cách tỉ mỉ, ghi chép, phân loại, vào bảng các mẫu kiểm kê nhận được, sở kiểm kê dân số đã hoàn thành nhiệm vụ để báo cáo kết quả kỳ Kiểm Kê dân số năm 2000. Công chúng cũng như các thành phần liên hệ có thể tìm xem kết quả Kiểm Kê Dân Số qua báo chí hay trên Internet. Tùy mục đích cần đạt tới mà người ta có thể giới hạn phần tìm hiểu của mình. Thí dụ nhà tiếp cận thị trường (marketing) chỉ muốn biết về số tuổi, lợi tức, tình trạng gia đình của dân cư thuộc khu vực họ cần mở ngân hàng hay chợ búa, trong khi đó các giới y khoa muốn biết số tuổi trung bình của dân chúng cũng như sinh xuất và tử xuất trong 10 năm vừa qua để có một dự phóng cho 10 năm tới và nhà soạn thảo kế hoạch an sinh xã hội cần biết có bao nhiêu người già và tuổi thọ dự trù của họ trong tương lai v.v. Tựu chung, tất cả các khuynh hướng của xã hội đều được thể hiện bằng con số để căn cứ vào đó chúng ta có một khái niệm về đời sống tại

Hoa Kỳ.

Một vài nhận xét điển hình về dân cư và gia đình trong xã hội Hoa Kỳ được bàn tới sau đây.

Mỹ trắng cô đơn

Nhiều năm về trước tác giả có dịp du học tại San Fransisco, đêm đêm la cà đi chơi khuya, gặp mấy trự đen vô gia cư (homeless), say rượu ngất ngưởng trên hè phố, các trự này lè nhè *"rồi chúng mày coi, mấy chục năm nữa, bọn đen tụi tao sinh sản dầy đầy, đè đầu bọn trắng cho tụi nó biết."* Đến nay đã trên 30 năm trôi qua, mấy trự 'tiên tri' homeless chắc đã về chầu Tổ (nghiện rượu, ăn uống thất thường, ngủ bờ ngủ bụi, làm sao mà thọ cho được) nhưng tác giả còn sống nhăn và chứng kiến lời tiên tri kia đã thành sự thật (phần nào). Đó là căn cứ trên kiểm kê dân số năm 2000, trắng bây giờ chỉ chiếm 47% dân số tại tiểu bang California, trong khi dân da mầu chiếm 53% (Hispanic 33%, đen 11% và Á Châu 9%). Theo tự điển định nghĩa thì chỉ được gọi là đa số khi đạt tới con số trên 50% mà thôi. Giới lập pháp tại California, đang cân nhắc là kể từ nay có lẽ không nên gọi dân trắng là đa số (majority) nữa. Còn bao nhiêu năm nữa thì đất nước Cờ Hoa trở nên xám rồi thành đen hay tạp chủng tả pí lù?

Gà trống nuôi con

Mỗi khi xử hai vợ chồng lôi nhau ra *'ba tòa ông lớn'* đòi ly dị, từ trước tới nay, mấy ông tòa có khuynh hướng giao con cho người vợ, vì các ông tin tưởng vào tình mẫu tử, vào sự dịu dàng khéo léo của người nữ, trong khi đó mấy anh đực rựa bị ông tòa coi là thành phần vô tích sự, chỉ biết có mỗi một việc là cong lưng làm việc vất vả kiếm tiền về đưa cho vợ ăn xài, cà nhỏng, còn nuôi con thì quá vụng về. Nhưng kiểm kê dân số năm 2000 đã chứng minh sự thay đổi trong xã hội Mỹ. Đó là trong thập niên vừa qua con số gia đình *'gà trống nuôi con'* tăng 62%, nếu chuyển thành con số thì là 2.2 triệu gia đình.

Với con số phụ nữ càng ngày càng tham dự vào mọi ngành hoạt động, kể cả chiến binh ngoài trận tuyến, phi công phản lực chiến đấu, hạm trưởng, phi hành gia, hoặc bắp thịt cuồn cuộn trên đấu trường thể thao, sân bóng đá, đô vật hay uống rượu như hũ chìm, hút thuốc như ống khói v.v thì danh từ *'phái yếu,' 'nội trợ,' 'trông nhà nuôi con'* có bộ đã lỗi thời. Do đó 'ba tòa ông lớn' nhiều khi thấy giao trẻ em cho các ông chồng lại có phần bảo đảm hơn.

Tuy nhiên chẳng cần phải đợi kiểm kê dân số mới biết được khuynh hướng này, cứ nhìn quanh trong mọi sinh hoạt trong xã hội là thấy ngay. Này nhé, tại các siêu thị, các ông đi chợ nhiều hơn, tại các nhà giữ trẻ các ông tận tụy chở con đến gửi, họp mặt phụ huynh thì thấy đàn ông nhiều gần bằng các bà, và đặc biệt tại các nhà vệ sinh công cộng. Tác giả còn nhớ, một hôm lái xe đưa vợ chồng chú em vừa từ Việt Nam sang đoàn tụ đi chơi xa, đến một trạm nghỉ trên xa lộ, tôi hướng dẫn chú em vào phòng vệ sinh đàn ông, trong khi tôi đứng đợi phía ngoài. Bất chợt tôi thấy chú em vội vã bước ra. Tôi ngạc nhiên: *'Sao nhanh thế,'* chú em có bộ bối rối: *'Anh chỉ lộn rồi anh ạ. Phòng đó là phòng đàn bà.'* Tôi giật mình, không tin *'Thật sao chú?' 'Em thấy rõ ràng có bàn thay tã lót cho con nít sơ sanh mà.'* Đến đây tôi cười ngất *'Anh không lộn đâu. Phòng đàn ông đó. Xứ Mỹ mà em.'*

Con không cha như nhà không nóc

Con số gia đình đứng đầu bởi đàn bà độc thân cũng gia tăng 25% trong thập niên qua hay là 12,900,100 nhà. Căn cứ trên số thiếu nữ trẻ chửa hoang có chiều đi xuống, các nhà xã hội học phỏng đoán con số gia tăng là do những người đàn bà nói trên hoặc ly dị hoặc sống chung với bạn trai hay với người cha của lũ trẻ nhưng không chịu làm hôn thú. Hiện tượng này có tác dụng sâu đậm trên đời sống xã hội, vì người ta biết một xã hội vững chắc phải đặt nền tảng trên những đơn vị gia đình vững chắc có cha có mẹ. Giám đốc của chương trình hôn nhân tại học viện New York là Maggie Gallagher cho biết: *'Thật là đáng tiếc, dù sống chnng với nhau, cùng nuôi con cái, nhưng khi hai người nam và nữ không chịu lập hôn thú, thì vẫn không có giá trị một gia đình tiêu chuẩn, và từ đó, rất khó mà giáo dục cho con cái về giá trị của đời sống gia đình, Thế hệ sau sẽ noi gương thế hệ trước và làm cho nền móng gia đình và xã hội ngày thêm lỏng lẻo.'*

Trong một gia đình không có người đàn ông, trẻ em trai bị thiệt thòi vì trong giai đoạn phát triển nam tính, các em này không có người mẫu (role model) để bắt chước, chia xẻ. Một bà mẹ dù yêu thương con đến mấy cũng không thể cùng đánh bóng với con trai,

sửa chữa xe cộ, đồ đạc, cũng như tham gia và khuyến khích các hoạt động ngoài trời như cắm trại, câu cá v.v. Ngay cả những sở thích khác như mầu sắc, y phục, đồ chơi, ngôn ngữ, cư xử, giao thiệp cũng dần dần bị ảnh hưởng bởi nữ tính của người mẹ.

Tương tự, trẻ em gái cũng sẽ không phát triển bình thường trong trường hợp 'gà trống nuôi con' đề cập đến ở tiểu đoạn trên.

Nói chung con số gia đình không làm hôn thú tăng 72% trong thập niên vừa qua.

Gia đình ông bà Smith, đơn vị gia đình tiêu chuẩn

Kết quả kiểm kê năm 2000 cho biết chỉ có 52% gia đình trên nước Mỹ là có đủ vợ và chồng, so với 60% vào hai thập niên trước đây. Tuy con số chỉ khiêm nhường như vậy, nhưng vì mẫu kiểm kê không đòi hỏi người khai phải nói rõ họ lập gia đình lần thứ mấy nên căn cứ trên tỷ lệ ly dị khá cao, không biết bao nhiêu gia đình chỉ có một đời chồng vợ, bao nhiêu gia đình thuộc loại *'rổ rá cạp lại,'* cả ông và cả bà đều đã có mấy đời vợ đời chồng trước, con cái tùm lum, kiểu *'con anh và con em đánh con chúng ta.'* Theo các nhà xã hội học, con cái của các cặp vợ chồng ly dị chỉ có cha hay mẹ hoặc cha ghẻ, mẹ ghẻ bị những ảnh hưởng trầm trọng về tâm lý, như cảm thấy bị bỏ rơi, cô đơn, lạc lõng, dễ có tâm trạng bất mãn với gia đình và xã hội, có khuynh hướng nổi loạn, tình cảm và khả năng không phát triển đúng mức và khi trưởng thành dễ dàng theo vết xe đổ của bố mẹ là xây dựng một gia đình không bền vững, tạo ảnh hưởng dây chuyền cho nhiều thế hệ tương lai. Không có mái ấm gia đình để nương tựa, để tìm về, thiếu vắng tình yêu thương, không nhận được sự trợ giúp về tài chánh, phần lớn trẻ em từ những gia đình này ra đời sớm, gián đoạn học hành.

Cộng đồng Việt định cư tại xứ Hoa Kỳ đã một phần tư thế kỷ, và mặc dù những thành công của con em họ thâu đoạt được trên đường học vấn, thế hệ thứ nhất của người tỵ nạn đã bắt đầu thấy con em họ dần dà chịu ảnh hưởng của xã hội Mỹ trong tự do hôn nhân và giá trị gia đình lỏng lẻo. Người Việt đã đánh đổi cho giá tự do của cuộc đời của chính họ và sự thành đạt của con em họ bằng những ưu tư phiền muộn của bậc cha mẹ về nếp sống gia đình tại xứ Hoa Kỳ ảnh hưởng trên thế hệ thứ hai.

Sau đây là một vài con số cần biết:

1) Tuổi trung bình của dân số nước Mỹ là 33.2

2) Có 4,2 triệu người thọ trên 85.

3) 75% dân Hoa Kỳ có nhà riêng.

4) Dân số di dân vào nước Mỹ tăng nhanh nhất trong 10 năm qua là người Ấn Độ (hiện có 1.68 triệu, gấp đôi 10 năm trước đây), nhờ vào tiêu chuẩn nhập cảnh Hoa Kỳ được nới lỏng căn cứ trên nhu cầu phát triển kỹ thuật điện tử trong thập niên vừa qua.

5) Dân Hispanic là dân thiểu số đông nhất, gồm 35.3 triệu, chiếm 12.5% toàn dân số nước Mỹ (281.4 triệu). Dân Hispanic gia tăng 58% so với năm 1990. Tuy thế họ chưa đạt được sức mạnh chính trị tương xứng với số dân, mặc dù họ đã có Thượng nghị sĩ, Dân biểu, Thẩm phán, Nhà kinh doanh lớn. Các tiểu bang đông dân Hispanic cư ngụ là Arizona (25%), California (33%), Florida (17%) và Texas (32%)

6) Dân tỵ nạn Việt Nam thì ai cũng biết California có nhiều người Việt sinh sống nhất. Trong thập niên 90 dân Việt cư ngụ tại quận Cam tăng 89%. Hiện nay quận Cam có 135,000 dân Mít và Cali có 447,000. Texas đứng nhì với con số 135,000.

MỘT TUẦN DU LỊCH ĐẮT GIÁ

TQN

Triệu phú chơi ngông

Lúc còn trẻ, Dennis Tito là khoa học gia tại trung tâm không gian NASA về sức đẩy hỏa tiễn, và là chuyên gia hoạch định đường bay của phi thuyền Mariner thám sát Hỏa Tinh. Ở tuổi trung niên, ông xoay qua ngành thương mãi sáng lập công ty đầu tư Wilsire Associate và thành công rực rỡ, trở thành triệu phú, tài sản ước chừng 200 triệu. Tuy không được coi là giầu có so với các nhà tỷ phủ trên thế giới, nhưng ông lại thích chơi ngông. Ông mua nguyên một quả đồi, thuê người san bằng đỉnh đồi, để xây một lâu đài vĩ đại rộng 32,000 square feet, và sống một mình vì tuy có vợ và hai con nhưng đã ly dị.

Đến tuổi 60 ông còn chơi trội hơn nữa, mơ ước đi tới một nơi chưa thương gia nào nghĩ tới, đó là bay lên không gian và ở trên đó một tuần. Dù là công dân Mỹ, chịu chi tiền, nhưng cơ quan không gian Mỹ không muốn ông ghé

trạm không gian mà họ đang xây cất chung với người Nga. Thật ra trước đó Tito đã có ý định bay lên trạm không gian MIR của Nga, nhưng đang trải qua những giờ huấn luyện gian khổ về thể chất để có thể du hành không gian, thì MIR bị phế thải.

Tưởng giấc mộng tan thành mây khói, nhưng khi Nga Mỹ bắt tay nhau để cùng thực hiện trạm không gian quốc tế International Space Station (ISS), cơ quan không gian Nga lại đề nghị gửi Tito lên chơi trạm này. Sở dĩ Nga chăm sóc kỹ càng Tito vì Tito chịu khó chi ra 20 triệu Mỹ Kim như là giá vé khứ hồi của chuyến du hành.

Cơ quan không gian Mỹ phản đối dữ dội, cho là Tito không được huấn luyện đúng mức. Nhưng đó chỉ là cái cớ, vì trong năm 2000 và trước đó, Tito sang Nga tám tháng và trải qua 900 giờ thực tập gay go tại cơ quan huấn kuyện phi hành gia nổi tiếng tại thủ đô Moscow.

Nga không chịu nhượng bộ Mỹ để bỏ qua một ông khách không gian vào hàng sộp, nhất là Nga đang túng tiền. Cuối cùng Mỹ đành ngậm bồ hòn làm ngọt, vì còn cần kinh nghiệm, kiến thức và kỹ thuật xây dựng trạm không gian của Nga, đồng ý cho Tito lên thăm viếng trạm, nhưng bắt Tito ký một cam kết vớ vẩn là trong thời gian tạm trú, nếu Tito làm vỡ đổ vật gì, thì phải móc tiền túi ra đền.

Đi mây về gió

Thế là thượng tuần tháng 4, 2001 phi thuyền Soyus rời khỏi dàn phóng tại Baikonur Cosmodrome thuộc Kazakhstan bay vút lên không gian với hai phi hành gia Nga và Tito là người khách du lịch không gian đầu tiên có trả tiền vé. Phi thuyền trực chỉ trạm không gian ISS và được nối liền sau đó. Trước đây, đã có những cá nhân không phải là phi hành gia chuyên nghiệp bay lên không gian, gồm ba dân biểu Mỹ, một chính trị gia Nga, một phóng viên truyền hình Nhật và một hoàng tử Ả Rập. Nhưng lần này, chuyến bay của Tito được nhắc đến nhiều hơn cả và chắc chắn là bước đầu của ngành du lịch thương mãi mới mẻ của thế kỷ 21.

Tito ở trên thượng tầng không gian một tuần và trở về trái đất an toàn. Tuy nhiên chuyến về chỉ được báo chí loan tin sơ sài, có lẽ vì bị ảnh hưởng thái độ kém thân thiện của cơ quan NASA. Dù sao đi nữa, ở tuổi 60 Tito cũng còn gân chán và đã toại nguyện là người du lịch không gian đầu tiên bằng tiền túi. Tính trung bình mỗi ngày Tito tốn kém ba triệu. Thật là có tiền, mua tiên cũng được.

Mỹ không ưa Tito, nhưng rồi ra còn nhiều Tito khác, vì trong lần xuất hiện trên chương trình TV của đài NBC, Nga cho hay họ đang xúc tiến chương trình du lịch không gian để hốt bạc các tay nhà giầu cần đốt tiền và muốn nổi.

CẢ LÀNG KHÁ GIẢ NHỜ "XUẤT KHẨU LAO ĐỘNG"

THÀNH THẠO

Ngày xưa làng Pozorrubio ở Phi Luật Tân chuyên trồng lúa, trồng mía, và dừa. "Ngày nay, làng tôi trồng nhà bự!" Đó là lời ông cựu xã trưởng Noli Venezuella khi giới thiệu làng mình. Ông chỉ tay vào một ngôi nhà lớn kiểu quý tộc Tây Ban Nha nằm giữa các ruộng lúa: "Nhà này là của một 'cô sen' đi làm mướn ở Hồng Kông. Nhà đằng trước là của một cô đi ở đợ bên Canada."

Làng Pozorrubio có 60 ngàn dân thì có tới khoảng sáu ngàn người đi nước ngoài làm mướn, người Việt có tiếng gọi văn hoa là "xuất khẩu lao động." Gia đình họ mỗi tháng đi lãnh ngân phiếu ở văn phòng chuyển tiền Western Union.

Những người đi làm xa còn giúp tiền xây cất các tiện nghi công cộng. Một công viên mới hoàn tất giữa làng là do tiền đóng góp của các cô giữ trẻ, cô sen và y tá làm việc ở Hồng Kông. Các lao động xuất cảng sang đảo Guam đóng góp làm hẳn một cái thư viện. Các người làng đang lao động ở Los Angeles đã cử một phái đoàn về nước, mang theo quà tặng cho bệnh viện: một kho thuốc trụ sinh, và các ống nghe khám bệnh để bác sĩ dùng. Những người khác cũng làm việc bên Mỹ thì giúp làng xây hẳn một con đường, làm những trạm xe buýt và tấm bảng mới cho trường học.

Con đường chính của làng mọc lên các cửa tiệm mới. Một cửa tiệm cho thuê video bầy những cuốn phim mới nhất từ Mỹ sang, trong đó có những phim Terminator 2 và Coming to America! Bà Lorna Terre đã làm rạp mấy ti vi ở Nhật năm năm, để dành vốn liếng mở cửa hàng L.J. Video Rental này. Một cửa tiệm cafe Internet mang tên Ritz.com là nơi tụ họp của dân làng mỗi chủ nhật để họ gửi email cho bà con đang

ở nước ngoài!

Các ngôi nhà xi măng đã thay thế các căn nhà lá. Xe gắn máy chạy nhiều hơn, thay thế xe đạp. Chợ Pozorrubio trước đây mỗi phiên chỉ bán 20 con heo, bây giờ bán 40 con. Nhiều gia đình mua tủ lạnh, ti vi, máy rửa chén, có khi chỉ bầy trước cửa cho sang vì nhà chưa có điện!

Fatima Costa, giám đốc chi nhánh ngân hàng Rural Bank of Pozorrubio than: Chúng tôi có nhiều người gửi tiền quá! Mà không có mấy người đến vay! Số tiền ký thác đã lên tới 2 triệu đô la! Số tiền đó là một phần nhỏ trong làn sóng tiền gửi về các nước nghèo do dân xứ họ ở các nước giầu gửi về. Theo Quỹ Tiền tế Quốc tế thì năm ngoái có đến 70 tỷ Mỹ kim chuyển về như vậy, trong đó người Việt Nam ở ngoại quốc đóng góp từ 2 đến 3 tỷ, trong đó có những người Việt đi làm con sen hay làm vợ ở Đài Loan! Tiền từ Mỹ gửi đi các nước vẫn cao nhất! Riêng những món tiền gửi từ Mỹ về các nước cũng là 13 tỷ đô la.

Số tiền 70 tỷ đó cao hơn số đầu tư trực tiếp của các xí nghiệp Mỹ bỏ vào các nước đang mở mang. Cao hơn tổng số viện trợ của các nước giầu giúp các nước nghèo.

Các công ty tài chánh, ngân hàng và các chính phủ thấy đó là một nguồn lợi khó bỏ! Nhiều ngân hàng đứng ra lo việc chuyển tiền, giúp cho lệ phí giảm xuống. Bưu Điện Mỹ cũng đặt ra đường dây chuyển tiền bằng điện tín và internet mang tên Dinero Seguro, tuy cái tên tiếng Tây ban Nha nhắm vào bà con gốc Mễ nhưng "Tiền mặt bảo đảm" cũng nhận gửi tiền về các nước khác từ Pakistan đến Việt Nam.

Chính phủ nhiều nước nghèo trông thấy mối lợi lớn này, đã thay đổi luật lệ cho người ta gửi về nhiều hơn, và thay đổi cả thuế má.

Còn những người nhận được tiền rồi họ dùng làm gì? Mấy giáo sư ở Đại học Pennsylvania đã nghiên cứu 22 nhóm di dân từ Mexico trong thập niên 1990 và thấy một nửa số tiền nhận được là để chi tiêu hàng ngày. Chỉ có 10% là được dùng để đầu tư sinh lợi.

Tiền có thể gây tai hại. Thủ đô Tirana của xứ Albania trong những năm 1990 mọc lên nhiều quán cà phê chỉ vì có nhiều người nhận được tiền do thân nhân đi làm từ Hy Lạp, Ý gửi về.

Nhưng cũng có nhiều người biết dùng tiền sinh lợi. Bà May-an Villalba, cựu cô sen làm việc ở Hồng Kông, đang là giám đốc một chương trình thu góp vốn của các lao động xuất khẩu biến thành vốn đầu tư vào các trại nuôi gà.

Cựu xã trưởng Venezuella của làng Pozorrubio đóng vai trò quan trọng biến số tiền lao động xuất khẩu gửi về thành các công trình ích lợi chung. Ông làm xã trưởng 10 năm từ năm 1986 sau khi đi biểu tình chống cựu Tổng thống Marcos.

Năm 1988 ông Venezuella bay qua Mỹ, đi thăm các nhóm dân làng đang đi làm. Đầu tiên, ông khám phá ra một công viên ở San Francisco mà các người Phi Luật Tân hay tụ tập. Ông gặp khoảng 30 người làng Pozorrubio quanh một cái bàn pic nic. Ông đề nghị họ góp tiền cho những dự án công cộng của làng mình. "Tôi nhớ đã xin họ góp tiền đặt các cột đèn ngoài đường!" Sau đó, ông venezuella đã đi Los Angeles, San Diego, Chicago, và New York.

Sau đó các người làng Pozorrubio tự động gọi điện thoại cho nhau, và nay đã có năm câu lạc bộ của dân làng Pozorrubio khắp nước Mỹ! Đứng đầu câu lạc bộ vùng Los Angeles là ông Manny Saplan, một nhân viên Bưu điện ở Long Beach. Mỗi năm nhóm ông gây quỹ hàng ngàn đô la để gửi về giúp làng. Bác sĩ Francisco Llamas là y sĩ trưởng ở bệnh viện làng, có mười giường. Ông giới thiệu các món quà tặng của dân lao động xa xứ: khăn trải giường là từ Chicago. Máy đo ký điện tâm (electrocardiogram) này là do dân làng ở California. Riêng các màn ngăn muỗi ở các cửa sổ là do dân Los Angeles. Còn cái máy vi tính, computer duy nhất là do một dân làng ở New Jersey gửi cho. "Còn cái ống nghe này," ông Llamas đang khám bệnh cho một bé gái, "cũng do các bạn ở Los Angeles."

Bà Violeta Salazar đang làm chủ một nhà may quần áo, một cửa hàng bán mực, phẩm, bút vẽ, và tiệm quần áo, với một chiếc xe gắn máy cho người trong gia đình thuê chạy taxi. Tất cả là do công làm thuê 17 năm ở Hồng Kông. "Nếu tôi cứ ở làng Pozorrubio này thì chẳng bao giờ có tiền đầu tư!"

Nhưng một hậu quả lâu dài của những món tiền do dân làng Pozorrubio gửi về là giáo dục. Giáo sư xã hội học Steve Graw thuộc Đại học Cornell ở Mỹ chuyên nghiên cứu về những người Á châu gửi tiền về nước. Ông cho biết đối với người Phi Luật Tân thì số tiền gửi về được dùng cho việc giáo dục đứng hàng thứ nhì, sau tiền chi dụng hàng ngày. Tiền cho con em đi học đứng ưu tiên cao hơn tiền mua sắm đồ dùng và

sửa sang nhà cửa. Bà Salazar là một thí dụ. Bà nuôi năm con học xong đại học, bây giờ một đứa làm kiến trúc sư, một bác sĩ thú y.

Dân làng Pozorrubio hãnh diện về thành tích học vấn, họ treo bảng ghi bằng cấp ngay trước cửa nhà. Đi qua đường có thể nhìn thấy, đây là nhà một Kế toán viên, Luật sư, và Tốt nghiệp Y tá. Bà Salazar nói: Phải đi ngoại quốc làm việc, xa con thì buồn lắm, nhưng tôi phải hy sinh để các con được học hành, cho có tương lai. Nhưng đối với thế hệ các con, tốt nghiệp đại học rồi nhiều người cũng phải đi ra nước ngoài làm việc.

Tại trường tiểu học của làng, một nửa các em học lớp sáu có cha mẹ đang làm ở ngoại quốc. Các em đang cố gắng học hành, nhưng khi lớn lên chắc cũng lại phải đi làm ở nước ngoài. Marysol Marzan học lớp Sáu, nói: Em muốn lớn lên sẽ đi làm bên Mỹ! Em sẽ làm giúp việc trong nhà!

Trong làng Pozorrubio cũng có cảnh giầu nghèo chênh lệch. Như một gia đình nghèo, bà Evelyn Guillermo ở trong căn nhà bằng tre, đốt đèn ga, thổi cơm ăn với cà chua nghiền nát. Bà đi hái đậu phọng kiếm được một đô la rưỡi một ngày, trong khi ông chồng kiếm được hai đô la bằng nghề trộn xi măng. Những gia đình có người đi làm ở nước ngoài thì mỗi tuần nhận được 50 đô la đến 100 đô la. Bà Evelyn nhìn sang ngôi biệt thự của cô sen làm ở Hồng Kông: Họ may mắn, sống thoải mái quá!

Nhiều người quá thoải mái. Ông Allan Siblag có vợ đi làm mướn ở Hồng Kông. Ông ngồi xoa mà chược với ba người khác ở ngoài sân. Ông chăm chú ngó quân bài, thấy một đồng 20 peso lên bàn. Hỏi ông làm gì để sống, bà mẹ vợ ông trả lời giúp: Chơi mà chược!

Trong làng Pozorrubio có nhiều cửa hàng bi đa mở ra, ba quán karaoke mới mở. Ông Siblag nói rõ hơn, ông làm nghề kẻ biển hiệu khi có việc. Mỗi tháng ông nhận được 100 đô la của vợ gửi về. Và ông cũng mong có ngày tìm được việc làm ở Hồng Kông! Còn hiện nay thì ông trông đứa con bé, đạp xe đi phố, cuối tuần đến thăm bạn bè nhậu la de. "Đôi khi tôi thấy nhớ muốn đi làm. Nhất là những lúc thua mà chược," ông Siblag nói. Năm nay ông 24 tuổi. (Theo *The Wall Street Journal*)

HÂN HẠNH GIỚI THIỆU TÁC PHẨM
của NGUYỄN KỲ PHONG

NGƯỜI MỸ
VÀ
CHIẾN TRANH VIỆT NAM

Liên hệ Quân Sự Chính Trị 1945-1975
Tập I
350 trang; 30 trang hình ảnh lịch sử

Giá $18 (kể cả cước phí)
Thư từ, ngân phiếu xin gởi về

VietnamBibliography
PO Box 230113
CENTREVILLE, VA 20120-0113
E-mail: nguyenkyphong@yahoo.com

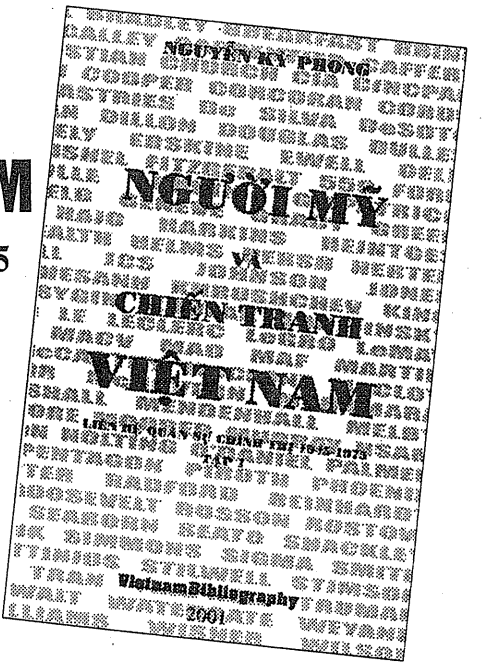

BUỒN BÃ VỚI NHỮNG MÔI HÔN

CAO HUY THUẦN

Tất cả bài nhạc của Trịnh Công Sơn đều ngắn hoặc rất ngắn. Riêng một bài duy nhất mang dáng dấp một trường ca: bài *Đóa Hoa Vô Thường*. Với nhạc dạo đệm trước mỗi đoản khúc, bài hát kể một tình sử triết lý qua cách hiểu của Trịnh Công Sơn về chữ "ái" và chữ "tâm."

Nhạc sĩ Trịnh Công Sơn

Đây không phải là lần đầu vô thường đi vào lời ca của Trịnh Công Sơn. Vô thường bàng bạc trong nhạc Trịnh Công Sơn từ thuở đầu, nhưng không mấy ai để ý. Lời ca của anh hay quá, thơ quá, hát lên nghe đã bâng khuâng rồi, đâu cần hiểu ý nghĩa, chỉ mang máng thấy lời thơ có một chiều sâu triết lý thiếu vắng hẳn trong nhạc Việt Nam. Có lẽ chính tác giả cũng chưa ý thức được rõ ràng điều mình cảm nhận, và chính nhờ thế mà tính cách mông lung của lời ca làm rung động lòng người, khác với lời văn sáng sủa. Với *Đóa Hoa Vô Thường*, Trịnh Công Sơn nhạc hóa lý thuyết và lý thuyết hóa nhạc. Anh còn chua thêm giải thích ở mỗi chuyển mạch để ý của nhạc được hiểu rõ hơn. Đoạn thứ nhất là đi tìm tình, nhịp thong dong. Đoạn thứ hai là gặp tình, đưa tình về, nhịp hớn hở, *mùa xuân trên những mái nhà, có con chim hót tên là ái ân*. Đoạn thứ ba là bốn mùa yêu nhau trong lẽ vô thường của trời đất. Sau đó, nhạc bắt đầu hiu hắt, *một thời yêu dấu đã qua, ôi áo xưa em là một chút mây phù du*. Rồi nhạc mạnh và êm dịu lại để đi vào đoạn kết: *từ đó ta là đêm nở đóa hoa vô thường*. Tại sao nhạc êm dịu lại? Anh giải thích: tình do tâm ta mà sinh, có khi tình mất mà tâm còn động vọng, đến lúc tâm bình an thì tình kia cũng đoạn nỗi.

Chữ "ái," đó là chỗ mà ai cũng thấy nơi Trịnh Công Sơn, chiếc nôi trong đó chúng ta nằm nghe anh ru từ mấy chục năm nay. Chữ "tâm" là cánh cửa mới mở ra trước Trịnh Công Sơn, nơi anh có cảm tưởng đang đến, kết thúc một đời rong chơi. Từ "ái" đến "tâm", *Đóa Hoa Vô Thường* trình bày một quá trình chuyển hóa trong đó chuyện đời cũng như chuyện tình diễn biến dưới hình thức đối nghịch của từng đôi, từng cặp như *tôi* với *em*: tìm/gặp, gặp/mất, mất/còn, có/không. Vô thường, trong Trịnh Công Sơn, không có gì khác hơn là cái *có* đi vào cái *không*. Có thể ý tưởng về quá trình đối nghịch đó đã nằm trong vô thức của Trịnh Công Sơn từ trẻ. Hát lại Trịnh Công Sơn từ khi anh mất, trực nhận của tôi chợt bắt gặp vô thức của anh. Tôi sẽ nói ở đây những đối nghịch đó mà tôi nghĩ luôn luôn là nét chính trong nhạc Trịnh Công Sơn. Tôi sẽ trích khá nhiều ví dụ, nhưng tôi phải tự kiềm chế tôi, nếu không thì hát hoài không dứt.

Tôi muốn bắt đầu bằng một đối nghịch trong cách vẽ tranh của Trịnh Công Sơn. Chẳng tại sao cả. Chỉ vì nói đến nhạc Trịnh Công Sơn mà bắt đầu bằng triết lý chắc là không ổn, vì anh là thi sĩ. Phải bắt đầu bằng người đẹp, người đẹp nhất trong tất cả những người đẹp nhất từ hai trăm năm nay: Thúy Kiều.

Gió sẽ mừng vì tóc em bay
Cho mây hờn ngủ quên trên vai

Tại sao gió sẽ mừng? Vì tóc em là gió. Gió đùa với gió, làm sao gió không vui? Tại sao mây lại hờn? Vì tóc em là mây. *Mây thua nước tóc*, làm sao mây không dỗi? Em là giai nhân toàn bích. Thế nhưng một nhan sắc toàn bích không làm Trịnh Công Sơn rung động. Giữa toàn bích, anh chấm một nét hỏng, và chính

nét hồng đó là cái duyên làm say lòng người.

Cho mây hờn ngủ quên trên vai
Vai em gầy guộc nhỏ
Như cánh vạc về chốn xa xôi

Tất cả những người đẹp của Trịnh Công Sơn đều có vai gầy. Vai gầy, có thể đẹp. Nhưng gầy *guộc* thì nhất quyết là hỏng. Thì thiếu *da thơm quả ngọt mùa xuân*. Vậy mà khi thả giọng trầm xuống chữ *guộc*, tôi tưởng như nghe có cánh con vạc bất chợt vỗ nước bay vào đêm thâu. Đêm vắng sâu hơn và Thúy Kiều đẹp hơn.

Đối nghịch là nét nhạc riêng của Trịnh Công Sơn. Anh nói một điều rồi anh nói điều trái lại. Như nét hồng nằm giữa toàn bích. Bài hát này của anh đối nghịch với bài hát kia, lời một đối nghịch với lời hai, câu sau nghịch với câu trước, thậm chí hai hình ảnh nghịch nhau trong cùng một câu, trong vòng đôi ba chữ.

Tôi lấy ví dụ Trịnh Công Sơn hát cô đơn. Anh là người cô đơn cùng cực:

Trời cao đất rộng một mình tôi đi
Một mình tôi đi
Đời như vô tận một mình tôi về
Với tôi.

Anh cô đơn *với*. Chữ *với* làm tôi rờn rợn. Như câu sau này:

Một ngày thấy bóng em qua nơi này / một lần với bóng tôi
Một ngày đã có em xa nơi này / một ngày với vắng tôi

Với vắng tôi. Em chỉ với khi nào không có tôi. Em cộng với con dấu trừ. Cho nên chúng ta chỉ có cái bóng của nhau.

Trịnh Công Sơn hát cô đơn thảm sầu như vậy, nhưng hát đôi lứa cũng nồng nhiệt vời vợi. Anh cổ vũ:

Hãy ru nhau trên những lời gió mới
Hãy yêu nhau cho gạch đá có tin vui...
Hãy kêu tên nhau trên ghềnh dưới bãi
Dù mai nơi này người có xa người

Trịnh Công Sơn hát tuyệt vọng. Anh nằm chết lịm trong tuyệt vọng, tuyệt vọng rơi rất gần rơi xuống trong tôi như hoa tiễn đưa rơi trên mộ. Nhưng anh lại đánh trống thúc quân *đừng tuyệt vọng tôi ơi đừng tuyệt vọng*. Anh đang nằm xuống hay anh đã đứng dậy?

Trịnh Công Sơn nhìn đời buồn tênh. Buồn tênh!

Sống có bao năm vui vui buồn buồn người người ngợm ngợm
Sống chết mong manh như thân cỏ hèn mọc đầy núi non

Nhưng Trịnh Công Sơn yêu đời thắm thiết. Anh quì xuống, tạ ơn đời đã cho anh hạnh phúc lẫn thương đau:

Dù đến rồi đi tôi cũng xin / tạ ơn người tạ ơn đời
Tạ ơn ai đã cho tôi còn những ngày / quên kiếp sống lẻ loi
Dù đến rồi đi tôi cũng xin / tạ ơn người tạ ơn đời
Tạ ơn ai đã cho tôi tình sáng ngời / như sao xuống từ trời

Tôi biết có người sẽ nói: thì Trịnh Công Sơn cũng như mọi nghệ sĩ khác, có vui có buồn, có yêu thương, có tuyệt vọng. Không phải thế! Trong nhạc Trịnh Công Sơn, vui đi cặp đôi với buồn, hạnh phúc sóng bước với thương đau trong cùng một bài, trong cùng một câu. Đây là hai vế trong cùng một bài, vế thứ nhất là thương đau:

Tình yêu như nỗi chết cơn đau thật dài
Tình khâu môi cười / hình hài xưa đã thay / mặn nồng xưa cũng phai
Tình chia nhau gian dối / tình đày tình đôi nơi

Vế thứ hai là hạnh phúc:

Một mai thức dậy / chợt hồn như ngất ngây / chợt buồn trong mắt nai
Rồi tình vui trong mắt / rồi tình mềm trong tay

Hạnh phúc tưởng như thiên thu:

Tình cho nhau môi ấm / một lần là trăm năm

Cũng hai vế đối nhau như thế trong hai đoạn, tôi hát thêm bài nữa. Đoạn trước là phụ bạc, nợ nần:

Hai mươi năm xin trả nợ dài
Trả nợ một đời em đã phụ tôi
Em phụ tôi một thời bé dại
Thơ dại ra đi không nhớ gì tôi
Thơ dại ra đi quên hết tình tôi

Đoạn sau là tha thứ lau xóa oán trách, yêu thương vẫy gọi yêu thương:

Bao nhiêu năm vẫn lại nhiệm mầu
Trả nợ một lần quên hết tình đau
Hai mươi năm vẫn là thuở nào
Nợ lại lần này trong cõi đời sau

Đó là hai vế nghịch nhau trong một bài. Bây giờ là hai vế nghịch nhau trong cùng một đoạn. Như thế này là có hay không:

Tiếng thì thầm từng đêm nhớ lại
Ngỡ chỉ là cơn say
Đóa hoa vàng mỏng manh cuối trời
Như một lời chia tay

Như thế này là xa hay gần:

Tình như nắng vội tắt chiều hôm
Tình không xa nhưng không thật gần

Như thế này là rộng hay hẹp:

Tình yêu như biển biển rộng hai vai
Tình yêu như biển biển hẹp tay người
Biển hẹp tay người
Lạc lối.

Như thế này là có hay không, mưa hay nắng, đông hay xuân, khứ hay hồi:

Ngoài hiên vắng giọt thầm cuối đông
Trời chợt nắng vườn đầy lá non
Người lên tiếng hỏi người có không
Người đi vắng về nơi bế bồng

Như thế này là sống hay chết, tàn hay nở:

Chìm dưới cơn mưa một người chết đêm qua
Chìm dưới đất kia một người sống thiên thu
Chìm khuất trong ta một lời nói vu vơ
Chìm dưới sương thu là một đóa thơm tho

Như thế này là ngày hay đêm, lên hay xuống:

Gió cuốn đi cho mây qua dòng sông
Ngày vừa lên hay đêm xuống mênh mông

Đó là hai vế nghịch nhau trong cùng một đoạn, hoặc giữa câu trước với câu sau. Nhưng lại rất lắm khi nghịch với thuận, không với có, trộn lẫn với nhau, buồn xen trong vui, mông lung không biết đâu là vui đâu là buồn. Mưa là buồn chăng? Không hẳn, mưa trong Trịnh Công Sơn rất hồng, vì mưa trong nắng, mưa khi *trời ươm nắng cho mây hồng*. Nắng là vui chăng? Không hẳn, *lung linh nắng thủy tinh vàng*, nhưng nắng lên mà *chợt hồn buồn dâng mênh mang*. Mưa Huế rất nặng hột, vậy mà mưa cứ như *thì thầm dưới chân ngà*. Nắng được trời gọi lên, nhưng trời cũng chẳng biết đó là nắng của mưa hay mưa của nắng:

Gọi nắng cho cơn mưa chiều nhiều hoa trắng bay
Nắng qua mắt buồn lòng hoa bướm say

Bao nhiêu nụ hồng trong Trịnh Công Sơn, lạ quá, đều là nụ hồng tàn: *em gọi nụ hồng vừa tàn cuối sân; đóa hoa hồng tàn hôn lên môi em ngày tháng dài*. Có một chút của cái này và một chút của cái kia. Có một chút của cái này trong một chút của cái kia. Có một chút xuôi trong ngược. Trăm năm trong xuân thì. Chân như trong hạt lệ:

Bước tới hư vô khoác áo chân như
Long lanh giọt lệ / long lanh giọt lệ / giọt lệ thiên thu

Phôi pha cũng vậy. Trong nhớ đã có quên, trong quên vẫn cứ nhớ, tưởng vơi mà đầy, trong con nước rút đi có hồng thủy dâng lên:

Tình ngỡ đã phôi pha nhưng tình vẫn còn đầy
Người ngỡ đã xa xăm bỗng về quá thênh thang
Ôi áo xưa lồng lộng đã xô giạt trời chiều
Như từng cơn nước rộng xóa một ngày đìu hiu

Đến đây, e không còn nói đối nghịch được nữa. E phải nói đối hợp. Vẫn nghịch như trời với đất, nhưng sương phủ mênh mông nối đất với trời. Chỉ còn mông lung sương. Rõ ràng nhất là cặp vợ chồng đi-về. Không bao giờ Trịnh Công Sơn nói đi mà không nói về. Hễ có đi là có về, hễ về là lại đi, không bao giờ câu trên đi mà không có câu dưới về, thậm chí đi về nằm ôm nhau trong một câu, trong hai chữ, trong một cõi, *một cõi đi về*.

Trong khi ta về lại nhớ ta đi
Đi lên non cao đi về biển rộng Vừa đi vừa về như thế, đôi chân loanh quanh không biết xoay sở thế nào, tự hỏi, thắc mắc: đi đâu loanh quanh cho đời mỏi mệt. Bốn mùa cũng loanh quanh như thế: mùa xuân chưa qua mùa hạ đã đến, mùa thu chưa đi, mới đầu thu thôi *chân ngựa đã về*. Mà chỗ về của Trịnh Công Sơn cũng lạ: không phải về nơi đây mà về *chốn xa*. Con người ra đi, tưởng đi đến đâu, ô hay chỉ làm một vòng xinh rồi trở về nơi cũ, như nằm mộng thấy mình đi:

Đường chạy vòng quanh một vòng tiều tụy
Một bờ cỏ non một bờ mộng mị
Ngày xưa.

Tôi nghe có người nói một câu hay khi đến thăm một người rất danh tiếng vừa chết: chỉ có ông ta không biết ông ta chết. Tôi nghĩ Trịnh Công Sơn không nói như vậy. Chắc anh vẫn đang thấy anh, vẫn đang thấy mọi người tiếp tục chạy vòng quanh. Tiếp tục đi, tiếp tục về. Tôi nghe như anh đang hát thế này với các người đẹp đến khóc anh: Này em,

Không có đâu em này không có cái chết đầu tiên
Và có đâu bao giờ đâu có cái chết sau cùng

Không có đầu tiên, không có sau cùng, không đầu không đuôi, làm sao chết được, bởi vì làm sao bước? Phải có cái bước đầu tiên mới có cái bước thứ hai, mới có cái bước sau cùng, mới chết, mới có người khóc, mới có văn tế. Vì bước không được, cho nên Trịnh Công Sơn chỉ *lăn*, và anh đã nghêu ngao như thế rồi. Anh ngồi giữa *con phố*, nhìn những gót chân thon đi ngược, nhìn những gót chân hồng đi xuôi, và anh í a *tôi xin làm đá cuội và lăn theo gót hài*. Anh lăn như thế nhiều lần với ám ảnh

tử sinh. Sống chết là bánh xe lăn tròn, vô thủy vô chung. Trịnh Công Sơn không nói bánh xe, nhưng anh lăn theo những hòn sỏi, hòn đá, vốn là những hình ảnh quen thân của anh từ những bái hát đầu:

Hòn đá lăn bên đồi / hòn đá rớt xuống cành mai

Rụng cánh hoa mai gầy / chim chóc hát tiếng qua đời

Trước đây, khi hát những bài đó, tôi không để ý đến ý niệm bánh xe, nhưng gần đây, Trịnh Công Sơn làm tôi ngạc nhiên khi anh đưa đối hợp có-không, một-hai, vào lời nhạc của anh một cách rõ rệt, thú vị, tinh quái. Anh khóc như thế này:

Còn hai con mắt khóc người một con
Còn hai con mắt một con khóc người

Lối khóc rất ngộ này tóm tắt cách nhìn đời của Trịnh Công Sơn trong suốt nhạc phẩm của anh. Với một con mắt anh nhìn người. Với một con mắt anh nhìn anh. Một con mắt, anh nhìn tình phai. Một con mắt, anh nhìn anh thở dài. Nhưng cùng một con mắt kia, anh vừa nhìn thấy *em yêu thương*, vừa thấy *em thú dữ*. Cùng một con mắt này, anh vừa thấy *đêm tối tăm*, vừa thấy *đêm nồng nàn*. Chẳng biết mắt nào là mắt còn lại, chỉ biết rằng con mắt còn lại *nhìn một thành hai*. Chỉ biết rằng:

Con mắt còn lại nhìn đời là không
Nhìn em hư vô nhìn em bóng nắng
Con mắt còn lại là con mắt ai

Trịnh Công Sơn làm tôi giật mình. *Bóng nắng* là một chữ trong kinh, và, như anh nói, từ khi trời là trời trăng là trăng *câu kinh đã bước vào đời*. Con mắt còn lại là con mắt ai? Tôi không muốn nghĩ như thế, nhưng tôi cảm thấy câu trả lời nằm trong đoạn kết của *Đóa Hoa Vô Thường* mà anh đã soạn rất khúc chiết với nhập đề, thân bài, kết luận, với quá trình tìm em - gặp em - mất em - an nhiên.

Trịnh Công Sơn làm tôi giật mình. Anh bắt tôi phải hát lại những bài hát trước trong cảm nhận mới đó của tôi về chập chờn *bóng nắng* trong tâm thức của anh. Con mắt còn lại hiện ra, và đây là một mà hai:

Từ lúc đưa em về
Là biết xa nghìn trùng

Nghìn trùng nằm ngay nơi giây phút tao ngộ. Và đây là hai mà một:

Từ trăng thôi là nguyệt một hôm bỗng nghe ra
Buồn vui kia là một như quên trong nỗi nhớ
Từ trăng thôi là nguyệt tôi như giọt nắng ngoài kia
Từ em thôi là nguyệt coi như phút đó tình cờ

Buồn vui là một, quên nhớ là một, phút tình cờ chụp bắt được điều đó hiện ra đây đó khá nhiều, có điều là Trịnh Công Sơn hát lên nhẹ nhàng như thơ, người hát nghe giọng thơ nhiều hơn là nghe ý tưởng. Nếu để ý, câu hát sâu thẳm. Lại ví dụ:

Lòng thật bình yên mà sao buồn thế
Giật mình nhìn tôi ngồi khóc bao giờ

Thật bình yên. Mà buồn! Buồn nằm sẵn trong bình yên? Nếu không, tại sao anh khóc từ *bao giờ*? Anh khóc từ trước, rồi anh mới giật mình, trong một phút tình cờ, thấy mình đang khóc. Ai không tin ở cái giật mình đó, hãy nghe Trịnh Công Sơn giật mình một lần thứ hai:

Dù thật lệ rơi lòng không buồn mấy
Giật mình tỉnh ra ô nắng lên rồi

Thật lệ rơi. Mà không buồn! Giật mình: nắng lên. Thế thì nắng đã nằm sẵn trong giọt lệ? Là một với giọt lệ?

HẠO NHIÊN

Vì thông tin cách trở, trong Thế Kỷ 21 số 144 chúng tôi đã loan tin sai nhà thơ Hạo Nhiên mất vào tháng Hai năm 2001. Thực ra ngày mất đúng của ông là 15 tháng 11 năm 2000, tại Hà Nội. Hai bài thơ sau đây trích từ cuốn thơ Trăm Bài Bốn Câu của ông, xuất bản vào tháng Sáu năm 2000.

CHÓNG VÁNH

Hôm trước giường đôi chăn chiếu vui
Trưa sau nằm cứng áo quan rồi
Tới đêm thui thủi trong lòng đất
Buồn lắm xương da cứ rã rời.

CÓ

Gối đá nằm chơi trên cỏ hoang
Mái mây vách gió đèn sao trăng
Nghêu ngao vỗ nhịp bàn tay trắng
Châu báu mười phương rực chín tầng.

Tôi bắt gặp chớp nhoáng thần bí đó trong cả cách dùng tỉnh từ của Trịnh Công Sơn: *môi em hồng như lá hư không.* Lá hư không là thế nào? Là môi em vừa có dáng như ngọn lá vừa có dáng không như ngọn lá? Là có màu vừa hồng vừa không phải hồng? Có một cái gì vừa thật vừa không thật? Nghĩ cho thật kỹ, đúng là môi em tôi như thế. Đúng như tôi nghĩ là như thế. Nói như ngọn lá, như màu hồng là sai.

Lại một tỉnh từ khác trong rất nhiều ví dụ như vậy:

Nhìn cỏ cây ráng pha màu hồng
Nhìn lại em áo lụa thinh không

Ráng chiều có thật nhưng sắp đi vào hư ảo rồi, chớp nhoáng thôi. Nhìn hư trong thực như thế, giật mình nhìn lại em tôi & ôi thần kỳ hai chữ *thinh không*! Lụa nhẹ như khói đang tan, em cũng vậy, như thực như huyễn, chỉ còn là nét đẹp diễm ảo, mong manh đó thôi.

Tôi không muốn đóng khung Trịnh Công Sơn trong một triết thuyết nào cả. Anh tuyên bố chỉ muốn làm kẻ rong chơi và chấp tay van vái chỉ xin được như thế mà thôi. Nhưng khi anh mất, tôi không khỏi nghĩ đến những mong manh đã ám ảnh anh những năm gần đây và tôi giật mình chợt thấy anh đã là thi sĩ của mong manh như vậy từ lúc đầu, từ bao giờ. Đây là đóa quỳnh của thuở xuân xanh:

Đêm này đêm buồn bã với những môi hôn
Trong vườn trăng vừa khép những đóa mong manh

Tại sao môi hôn mà buồn bã thế? Buồn nằm trong hạnh phúc? Là một với nhau? Nhưng quả thật đóa quỳnh đã hôn đêm trăng như thế. Hãy xem hoa nở:

Ta mang cho em một đóa quỳnh
Quỳnh thơm hay môi em thơm
Em mang cho ta một chút tình
Miệng cười khúc khích trên lưng

Hoa đang nở *trên lưng* một cuống lá dài như môi ai cười trên lưng một người tình. Nhưng cũng môi đó, mới cười với trăng đã hôn từ giã đêm trăng với những cánh đang khép, đang úa, buồn bã. Tôi giật mình: đóa quỳnh của thuở xuân xanh chính là *đóa hoa vô thường* nở trong *tâm* của anh ở khoảng cuối đời. Anh đi với đóa quỳnh, anh đến với đóa quỳnh, khép lại một chu kỳ vòng quanh. Anh là đêm trăng của ngày xưa đã hôn nhau buồn bã với đóa quỳnh mong manh và từ đó dòng nhạc của anh róc rách những mong manh như thế cho đến khi anh chợt nhận ra *ta là đêm nở đóa hoa vô thường.*

*

Còn lại chuyện cuối cùng phải nói: vậy thì tôi với em là một hay hai? Là một chăng? Thì đấy, Trịnh Công Sơn đã có lần hăng hái:

Em là tôi và tôi cũng là em

Chẳng ai tin. Người không tin nhất chính là anh. Đừng tin!

Đừng nghe tôi nói lời tăm tối
Đừng tin tôi nhé vì tiếng cười
Tôi như là người ngồi trong đêm dài
Nhìn tôi đang quá ngậm ngùi

Tôi với em không thể là một được bởi vì em là muộn phiền và muộn phiền thì đối nghịch với *hồn nhiên* mà tôi mơ ước. Hồn nhiên lấp lánh như mặt trời trong lắm bài. Trịnh Công Sơn mơ ước trở về với hồn nhiên như trở về với bản chất của anh, như trở về với con chim thuở nhỏ, *với hoa trên đồng xanh một sớm mai rất hồng.* Anh muốn trở về với *thật thà*, với *khờ dại*, với *ngây ngô*, anh ngẩn ngơ nhìn người kia, *dường như chờ đợi thật ra đang ngồi thảnh thơi*, anh nhìn đứa bé. Đứa bé! Đó mới thật là *một* của Trịnh Công Sơn, bởi vì đó là hồn nhiên, đó là cội nguồn, đó là quê nhà nằm sâu trong tiềm thức của anh. Hồn nhiên có khi trở về lồng lộng trong cả bài hát như cánh diều lồng lộng trong không, có khi âm thầm, văng vẳng, thiết tha, sâu lắng trong một câu, trong một chữ. Những lúc đó, Trịnh Công Sơn hân hoan:

Hôm nay tôi nghe có con chim về gọi
Về giữa trời về hót giữa đời tôi
Hôm nay tôi nghe tôi cười như đứa bé
Mới lớn lên giữa đời sống kia

Trịnh Công Sơn là người thi sĩ duy nhất của tình yêu không cho chữ *em* đi sóng đôi một cặp ngọt ngào với chữ *anh*. Chữ *em* mồ côi chữ *anh* trên lưỡi. Chữ *em* mù lòa đi tìm chữ *anh*. Gặp vớ vẩn một hai lần trong một hai bài hát đầu, nhưng nhạt nhẽo, vô duyên lắm. Còn thì Trịnh Công Sơn chỉ *tôi* với em, em với *ta*, như thử hai người yêu là hai người *ở trọ gần nhau.*

Có lẽ vì thế mà tôi hát Trịnh Công Sơn với hạnh phúc tràn trề. Bởi vì tôi hát sự thực trong lòng tôi, trong lòng người, trong lòng đời. Có bao giờ ai *một* với ai trong cuộc tình? Cứ xa xa mà *tôi* khiêm tốn như thế, họa may tưởng mình có lúc đến gần làm một. Như thế là hạnh phúc. Đến gần, *giọt nắng thủy tinh* có khi là giọt lệ.●

Paris 15-4-2001

NGƯỜI YÊU CỦA NÓ

ĐỖ HẬU

1.

Nó là con trai thứ hai trong nhà. Bố nó, một ông đồ nho được cả làng kính trọng, rất thương quí và gần như đặt cả niềm tin vào nó. Từ tấm bé, nó đã được ông bố rèn dũa từ việc nhỏ nhất như sự lễ phép, cách thưa gửi, nết ăn uống... Ngay như việc quét nhà, bố nó dạy: "Khi quét phải cầm chắc cán chổi, quét dần từ hai gian cạnh thu vào gian giữa. Khó nhất là gian giữa, phải làm sao quét sạch từ gầm ban thờ ra tới ngoài hiên mà không được chổng đít vào ban thờ. Khi đưa chổi phải miết tay xuống nền nhà để bụi không bay lên, nhát chổi sau phải quét đè lên nhát trước để bụi bẩn không sót lại." Bố nó thường mắng thằng anh lớn: "Cái ngữ mày rồi không nên cơm cháo gì! Quét cái nhà mà một nhát đến tai, hai nhát đến gáy thì còn làm gì nên hồn?"

Anh lớn nó, thằng Hưng, thường bị dân làng đổ tiếng ác là thằng đầu bò đầu biếu, chẳng ngày nào là không có bọn trẻ trâu đến ngõ réo chửi. Và vì thế, chẳng ngày nào anh nó không bị ông bố nện cho một trận. Nhưng anh nó đâu phải là đứa không biết nghe lời. Hôm chú Sâm xuống chơi, thấy nhà bẩn thằng Hưng xăng xái lấy chổi quét nhà. Chú Sâm về rồi, bố nó bắt anh nó nằm sấp trên sập gụ. May là mẹ nó xin cho, nếu không chí ít thằng Hưng cũng xơi vài xe điếu quấn đít. Bố nó nói: "Thấy khách đến chơi mà đi quét nhà thì họ sẽ nghĩ là mình muốn đuổi khách. May là chú Sâm chứ nếu người khác, thế nào họ cũng nghĩ là thầy mẹ không biết dạy con."

Tới khi nó đi học, ngoài việc đến trường nó còn được ông bố dạy kèm ở nhà. Nhưng ông dậy chữ nho. Chẳng hiểu cái thứ chữ loằng ngoằng trong quyển Tam Tự Kinh có sức hấp dẫn gì mà tối nào cũng thấy nó đọc. Cứ mỗi khi làm xong bài tập ở trường là nó lại đọc. Thế mà có lần nó làm ông bố nản. Lần ấy nó hỏi bố:

"Thầy ơi! 'Nhân chi sơ tính bản thiện' là gì?"

Bố nó giảng:

"Con người ta, từ khi sinh ra đã là người lương thiện, tử tế. Sở dĩ ở đời có người thiện, kẻ ác là do khi lớn lên, có người thì đọc sách Thánh hiền, có người lại không đọc, không tu thân."

"Vậy Vua Quang Trung có là người thiện không thầy?"

Bố nó sững lại, nheo mắt:

"Sao con lại hỏi như vậy?"

"Con nghe chú Sâm kể chuyện là khi Nguyễn Huệ vào Thăng Long, nhân sĩ Bắc Hà khinh ông ta là vô học nên không chịu ra phò tá."

Bố nó không trả lời vào câu hỏi, ông nói xa xôi:

"Thiểu nhãn khuy thâm tâm" (cặp mắt cạn làm sao dò được lòng dạ sâu). Lớn lên rồi con sẽ hiểu."

Nhưng từ đó nó không còn phải đọc Tam Tự Kinh. Tuy nhiên, mỗi lần đi họp phụ huynh cuối năm thấy nó được nhận giấy khen và phần thưởng học sinh giỏi, bố nó cứ lặng thinh, không vui, không mừng. Hình như với ông, trên đời này chẳng có quái gì là đáng giá. Nhưng nó biết, bề ngoài bố nó làm ra vẻ dửng dưng thế thôi, chứ trong lòng ông cũng hả hê lắm. Là nó đoán vậy, vì nhiều lần nó bắt gặp ánh mắt của bố nhìn nó rất lạ. Ánh mắt vừa bao dung, vừa như muốn gửi gắm một điều gì rất mơ hồ. Những lúc như thế nó thấy sợ. Đã có lần nó nghe bố nói: "Lan nhân như quả" (nhân như hoa lan, quả như hoa bòng) ở đời có những việc lúc khởi đầu rất tốt, nhưng kết cuộc lại chẳng ra gì. Mà nó thì không muốn để cho bố thất vọng.

Năm lớp chín nó được nhà trường chọn vào đội tuyển đi thi học sinh giỏi văn. Bố nó không vui, ông nói: "Chữ nghĩa là trọng. Thế nhưng, người quân tử hiểu chữ nghĩa là để 'Thông quyền đạt biến' (hiểu thấu lẽ quyền biến trong đời) chứ không vận vào nó thành nghiệp. Văn nghiệp thường bạc."

Năm nó chuẩn bị thi tốt nghiệp trung học thì bố nó qua đời. Ông ngã bệnh nằm liệt giường đúng hai tháng, bắt đầu từ dịp giỗ đức Thánh Mẫu mồng 10 tháng hai âm lịch. Tương truyền, đức Thánh Mẫu là Công chúa Ba con Vua Lý Thái Tổ. Bà là người có công khai phá đất đai, xây làng lập ấp ở quê nó. Dân làng tôn bà là Đức Thánh Mẫu, xây đền tạc tượng, lấy ngày mồng 10 tháng hai âm lịch làm ngày giỗ để mở hội. Hàng năm vào đúng ngày này nhà nào cũng rậm rịch giã bánh dầy, đồ xôi đóng oản, xay bột nếp hãm nước hoa bưởi làm bánh trôi bánh chay để tế lễ Thánh Mẫu. Ngày nó còn bé chưa có chiến tranh, những dịp hội làng nó lại được mặc quần áo mới, cùng lũ trẻ chạy theo đám rước Kiệu. Có năm Kiệu bay, nó cùng lũ bạn chạy loạn xị tè cả xuống ruộng để rồi vừa lóp ngóp bò lên vừa nhìn nhau cười rưng rức. Chúng về thay quần áo (có đứa còn nghe chửi) rồi lại chen nhau xúm xít quanh hội cờ người, quanh đa 61m gà chọi hay giơ tay che nắng nheo mắt nhìn các anh các chị bay tít trên cây đu. Riêng nó, thế nào buổi tối cũng phải chen bằng được vào giữa sân đình nghe hát văn, hoặc xem diễn các tích chèo. Có lần bố nó dọa: "Lần sau không cho đi xem nữa." Lần ấy nó xem vở "Tống Chân Cúc Hoa," đêm về ngủ mê, thương cô Cúc Hoa quá nó khóc ướt đầm cả gối. Ông bố gọi mãi mới tỉnh. Từ ngày chiến tranh. Làng nó không mở hội, nhưng đúng ngày mồng 10 tháng hai các cụ già đứng đầu cá c tộc họ vẫn khăn đóng áo the ra đền chùa tế lễ. Những buổi đại lễ như vậy, bao giờ bố nó cũng là chủ tế. Còn tục bánh trôi bánh chay, đồ xôi đóng oản thì không nhà nào bỏ. Có năm đói, cả làng bảo nhau ăn tết kiệm bạc để dành đến ngày giỗ đức Thánh Mẫu. Vào ngày này mẹ nó thường dậy sớm, bà nấu một nồi nước thơm để bố nó xông người. Khi ông khăn áo ra đền thì trời cũng bắt đầu sáng. Mẹ nó lục tục bắc chõ đồ xôi. Còn nó thì ke
1 cối xay bột. Non trưa khi bố nó về thì mọi thứ đã xong, nó đốt nến lên hương để ông vào cúng. Thường thì ông bắt nó đứng bên cạnh, hơi lui về sau một chút. Mỗi lần vái ông lại phủ phục trên sập, nó nhất nhất làm theo. Đến khi ông khấn thì nó phải lắng tai nghe để nhập tâm. Lâu dần nó cũng thuộc và mỗi khi đứng bên bố để làm lễ, nó lại thấy rưng rưng trong niềm thành kính linh nghiêm.

Nhưng năm đó thì khác. Trước hôm giỗ Đức Thánh Mẫu, bố nó nhận giấy của đơn vị anh Hưng từ Quảng Trị gửi ra. Họ báo tin anh Hưng được thưởng Huân chương chiến công lần thứ hai. Đọc xong ông ngồi bất động, không nói không rằng. Lần trước, vào giữa năm 68, bố nó cũng nhận một cái giấy như lần này. Mấy ngày liền ông vật vã khổ sở mất ăn mất ngủ. Sang ngày thứ ba, lựa lúc bố nguôi nguôi, nó hãm một ấm trà thật đặc mang lên mời bố. Ông nhấp trà, nhìn t hằng con thứ gật gù: "Con có biết làm sao thầy buồn không?"

"Dạ con không biết. Mấy ngày qua ở xã họ đến chúc mừng, đoàn nào đến mẹ con cũng bảo thầy đang ốm, họ không dám vào."

"Thầy mẹ ăn ở với nhau đã mấy chục năm. Mẹ con biết tính thầy. Anh con là người phàm phu tục tử. 'Thiển thủy tải đại châu' (nước cạn mà đòi chở thuyền lớn). Người lâm trận là thiển nhân thì hay mắc tội háo sát."

Đoạn, ông ngâm nga:

Hữu ý tài hoa hoa bất phát;
Vô tâm sáp liễu liễu thành âm.

(Muốn trồng hoa mà hoa không nở, không muốn trồng liễu mà liễu lại mọc thành bụi).

Thế mới biết, ở đời đâu phải cứ cái gì mình muốn là được.

Đã biết vậy nên lần này cả nhà không ai dám nói gì. Buổi tối ông nói với bà: "Sớm mai, bà nhớ đun cho tôi nồi nước thơm để tôi kịp ra đền." Nghe ông nói vậy ai cũng mừng, nghĩ là ông đã nguôi ngoai.

Già trưa hôm sau, lúc ở đền về bố nó nói với mẹ nó:

"Hôm nay tôi hầu chuyện các cụ nên về muộn."

Mẹ nó vui mừng:

"Chả sao. Thầy em vui là tốt rồi."

Bố nó bảo nó đứng lên sập làm lễ. Ông đứng dưới đất ngay cạnh ban thờ. Nó thấy run, chân tay lóng ngóng. Ông bảo:

"Hôm nay thầy mệt, con phải làm lễ cho quen."

Sau khi xong việc, bố nó ngồi xếp bằng tròn trên sập, nó chuyên nước trà mới hãm vào cái chén hạt mít, đặt lên chiếc đĩa men rạn để mời bố. Bố nó nhấp môi vào chén trà, "khà" một tiếng nhỏ rồi nói:

"Lẽ ra việc thờ cúng là của anh cả. Nhưng anh lại vắng nhà. Vả lại, phàm việc này phải có tâm. Con hãy nhớ câu: 'Chính bản thanh nguyên' (Sửa gốc cho thẳng thì ngọn tất thẳng, Khơi nguồn cho trong thì dòng nước tất trong). Từ nay thầy muốn con thay thầy giữ lấy cái gốc để bàn thờ Tổ tiên không lạnh hương khói." Tối hôm đó ông bị cảm, người sốt li bì. Ông bác sĩ đến thăm bệnh bảo bố nó không có bệnh gì. Nhưng nó thì biết. Nó còn biết bệnh của bố nó không có thuốc chữa.

Từ đó ông nằm liệt giường, việc thuốc thang cơm cháo đều một tay mẹ nó và nó lo liệu. Biết con cuối năm thi tốt nghiệp, ông thương nó, bắt nó phải dành thời gian lo sự học. Có lần ông bảo:

"Thầy thấy sức đuối lắm, có lẽ thầy sắp đi. 'Nhân vãng phong vi' (người đã qua đời thì tăm hơi cũng sẽ hết) thầy chỉ thương mẹ và em gái con. Mẹ con thì yếu đuối, em gái con thì non nớt. Thầy đi rồi, con phải chăm lo cho mẹ, đừng để mẹ phải buồn phiền, nhất là vì những điều tiếng. Mẹ con là con nhà gia giáo, bà không chịu nổi những lời thị phi. Còn em gái, con cố gắng lo cho em nên người."

Nó cúi đầu, lặng lẽ khóc bên giường bệnh của bố.

Đêm đó mắt ngấn lệ, bố nó dồn cả chút sinh lực còn lại để nói với nó:

"Thầy không sống được nữa. Thầy muốn nói với con điều cuối cùng. Con phải nhớ câu 'Nhân tại kính trung' (kiếp người ta hư ảo, chốc có chốc không như bóng trong gương). Một khi còn sống trên đời, con người phải giữ trọn chữ Nhân Nghĩa. Đừng bao giờ làm điều thất đức để phải đeo tiếng xấu. 'Nhân ngôn khả úy' (miệng lưỡi người đời là đáng sợ)."

Nói xong mấy câu đó, ông trút hơi thở cuối cùng. Năm ấy, ông mới 53 tuổi.

Chôn cất cho bố được hơn tháng thì nó đỗ tú tài. Vì muốn theo nghiệp cha, nó thi vào đại học sư phạm. Nhưng không dứt hẳn được "Văn nghiệp" khi người ta phân nó vào Khoa Sử. Mẹ nó không lấy thế làm buồn. Hôm nó lên trường mẹ nó làm mâm cơm cúng bố nó. Chú Sâm xuống ăn cơm, lúc tàn bữa chú nói:

"Chú ngẫm ra trong họ nhà mình, đời nào cũng có người chăm lo việc lấy chữ Thánh hiền soi dọi nhân gian. Từ đời cụ cố Cử nhà ta xưa kia, đã một thời các vị chức sắc trong làng ngoài tổng đều một lớp học trò của cụ. Rồi qua đời cụ Tổng Hương, ông Bá Tín. Thời nào các cụ cũng dành ba gian nhà ngang làm nơi dạy học trò. Hàng năm, học trò các cụ dù xa dù gần đều nhớ ngày mang lễ đến giỗ tết các cụ. Mãi năm kia bom đạn ác liệt quá, các cụ lại già lão, bo 0 anh xin các cụ mới bỏ được lệ ấy. Đến đời chúng tôi, bố anh là ông Tú, lại học trường Tây hai năm. Bố anh bỏ học vì phẫn chí, về quê làm ông đồ dạy học và gìn giữ cái gốc của tổ tiên. Chúng tôi ăn ở với làng xã ra sao thì hôm đưa đám bố anh đã thấy rõ. Bây giờ đến các anh, các anh liệu đường mà ăn ở với dân làng."

2.

Nó học xong năm thứ hai thì bị động viên vào quân đội. Nó được đưa lên huấn luyện tân binh trên vùng núi Ba Vì. Tiểu đoàn tân binh của nó quân số thuộc Cục quản lí xe. Sau ba tháng huấn luyện sẽ tập trung về trường công nhân kĩ thuật. Đơn vị nó đóng quân trên một vùng đồi trọc. Mùa hè nắng như thiêu đốt, mùa đông thì lạnh thấu xương. Nó lên đây đúng mùa hè, đi ngoài trời như đi trên chảo rang, vào trong nhà như chui vào hầm lò. Buổi trưa, lính trải chiếu rúc xuống gầm giường mà mồ hôi cứ tóa ra. Tiểu đoàn "tân binh" của nó có cả lính trai lính gái, lính trẻ lính già. Lính

già đa số là lính 65, 66 (nhập ngũ năm 65, 66). Trong số lính trẻ, trừ nó và mấy thằng đang học đại học sẽ là giáo viên dạy văn hóa sau khóa huấn luyện tân binh, còn hầu hết là con em cán bộ quân đội. Họ sẽ được học các nghề cơ khí, sau này về làm việc trong các nhà máy quốc phòng.

Nó thân với Lê Thanh trong số lính già. Tay này trước là lính đặc công, đã từng tham gia đánh sân bay Nước Mặn. Một lần nó bắt gặp Lê Thanh chép bài thơ "Nắng lửa" của nó trên báo tường. Lê Thanh cười ngượng kéo nó về lán, cho nó xem quyển sổ thơ. Lê Thanh chép hầu hết những bài thơ của nó, cả những bài mà vì là chủ bút, nó phải làm quấy quá rồi chép đại vào cho xong. Đã thế ở mỗi bài thơ Lê Thanh còn nắn nót vẽ chỗ thì bông hoa, chỗ thì cô gái. Những hình vẽ chẳng ăn nhập gì với thơ. Nhưng người vẽ có khiếu, và nó ngượng: "Ôi! Viết quấy quá cho vui ấy mà." Cũng từ đó, Lê Thanh hay tìm cớ bắt nó đọc thơ. Đổi lại, nó kéo Lê Thanh vào tổ báo phụ trang trí với Hoành. Có lần Lê Thanh kể cho nó nghe mối tình từ thuở học trò. Nó làm tặng Lê Thanh bài thơ "Phượng Tím." Mấy hôm sau bài thơ được chép trên báo. Lê Thanh bảo: "Chép quấy quá cho vui ấy mà." Nó lặng thinh.

Trong số lính trẻ, nó từng có một mối tình đẹp với Oanh. Oanh là cô gái hồn nhiên, nét hồn nhiên tỏa ra từ đôi mắt sóng sánh lúc nào cũng như cười, mà hễ cười là chiếc răng khểnh lại ánh lên rất khiêu khích. Có lần nó đang tán gẫu với cánh lính trẻ trước sân nhà ăn thì Oanh đi qua. Khi đi sát sau lưng nó Oanh tỉnh bơ đọc: "Anh trao em cánh Phượng hồng, Màu hoa Phượng nhuộm tím trong cả trời." Nó quay lại thì Oanh đã đi qua, nhưng

ĐẠM THẠCH

NHANH NHANH LÊN

Nhanh nhanh lên lúc trái còn hườm
Tình vừa ngọt vừa chua mình san sẻ
Nhanh nhanh lên kẻo có người với bẻ
Cắn nửa chừng vứt bỏ dọc đường.

Nhanh nhanh lên còn ở mùa đông
Còn lạnh lẽo để còn thèm ấm áp
Kẻo nắng lên sẽ không còn bão táp
Mùa xuân ơi đâu dữ dội trong lòng.

Nhanh nhanh lên lúc còn xơ xác lá
Kẻo mùa xuân thay áo mới không vừa
Còn anh thì thèm lắm cơn mưa
Cơn mưa anh dội lòng anh lạnh giá.

Nhanh nhanh lên hôm nay chiều thứ bảy
Những áo vàng áo trắng chọn hôm qua
Những áo cho anh em ướm vào ngực trái
Trái tim - màu - chọn lựa thiết tha.

Nhanh nhanh lên kẻo mai rồi chủ nhựt
Áo em thay nũng nịu ai nhìn
Áo khi rộng mà lòng anh khi chật
Chẳng vừa nhau nên ngày hẹn lặng thinh.

Nhanh nhanh lên còn ở đầu vàm
Còn sông rộng còn nhìn triều sóng vỗ
Và xa xa cánh buồm ai lố nhố
Kẻo đây rồi luồng kinh rạch xa xăm.

Nhanh nhanh lên khi còn ngoài sông cái
Sẽ lạnh im tiếng sóng bủa đầu vàm
Sẽ lặng im sóng lòng anh sợ hãi
Sợ thuyền em khuất gió cầu an.

Nhanh nhanh lên trăng đã xế ngang đầu
Đêm sụp tối để rồi trời trở sáng
Để chia tay anh còn ở nán
Ngó nhìn em đứng lặng bên cầu.

Nhanh nhanh lên kẻo mặt trời rựng mọc
Chân trời anh ló dạng bơ vơ
Ngũ Tử Tư một đêm bạc tóc
Anh nhớ em chắc hẳn bơ phờ.

Nhanh nhanh lên khi tất cả còn chặng cuối
Trái sẽ muồi chín rục tình yêu
Trái sẽ rụng khi tay người chưa muốn hái
Và anh còn lưỡng lự biết bao điều.

Nhanh nhanh lên lúc chưa hạ huyệt
Tiếng khóc thương còn nghe được bao người
Kẻo lấp đất và người thương tiễn biệt
Anh cuối cùng cũng vĩnh biệt người ơi.

Nhanh nhanh lên kẻo mai rồi xanh cỏ
Chẳng còn ai thương tiếc ngày qua
Chẳng còn ai thiết tha bày tỏ
Cũng chỉ còn nấm mộ xót xa!

cô đã kịp để lại ánh mắt sóng sánh cu 141ng với ánh răng khểnh.

Cho tới lần tiểu đội nó vào rừng kiếm củi. Nó lặng người trước mầu xanh của rừng nứa ngút ngàn. Nơi đây cách vùng đồi trọc chưa đầy năm cây số. Bên cạnh rừng nứa là một vạt rừng già. Những cây lát quắc thước, những cây lim già nua. Và Hải đường, những cây Hải đường cành lá xum xuê lấp ló những nụ hoa đỏ ối. Thì ra, những bông Hải đường cánh lính già đem về là có ngồn gốc từ đây. Nó lang thang trong rừng, mải mê như cậu học trò lần đầu được nghe chuyện cổ tích. Bỗng nó giật thót mình, tiếng cành khô gẫy, tiếng chim le thảng thốt. Và một tiếng "bộp" rơi trên bụi cây gai. Bụi gai sát ngay chỗ nó đứng, từ đó một con rắn Hổ mang ngóc cổ lao ra. Nó lặng đi hốt hoảng nhận ra xung quanh không một bóng người. Nó nhớ đến cảnh lạc rừng đã đọc đâu đó. Nó chụm hai tay hú ầm ĩ. Những tiếng hú lạc lõng tan trong rừng sâu âm u. Nó ngơ ngác dựa vào thân cây, hai gối khụy xuống. Bỗng một tiếng "roạt" lại là m nó giật mình. Nó hốt hoảng đứng dậy, và chạy. Càng chạy, tiếng đạp rừng ràn rạt càng bám sát. Nó nhắm mắt, hình bóng con lợn rừng cứ chập chờn trong đầu. Và "bốp"! Người nó đổ sập, từ chân trái một cảm giác đau buốt nhói lên. Nó nằm im, từ từ nghiêng người nhìn lại. Chỉ thấy những cột nắng xuyên qua kẽ lá. Và, từ giữa một cột nắng, nó thấy lấp lánh ánh răng khểnh. Oanh! Đúng là Oanh bằng xương bằng thịt. Phải chăng cô là nàng công chúa trong rừng v ừa tỉnh dậy chạy đến đây. Nó dụi mắt nhìn lại cho chắc. Cô gái thôi cười, bàn tay nâng chân nó, những ngón tay thong thả cởi nút dây giầy. Nó nhắm mắt. Đã rất lâu, có lẽ từ lúc chào đời, nó chưa bao giờ được hưởng những cảm xúc êm dịu như thế. Oanh bảo nó:

"Anh bị bong gân rồi! Ai bảo cứ đùa. Vừa thấy bóng người ta là đã chạy. May mà vấp phải rễ cây, nếu gặp thân cây đổ thì anh đã gãy ống đồng."

Nó ngượng nghịu:

"Cám ơn Oanh! Tôi cứ tưởng..."

"Anh tưởng em là ma rừng à? Em mà là ma rừng thì hôm nay anh không về nổi đâu."

Oanh lại cười. Tiếng cười của Oanh ríu rít như tiếng chim rừng, cứ ngân nga lảnh lót giữa ngàn cây xôn xao. Nó nhìn Oanh, khuôn mặt con gái trắng mịn đang ửng hồng. Khóe miệng xinh xắn không chỉ lấp lánh ánh răng khểnh. Mỗi khi Oanh cười, hai lúm đồng tiền lại hiện ra, xoáy tròn như điểm tụ của một dấu hỏi mơ hồ. Bất giác nó mỉm cười. Oanh quay lại:

"Anh cười gì? Trông em buồn cười lắm à?"

"Không! Trông em như một đóa hoa rừng. Còn tiếng cười thì như tiếng chim hót ấy."

Oanh lườm nó:

"Mấy ông nhà thơ các anh chỉ được cái khéo nịnh."

Nó hốt hoảng:

"Cái gì? Anh là nhà thơ hồi nào?"

"Anh về mà hỏi mấy 'ông' trong tiểu đội anh. Em vừa gặp họ bên rừng nứa. Biết anh đang ở bên này em mới rẽ sang."

"Thôi chết. Anh đi kiếm củi cùng họ mà bị lạc từ sáng đến giờ. Anh phải sang tìm họ kẻo họ nghĩ mình trốn việc."

"Anh không phải lo. Các anh ấy bảo em: 'Oanh sang tìm giúp bọn anh ông nhà thơ lạc trong rừng già. Nhưng nhắc ông ấy là số báo này mà không có bài thơ nói về rừng là không xong đâu. Còn phần củi hôm nay bọn anh lo tất."

Nó thấy nhẹ người. Cùng một lúc, nó vừa cảm nhận sự thanh thoát, vừa choáng ngợp trước cảnh sắc thiên nhiên, lại vừa nhẹ bỗng lâng lâng bởi cảm xúc dịu êm bên người con gái thơm ngát như hoa rừng. Oanh lấy ra hộp cao Sao Vàng, vừa bóp chân cho nó vừa tỉ tê:

"Anh nghĩ gì vậy, Hay đang làm thơ?"

"Đâu có. Anh đang nghĩ điều gì đã đưa anh lạc đến chốn này."

"Chốn này cũng không xa lắm đâu. Tại anh đi rừng lần đầu nên chưa quen định hướng đó thôi."

"Em có vẻ thông thuộc?"

"Em là con gái vùng này mà."

"Quê em ở đây thật sao?"

Oanh cười ròn tan, át cả tiếng suối chảy róc rách:

"Em đùa thôi. Quê em ở Thủy Nguyên, Hải Phòng. Em lên đây đã hơn nửa năm. Lẽ ra năm ngoái em đi học cao đẳng sư phạm, nhưng dịp đó bố em ở chiến trường ra. Ông bảo: 'Con phải được rèn luyện trong môi trường quân đội mới nên người.' Lúc trả phép ông lôi em đi luôn. Vứt em lên đây ông nói: 'Con sẽ được học nghề, nhưng giữa năm sau đơn vị mới tập trung. Trước mắt con làm văn thư ở đơn vị của bạn bố." Những ngày đầu nhớ mẹ, em khóc hoài. Con Lan cù ng đơn vị biết em là lính mới nên gần gũi an ủi, em cũng nguôi dần. Quê Lan ở đây, chủ nhật nào hai đứa cũng xuyên

rừng về nhà. Bố mẹ Lan quí em, coi em như con. Cách đây hai tháng, khi Lan vừa hết nghĩa vụ thì bố lên tận nơi lôi về để gả chồng. Chắc cuối năm thì cưới. Hôm nay bố mẹ Lan nhắn em sang chơi."

"Chết. Sao em không đi? Không có em, lát nữa họ cũng sang tìm anh mà."

"Tất nhiên rồi. Nhưng em muốn gặp anh."

"Muốn gặp anh. Từ bao giờ?"

"Từ khi đọc bài thơ 'Phượng Tím.' Nhà thơ thật lắm giọng. Người ta nói phượng đỏ phượng hồng, chứ ai nói phượng tím. Vậy mà khi đọc bài thơ lại thấy gai cả người. Hôm em mới đọc bài thơ đó, nhớ Hải Phòng quá không ngủ được."

"Xin lỗi. Anh chỉ đơn giản là muốn tặng thơ cho một người đồng đội."

"Dù vậy khi đọc bài thơ, ai cũng như tìm thấy bóng dáng của mình. Khi nào có dịp em mời anh về quê em. Hoa phượng Hải Phòng khác biệt lắm. Nếu anh về, anh sẽ không rời nổi những con đường rợp bóng Phượng vĩ đâu."

Oanh đứng lên, rút con dao dài trong cái vỏ làm bằng hai mảnh tre. Cô phăm phăm chọn một cành cây thẳng chặt xuống, dóc sạch cành lá đưa cho nó làm gậy. Nhìn Oanh làm thoăn thoắt, nó bật cười:

"Trông em, cứ như gái đồng rừng chính hiệu."

"Con Lan dậy em đấy. Cần nhất là con dao. Lan bảo nếu có dao, sống cả tuần trong rừng cũng không sợ đói khát."

Nó tựa vào gốc cây, chống gậy đứng lên. Oanh gần như ôm lấy cả người nó xốc dậy. Nàng đặt cánh tay của nó lên vai nàng. Hai người chập chững bước đi giữa rừng thẳm. Cô gái thê thọt:

"Anh có thấy rừng đang hát không?"

"Có. Nhưng tiếng hát oan ương buồn thảm quá."

"Oan ương?"

"Là một loài chim. Con đực là Oan con mái là Ương. Chúng sống từng đôi cặp không bao giờ rời xa. Nếu một trong hai con bị chết, con kia không ăn, cất tiếng hót thảm thiết cho tới lúc kiệt hơi."

"Vậy thì đúng là tiếng hát ấy."

"Không biết tiếng hát ấy đã có từ bao giờ?"

"Từ lâu lắm. Cái Lan bảo, từ khi người con trai trên núi Tản và người con gái chèo thuyền trên sông Lô yêu nhau. Thần núi biết, rất tức tối. Một đêm trăng sáng đôi tình nhân hẹn hò ân ái trong cánh rừng già. Nhưng tai họa đang đến mà họ không biết. Khi cô gái còn lênh đênh trên sóng nước thì một trận cuồng phong ào ạt nổi lên. Mây đen ùn ùn kéo tới. Sấm sét chát chúa như muốn nghiền nát cánh rừng. Và mưa, mưa rừng đột ngột xối nước như thác lũ. Người con t rai điên cuồng chạy trên bờ sông, tiếng hú gọi người yêu chìm lấp trong mịt mờ mưa gió. Người con gái không trở về. Chiếc thuyền bé nhỏ bị cuốn đi trong phong ba. Người con trai nước mắt nhòa trong mưa, cứ dõi theo bóng người yêu mà chạy, vừa chạy vừa thổn thức cất lên tiếng hú gọi thê lương. Cho đến khi kiệt sức. Người con trai chết khi đôi chân quì trên tảng đá, một tay đặt lên ngực, một tay chới với như vẫy gọi người tình. Hình dáng ấy còn in trên vách núi đ ến ngày nay. Những người đi rừng bảo rằng: có những trưa hè, từ cánh rừng già đột nhiên nghe du dương những tiếng vọng âm u. Người thì bảo đó là tiếng người con trai hú gọi người yêu. Người thì bảo đó là dư âm tiếng hát của đôi trai gái."

"Câu chuyện thật đẹp, nhưng buồn quá."

"Theo anh, đó là tiếng hát của đôi uyên ương hay tiếng hú gọi của người con trai?"

"Có lẽ đó là tiếng hú. Lúc nãy trong cơn hoảng loạn bị lạc rừng, anh đã hú gọi. Và em thấy không, nàng công chúa đã hiện ra. Còn tiếng hú của người con trai xưa kia chỉ là những tiếng hú vô vọng. Phải chăng, họ được sống trong thời đại này."

"Có chắc không anh?"

"Chắc!"

"Em thì lại sợ."

"Em sợ gì?"

"Cánh rừng này! Chúng ta đã biết nhau cả tháng trời, sao hôm nay lại chọn cánh rừng này mà gặp nhau. Hôm theo cái Lan lên chỗ tảng đá, nhìn hình dáng người con trai chới với trên vách núi nước mắt em cứ ứa ra. Cái Lan bảo: Mày đừng khóc, thương cảm quá nó vận vào người. Lan còn kể: Vào tiết Hạ chí, khi ánh nắng chói chang nhất, Hải đường tươi màu nhất, trai gái yêu nhau thường lên núi đặt lên tảng đá những bông Hải đường. Họ muốn chia sẻ hạnh phúc với ngư 47i xưa và thề nguyện giữ trọn tình yêu của mình như mối tình huyền thoại."

"Nơi đó xa không?"

"Gần lắm anh ạ, trên đường đi về nhà Lan. Hôm nào anh khỏe, em dẫn anh lên đó, nhân tiện về thăm Lan luôn."

Nó và Oanh lang thang suốt ngày trong rừng. Nó hăm hở khám phá những điều kì diệu trong cái thế giới đầy bí ẩn và huyền hoặc. Nó như quên đi nỗi buồn về một tình yêu xa xưa. Còn Oanh, cô đã lấy lại nét hồn nhiên trong tiếng hát. Bất giác, nó cũng cất tiếng hát. Tiếng hát của nó trầm ấm như tiếng gió rừng, hòa quyện cùng tiếng hát trong vắt của Oanh. Cả cánh rừng xôn xao thức dậy. Và,tiếng chim rừng. Tiếng chim rừng lảnh lót, chúng tụ lại khi ngỡ tiếng hát của đôi trai gái là tiếng ho 161t của đôi chim bạn về xây tổ nơi đây. Hỡi thần núi Tản! Người đã đủ tỉnh thức để mỉm cười trước hạnh phúc của con người?

*

Cả tuần qua đơn vị nó ồn lên tin chuyển quân về trường CNKT. Chưa về mà tiếng đồn đã làm nhiều đứa phát hoảng. Họ nói đó là doanh trại chính qui, mọi nề nếp sinh hoạt đều tuân theo kỉ luật sắt. Nhất là chuyện quan hệ nam nữ, cô cậu nào léng phéng thì nhẹ là bị đẩy đi chiến trường, nặng thì bị tước quân tịch đuổi về địa phương. Thời gian tân binh đã dạy nó một kinh nghiệm: Những tin đồn loại này không phải vu vơ. Nhiều khi chính cơ quan chính trị tung ra các tin đồn như kiểu đánh động tư tưởng trước khi muốn thực hiện một việc gì.

Mấy hôm nay Oanh khóc nhiều, đôi mắt như mọng nước. Từ hôm gặp trong rừng, hai đứa yêu nhau. Cánh rừng già, triền núi Tản như thổi thêm chất thơ vào tình yêu của nó. Nhiều hôm nằm dài trên tảng đá, nó say mê đọc cho Oanh nghe những vần thơ oà vỡ những cung bậc tình yêu. Hôm nay nó lại đưa Oanh lên triền núi. Hai đứa đặt lên tảng đá những bông hoa tươi màu. Oanh nói đó là màu của trái tim. Chúng lặng lẽ nhìn hình bóng người con trai. Nó bỗng cảm nhận một điều linh nghiêm như ngày nào một mình đứng trên sập chuẩn bị làm lễ. Bất giác, nó chấp tay búp sen. Nó chưa kịp nói gì thì Oanh đã ôm chặt người nó, ngón tay chận lên đôi môi. Nét mặt Oanh thảng thốt, vô hồn: "Đừng, anh! Em xin anh. Hãy đừng nói gì cả." Nước mắt Oanh thấm ướt ngực áo nó:

"Anh yêu ơi! Được nằm trong vòng tay anh thế này là em mãn nguyện lắm rồi. Em yêu anh, tin anh. Nhưng em sợ."

"Oanh! Chúng ta đâu có sống trong cái thời của đôi trai gái chịu chết trong mối tình tuyệt vọng."

"Em biết. Nhưng em sợ. Rừng già tuy đáng sợ nhưng em đã quen. Còn rừng đời thì mênh mông mà em thì mảnh mai non nớt."

"Nhưng em có anh bên cạnh. Ở trường nếu khó khăn quá chúng ta bỏ về quê anh. Tuy ở Hà Nội, quê anh vẫn là vùng quê yên ả ấm áp tình người."

"Không đơn giản vậy đâu anh. Người ta không đời nào để chúng mình trở về một cách dễ dàng như vậy. Còn nếu... Không được đâu. Anh phải giữ danh giá và tiếng thơm của gia đình. Mẹ anh sẽ không chịu nổi miệng lưỡi của người đời."

Miệng lưỡi người đời. "Nhân ngôn khả úy." Nó rùng mình nhớ lại những lời nói của bố trước khi nhắm mắt. Giọng nó chùng xuống, sâu thẳm:

"Dù có thế nào, anh cũng không bao giờ xa em.

"Ôi anh yêu! Em tệ quá, lại làm anh lo âu. Thôi, đừng nghĩ gì nữa. Hãy cho em được tận hưởng trọn vẹn những giây phút hạnh phúc thiêng liêng này.

Gió ngàn đập vào vách núi, luồn theo bờ đá làm nghiêng ngả những vòm cây. Từ trong thinh không, tiếng gió du dương như vọng về dư âm tiếng hát của đôi trai gái.

*

Sau lễ tổng kết huấn luyện tân binh nó được phong sĩ quan đặc cách. Người ta đưa nó về trường bổ túc cán bộ, theo học một lớp chính trị kéo dài năm tuần. Suốt năm tuần, nó không làm sao biết được tin tức của Oanh. Bây giờ trở về đơn vị, nó háo hức như ngày xưa chuẩn bị vào hội làng. Đơn vị của nó đã chuyển về Đông Anh. Đón nó cùng mấy sĩ quan đi tập huấn về có ông chỉ huy trưởng, vài người lính công vụ. Ông Thiếu tá nói dăm câu ba điều rồi ngư ời ta đưa nó về tòa nhà ba tầng dành cho cán bộ giáo viên. Cả khu nhà đồ sộ, khoảng sân rộng không một bóng người. Nó nhớn nhác tìm kiếm mà không thấy ai. Tất cả cứ như biến đi đâu hết, còn nó thì như lạc vào chốn không người. Nó chạy sang mấy phòng bên, toàn là người lạ. Có lẽ họ cũng chỉ tới đây trước nó vài ngày. Nó trở về phòng nằm vật xuống, lại định vùng dậy hét thật lớn phá tan cái không khí ngột ngạt lạ lùng này. Trong lúc nó đang khổ sơ 2 thì cánh cửa bật mở, Lê Thanh hiện ra. Nó bật dậy, lao tới nhấc bổng Lê Thanh. Lê Thanh lúng túng gỡ tay nó. Quái lạ. Cái gì thế này? Lê Thanh

ngập ngừng:

"Cậu thông cảm. Bây giờ cậu là sĩ quan, là cấp trên. Điều lệnh quân đội đã phân định trên dưới rạch ròi."

"Rạch ròi cái con khỉ. Chẳng lẽ tôi với ông chưa hề biết nhau."

"Đành rằng vậy, nhưng trước khác bây giờ khác. Rồi cậu sẽ hiểu."

"Thôi được. Nhưng tôi nói cho ông biết: Ông không thể quên những ngày tháng cháy bỏng trên đất Ba Vì. Và tôi không thể bị bỏ quên giữa những người đã thân thiết đùm bọc tôi."

Lê Thanh dần dần lấy lại tự tin, giọng nói ấm áp trở lại:

"Cậu không thể hình dung nổi đâu. Những ngày qua là chuỗi ngày thật nặng nề. Hết học điều lệnh lại học chính trị. Họ ra rả nói về nghĩa vụ, sự hy sinh cá nhân, ý thức tổ chức kỉ luật. Họ không chấp nhận bất cứ loại quan hệ riêng tư nào. Với loại quan hệ nam nữ thì càng khắt khe. Trên Ba Vì thì cười đùa thân thiết là thế mà về đây, nếu không học cùng lớp thì có khi cả tháng không nói với nhau một câu. Tối nào cũng sinh hoạt, hết lớp lại tổ, hết trung đội lại đại đội. Rồi báo động, liên miên báo động. Một đêm có khi báo động điểm danh quân số hai ba lần. Không khí nặng nề như một trại tù."

Nó trầm lắng:

"Thì ra, những tin đồn ở Ba Vì quả là rất nhẹ, chỉ thoảng qua như một sự đánh động. Mà thôi, tôi muốn gặp Oanh. Ngay bây giờ."

Lê Thanh hốt hoảng:

"Không được đâu. Cả trường đang tập trung ở sân vận động tập đội ngũ chuẩn bị cho ngày khai giảng. Suốt tháng nay tớ không gặp Oanh. Tối qua lúc ở nhà ăn, Oanh lén gặp tớ nói hôm nay cậu về. Cô nàng muốn khi cậu về đến nơi, phải gặp được người quen 'để anh ấy đỡ buồn.' May lúc nãy nghỉ giải lao tay trung đội trưởng chạy lên Ban chỉ huy, tớ lừa tay trung đội phó là bị ốm phải lên quân y xin thuốc để về gặp cậu. Thôi tớ đi đây."

"Khoan! Làm sao để tôi gặp được Oanh?"

Lúc này mặt Lê Thanh giãn ra, lồ lộ nét hóm hỉnh cố hữu:

"Cậu là sĩ quan, lại là giáo viên. Muốn gặp cô học viên nào mà chẳng được. Nhưng đấy là trên giảng đường. Mà lại còn xem cậu có được dạy lớp người ta hay không. Nói vậy thôi, lát nữa tớ sẽ vận dụng thủ thuật nhà nghề báo Oanh chiều tối ăn cơm về muộn. Hai đứa gặp nhau ở đầu nhà ăn. Tớ cảnh giới cho."

"Cám ơn anh. Không ngờ ngay cả chuyện gặp người yêu cũng lén lút như ăn vụng."

"Đúng quá! Quan hệ của các cậu là quan hệ bất chính mà. Chào."

Tối ấy khi nhà ăn còn lác đác vài bóng người, Lê Thanh dẫn nó vào khu nhà bếp. Ánh sáng mờ ảo, những chiếc nồi quân dụng cọ rửa sạch sẽ xếp trên kệ sắt. Hai người con gái lúi húi bên bếp lò, tay xúc than ướt đắp lên bếp ủ lửa cho ngày mai. Nó sững người. Oanh quay lại líu ríu nhận ra nó: "Kìa, Anh!" Nó chạy ào đến. Oanh như lao vào người nó. Chợt cô khựng lại, thẹn thùng:

"Dạ. Đây là chị Loan nuôi quân, người Hải Phòng."

Nó cất tiếng chào chị Loan. Chị ta nhìn nó như chọn rau, rồi chào nó và quay lại nhìn Oanh mỉm cười: "Xong việc rồi, chị về trước đây. Lúc nào về nhớ khóa cửa cho chị." Cánh cửa vừa khép lại thì Oanh ngã vào lòng nó. Nó luống cuống dìu Oanh ngồi trên ghế. Nét mặt Oanh xanh xao, ánh mắt sóng sánh nay vương vất u hoài. Sự tươi tắn hồn nhiên như biến đâu mất. Trời ơi! Mới có năm tuần mà sao Oanh xuống sức đến thế. Đôi môi nó ấp chặt trên khuôn mặt đẫm nước. Nó xót xa 64ến thắt lòng: "Em gầy xanh quá. Em suy nghĩ nhiều lắm phải không?"

"Em sợ mất anh! Giá mà anh cho em một đứa con."

"Em nói sao?"

"Giá chúng ta có con sau những lần trên núi Tản. Em sẽ nhận kỉ luật, về nhà nuôi con chờ anh."

"Vừa qua có chuyện gì không ổn chăng?"

"Không! Nhưng em sợ."

"Thôi mà em. Chúng ta còn trẻ. Khi em học xong chúng ta sẽ cưới nhau."

"Ôi! Ước gì điều đó thành sự thật."

Tiếng kẻng chát chúa khua vang báo giờ sinh hoạt tối. Oanh líu ríu ghì chặt khuôn mặt nó vào nơi bầu ngực. Rồi tới tấp đặt lên khuôn mặt thân yêu ấy những nụ hôn đam mê. Tiếng tắc kè chắt lưỡi, Lê Thanh đang gọi nó. Nó cúi xuống nhấc bổng tấm thân mảnh mai ôm chặt vào lòng. Đôi môi bỏng cháy của Oanh gắn chặt trên đôi môi nó. Vị mặn của nước mắt thấm sâu vào tâm can. Cứ thế, nó bế Oanh như bước trong mộng du. Chợt, cánh cửa. Nó loạng choạng dựa vào cánh cửa. Trong lúc nó loay hoay bấm khóa thì Oanh vùng chạy, bóng người con gái nhòa tan vào đêm tối

mịt mùng.

Người ta giao cho nhóm của nó tập đề cương giảng dạy của trường CNKT thuộc Bộ cơ khí - luyện kim. Nay phải chỉnh lý cho sát với mục tiêu đào tạo trong quân đội. Nó làm việc liên miên. Nhưng mệt nhất là khi làm việc với mấy ông lãnh đạo. Ông thiếu tá chỉ huy trưởng còn đỡ, chứ tay chỉ huy phó, đại úy Vinh Xuân thì rất gian manh. Tay này không biết quê quán từ đâu, người lùn một mẩu trông rất bẩn tướng. Cặp mắt hắn lồi ra như chẩu chuộc, đôi tai quắt chênh vênh trên cái mặt choắt như bàn tay. Còn cái mồm, hai mép ngoác ra, hàm trên phô vểnh như mái ngói nham nhở. Sợ nhất là khi hắn nói, chỉ câu trước câu sau là bọt đùn trắng nhởn cả hai mép. Nhiều lúc hắn nói lớn bọt tung tóe như bụi mưa. Khổ cái hắn lại hay nói, mà đã nói là lèm bèm như đàn bà. Riêng chuyện quan hệ nam nữ, hắn ta không chỉ răn đe. Đã có lần hắn bắt Thu Hồng đứng trước hàng quân đọc bản kiểm điểm. Lí do: có quan hệ với một trai làng. Thì ra cô và anh bạn cùng quê yêu nhau t ừ lâu, chàng mới nhận lệnh nhập ngũ nên viết thư báo tin cho nàng. Tay Xuân lén bóc trộm thư, thấy nói chuyện yêu đương liền bắt cô viết tự kiểm điểm. Câu đầu tiên cô đã ngầm chửi: "Ăn thịt bò thì lo ngay ngáy, ăn thịt cáy thì ngáy o o." Chẳng là trong đơn vị đang rầm rì chyện tay Xuân có hệ bất chính với nhiều phụ nữ. Có đêm bên khu nhà nữ rộ lên tiếng gào thét chửi bới. Sáng ra lính rỉ tai nhau: con Sử điên tình. Từ đó người ta gọi Thi Sử là Sử die 1n. Điều lạ lùng là có lần ngay trước sân nhà ăn, một cô bạn cứ réo tên Sử điên mà gọi. Thế mà cô ta lại cười. Không biết cô có điên thật không. Bà Re, trung đội trưởng của Sử, thì nói rằng: "Con Sử bị lão Xuân cưỡng hiếp, ức quá đêm đêm cứ réo chửi tên lão ta." Đại loại những câu chuyện quanh lão Xuân cứ ong ong chứa đầy âm ác. Mỗi khi phải làm việc cùng lão, nó như phải chịu đựng một cực hình.

Đã hơn tuần nó không nhìn thấy Oanh. Không hiểu Oanh đi đâu, làm việc gì mà gấp tới mức không kịp báo cho nó hoặc Lê Thanh biết. Một hôm nó đang ngồi đọc tài liệu thì người ta báo nó có khách. Nó ngạc nhiên, bối rối nhận ra Lan:

"Kìa Lan. Em xuống bao giờ?"

"Em xuống đã một tuần. Oanh đang nằm viện."

Nó chồm tới:

"Em bảo sao. Oanh nằm viện nào?"

"Anh phải thật bình tĩnh em mới nói."

Nó lảo đảo ngồi xuống, cố hít một hơi thật sâu rồi từ từ thở ra:

"Được rồi. Lan nói đi"

"Oanh bị tai nạn. Đang nằm ở Đội điều trị 12. Oanh không muốn báo cho ai biết. Ông trưởng khoa kêu quá, Oanh phải nhờ ông đánh điện cho em. Hiện nay Oanh đã hồi phục, nhưng còn yếu và Oanh rất buồn."

"Anh sẽ xuống với Oanh ngay bây giờ."

"Khoan đã! Lan thăm dò - Em hỏi thật: anh có tin Oanh không?"

"Về điều gì?"

"Lòng chung thủy!"

"Điều đó em không cần hỏi. Anh tin Oanh còn hơn cả tin vào bản thân mình."

"Vậy thì được. Anh hãy nhớ: Oanh đang rất cần anh. Còn điều này, anh không được nói với Oanh là em đến đây."

Nó đưa Lan ra cổng rồi chạy vội lên phòng. Nó cuống cuồng vơ vài bộ quần áo nhét vào balô chạy biến đi, không kịp chào ông tổ trưởng.

(Còn tiếp)

DONGNAI PHARMACY

HOME HEALTH CARE & MEDICAL EQUIPMENT

9081 BOLSA AVE., SUITE # 108, WESTMINSTER, CA 92683

(gần Hòa Bình Food To Go trong khu Guaranty Bank Of Calif.)

TEL: (714) 379-5072 * FAX: (714) 379-5074

Dược sĩ TRẦN ĐỨC HIẾU
Dược sĩ TRẦN LƯU THỊ ÁI

CUNG CẤP ĐẦY ĐỦ:

* Các loại Dược phẩm bán theo toa (Prescription Drugs) hay bán tự do (OTC Drugs)
* Các sản phẩm nuôi dưỡng bệnh nhân qua ống chuyển vào ruột hay chuyển vào máu (Enteral & Parenteral Nutrition Products) * Các vật dụng dành cho bệnh nhân tiểu tiện bất thường (Incontinence Products). Tã lót, vải lót giường, ống dẫn tiểu và túi đựng nước tiểu (Drainage Bags)
* Các vật dụng dành cho bệnh nhân giải phẫu lỗ thông qua thành bụng (Ostomy Products). Túi dẫn lỗ thông đại tràng (Colostomy Products).

BÁN VÀ CHO THUÊ CÁC DỤNG CỤ Y KHOA:

* Xe lăn - Nạng chống - Nạng tập đi (Walker)
* Giường bệnh viện và các đồ dùng phụ thuộc (Hospital Bed & Accessories)
* Dụng cụ an toàn trong phòng tắm (Bathroom Safety Products)
* Các loại máy đo đường trong máu (Blood Glucose Monitor). Máy đo áp huyết (Blood Pressure Monitor)

NHẬN MEDICAL - MEDICARE - CTU VÀ CÁC LOẠI BẢO HIỂM: PCS - BLUE CROSS - BLUE SHIELD - MEDIMET - PAID, V.V...

MỞ CỬA 6 NGÀY TRONG TUẦN
Thứ Hai - Thứ Sáu: 9:30 AM - 7:30 PM
Thứ Bảy: 9:30 AM - 6:00 PM

TK69-80

Giai thoại về

CHỮ NHẤT HAY CON SỐ MỘT TRONG NGÔN NGỮ, VĂN TỰ VÀ VĂN CHƯƠNG THI PHÚ VIỆT NAM

LÊ VĂN LÂN

Từ số học đến ngôn ngữ văn chương

Con số (mumber) trên căn bản toán học là một ý niệm căn bản của môn số học (arithmatiques) để đếm, đo, cân, đong, để phân hạng hay sắp thứ tự những vật thể khác hay để chỉ định những đại lượng trị số mà người ta không thể nào định nghĩa một cách chặt chẽ được (theo Le Petit Larousse). Tuy nhiên, khi dùng trong ngôn ngữ, văn tự, nhất là trong triết lý, văn chương, thi phú, thì những con số không còn giữ cái bản thể chính xác và khô khan của chúng mà lại trở nên linh động lý thú như tôi cố trình bầy trong bài bút khảo này.

Nhân đầu năm còn không khí Tết, tôi xin nói về con số Một hay chữ Nhất cho vui.

Trước hết xin hỏi: tháng đầu tiên trong năm tại sao ta gọi là *tháng giêng*? và tháng 12 cuối năm gọi là *tháng chạp*? Chính vì theo tầm nguyên, "giêng" là chữ "chính" đọc trại ra vì tháng đầu tiên còn gọi là "chính nguyệt"正月, còn tháng chạp là do chữ "lạp nguyệt" mà ra vì vào tháng này người ta thường ăn thịt ướp phơi khô như lạp xường, lạp nhục... Tháng 11 lại bị gọi rụng đi chữ mười thành ra thành Tháng Một, chẳng qua vì thuận khẩu mà thôi!

Chữ Nhất là Đạo, là Thái Cực

Con số Một hay chữ Nhất là một con số vô cùng quan trọng vì nhiều lý do:

Theo sách Thuyết Văn, Nhất hay là Một dùng làm con số trước tiên chỉ đơn vị (*vi kỷ số chi thủy*). Nó tượng trưng cho một điều sơ khai vĩ đại, Đạo từ đó mà ra, rồi từ đó mới phân ra Trời và Đất, để hóa thành vạn vật. Chữ Nhất hay Một chính là nguồn gốc của vạn vật vậy! (*Duy sơ thái thủy, Đạo lập ư nhất, tạo phân thiên địa, hóa thành vạn vật. Nhất dã giả, vạn vật chi bản dã*). Theo Dịch lý, Nhất là Thái cực, rồi biến thành Lưỡng nghi tức là Âm Dương, rồi Tứ tượng, rồi Bát quái gồm tám quẻ, Bát quái phối hợp với Bát quái (8x8) thành 64 quẻ... từ 64 quẻ người ta có thể bói dịch ra vạn sự xảy ra...

Viết theo chữ Nho, chữ Nhất là một nét gạch ngang, khiến ai cũng nhớ được, nhưng thế mà cũng có những người ngu tối không nhận biết ra nó để có câu thành ngữ: *Dốt không biết chữ Nhất là một!*

Tuy chỉ là một nét ngang, chữ Nhất lại vô cùng khó viết bằng bút lông, viết vụng thì bèn ngó thành cái khúc cây, một đốt tre hay cái xương đùi gà. Trong thư pháp, thì thế bút khi viết chữ Nhất là bắt đầu bằng nét *"đốn"* tức là hơi đè ngọn bút rồi từ từ nhấc nó lên gọi là nét *"đề"* rồi chấm dứt cuối cùng lại bằng nét *"đốn"*. Người ta ví von rằng viết một nét vạch ngang như chữ Nhất phải khởi đầu với sức mạnh như chuyển núi mà lúc chấm dứt còn để lại dư hưởng dồn ở cuối nét thì mới gọi là tuyệt bút.

Chữ Nhất thông thường viết rất đơn sơ giản dị bằng một nét, nhưng trên văn tự, bằng khoán, giấy nợ thì chữ Nhất cũng như những chữ số khác thường phải viết với nhiều nét để tránh sự sửa chữa gian lận về sau.

Chữ Nhất phải viết với nhiều nét trên văn tự như sau: 壹

Cái nét ngang của chữ Nhất khi viết phối hợp với những chữ khác thì tùy theo vị trí trên hay dưới của nó để biểu diễn một hình thức tượng trưng khác nhau. Ví dụ trong chữ Thiên 天 là trời triết tự thành *Nhất Đại* 一大 *hay chữ Nhân có vạch Nhất trên đầu theo nét vẽ Cổ triện gói ghém ý nghĩa nói rằng trời là cái gì to lớn*

nhất hay là bầu trời nằm trên cao 天*.Còn trong chữ Lập* 立 *là đứng thì vẽ ra hình con người đứng trên mặt đất* 土 .

Ý niệm *đếm con số một* đối với nhân loại thời chưa có văn tự thật là khủng khiếp.

Làm sao con người Homo sapiens thuở ban sơ biết lấy mảnh đá chém vào thân cây một vạch hay lấy giây thắt nút một nút mà gọi đó là Một nhỉ? Con người thuở ấy có lẽ cho rằng tự thân mình là con số Một trước đã, rồi nhìn qua con người khác giống, đực cái đối nghịch, cơ phận sinh lý bên lồi bên lõm bèn nẩy ra ý niệm Hai, cũng như hiện tượng Ngày Đêm, Sáng Tối, Nóng Lạnh, Lửa Nước... Khi con người biết chữ Nhị 二 tức là có Âm Dương 陰陽 rồi. Rồi hai người gần gũi bèn nảy nở cảm tình, đó là chữ Nhân 仁 (viết với chữ Nhân 人 là hình người với hai vạch ngang là Nhị 二). Sách Thuyết văn giảng Nhân là thân ái (*Tương thân vị chi Nhân*). Tương thân là gần gũi thân nhau thì đem lòng yêu như lửa gần rơm ấy mà, để đi tới hiện tượng: *Thủy Hỏa tương giao sôi sình sịch, Âm Dương Nhị khí sướng làm sao!*

Rồi con người ngó lên trời, ngó xuống đất và thấy mình ở giữa nên nảy sinh ra con số Ba tức là Tam 三 (Tam tài là ba yếu tố căn bản: Thiên- Địa- Nhân)

Trạng tam nguyên và chữ Nhất

Cái ý niệm trên trên dưới dưới này khiến tôi nhớ lại trong kho tàng giai thoại Việt Nam, người ta thường vẫn truyền tụng rằng nhà bác học Lê Quí Đôn lại không nhìn ra chữ Nhất! Lê Quí Đôn người xã Duyên Hà, tỉnh Thái Bình, con của Tiến sĩ Thượng thư Lê Phú Thứ đời Dụ Tông. Lúc nhỏ, ông nổi tiếng thần đồng, 18 tuổi thi Hương đậu Giải Nguyên, 27 tuổi thi Hội, thi Đình đậu Tam Nguyên Bảng Nhãn. Vốn tính kiêu ngạo, nghĩ rằng mình thông suốt thiên kinh vạn quyển, nên sau khi đậu Trạng, ông cho treo ngoài cửa tấm bảng: "Thiên hạ nghi nhất tự lai vấn" nghĩa là ai có một chữ nào không biết thì lại mà hỏi! Gặp lúc ông cha Lê Phú Thứ qua đời, Lê Quí Đôn thường lên chùa cúng cầu siêu. Một hôm, ông vừa vào chùa thì sư cụ reo mừng nói: "May quá bần tăng có điều xin hỏi quan Bảng. Số là chú tiểu trong chùa vừa mới gặp một người ra câu đố mà chú chưa giải nổi. Bần tăng cũng bí nốt, vậy nhờ quan Bảng giải giúp. Câu đố như vầy: *'Thượng bất khả thượng, hạ bất khả hạ, chỉ nghi tại hạ, bất khả tại thượng.'* Nó chỉ có ý nghĩa rằng: Trên không thể trên, dưới chẳng thể dưới, chỉ nên ở dưới, không thể ở trên" Thưa quan Bảng, tại sao nghe sao kỳ quá vậy?"

Lê Quí Đôn suy nghĩ hồi lâu vẫn chưa giải nổi, thì chú tiểu chạy vào thưa:

"Bẩm quan lớn, ngài đã nghĩ ra chưa?"

"Chưa!"

"Vậy con mới nghĩ thế này, chẳng biết có phải không. Dạ bẩm, nó là chữ 'Nhất'! Thưa: *'Thượng bất khả thượng'* 上不可上 là trong chữ Thượng 上 thì chữ Nhất 一 nằm dưới; *'Hạ bất khả hạ'* 下不可下 là trong chữ Hạ 下 thì chữ Nhất 一 nằm trên! *'Chỉ nghi tại hạ* 止宜在下 là chữ Chỉ 止 và chữ Nghi 宜 thì chữ Nhất 一 nằm dưới; *'Bất khả tại thượng'* 不可在上 thì chữ Bất 不 và chữ Khả 可 thì chữ Nhất 一 nằm trên! Bẩm quan Bảng, câu đố này không đến nỗi khó phải không, vì con cũng nghĩ ra!"

Kể từ đó, học giả Tam Nguyên Bảng Nhãn Lê Quí Đôn biết mình kẹt do cái bảng "Thiên hạ nghi nhất tự lai vấn" vì bị thiên hạ dựa vào chữ Nhất mà nhạo mình, nên không dám treo cái bảng trước cửa nhà nữa.

Chữ Nhất thiên hình vạn trạng

Trong một cuốn tự điển Hán tự, riêng chữ Nhất có cả thẩy 67 nghĩa, phối hợp thành ba ngàn bốn trăm 17 thành ngữ. Trong một cuốn tự điển khác, chữ Nhất chiếm 923 trang nên có thể làm riêng một tự điển chuyên về chữ Nhất (theo sưu tầm của tác giả Wolfram Eberhard - A dictionary of Chinese Symbols) Thông thường thì chữ Nhất có ba nghĩa là:

1) Một - 2) In như nhau - 3) Tóm quát cả.

Sau đây là một vài thành ngữ hay vài câu thơ khởi đầu bằng chữ Nhất:

- *Nhất ẩm nhất trác giai do tiền định*
- *Nhất cử lưỡng tiện*
- *Nhất dĩ quán chi*
- *Nhất diệp tri thu (do câu thơ: Ngô đồng Nhất diệp lạc, Thiên hạ cộng tri thu)*
- *Nhất nam viết hữu thập nữ viết vô*
- *Nhất nghệ tinh nhất thân vinh*
- *Nhất ngôn dĩ vi trí*
- *Nhất ngôn ký xuất tứ mã nan truy*
- *Nhất ngôn trúng, vạn ngôn dụng*
- *Nhất nhật bất kiến như tam thu hề*
- *Nhất nhật chi kế tại ư dần; Nhất niên chi kế tại ư xuân*
- *Nhất phiến băng tâm tại ngọc hồ*
- *Nhất ty phù cửu đỉnh*
- *Nhất tiếu khuynh thành, tái tiếu khinh quốc*

- Nhất trường xuân mộng
- Nhất tự trị thiên kim
- Nhất tướng công thành vạn cốt khô...

Khóc bằng chữ Nhất

Trong giai thoại về chữ Nhất, chúng ta người Việt không thể không tự hào nhắc đến nhân vật Trạng nguyên Mạc Đĩnh Chi đời Trần Anh Tông đầu thế kỷ 14, hai lần đi sứ Trung Quốc đã thông minh mẫn tiệp ứng đối lanh lợi tài tình đến nỗi triều đình và vua nhà Nguyên phải kính nể và khen tặng là "Lưỡng Quốc Trạng Nguyên." Một hôm, nhân lễ điếu tang một bà công chúa, họ muốn thử tài của Trạng Mạc, họ mời Trạng đọc văn tế trên giấy chỉ ghi vỏn vẹn một chữ Nhất! Không một chút gì lúng túng, Trạng ta bèn ứng khẩu một bài thơ rất hoa mỹ để tán tụng về bà công chúa này như sau:

Thanh thiên *Nhất* đóa vân
Hồng lô *Nhất* điểm tuyết
Thượng uyển *Nhất* chi hoa
Dao trì *Nhất* phiến nguyệt

Y! vân tán, tuyết tiêu, hoa tàn, nguyệt khuyết!

Dịch nghĩa là:

Trời xanh một áng mây
Lò hồng một nụ tuyết
Thượng uyển một cành hoa
Dao trì một vầng nguyệt
Ôi! Mây tan, tuyết rã, nguyệt khuyết, hoa tàn!

Những cái Nhất trong ca dao

Trở về với văn chương ngạn ngữ ca dao quê

TRẦN HỒNG CHÂU

CHAMPAKA!

Người vũ nữ Chiêm Thành
da phấn điệp
tóc trầm hương
mình dây uốn lượn
như Vương quốc trải dài
trên chập chờn biển sóng

Ngón tay thon tròn
tháp ngà say
hoa đại trắng
Champaka! Champaka!
Trời nổi gió
hoa lan xa lan xa
trên chập chờn biển sóng
tay vốc trời xanh nặng bàng hoàng
mang về nhuốm đẹp bụi trần gian!

Người vũ nữ Chiêm Thành
đầu đội nước, bình linh diệu
như mười ngàn năm trước
người con gái sông Hằng
bước ra từ trang kinh Vệ đà
mình nhẹ mây chiều Hy Mã
như bốn ngàn năm trước
người con gái sông Hồng
bềnh bồng đồng thiếp cửa đền Hùng

Vũ hội hoa đăng Champaka!
hoa trên sông nước giăng giăng sầu
hoa trên mái đầu lời nguyện cầu xưa
có về không, Huyền Trân bên giàn hỏa
có về không, My Ê sóng thủy trầm?

Apsara Apsara!
hoa đại trắng!
tiên múa ngón hạc vàng
rắn lượn mình yêu nữ
vòng hồng ngọc rung rinh trăng nguyền ước
xiêm cầu vồng đê mê lòng thổ cẩm
có về không?
Indira
Po Naga
Thiên ý a na?

Chẩy vào điệu ngón yêu
hồn nở Champaka
chẩy vào nhịp chân mê
hồn nở Champaka!

Điệu nhạc lượn sóng
điệu nhạc quay cuồng
tháp xưa nghiêng ngửa
tượng sa thạch rùng mình
sông Đa Răng ngừng trôi giọt tủi hờn
khôn nguôi về Biển Đắng!
Champaka! Champaka!

Ghi chú: Champaka: hoa đại, còn gọi là bông sứ, cây hay trồng tại sân chùa, vốn là cây hoa biểu tượng của Chiêm Thành.

Apsara: nữ thần, vũ nữ trong huyền thoại Ấn Độ giáo.

hương Việt nam, chúng ta có những câu sau nhắc đến cái "Nhất" để phân ra thứ hạng:

Nói về người thì:

* *Nhất vợ nhì trời*

* *Nhất sĩ nhì nông, hết gạo chạy rông, Nhất nông nhì sĩ*

Nói về địa danh trong một giai đoạn lịch sử trước đây của giang sơn ta như:

* *Nhất cao là núi Tản viên,*

* *Nhất sâu là vũng Thủy tiên Cửa Vường*

* *Thứ nhất kinh kỳ, thứ nhì Phố Hiến*

* *Nhất Đồng Nai, nhì hai Huyện*

Nhân lịch sử triều đình nhà Nguyễn vào giai đoạn suy vi, ngoài thì thực dân Pháp áp chế, trong thì hai quyền thần Tôn Thất Thuyết và Nguyễn Văn Tường khuynh loát lập phế ngôi vua, dân Huế đã truyền tụng câu:

Nhất giang lưỡng quốc nan phân thuyết
Tứ nguyệt tam vương triệu bất tường.

Bài phú 52 chữ Nhất

Nhắc đến Huế vào khoảng giữa thế kỷ qua, hầu như tất cả dân cựu học sinh trường Quốc học Huế nổi danh lâu đời không thể nào quên được hình ảnh Cha J.M. Nguyễn văn Thích rất thông thái và đức độ dạy Hán văn. Nhưng đáng tiếc ít ai biết Cha Thích có một người cha rất thông thái từng làm Quản giáo đầu tiên của trường Quốc học Huế. Đó là cụ Tiểu Cao Nguyễn Văn Mại, từng để lại hai tác phẩm nôm và quốc ngữ quí giá là *Lô giang tiểu sử* và *Việt Nam Phong sử*. Điểm đáng nói nhất với chúng ta khi bút khảo về chữ Nhất là phải nhắc đến "Bài phú chữ Nhất" của cụ Tiểu Cao trong tập *Lô giang tiểu sử*. Trong bài phú này, có 52 chữ Nhất, chữ Nhất nào dùng cũng rất linh động mà tôi xin chép lại ra đây để đám hậu sinh chúng ta cùng thưởng thức và lưu trữ lại.

Bài phú chữ Nhất

Quyết hữu:
Nhất bán sơn nhân,
Nhất oa cư sĩ,
Nhất hương lô, *nhất* thư kỷ,
Nhất mai thê, *nhất* hạc tử.
Thời nga thi vận, *nhất* khi a thành,
Thời lộng cầm thanh, *nhất* đàn thập chỉ.
Thời phùng kỳ thủ, *nhất* trước bất thâu,
Thời dẫn hồ trường, *nhất* ẩm triếp túy.
Nhất canh, *nhất* mục, giai ngã hữu bằng,
Nhất tiêu, *nhất* ngư giai ngô đồng chí.
Nhất thôi, *nhất* lạp, thường đài bạch thạch chi trung

Nhất vịnh, *nhất* trường, tu trúc mậu lâm chi địa.

Chỉnh đốn càn khôn chi thủ, *nhất* hắc *nhất* khâu,

Tài bồi tạo hoá chi công, *nhất* hoa *nhất* hủy.

Nhất xoang xuân dục, *nhất* liên minh nguyệt thanh phong.

Nhất phiến nhàn tâm, *nhất* bức kỳ sơn tú thủy.

Vô *nhất* nghệ chi bất tinh,
Vô *nhất* nghệ chi khả nghị.
Nhất bút phán Xuân thu
Nhất ngôn cai phú tỷ,
Nhất hoạch tiên thiên chi Dịch, áo tận hy văn,
Nhất trung tuyển đạo chi Thư, học quy diêu tỷ.
Tịch quang thiên đạo, *nhất* âm *nhất* dương,
Tế sát huyền cơ, *nhất* thái *nhất* bỉ.
Ta ta:
Thời viễn *nhất* nguyên,
Vi phùng *nhất* trị.
Nhất trường oanh liệt, xuất nô nhập chủ chi nhân,
Nhất cuộc doanh du, bại liệt thắng ưu chi lý.
Nhất đạo thử ly mạch tiệm, không thán đô nhân.
Nhất phương lan tứ cúc phương, quyệt hoài bỉ mỹ.
Nhất qui vị phúc, Ngu công xa vọng tử tôn
Nhất thược tự đa, Hà bá mạn khoa khê chỉ
Hoà bình thậm xứ khán lai, *nhất* sát thần quân.
Minh hội đa thời vị kiến, *nhất* chân chủ tể.
Càn khôn vô hữu khiết khuyết xứ, bỉ *nhất* thời hà hựu thử *nhất* thời.
Thời thế vi tạo anh hùng da, *nhất* thế nhân chỉ liễu *nhất* thế sự.
Tán thương khuynh chi đại hạ, *nhất* mộc nan chi.,
Hoài vị tán chi tư văn, *nhất* tiền bất trị.
Thử sở dĩ:
Nhất tôn khuynh Bắc hải, hiệu Khổng văn
Cử chi phong lưu
Nhất mộng tỉnh Nam kha, lậu Thuần Vu
Phần chi phú quý. Giả hỉ.

Bài phú này được chính tác giả Tiểu Cao dịch ý thanh thoát ra thể lục bát nhưng về sau được Cha Thích dịch ra thể phú bằng chữ quốc ngữ như sau với đặc điểm kê đây đủ các chữ Nhất trong nguyên tác ra chữ *Một* trong

bản dịch:

Nay có:

Một mé sơn lâm,

Một nhà dật khách.

Một lò hương, *một* án sách.

Một vợ mai, *Một* con hạc

Khi vui ngâm vịnh, miệng đọc *một* hơi.

Khi hứng xướng họa, tay đàn *một* phách,

Khi cờ *một* cuộc, gặp đánh quên thua,

Khi rượu *một* bầu, đã say còn xách.

Một canh, *một* mục, bầu bạn ta chơi,

Một tiều *một* ngư, tính tình ta thích.

Thong thả *một* câu, *một* chén, trong nơi rừng rậm tre dầy

Tênh tang *một* nón, *một* tơi, giữa chốn rêu xanh đá bạc.

Chăm việc tài bồi tạo hóa, *một* cụm *một* cây.

Ra ta chỉnh đốn càn khôn, *một* gò *một* hác,

Một bầu xuân ấm, *một* rèm gió mát trăng thanh,

Một tấm lòng nhàn, *một* bức non xanh nước biếc

Một nghề đã tinh

Một kinh lẩu hết.

Phú tỷ tóm *một* lời,

Xuân thu phê *một* nét.

Một chữ trung truyền đạo, nhiệm thấu kinh Thư.

Một nét gạch trước trời, nghĩa tinh sách Dịch.

Một thái *một* bỉ, máy nhiệm khôn dò,

Một âm *một* dương, đạo trời thẩm xét.

Ôi ôi!

Một nguyên đã xa,

Một trị khó quyết.

Một trường oanh liệt, cũng người: ra tớ vào thầy,

Một cuộc tranh đua, cái lý: mạnh hơn yếu thiệt!

Một mạch lúa um ngô tốt, chạnh nhớ cảnh xưa.

Một phương lan tốt, cúc thơm, ngùi trông người triết.

Một trạc chưa đổ, Ngu công còn đợi cháu con,

Một gáo tưởng đầy, Hà Bá cũng khoe khe thác.

Hòa bình mong mãi, thử xem *một* vị cầm cân,

Minh hội sắp hoài, chưa thấy *một* ai chủ tịch.

Càn khôn không nơi sứt mẻ chú, đó *một* thuở sao đây cũng *một* thời,

Thời thế chưa tạo anh hùng chăng, sống *một* đời chỉ làm xong *một* việc.

Còn trơ *một* cội, than thay nhà lớn toan xiêu,

Chẳng đáng *một* đồng, ôm lấy văn xưa còn tiếc.

Vậy cho nên:

Một bầu nghiêng Bắc hải, phong lưu ta cũng gọi là!

Một giấc tỉnh Nam kha, phú quí ai chăng có biết?

Bài Phú chữ Nhất trên của cụ Tiểu Cao Nguyễn Văn Mại đọc lên, chúng ta thấy cốt cách của người quân tử, vụ lấy sự tiêu dao nhàn tản làm điều hạnh phúc. Nếu không có bản dịch quốc ngữ tài tình của Cha Thích, kẻ hậu sinh mù tịt Hán tự có lẽ không thấu triệt cái thâm thúy của nguyên tác Hán văn.

Cũng là với chữ Nhất thế mà trong câu đối nôm của Cao Bá Quát (?) lại tả cảnh thầy đồ nghèo ngồi dạy học với hai vế ngộ nghĩnh khôi hài sau:

Nhà trống ba gian, một thầy, một cô, một chó cái

Học trò dăm đứa, nửa người, nửa ngợm, nửa đười ươi

Trị số của chữ Nhất

Bây giờ ta thử tìm hiểu Trị số của con số Một trong văn chương như thế nào?

Cái trị số này vô chừng, có thể là rất nhỏ mà có thể rất lớn vì ứng dụng trong chữ nghĩa văn chương, người ta theo tinh thần tỷ giảo so sánh, nhiều hơn là theo nghĩa tuyệt đối của số học. Vì nói trong thơ văn, nên người ta nói theo vần cho thuận khẩu, thuận nhĩ.

Ví dụ nói theo chữ Nho thì: Nhất bản, vạn lợi! (1= 10,000) nhưng khi nói theo Việt thì : Một vốn, bốn lời (1= 4). Trong tục ngữ phong dao Việt Nam, có hằng trăm, hằng ngàn câu tỷ giảo lấy số Một làm chuẩn nhưng trị số lại thay đổi luôn luôn. Sự thay đổi này nằm trong ý nghĩa về phong tục và văn hoá. Ví dụ:

Một công, một của bằng nhau.

Một đồng cũng đỡ một đồng.

Một mặt người, mười mặt của.

Một tiền gà, ba tiền thóc.

Một sợi râu, một xâu bánh.

Một đêm nằm, một năm ở.

Một chữ ông Thánh bằng gánh vàng.

Một lạy sống bằng đống lạy chết.

Một con so lo bằng mười con rạ.

Một điều nói dối, xám hối bảy ngày.
Một kho vàng không bằng một nang chữ.

Từ 600 đồng đến một trăm lẻ một con chim

Nhân nói trị giá con số Một, ta không thể nhắc đến câu ca dao về chuyện một phụ nữ Việt Nam ngày xưa mang Một quan tiền đi chợ. Vì là tính toán tiền bạc, nên phải tính thực chính xác. Muốn hiểu câu này, chúng ta phải hiểu hệ thống tiền tệ ngày xưa như sau: cứ một quan tiền là một xâu 600 đồng. Một quan là 10 tiền, một tiền là 60 đồng tiền. Vậy mời quí bạn cùng tôi hãy tính ra con số dùm cho nàng con gái trong ca dao:

Một quan tiền tốt mang đi **600 đồng**
Nàng mua những gì mà tính chẳng ra?
Thoạt tiên mua ba tiền gà *180 đồng*
Tiền rưỡi gạo nếp với ba đồng trầu *93 đồng*
Trở lại mua sáu đồng cau *6 đồng*
Tiền rưỡi miếng thịt giá rau mườiđồng *100 đồng*
Có gì mà tính chẳng thông?
Tiền rưỡi gạo tẻ sáu đồng chè tươi *96 đồng*
Ba mươi đồng rượu chàng ơi *30 đồng*
Ba mươi đồng mật, hai mươi đồng vàng *50 đồng*
Hai chén nước mắm rõ ràng
Hai bảy mười bốn kẻo chàng hồ nghi *14 đồng*
Hăm mốt đồng bột nấu chè *21 đồng*
Mười đồng nải chuối... *10 đồng*
...chẵn thì Một quan **600 đồng**

Cũng trong giai thoại tính toán liên quan con số Một, chúng ta cũng nên nhắc đến chuyện của ông Nghè Nguyễn Quí Tân làm bài thơ đề lạc khoản vịnh một bức tranh "Nhất ô bách tước" vẽ một con quạ và 100 con chim sẻ của một ông quan Thượng. Bài thơ vịnh phải nói lên đủ một trăm lẻ một con chim! Ông Nghè Tân bèn xin cho một bình rượu đầy. Xong rồi, ông rót một chén thứ nhất để uống tợp một hơi và viết: Nhất chích (Một con!). Uống xong chén thứ hai, ông lại viết: Nhất chích (Một con!). Uống chén thứ ba, ông viết: Hựu Nhất chích (Lại một con!)... Ông quan Thượng có vẻ sốt ruột vì nghĩ rằng cứ điệu này thì... phải 101 chén mới đủ 101 con sao? Đến đây, ông Nghè tu cả bình xong rồi đặt bút viết: "Tam tứ ngũ lục thất bát chích" (Ba, bốn, năm, sáu, bẩy, tám con).

Ông quan Thượng bèn hỏi:

"Như vậy... mới có tám con thôi sao?"

Nghè Tân bèn đáp:

"Cam đoan đủ 101 con mà! Này nhé Nhất chích, nhất chích, hựu nhất chích tức là ba con! Tam tứ (3x4) là 12 con! Ngũ lục (5x6) là 30 con! Thất bát (7x8) là 56 con! Như vậy thì tổng cộng là 3+ 12+ 30+ 56 = 101 con!"

Tính xong, Nghè Tân xin thêm một bình rượu khác rồi uống hết mới thủng thỉnh viết tiếp:

"Hà ô chi thiểu, điểu chi đa...
Thực tận nhân gian thiên vạn thạch?"

Ý nghĩa là: Cớ sao ít quạ lại nhiều chim, Ăn hết nhân gian nghìn vạn hộc?

Ông Nghè Tân vốn làm quan rất thanh liêm nên vua Thiệu trị triều Nguyễn chọn ông làm thanh tra các hàng quan lại. Ông thấy quan lại thời đó thường nhũng nhiễu tham ô, nên ông thường ví họ như một con chim quạ (cũng gọi là Ô) tuy là thiểu số so với trăm dân trong nước nhưng ăn hại lại rất nhiều! Do đó, ông mới chua chát mà viết như trên.

Cả bài thơ vịnh tranh Nhất ô bách điểu viết như sau:

Nhất chích nhất chích hựu nhất chích
Tam tứ ngũ lục thất bát chích
Hà ô chi thiểu, điểu chi đa
Thực tận nhân gian thiên vạn thạch
一隻一隻又一隻
三四五六七八隻
何烏之少鳥之多
食盡人間千萬石
Một con một con lại một con
Ba bốn năm sáu bẩy tám con
Cớ sao quạ ít chim nhiều vậy
Ăn thóc nhân gian sạch hết trơn!

Chim quạ gọi là Ô (烏). Dơ bẩn và ăn hối lộ cũng gọi là Ô (污), hai chữ Ô đồng âm nhưng dị nghĩa.

Những câu hát kể lể ví von

Trong ca dao Việt Nam, chúng ta lại nhận xét rằng thường có những câu nói để kê khai kể lể bắt đầu bằng số Một kiểu *Mười Thương: Một thương tóc bỏ đuôi gà, Hai thương ăn nói mặn mà có duyên* ... Lối nói này thường có giọng huê tình vì khi yêu thì ngôn bất tận ý, cứ thích cà kê dê ngỗng, nói hoài nói hủy quên thôi.

Ví dụ như vài câu sau:

Một yêu em gửi miếng trầu
Hai yêu em gửi áo nâu về nhà
Ba yêu em gửi áo hoa
Bốn yêu em gửi thư nhà cho anh.
Năm yêu em gửi quạt xanh

Sáu yêu em gửi một cành kim thoa
Bẩy yêu em gửi khăn là
Tám yêu em gửi cành hoa cho chàng.
Chín yêu em chỉ lấy chàng mà thôi.
hay:
Một yêu khăn lượt vành dây
Hai yêu anh có đôi giầy đi chân
Ba yêu cát bá may quần
Bốn yêu nhiễu tím may chăn đắp cùng
Năm yêu yêu lạ yêu lùng
Sáu yêu yêu cả vui chung một nhà
Bảy yêu yêu thật yêu thà
Tám yêu, yêu bác mẹ cha sinh thành
Chín yêu, yêu chị, yêu anh
Mười yêu, yêu cả chung quanh xóm làng
hoặc:
Một tình thiếp giữ lời thề
Hai tình chờ đợi đêm khuya lạnh lùng.
Ba tình gánh cát bể Đông
Bốn tình chờ đợi tơ hồng khéo xe
Năm tình mọi hội mọi hè
Sáu tình chỉ quyết xe tơ đá vàng
Bảy tình bia tạc bảng vàng
Tám tình em quyết lấy chàng, chàng ơi
Chín tình nhớ mãi không nguôi
Mười tình tính chẳng sang chơi với tình
Tình còn vướng nợ ba sinh
Tình ơi có gỡ cho tình mấy không
Chăn tình tình đắp mùa đông
Áo tình tình mặc cho xong mùa hè
Tay tình tình vốn ngồi kề
Chân tình tình vẫn đi về sớm trưa
Nón tình tình đội cũng vừa
*Ông Tơ bà Nguyệt khéo lừa * đôi ta.*

(* chú thích của người viết: "lừa" đọc theo âm Nghệ Tĩnh đây không có nghĩa là "lừa gạt" mà nghĩa là "lựa chọn"!)

Chữ "Một" lơ lửng trong cạm bẫy chữ nghĩa văn chương

Cõi văn chương là một khu rừng trừu tượng mênh mông khiến con người dễ lạc khi bước vào. Một Hồ Dzếnh há chẳng viết:

Em cứ hẹn nhưng đừng đến nhé...
...
Thơ viết đừng xong, thuyền xuôi chớ đỗ
Cho ngàn xưa lơ lửng với ngàn sau...

Cái mắt của thi nhân không ngó một cách cụ thể chính xác như người thường "một là một," một cái "một bất khả phân." Ví dụ như chàng thơ Trụ Vũ sau:

Sợi tóc của người thương,
Dài cỡ chừng nửa thước
Một đầu mang địa ngục,
Một đầu mang thiên đường!

Cõi văn chương thường là một nơi đầy cạm bẫy đối với những kẻ ngu ngơ không tế nhị! Thi sĩ ngó "một" bỗng thành hai như anh em nhà họ Đoàn sau:

Ông anh Đoàn Luân thấy em soi gương bèn đọc:

Đối kính họa mi, nhất điểm phiên thành lưỡng điểm

Cô em Đoàn Thị Điểm đối lại ngay:

Lâm trì ngoạn nguyệt, chích luân chuyển tác song luân.

Cái hiện tượng điệu nghệ: *Vầng trăng ai xẻ làm đôi!* trong Kiều hay lối hỏi ỡm ờ của Bàng Bá Lân: *Sao cô múc ánh trăng vàng đổ đi!* đương nhiên không phải là cái nhìn của một

DU TỬ LÊ

CHIỀU KIỄNG CHÂN NHÌN: TÔI ĐI QUA

và, cb.minh, nh.phương

ồ, chữ nghĩa: quê hương cảm xúc
cũng như người: tổ quốc ta / xa
phố nhón gót, thèm mây bát ngát
chiều kiễng chân nhìn:
- tôi đi qua.

EM LỬA NGỌN: TÀN TRO ĐỜI SỐNG, KHÁC

đi, /như sóng, /giữa mùi hương tóc ngắn/
rất xa bờ,
nỗi nhớ nhung chia, ly.

đi, /như biển,/ ngang luống đời bất trắc
những con đường lôi tuột tháng,
năm theo.

đi, /như lá,/ ly thân cùng diệp tố
quá lao lung /thời tiết, ngón tay, mưa/
em lửa ngọn: tàn tro đời sống, khác
sôi trên tay. Ấm nước, phỏng
đi, về.

(12/97 - 4/01)

vật lý gia!

Cái cách chơi văn giỡn chữ của Tú Quỳ lỡm người bạn chột một mắt làm quan võ không còn là lời chế nhạo phàm tục mà biến thành một tuyệt cú văn chương:

Đề binh khiển tướng thiếu chi người
Nhắm lại anh hùng có một ngươi!

Trong cõi thơ văn Việt Nam, chữ "Một" không còn mang ý nghĩa thông thường của nó nữa. Cũng một học giả Đào Duy Anh, khi giảng về chữ Nhất trong cuốn Hán Việt tự điển của ông thì chỉ nói đến ba nghĩa là: 1) Một 2) In như nhau 3) Tóm quát cả. Thế mà khi làm cuốn Từ điển Kiều, ông đã tìm ra trong truyện Kiều của thi hào Nguyễn Du đến sáu cách dùng chữ Một!

Theo Nguyễn Văn Tuấn trong bài "Đọc truyện Kiều bằng Thống kê học" (Thế Kỷ 21, số 141 Giêng 2001), *"Truyện Kiều gồm có 3254 câu thơ lục bát (sáu tám), với đúng 22.778 chữ. Tuy nhiên, toàn truyện chỉ dùng có 2.207 từ đơn duy nhất. Nói một cách khác, có một số chữ được lặp lại (repetition) nhiều lần... Những chữ được dùng nhiều nhất là một (321 lần), đã (262), người (224), nàng (199), lòng (174), lời (173), v.v..."*

Trong Từ điển Kiều, tác giả họ Đào chỉ đếm 307 lần dùng chữ Một và ông phân loại tùy theo ý nghĩa của chữ Một với những ví dụ như sau:

1. Con số (196 lần) Vd: Trải qua một cuộc bể dâu; Một trai con thứ rốt lòng; Một hai nghiêng nước nghiêng thành...

2. Nghĩa như "Cùng một" (tám lần) Vd: Cũng người một hội một thuyền đâu xa...

3. Có nghĩa "phải cho được" (một lần) trong câu: Còn tôi, tôi một gặp nàng mới thôi

4. Có nghĩa "như cả" (34 lần). Vd: Nổi danh tài sắc một thì; Một vùng cỏ áy bóng tà; Một nhà ai cũng lạ lùng khen lao...

5. Có nghĩa là "chỉ một"(47 lần). Vd: Một mình lặng ngắm bóng nga; Một mình mình biết, một mình mình hay

6. Từ "Một" dùng trùng điệp có nghĩa:

- chỉ hai hiện tượng xảy ra đồng thời hay liên tiếp (6 lần). Vd: Ngại ngùng một bước một xa; Lòng quê đi một bước đường một đau; Bước ra một bước một dừng.

- Chỉ tình hình càng thêm dần (12 lần). Vd: Một lời là một vận vào khó nghe; Một giây một buộc ai dằng cho ra...

- Có khi trốn chữ " Một" đầu (3 lần). Vd: Tin nhà ngày một vắng tin; Ruột tằm ngày một héo hon, Tuyết sương ngày một hao mòn mình ve.

Trong cõi văn chương đôi khi có những cái bất ngờ như trong một bài thơ, nhiều khi cái hay của toàn bài bỗng trổi bật lên bằng một chữ vì đã gieo nó vào đắc địa như trường hợp của bài thơ sau của thiền sư Mãn giác vào đời Lý cuối thế kỷ XI:

Cáo tật thị chúng

Xuân khứ, bách hoa lạc,
Xuân đáo, bách hoa khai,
Sự chục nhỡn tiền quá,
Lão tòng đầu thượng lai.
Mạc vị xuân tàn hoa lạc tận,
Đình tiền tạc dạ nhất chi mai.

Ngô Tất Tố dịch ra thơ Việt như sau:

Có bệnh bảo với mọi người

Xuân trỗi, trăm hoa rụng
Xuân tới, trăm hoa cười,
Trước mắt việc đi mãi,
Trên đầu già đến rồi.
Đừng tưởng xuân tàn hoa rụng hết,
Đêm qua sân trước một cành mai.

Cái hay của toàn bài dồn vào câu cuối: Đình tiền tạc dạ nhất chi mai (Đêm qua sân trước một cành mai) qua trọng lượng của chữ Nhất!

Chuyện văn chương chữ nghĩa với chữ Nhất hay con số Một còn rất nhiều khía cạnh khác để nói mà tôi e rằng trang giấy nhỏ hẹp này không cho nói rốt ráo hết được. Bây giờ tôi mới hiểu con người chúng ta ai mà dám nói hiểu được hoàn toàn chữ Nhất. Và tôi nghĩ thật là chí lý về câu ngạn ngữ Pháp: "Tôi kính sợ một con người chỉ đọc Một sách" (hình như nguyên văn: Je crains l'homme d'un livre). Đương nhiên ta không nên hiểu cái nghĩa nhỏ hẹp, trong biển học vô bờ bến mà chỉ đọc một pho sách cho dù là sách đầy tới đâu thì đâu phải là người thông đạt! Nhưng trên thực tế, riêng một cuốn Kiều mà đọc thật rốt ráo như ông Đào Duy Anh thì thật là đáng sợ! Ngôn ngữ Việt Nam phát triển đến mức thượng thừa và cô đọng nhiều tinh túy như thơ Kiều vào đầu thế kỷ 19 quả là đáng cho người Việt tự hào. Nếu ta cho rằng Chữ Nhất quả là vô thủy vô chung thì thấu hiểu được chữ Nhất quả là ta đạt được Đạo rồi. Để kết luận bài bút khảo này, tôi xin trân trọng nói: Tôi kính sợ con người hiểu chữ Nhất!

ÁO GẤM VỀ LÀNG

TRẦN YÊN HÒA

Phải trở về quê một chuyến xem thử chỗ ngồi bên gốc cây bàng trong khuôn viên chợ Quán Rường nay có còn không? Chắc còn, và chẳng có gì thay đổi. Bởi vì Hạo đã ngồi ở đó suốt mười hai năm, ngày ngày ngắm ông đi qua bà đi lại, mỗi khi có ai xe đạp bị hư, bể ruột, cong niềng, trật ốc, dắt lại sửa thì anh mừng húm lên, bởi vì anh sẽ có được chút tiền công mang về cho ba đứa con đang đợi ở nhà. Từ ngày ra khỏi trại tập trung, Hạo trở về đây, ngồi dưới gốc cây bàng nầy, sửa xe đạp. Dù ai có nói ra nói vào, "cha Hạo đã một thời là thiếu tá, từng làm tiểu đoàn trưởng chỉ huy lính đánh địch kinh hoàng, từng một thời có xe díp cần câu, có cận vệ chạy rần trời, thế mà nay thất thế, mười năm ở tù về, chả lại dám ngồi dưới gốc cây bàng sửa xe, thằng cha khùng, làm mất mặt bầu cua sĩ quan," Hạo nghĩ, "có gì mà mất mặt, đi ở tù, hốt phân tươi tưới rau, dòi bọ bò lổn ngổn, đi đốn gỗ, cuốc đất, tăng gia rau xanh, làm 'tà lọt' cho vệ binh, cho quản giáo, suốt mười năm, mà chả có lấy một xu tiền công, còn ăn đói nhịn khát, mặc rách. Bây giờ về, làm việc để kiếm miếng cơm chứ có gì mà mắc cỡ." Có người cho Hạo đã bị khùng nặng, ngơ ngơ ngác ngác. Họ cho rằng, sau khi đi tù về, vợ đã đi theo người khác, Hạo phải nuôi ba đứa con, nên Hạo bị "mát dây" là chuyện bình thường. Hạo lại nghĩ khác. Mình làm ăn lương thiện thôi, đem mồ hôi đổi lấy bát cơm, có gì mà mặc cảm.

Bây giờ thì anh quyết định trở về thăm quê, sau năm năm ở Mỹ. Các con anh đã lớn, đã đi làm, anh an tâm và thấy mình may mắn. Năm năm anh đã trút bỏ đi một phần cái thân thể gầy còm ốm nhách của ngày ra đi. Anh đã mập lên, nước da hồng hào hơn, phổng phao hơn. Người ta nói vật chất đã làm thay đổi con người, đúng vậy, dinh dưỡng đầy đủ của xứ Mỹ đã biến anh ra một con người khác. Anh đã làm hết bổn phận với các con, nay anh phải tự lo lấy phần đời còn lại, cho nên anh dự định, sẽ tìm về quê, thăm mồ mả cha mẹ, ông bà, tổ tiên, nhưng cốt lõi trong lòng anh là muốn về quê cưới một người vợ, rồi sẽ bảo lãnh vợ sang đây sống cùng anh, cho đời anh đỡ đi phần hiu hắt.

Hạo đi chuyến bay China Airline, mang theo hai vali quần áo cũ mà các con đã thu mua ở chợ trời, định sẽ đem về cho bà con ở quê nhà, cùng với bảy ngàn đồng anh gom góp để dành suốt mấy năm ròng. Anh nghĩ mình sẽ chi tiêu dè xẻn, cho anh cho chị, cho bà con mỗi người một ít, còn lại anh sẽ làm mộ cho cha mẹ anh thật tươm tất. Và khi kiếm được người đàn bà nào vừa ý như người chị hứa sẽ dắt cho anh xem mặt mấy mối, anh sẽ đem số tiền còn lại làm quà cưới, tiệc cưới, chắc cũng tạm đủ, vì quê anh là một xóm quê nghèo, cuộc sống lam lũ, dân chúng không ăn xài bao nhiêu.

Chị Nhường đón anh ở sân bay Tân Sơn Nhất với nước mắt đầm đìa. Tánh của chị anh thật giống mẹ anh ngày xưa, ngày anh đi lính, đi hành quân, lúc nào mẹ cũng cúng vái khấn nguyện, và cuối cùng là khóc. Nước mắt vui, nước mắt buồn đều có cả. Bây giờ mẹ mất rồi mẹ để lại cho chị Nhường hồ nước mắt ấy. Ngày anh cùng các con khăn gói đi Mỹ, chị khóc, bây giờ anh trở về thăm chị, chị cũng khóc.

Anh loay hoay với mớ hành lý đem về. Ở trên phi cơ, bà con đi về kháo nhau, cửa hải quan nầy cho 5 đô, cửa công an kia cho 5 đô, cứ thế coi như đấm nắm xôi vào miệng chúng cho qua truông suông sẻ. Hạo cũng làm theo, nhưng anh không ngờ bọn cò mồi đứng chỗ lấy hàng, bọn nó chỉ lấy tay chỉ chỏ hay lấy tay xách hành lý cho khách mà không ai nhờ, cuối cùng thì bọn chúng xin tiền, anh phải móc hầu bao nhưng lòng cứ ấm ức. Đến khi đẩy xe ra cửa phi trường Hạo mới thấy như thoát nợ. Chị Nhường nhận ra Hạo ngay khi anh vừa mới ra khỏi khu cách ly. Chị vẫy tay lia lịa và

kêu: "Hạo, Hạo, cậu Hạo."

Hạo đến chỗ chị và ôm lấy chị. Năm năm mà chị già đi quá, mái tóc lưa thưa bạc, mắt có những vết nhăn, anh ứa nước mắt, chị khóc. Hai chị em đi ra chỗ chiếc taxi đã được chị thuê đậu phía bên ngoài. Hai chị em về khách sạn nghỉ một đêm, ngày mai mới đáp xe tốc hành thuê bao về quê nhà.

Ngày Hạo đi quê của anh nghèo khổ, nay anh trở về quê vẫn không thay đổi gì mấy. Hai cây cầu có tên"Cầu Lỡ" vẫn lồi lõm từng nhịp, xe chạy qua gập ghềnh như đi xiếc. Đã hai mươi lăm năm gọi là hoà bình và tái thiết đất nước mà những vết tích của chiến tranh, bom đạn và nghèo khổ vẫn trùm lên mỗi thân phận con người. Dọc đường từ ngã ba Chiên Đàn lên đến chợ Quán Rường, người dân đi bộ, đội những mớ rau, củ sắn từ miền quê xa xuống chợ bán vẫn còn. Đây là hình ảnh mà ngày nhỏ, cách đây cũng ba bốn mươi năm, ngày anh còn là cậu học trò đi học ở trường Chiên Đàn anh đã thấy. Hình ảnh những người dân quê còm cõi đó vẫn ăn sâu vào lòng anh như một tì vết của nghèo khổ. Anh đã từng cạn kiệt sức sống trong những trại tập trung, đã từng lê tấm thân ngồi nơi gốc bàng vá từng lỗ vá ruột xe đạp để kiếm miếng cơm củ khoai về nuôi con, nên anh biết rõ một điều là ai cũng mong có cơm ăn áo mặc, mà đến ngày nay xem ra ước mơ ấy cũng chưa đạt được.

Xe chạy về đến nhà chị Nhường thì trời cũng quá trưa. Đi một đoạn đường dài mất một ngày một đêm mới tới. Các con cháu của chị Nhường đứng ở sân nhà chờ đợi. Chị Nhường con đông đến bảy đứa, có mấy đứa lớn có vợ, có chồng, có con, tay bồng tay bế đứng nơi sân đợi. Và cả bà con lối xóm nữa. Họ đứng lố nhố chung quanh sân. Chắc là họ muốn nhìn một người đi Mỹ trở về ra sao? Một người mà cách đây năm bảy năm còn ngồi bên gốc bàng sửa xe đạp, ốm o gầy mòn, bây giờ đã thay da đổi thịt, đã phổng phao thấy rõ. Một người mà cách đây mười năm theo lệnh của công an xã, nhân dân đã tụ họp ra ngoài trụ sở uỷ ban để "giải chế" cho. Có nhiều ý kiến nói ra nói vào về "tội ác ngày xưa" của Hạo, khi anh còn làm tiểu đoàn trưởng. Nhưng cuối cùng thì theo "ý dân," anh được giải chế, nghĩa là chính quyền không còn quản chế anh nữa. Nay thì cũng đám dân đó đứng trước sân nhà anh đợi anh về, ngoắc tay, kêu lớn tiếng, "anh Hạo ở Mỹ về đó hả, anh khoẻ ghê he."

Hạo nói chị Nhượng chia phần cho những người bà con thân sơ, mỗi người một lọ dầu gió xanh, năm chục ngàn bạc VN, và một số quần áo cũ mà các con anh đã tìm mua ở chợ trời hay các tiệm Goodwill. Với bấy nhiêu thôi, Hạo đã được tiếng đồn lành "ông Hạo mới năm năm đi Mỹ, về mua quà cho cả làng." Ngày trước cách đây mười mấy năm chứ có đâu xa, ngày Hạo được kêu lên xã "giải chế," trong một đêm tối trời trong hội trường tỏa sáng ánh đèn măng sông, cũng những người dân kia đã dơ tay cao, đã phát biểu những lời độc địa "ông Hạo thuộc thành phần ngụy dữ dằn, đã từng làm tiểu đoàn trưởng, chỉ huy quân ngụy đi càn biết bao nhiêu trận, có tội rất lớn đối với nhân dân và cách mạng." Câu nói như một vết chém đâm ngập vào tim Hạo, làm tâm hồn anh tê điếng, ám ảnh Hạo suốt mấy năm ròng.

Cũng những người đó hôm nay đến đây thăm anh, ai nhìn anh cũng khen anh khoẻ mạnh, mập ra, da thịt hồng hào. Thì ra cơm gạo tư bản dư dã quá, xứ sở người ta văn minh tiến bộ quá, còn xứ sở mình thì đã hai mươi năm "giải phóng" mà người dân vẫn ăn đói mặc rách. Hạo nghĩ, nếu không có cuộc ra đi thì chắc anh vẫn mãi ngồi bên gốc cây bàng vá từng lỗ vá ruột xe đạp kiếm ăn, các con anh vẫn phải đi bán cà rem dạo hay bán trà đá dạo, chứ có bao giờ nghĩ chúng sẽ được đi học đàng hoàng.

Chị Tửu, một phụ nữ từng bỏ làng nhảy núi ngày chiến tranh, đã từng là trung đội trưởng du kích xã, từng bị thương mất đi một mắt, bây giờ phục viên trở về làm ruộng, bị thiếu ăn, đói lên đói xuống, bế đứa con gái ba tuổi đến nhà Hạo thăm. Từ đàng xa chị Tửu đã lên tiếng :

"Nghe nói anh Hạo từ Mỹ về, tôi ghé thăm anh chút, ai cũng đồn về anh."

"Đồn gì vậy chị Tửu."

"Thì nói anh khoẻ mạnh, lột xác cũ đi."

"Vậy còn chị thế nào, nay có khá không?"

"Khá gì mà khá, đói rã ra anh ơi. Từ ngày anh đi Mỹ tôi cũng nghỉ việc luôn, anh nghĩ tôi tàn tật như vầy mà còn lao động gì được nữa, thế mà tôi có được cấp dưỡng gì đâu."

Anh chạnh nhớ đến chị Tửu ngày anh ra xã "giải chế," Tửu đã đứng lên phát biểu "Với sự khoan hồng của cách mạng, xin chính quyền xã thôi không quản chế anh Hạo nữa," điều nầy Hạo mang ơn chị Tửu. Dù gì thì trong những lúc anh bị mọi phía xô anh xuống dưới bùn

đen mà có người kéo anh lên. Hôm nay để đền bù lại tấm lòng ấy, cùng với lòng muốn cứu giúp một người hàng xóm trong cơn ngặt nghèo, anh lấy cho Tửu những món quà anh đem về và anh cho riêng Tửu 100 đô la. Chị Tửu không ngờ mình được cho nhiều như vậy, chị quỳ xuống níu lấy tay Hạo:

"Tôi không biết lấy gì để cảm ơn anh đây, quý hóa quá, quý hoá quá."

Đến ngày thứ năm thì Hạo mệt mỏi quá rồi. Anh định về quê chơi một tháng để nghỉ dưỡng sức rồi qua lại Mỹ tiếp tục "cày." Nhưng cái mục tiếp khách nầy anh thấy quá mệt, những người ở đâu rất xa nghe anh về cũng ghé thăm để được anh cho một lọ dầu, một ít áo quần cũ. Thì ra, tiếng lành thì đồn xa, cứ cái đà nầy, mỗi người đến thăm anh, anh tiếp khoản hai mươi phút thì anh cũng mệt ứ hơi rồi, huống hồ gì có người ngồi hỏi anh đủ thứ chuyện. Anh qua Mỹ mới năm sáu năm, mà cả ngày quần quật trong hãng làm việc, có hôm hãng cho làm *over time* thì anh đi từ sáng sớm đến tối mịt mới về nhà, chẳng biết trời trăng mây nước gì cả, về đến nhà cũng không buồn mở tivi. Ở trong hãng anh làm assembly, nghĩa là công việc sai đâu làm đó, sợ từ người chủ đến superviser, sợ sẽ không được lòng họ, sẽ không được lên lương, không được kêu làm thêm giờ. Anh nhiều lúc tự cười với chính mình, tưởng qua Mỹ làm quan làm tướng gì, lại phải chun vào làm công nhân cấp thấp. Sợ mất việc, sợ xếp không vui nên ai cũng phải nói cười hỷ hả trong những lúc, những chuyện không đáng cười chút nào. Xếp đặt đâu làm đó, nhiều khi lại phải nói đệm thêm những câu cho xếp vui lòng. Anh chợt nhớ đến ngày anh còn làm tiểu đoàn trưởng, lúc còn "hét ra lửa," bọn lính thấy anh là sợ xếp vó, đang vui đùa, cười nói đó, thấy anh lại im ngay, họ phải vui theo cái vui của anh, buồn theo cái buồn của anh, quyền lực và đồng tiền vẫn ngự trị mãi trên đời nầy. Cuộc sống cứ như là một cái bóng, ở đầu nầy thì thấy đầu kia cao lớn, ở đầu kia thì nhìn ngược lại.

Nhân lễ cúng ông bà ngày Hạo về cũng như cúng hai ngôi mộ cha mẹ anh vừa mới xây, anh đưa 500 đô cho chị Nhượng lo liệu mộ bữa tiệc mời dân cả xã đến dự. Chị Nhường đã thuê hai cây dù lớn, che rợp cả một khoảng sân và cả khu vườn, cùng thuê bàn ghế kê san sát để tiếp đãi khách. Trong lòng Hạo coi đây là một lễ tạ ơn, tạ ơn cha mẹ, ông bà, đã cho gia đình anh được đi Mỹ, con cái có tương lai và đời sống chính anh được sung túc hơn, với lại trong thâm tâm, anh cũng muốn nở mày nở mặt với bà con lối xóm. Từ ngày đứt phim, gia đình anh tan hoang, anh em đều đi tù, đều bị đày đoạ. Nhưng bây giờ cả hai đều ở Mỹ, anh muốn cho những người gọi là cán bộ xã ấp ngày trước gọi anh là ngụy, nay phải thấy rằng điều anh chọn lựa ngày trước là đúng đắn, còn hơn những người "nhảy núi, nằm vùng" nay được phục viên, về vườn chỉ có chăn trâu, chăn bò.

Khi lễ cúng gần xong thì khách khứa cũng lục tục kéo đến. Toàn là những người bà con trong xóm, trong làng ngày trước. Có người lúc anh gặp nạn thì xót thương giúp đỡ, có người quay lưng, có người hận thù đòi đem anh ra xử trước tòa án nhân dân. Bây giờ đã mười mấy năm trôi qua, mọi điều đã lắng xuống, cũng có một số người làm ra cố quên.

Hạo ra đứng trước cổng nhà để đón khách, gặp ai anh cũng vui mừng bắt tay thăm hỏi. Ai cũng dừng lại với anh ít phút để hỏi người nọ người kia ở Mỹ hay ở Sài Gòn. Người đi chiếc

ĐYNH TRẦM CA

LÙA TRÂU ĂN CỎ

lùa trâu lên cánh đồng sương
rách toang màn nhện tơ vương cỏ bờ
trâu nhai cỏ giữa mù mờ
gọt sương đầu lá đợi giờ tử vong
những con dế nhỏ tuổi hồng
tắt ngang tiếng gáy lủi trong bụi bờ
lùa trâu xuống lũng sương mờ
ta lùa trâu xuống tinh mơ dòng đời...

xe đạp phía sau có chở một giỏ cần xé lớn là ông Năm Thoàn, nhìn thấy anh từ đàng xa, Năm Thoàn đã dơ tay vẫy vẫy, đây là một tay "nhảy núi," Năm Thoàn đến gần anh, y xuống xe vội vã bắt tay anh, hai tay y nắm chặt lấy bàn tay anh giựt giựt, lắc lắc:

"Chú Hạo, chà mới đi có mấy năm mà thay đổi dữ."

Hạo đáp lại :

"Thì cơm tư bản nuôi mà anh."

Năm Thoàn nay đã phục viên, nghèo vẫn hoàn nghèo, ngày ngày đạp xe ra ruộng cắt rạ đem về bỏ chuồng bò làm phân, thế thôi. Mới trên năm mươi tuổi mà trông năm Thoàn như một ông cụ. Nhớ ngày nào, cách đây 30 năm, Thoàn trốn theo địch, mấy tháng sau Thoàn dẫn du kích về đánh xã, trong lúc các nghĩa quân tạm thời rút lui, Thoàn huy động dân chúng ra xã họp mít ting, Thoàn đội nón tai bèo, súng AK, lên tiếng kêu gọi dân chúng đứng đứng lên đánh giặc Mỹ xâm lược.

Đến ngày ba mươi tháng tư, Thoàn về làm chủ tịch xã, được có mấy năm rồi bị cho phục viên.

Những chức sắc trong Uỷ ban nhân dân và công an xã cũng kéo đến dự dù anh không mời. Có lẽ họ nghe anh về và nghe bà con xôn xao bàn tán, họ muốn tới xem thực hư ra sao. Khi tất cả đã vào bàn, thực khách tràn đầy cả một khoản sân và khu vườn. Hạo đến từng bàn chúc mừng khách, ai cũng níu anh lại làm một ly, dù chỉ nhấp môi cho có lệ nhưng rượu cũng thấm làm anh choáng váng và bừng bốc. Khi anh đến bàn của đám công an và uỷ ban thì họ đồng loạt đứng dậy mời anh cạn ly. Anh thấy mặt mày người nào cũng đỏ ửng vì men rượu. Ông Trà, Chủ Tịch Uỷ Ban cầm ly rượu lên mời anh:

"Mừng anh Hạo đã trở về quê thăm bà con, tụi tôi mừng lắm."

"Thì đi lâu cũng nhớ quê nên muốn trở về thăm."

Ông Hữu trưởng công an xã, người đã từng quản chế anh trong suốt ba năm, cũng cầm ly rượu đứng lên :

"Anh Hạo, tụi tôi đến đây dự cùng anh hôm nay cũng có ý là, thứ nhất chia vui cùng anh, thứ hai là nhờ anh cộng tác với xã để xây dựng một vài công trình mà xã đang còn bế tắc. Đáng lẽ chuyện nầy phải mời anh ra Uỷ ban để nói, nhưng sẵn đây, anh em với nhau cả nói anh dễ thông cảm hơn, xã nhờ anh chung góp một ít để làm cây cầu lỡ mà từ lâu ta không làm được, biết anh ở Mỹ làm ăn dễ dàng với trình độ của anh cũng cao nên chắc làm ăn khá. Thôi thì xin anh đóng góp cho mười ngàn đô cho công tác chung của xã chắc anh chẳng từ nan."

Ông Hữu nói một hơi dài, cái giọng vẫn còn cái giọng kẻ cả và ra lịnh, Hạo thấy như quá đường đột, anh vẫn biết rằng về quê sẽ gặp những cảnh mồi chài tiền bạc nhưng anh không ngờ anh đang ở trong một hoàn cảnh khó xử như thế nầy. Anh tìm kế hoãn binh:

"Các anh nói chuyện đó đúng chớ, mình đi xa về phải góp phần xây dựng quê hương chứ anh, nhưng đây là chuyện lớn mình phải có kế hoạch, mai mốt mình sẽ bàn nhiều hơn."

Hạo nói giả lã thêm mấy câu rồi anh tìm cách qua bàn khác sau khi anh nhận một tràng pháo tay dài của đám chính quyền. "Tổ cha nó chớ, nó nghĩ như mười ngàn đô la làm ra ở Mỹ dễ dàng lắm vậy, sức như anh làm mười ngàn cả năm chưa chắc đã có mà còn biết bao nhiêu là chi phí, anh ky cốp, chắt bóp cả hơn năm năm mới được bảy ngàn mang về mà nay nó bảo đóng góp cho xã mười ngàn, làm như ở Mỹ đi ra đường là lượm đô la không bằng." Hạo vừa đi vừa chửi thầm trong bụng.

Tối đó, xong công việc mọi chuyện, Hạo mới khều chị Nhượng ra ngoài bàn nói nhỏ :

"Em về đây làm mả cha mẹ, thăm bà con như vậy cũng đủ rồi, hồi hôm bọn uỷ ban còn muốn vòi tiền để xây cầu, em kiếm đâu ra, em hứa cho qua chuyện. Thôi thì mai em đi, em vô lại Sài Gòn chơi mấy tuần rồi đi Mỹ luôn, chứ ở đây không yên với bọn nầy đâu?"

Chị Nhường hỏi lại :

"Còn chuyện vợ con em tính sao, chị đã nhắn con Lan lên rồi, nó là giáo viên, hơn ba mươi tuổi chưa chồng, không đẹp nhưng hiền lành."

Hạo thấy chán nản nên nói với chị :

"Em còn có khoảng năm trăm, đem về bảy ngàn mà lo công việc cũng như cho bà con cũng gần hết, lại phải vô Sài Gòn ở mấy tuần, thôi chị nói với Lan em qua Mỹ sẽ viết thư về."

Đó là quyết định của anh, Hạo sáng hôm đó nhờ thằng cháu chở xuống bến xe rồi ra thẳng Đà Nẵng mua vé máy bay về Sài Gòn. Chị Nhường vẫn khóc nhưng anh thì đi như một cuộc chạy trốn, anh không có thì giờ để nhìn lại gốc cây bàng ở ngoài chợ, nơi anh ngồi đó suốt bảy năm để vá xe đạp lề đường kiếm ăn. Thôi cái gì cũng nên gói cất trong ký ức.●

"TỔ QUỐC ĂN NĂN," TIẾNG NÓI CỦA MỘT NGƯỜI KHÔNG PHẢI ĐẠO

TỪ THỨC

Tại sao chế độ Cộng Sản sụp đổ trên khắp thế giới mà vẫn tồn tại ở Việt Nam?

Khi tôi đặt câu hỏi đó với Đoàn Viết Hoạt, anh Hoạt nói bởi vì Cộng Sản Việt Nam và Trung Quốc đã trưởng thành nhờ chính thực lực của họ, nên khi khối Sô Viết sụp đổ như một trò domino, họ không sụp đổ theo, khác với nước Cộng Sản Đông Âu, hoàn toàn dựa vào Nga.

Nguyễn Gia Kiểng (NGK) trong cuốn "Tổ Quốc Ăn Năn" (TQAN) (1) đưa ra một giải thích khác: Cộng Sản Việt Nam không đổ, không phải vì họ mạnh, mà vì người Việt Nam thụ động, không làm gì cho nó sụp. *"Phong trào dân chủ (tại Việt Nam) yếu, vì nó thực sự yếu, chứ không phải vì bị đàn áp thẳng tay, và nó yếu vì ý thức dân chủ của ta không mạnh"* (trang 492).

Theo tác giả, người Việt Nam không yêu nước, không thiết tha gì đến tự do dân chủ. Cái "triết lý cam chịu" của người Việt Nam là đồng lõa cho chế độ độc tài, thối nát và có thể đưa Việt Nam đến tình trạng giải thể, trong một thế giới đang chuyển mình cực nhanh.

Qua gần 600 trang sách (2), NGK tìm cách giải thích tại sao Việt Nam lâm vào tình trạng bi đát hiện nay và đề nghị một lối ra.

Khác với những cuốn sách khác, chỉ đề cập, phân tích những yếu tố thời sự, TQAN muốn đi vào một suy nghĩ sâu xa hơn: tìm một giải thích trong văn hóa. Bởi vì văn hóa giải thích tất cả. Nó là cái nhân, nếu cái nhân tồi, cái quả sẽ xấu. Không chạy đi đâu được.

Và theo tác giả, văn hóa Việt Nam là một văn hóa tồi. *"Các nước phương Tây vượt trội bởi vì văn hóa của họ lành mạnh, tâm lý của họ đứng đắn. Nước Việt Nam nghèo khổ và nghèo nàn vì văn hóa Việt Nam thui chột và tâm lý người Việt Nam bệnh hoạn."*

Cáo trạng

Bản liệt kê tật hư, thói xấu của người Việt Nam khá dài. *"Người Việt Nam không thông minh hơn ai, có sáng dạ thực nhưng là sáng dạ để bắt chước, không phải để phát minh. Người Việt có tâm lý tồi kém, không làm việc tập thể được. Người Việt hiếu học nhưng hiếu học để lấy bằng cấp chứ không phải để lấy kiến thức. Người Việt Nam thiếu tự hào dân tộc lại đố kỵ, ghen ghét nhau. Người Việt không có óc phương pháp. Người Việt không biết truyền thông, không biết đọc, không biết viết v.v."* (tr. 109).

Về cái tật ham bằng cấp của người Giao Chỉ: *"Người Việt Nam học giỏi thì rất nhiều, nhưng rất ít ai tìm một ý mới viết ra được một tác phẩm có sáng tạo, sáng chế ra được một cái gì, hay khám phá ra được định lý nào. Kết luận chúng ta vẫn chỉ là học trò. Học trò vẫn là học trò"* (tr. 47).

Óc thiếu sáng tạo đó cũng là một trong những nguyên nhân của bế tắc chính trị. *"Những người cầm quyền cứ ôm chặt lấy một chủ nghĩa phá sản và bị cả thế giới chối bỏ."*

Một ông bạn, sau khi đọc TQAN, nói: "Ông ấy chửi cả nước." Tác giả nói cuốn sách là một nhận định không nhân nhượng về văn hóa Việt Nam, về dân tộc Việt Nam. *"Xét chính mình là để tiến lên. Phải nhìn vào chân dung của mình ngay cả nếu nó không được đẹp"* (tr. 109).

Trước NGK, Bá Dương đã viết *"Người Trung Quốc Xấu Xí"* (bản dịch Nguyễn Hồi Thủ), Alain Pierrefitte viết *"Le Mal Francais,"* và nhiều tác giả Mỹ, Anh, Nhật, Đức đã mổ xẻ cái tốt, cái xấu của dân tộc họ. Đó là một việc cần thiết.

Bên cạnh những khuyết điểm của người Việt, mà nhiều tác giả đã nhận định ra và đã đề cập đến, có những ý kiến rất Nguyễn Gia

Kiểng, chẳng hạn khi tác giả nói người Việt Nam tôn thờ bạo lực, và một dân tộc tôn thờ bạo lực chắc chắn không ra khỏi chiến tranh, tàn phá và chết chóc.

Văn hóa tôi đòi

Điều đáng chú ý nhất trong TQAN là cách phân tích và giải thích tại sao Việt Nam lại tụt hậu, nước Việt Nam lại thê thảm đến thế. Nước Việt nghèo hèn vì người Việt không thiết tha gì đến nước. Người Việt chịu đựng một chế độ độc tài bởi vì văn hóa Việt Nam là một văn hóa tôi đòi, triết lý sống của người Việt là triết lý cam chịu. Người đọc không khỏi nghĩ đến lời một nhà cách mạng tiền bối Việt Nam trước đây than về dân mình:

Một là vua, sự dân chẳng biết
Hai là quan chẳng thiết gì dân
Ba là dân chỉ biết dân
Mặc quân với quốc, mặc thần với ai
(Phan Bội Châu)

Thủ phạm đã đào tạo ra cái đầu óc ươn hèn của người Việt, theo tác giả TQAN, là Khổng Tử và Khổng Giáo, một triết lý vô tổ quốc. Một phần lớn cuốn sách chĩa mũi dùi vào Khổng giáo mà tác giả hô hào phải dứt khoát từ bỏ, nếu người Việt muốn ngửng đầu lên.

Trước NGK, Bá Dương, trong "Người Trung Quốc Xấu Xí" cũng đã lên án cái văn hóa Khổng Giáo mà tác giả gọi là "văn hóa hũ tương," hôi thối, đã kìm hãm nước Tầu trong vòng lạc hậu.

NGK viết văn hóa Khổng Tử là một văn hóa tôi đòi. Điển hình nhất là vai trò kẻ sĩ trong xã hội Nho giáo. Kẻ sĩ, con người lý tưởng, được trọng vọng, kính nể trong xã hội Việt Nam chỉ là một kẻ nô lệ, tôi tớ cho một ông vua. Kẻ sĩ không phục vụ đất nước, chỉ phục vụ một ông vua. *"Luân lý Nho giáo bắt người có học không được làm chủ mà chỉ được làm tôi tớ; tệ hơn nữa, phải là tôi tớ suốt đời cho một ông chủ, vì 'tôi trung không thờ hai chúa'."*

Người Việt Nam mang thân phận tôi đòi là một kết quả tất yếu của nền giáo dục Khổng giáo. *"Chúng ta được nhào nặn bởi văn hóa Khổng giáo và văn hóa Khổng giáo không có tổ quốc. Nước chỉ là một tài sản của nhà vua, những người dân trong nước là những nô lệ của vua"* (tr. 575).

Từ kẻ sĩ đến chuyên viên

Khổng giáo còn đề cao triết lý ở ẩn. Nước mạnh thì ra, nước loạn thì tránh. *"Di sản nặng nề nhất là triết lý ở ẩn, tránh hiểm nguy và chờ thời. Tâm trí này ngự trị trong đầu óc hầu hết mọi trí thức Việt Nam. Nó cũng ngự trị ngay cả trong đầu óc những người có ý chí nhất, dám hoạt động chính trị. Ở các vị này, nó thể hiện qua lối làm chính trị nhân sĩ. Những người trí thức tự cho mình có một giá trị nào đó thường không chịu tham gia tạo dựng ra một lực lượng chính trị nào và cũng không bênh vực một lập trường nào, ngay cả khi họ thấy là đúng. Họ chỉ muốn là những nhân sĩ đứng ngoài các tổ chức và các cuộc tranh cãi gay go để vừa khỏi tốn công sức vừa khỏi bị cháy"* (tr. 316).

Đọc những câu đó, ít người Việt Nam không thấy nhột.

Trí thức Việt Nam, *"có nhiều người không thiếu ý kiến, nhưng cái quán tính 'không dám và không thể' thừa hưởng từ tâm lý kẻ sĩ do hàng ngàn năm uốn nắn vẫn còn quá mạnh, khiến họ do dự, bất quyết, sẵn sàng thỏa hiệp và nhượng bộ trước những giải pháp thô bạo, trái ngược với nguyện vọng của mình, rồi sau cùng đánh mất chính mình"* (tr. 316).

Tác giả TQAN cảnh giác: hãy coi chừng lịch sử lặp lại. Trên hai ngàn năm sau, kẻ sĩ vẫn còn hiện diện và tác hại trong xã hội Việt Nam. *"Kẻ sĩ có một cái tên mới: chuyên viên. Ngay trong lúc này đang có nhiều trí thức Việt Nam chủ trương hãy thôi làm chính trị, tạm thời chấp nhận chế độ này, hợp tác với nó trên các mặt chuyên môn"* (tr. 317). Trước đây, nhà văn Chu Tử đã dùng một chữ rất tục để chỉ trí thức: "trí thức chồn lùi."

Bên cạnh cái văn hóa nô dịch ấy, Khổng giáo còn tai hại ở cái óc thủ cựu. Thuật nhi bất tác: chỉ lặp lại mà không sáng tạo. Nó đưa đến óc sùng bái người xưa một cách bệnh hoạn. Nó khiến xã hội Việt Nam ứ đọng, không cải tiến, không vươn lên được.

Cái khôn của người Việt

Những nhận định trong TQAN về ảnh hưởng của Nho giáo đối với cái tính thụ động của người Việt Nam rất đáng suy nghĩ. Bởi vì chừng nào người ta chưa mổ xẻ, chưa tìm được nguyên nhân, thì bệnh trạng vẫn còn.

Cái triết lý cam chịu của người Việt Nam chắc chắn có liên hệ đến văn hóa và giáo dục của người Việt.

Khi tôi ngồi viết dòng này, một đài phát thanh Pháp phỏng vấn bà Ingrid Bettencourt, một nhân vật chính trị độc đáo và nổi tiếng của Colombie. Bettencourt mới 30 tuổi, hai

con, đã dám thách đố cả tập đoàn chính trị tham nhũng và mafia ma túy cấu kết với nhau. Thắng cử ở Thượng Viện, Ingrid Bettencourt thề sẽ quét sạch rác rưởi, để xây dựng một nước Colombie lành mạnh, dù phải hy sinh tính mạng. Bà đã thoát một cuộc mưu sát và mỗi lần di chuyển đều phải có hộ tống. Ký giả hỏi cái gì khiến một phụ nữ trẻ, đẹp, có học thức, thuộc giới thượng lưu, nghĩa là có một tương lai bảo đảm, lại lao đầu vào một cuộc tranh đấu đầy hiểm nghèo và gai góc. Ingrid Bettencourt trả lời: Khi còn nhỏ, thân phụ bà, cựu đại sứ Colombie ở Paris, nhắc đi nhắc lại: "Con phải luôn luôn nhớ rằng những ưu đãi mà con được hưởng khiến con có một món nợ đối với Colombie." Ingrid Bettencourt nói suốt đời bà, câu nói ấy luẩn quẩn trong óc và là động lực khiến bà dấn thân.

Việt Nam không có một Ingrid Bettencourt bởi vì không một ông bố An Nam nào lại xúi dại con kiểu đó, nhất là con gái. Các ông bố Việt Nam khôn ngoan hơn ông bố Bettencourt, đều khuyên con ráng học hành đỗ đạt để sướng thân và để cha mẹ "mát mặt với thiên hạ."

Khổng giáo: đáng cho vào sọt rác?

Đặt câu hỏi về ảnh hưởng văn hóa đối với tệ trạng Việt Nam, NGK đã làm một việc đáng ghi công. Nói như vậy, không phải hoàn toàn đồng ý với tác giả. Trái lại.

Lối viết của NGK là một lối viết cố tình khiêu khích. Ưu điểm của nó là khiến người ta chú ý. Đồng ý hay không, người ta không thể thờ ơ. Bằng chứng là "TQAN" đã gây nhiều tiếng vang. Khuyết điểm của nó là khiến người ta hoài nghi. Những cái quá đáng làm mất hiệu lực của những ý kiến sâu sắc.

Chẳng hạn, bên cạnh nhận định về cái "văn hóa vô tổ quốc" của Khổng giáo, NGK muốn đánh mạnh hơn nữa: tất cả những gì dính líu đến Khổng giáo đều đáng cho vào sọt rác.

Ảnh hưởng của Khổng giáo có hoàn toàn tiêu cực trong xã hội Việt Nam hay không?

Lấy vài thí dụ. Và chỉ vài thí dụ lẻ tẻ trong một bài viết vội, vì vấn đề đáng thảo luận một cách có suy nghĩ hơn.

1/ Tính hiếu học của người Việt nam, mà tác giả nhìn nhận, là do đâu, nếu không phải từ Khổng giáo?

Dư luận nước Pháp đang báo động về tệ trạng các trường học: học trò buôn bán ma túy trong trường, đánh thầy, sỉ nhục giáo chức đến nỗi nhà giáo phải đóng cửa trường đình công.

Tệ trạng đó chắc chắn sẽ không bao giờ xảy ra ở một nước có ảnh hưởng Khổng giáo, nơi người ta coi thầy như cha mẹ, một ngày học cũng là thầy, một nửa chữ cũng là thầy.

Một xã hội coi khinh người truyền bá trí thức có phải là một xã hội văn minh không?

LÊ PHỤNG AN

TRỜI MƯA RỚT HỘT

Trời mưa rớt hột một chiều
Buồn hơn là nhớ
Thương nhiều hơn mong!
Nói chi thì cũng đau lòng
Tay che mới kín
Nửa vòng thế gian...
Đi là mất biệt Việt Nam
Về là
Biết bến đò ngang chỗ nào?
Núi người một tấc
Cũng cao!
Sông người một thước
Cũng bao la trời!
Huống gì vạn vạn trùng khơi...
Huống gì triệu mảnh mây rời rã kia...
Trời mưa rớt hột rồi lìa
Buồn thương rớt lệ lại kề cạnh bên!
Nhớ mong
Lòng ơi muốn quên
Mà sao tất cả cùng liền thịt da?
Bứt đi làm bảy làm ba
Hỡi ơi sợi tóc
Này ta cho mình!
Trời mưa
Ướt mái ngói đình
Ở đâu em
Ở đâu tình Cố Hương?

Bạo động và giáo dục gia đình

2/ Nước Pháp, cũng như hầu hết các nước Tây phương, đứng đầu là Hoa Kỳ, có một vấn đề không ai biết giải quyết ra sao: vấn đề bạo động của giới trẻ trong các khu bình dân. Trộm cướp, cướp phá, đốt xe, phá tài sản công cộng, buôn bán ma túy. Đó là những khu phi luật lệ, cảnh sát không dám bén mảng đến, nhà nước đầu hàng vô điều kiện.

Các nhà chính trị phái hữu chủ trương phải áp dụng biện pháp mạnh. Phải trừng trị, phải áp dụng luật pháp; vì không trừng trị kẻ phạm pháp là khuyến khích phạm pháp. Kẻ nào ăn trộm một cái trứng, nếu không ai nói gì, sẽ ăn trộm một con bò.

Các nhà chính trị phái tả chủ trương phải phòng ngừa, giáo dục, giúp đỡ. Bởi những thanh thiếu niên phạm pháp đều thuộc những gia đình nghèo, thất nghiệp. Họ phá phách để phản đối một xã hội bất công. Phải giải quyết nguyên nhân đưa đến bạo động (nghèo đói, nghiệp v.v...) nếu muốn giải quyết vấn đề bạo động.

Những người đứng giữa chủ trương vừa áp dụng luật pháp, vừa giúp đỡ, phòng ngừa. Tất cả đều thất bại. Tình trạng càng ngày càng tồi tệ hơn. Mà không phải các chính phủ liên tiếp nhau đã không làm gì: người ta đã tăng số cảnh sát, đã đổ một ngân khoản đáng kể để cải thiện đời sống ở các chung cư.

Các nhà xã hội học, chính trị gia, các nhà giáo dục và lãnh tụ tôn giáo bàn đi cãi lại, năm này qua năm khác, vẫn không đi tới đâu. Cuối cùng, gần đây, người ta khám phá ra điều này: chìa khóa của vấn đề là giáo dục gia đình. Và giáo dục gia đình tại các nơi đó càng ngày càng lỏng lẻo, hầu như không có. Bố mẹ không có một uy quyền tối thiểu với con cái, người ta đồng ý đi tới một kết luận: chừng nào giáo dục gia đình không được tái lập, tất cả những biện pháp đều vô hiệu. Người ta không thể đặt một cảnh sát viên sau lưng mỗi thanh niên. Và, dù với một ngân khoản vô tận, người ta cũng không thể giúp một giới trẻ không muốn tự giúp mình.

Tại các nơi có cộng đồng người Á Châu, tình trạng ấy không xảy ra. Bởi vì gia đình Việt Nam, hay Á Châu, dù ở ngoại quốc, vẫn còn chặt chẽ. Và cái giáo dục gia đình chặt chẽ của người Á Châu không phải trên trời rơi xuống: nó đến từ Khổng giáo.

Xã hội Việt Nam, sau những cuộc chiến tranh triền miên, những đổi dời kinh thiên, động địa, vẫn chưa hoàn toàn tan rã và nhờ có một hệ thống gia đình chặt chẽ. Xã hội băng hoại chung quanh, nhưng cái đơn vị căn bản của xã hội là gia đình vẫn cố thủ.

3/ Trở về cái hiếu học của người Việt Nam. Một người bạn Pháp một hôm đưa cho tôi đọc một bài báo Mỹ, nói về sự thành công của học sinh, sinh viên Việt Nam (và nói chung Á Châu) tại các trường Tây phương. Bài báo đưa ra nhiều lối cắt nghĩa mà tôi cho là không đứng vững. Chẳng hạn nói rằng với những người di dân, học là phương tiện duy nhất để tiến thân. Nếu đúng vậy, tại sao người da đen hay người Á Rập không thành công tại học đường?

Bài báo nêu cả một thuyết "khoa học": QI của người Á Châu, theo một cuộc nghiên cứu Mỹ, cao hơn QI của người da trắng, và QI da trắng cao hơn dân Mễ và dân da đen.

Tôi nói với anh bạn rằng tôi có một lối giải thích khác, và nó có tính cách văn hóa. Người Á Châu chịu khó học vì truyền thống Khổng giáo coi trọng sự học. Trong xã hội Việt Nam, người biết chữ được trọng vọng (nhất sĩ nhì nông), và người truyền bá trí thức được kính nể.

NGK có thể phản bác, nói cái học ấy chỉ để lấy bằng cấp. *"Nó là biểu hiện của một dân tộc thiếu óc làm chủ, một dân tộc có bản năng làm công, làm mướn. Nếu không có ý định đi xin việc làm mà nhất quyết xây dựng một cơ sở của riêng mình chắc chắn người ta không cần đến bằng cấp, mà chỉ cần trí thức"* (tr. 54).

Đả kích cái óc tôn thờ bằng cấp là một việc nên làm và cần thiết, nhưng phải nhìn nhận óc hiếu học là một ưu điểm. Trừ một vài trường hợp lẻ tẻ, trường học vẫn là nơi truyền bá kiến thức dễ dàng hơn những môi trường khác. Với điều kiện phải có một nền giáo dục lành mạnh.

Chẳng thà không có gì...

NGK có một thái độ rất quyết liệt: phải gạt bỏ văn hóa Khổng giáo. *"Nhiều người chất vấn: xã hội ta đặt nền tảng trên những giá trị Khổng giáo: nếu bỏ đi chúng ta còn lại gì? Phải trả lời dứt khoát: Chẳng thà không còn gì còn hơn là có thuốc độc"* (tr. 454).

Người Pháp nói thiên nhiên ghê sợ cái trống rỗng. Một xã hội không thể "chẳng thà không có gì." Một xã hội không có một cơ cấu tổ chức, một nhân sinh quan, chắc chắn không

thể tồn tại được. Các bộ lạc bán khai đã hiểu điều đó, đã có một cách tổ chức nào đó.

Nói "chẳng thà không có gì" là nói cho vui ba ngày Tết. NGK biết như vậy. Và anh đề nghị, trang 268: *"Chúng ta đã như ngày nay, bởi vì chúng ta đã có một văn hóa tồi tệ. Chúng ta chỉ vươn lên được nếu ý thức được rằng văn hóa của ta tồi, cần phải thay thế bằng một văn hóa khác."*

Thay thế bằng văn hóa nào? Văn hóa Tây phương, bởi vì văn hóa Tây phương hơn hẳn văn hóa Á Châu về mọi mặt.

Mỹ con, Pháp con

Văn hóa Tây phương hơn hẳn văn hóa Á Châu về mọi mặt? Đây là lý luận của tác giả: *"Nếu quả thật văn hóa ta cao siêu thì tại sao nó không có sức thu hút nào đó đối với tuổi trẻ, tại sao thanh thiếu niên Việt Nam hải ngoại lớn lên lại thành Mỹ con, Pháp con, Đức con trong một thời gian kỷ lục?"* (tr. 395).

Câu trả lời rất đơn giản, thưa ông Watson: Con nít Việt Nam hải ngoại nó thành Mỹ con, vì sinh ở Mỹ, học trường Mỹ, ăn cơm Mỹ, coi TV Mỹ, đọc sách Mỹ, nghe nhạc Mỹ, có bạn bè Mỹ. Cái duy nhất mà nó được tiếp xúc với văn hóa Việt Nam là buổi tối ông bố, bà mẹ đi làm về, mệt nhoài, nằm thở dốc để lấy sức, sáng mai đi cày trở lại. Nhiều khi cái "văn hóa Việt Nam" ấy về nhà, chưa kịp thở, đã vội vàng thay quần áo đi làm "job" thứ hai, thứ ba.

Những trẻ em lai Mỹ Việt, kẹt lại Việt Nam, sống như con nít Việt Nam: Văn hóa Việt Nam cao siêu hơn văn hóa Mỹ?

Tôi gặp ở Paris một ông Tây "một chăm phần chăm," sống ở Việt Nam từ nhỏ. Ông ta nói tiếng Việt như tôi và NGK: "Nhớ nhà quá ông ạ. Sống ở đây chán lắm, không như ở bên mình." Văn hóa Việt Nam cao siêu hơn văn hóa Pháp?

Một bài hát của Maxime Le Forrestier nói: người ta tình cờ sinh ra ở Paris, New York, hay vỉa hè Manille. Nếu con nít Việt Nam sinh ra, lớn lên ở Afghanistan, giờ này chắc đứa con trai đang đập phá tượng Phật, con gái choàng khăn phủ mặt đi như bóng ma ngoài đường.

Văn hóa Tây phương và văn hóa Đông phương

Văn hóa Tây phương hơn hẳn văn hóa Đông phương. Có thực thế không?

So sánh hai nền văn hóa với nhau là một việc cực khó. Bảo văn hóa này hơn hẳn văn hóa kia là một điều cực liều. Nói phải bỏ văn hóa của mình để lấy văn hóa của người khác là một điều cực vô lý. Vô lý và vô ích. Vô ích vì ít ai nghe.

Văn hóa là một cái gì nó ở trong máu, nó tiêm nhiễm từ ngàn năm, nó biến thành một bản năng. Bảo một người Annam: từ nay ông phải sống như Mỹ, như Anh, như Pháp, người ta chỉ bực mình.

Một nhà trí thức Pháp, rất mộ đạo Phật, hỏi đức Đạt Lai Lạt Ma: "Tôi muốn theo Phật giáo, trở thành Phật tử, ngài nghĩ sao?" Nhà lãnh đạo Phật giáo Tibet trả lời: "Không nên. Ông là người Công giáo, không nên bỏ cái văn hóa của mình. Ông nên tìm hiểu Phật giáo. Phật giáo sẽ giúp ông hiểu mình, hiểu tôn giáo mình hơn."

Tôi gặp ở nhiều nước Phi Châu một số người da đen, thuộc giới thượng lưu, sống như Tây, nghĩ như Tây, nói tiếng Pháp, từ bỏ hoàn toàn cái văn hóa Phi Châu đã khiến họ xấu hổ. Tôi thấy họ không giống ai, lố bịch, và không giúp gì cho Phi Châu.

Văn hóa Tây phương có hoàn hảo đến độ ta phải nhắm mắt theo không, có phải là một giải pháp cho nhân loại không?

Văn hóa Tây phương có nhiều điều ta phải học: Khái niệm về tự do dân chủ, nhân quyền, óc khoa học, tổ chức, tinh thần đối thoại, coi trọng kỹ thuật và thương mại. Ý niệm về tự do, dân chủ, ý niệm về nhân quyền là những ý niệm của Tây phương. Không phải "giá trị của nhân loại" như ta nói vơ vào. Trước khi giao tiếp với Tây phương, Á Đông không biết gì về dân chủ, không biết gì về nhân quyền, con người - nhất là người dân - bị coi như sâu bọ.

Đó là cái tốt đẹp nhất mà văn hóa Tây phương đem lại cho nhân loại. Đó là những giá trị mà ta phải học, không do dự, không tự ái hão.

Thuốc an thần

Dấu ngoặc đó đóng lại, văn hóa Tây phương có hoàn hảo không?

Tôi sống khá lâu ở Pháp, đủ để quan sát xã hội Pháp. Nước Pháp là một trong những nước giầu nhất thế giới, có một chế độ an sinh tiến bộ nhất thế giới, (họ thực hiện xã hội chủ nghĩa thực sự mà không cần phải giết ai, phải bỏ tù ai), quyền lợi thợ thuyền và người nghèo được bảo vệ tối đa.

Mặc dù vậy, hằng năm có hàng chục ngàn

người Pháp tự tử (trong đó có 1000 vị thành niên). Người Pháp chiếm kỷ lục thế giới về tiêu thụ thuốc an thần, thuốc ngủ, thuốc trị bệnh *u mặc (dépression)*.

Một cô bạn Pháp, đi nghỉ hè ở Việt Nam về, nói: "Sao ở xứ ấy, người ta lúc nào cũng có nụ cười trên môi. Ở đây, mỗi lần chui xuống *métro* (xe điện ngầm) thấy mặt mũi ai cũng dài ra, khó đăm đăm, đúng như lời Phật: đời là bể khổ."

Có cái gì bất ổn trong văn hóa Pháp? Bởi vì văn hóa tốt, là cái văn hóa đem lại hạnh phúc cho con người, đem lại sự quân bình cho con người.

Ở phương Tây hiện nay có phong trào quay về với Phật giáo, với Đông phương, nhất là trong giới trí thức. Tại sao có phong trào đó, nếu không phải là văn hóa Tây phương, nếu nó đem lại ổn định chính trị, thịnh vượng về kinh tế, đã không thỏa mãn được nhu cầu tinh thần của con người?

Đứng núi này, trông núi nọ

Một nhà báo, thời còn chiến tranh lạnh, đưa ra nhận xét này: "Sinh viên du học ở các xứ Tây phương đều thiên cộng, trong khi sinh viên du học ở Nga đều mơ ước Tây phương." Bởi vì sống trong xã hội nào, người ta thấy rõ cái khuyết điểm của xã hội đó và ngóng sang một xã hội khác. Tác giả "TQAN" sống lâu ở Pháp, tôi ngạc nhiên thấy cái hâm mộ vô điều kiện của anh đối với văn hóa Tây phương không suy giảm.

Viễn ảnh một thế giới ai cũng sống như Mỹ, ngốn hamburger và coca cola, coi dollars là lý tưởng ở đời, vợ chồng sống với nhau qua giao kèo, trong đầu lúc nào cũng nghĩ đến tòa án và luật sư, quả thực không phải là một viễn ảnh đáng mơ ước.

Nietzsche đã lo ngại: "Rồi họ (người Mỹ) sẽ dạy chúng ta vừa ăn vừa nhìn đồng hồ, cái thói lúc nào cũng sợ mất thì giờ" *(Ils vont nous imposer de déjeuner l'oeil sur la montre. Ils vont surtout nous imposer d'avoir peur de perdre du temps)*.

Với thế giới hóa, cái lo ngại của Nietzche sẽ trở thành sự thực.

Văn hóa là cái gì mênh mông, rất khó định nghĩa, rất khó đơn giản hóa, rất không nên phát ngôn một cách khơi khơi. Nếu tôi thán phục cái tinh thần tự do dân chủ, cái tôn trọng nhân quyền của người Tây phương, tôi cũng rất phục cái hy sinh vô bờ bến của bà mẹ Việt Nam; và thấy cách đối xử với những người già cả ở Việt Nam, nó văn minh hơn hẳn những xứ "văn minh." Về già, tôi muốn được sống quây quần giữa con cháu như ở Việt Nam hơn là vào nhà dưỡng lão, hay lủi thủi một mình, suốt ngày ngồi trước máy TV. Jacques Brel, trong một bài hát, nói về những cặp vợ chồng già: Khi một người chết đi, người ở lại đi vào địa ngục.

Tam giáo đồng nguyên

Nguyễn Gia Kiểng phản bác những người cho rằng văn hóa Việt Nam là một văn hóa "tam giáo đồng nguyên." *"Người ta có thể kính trọng cả ba, nhưng không thể nghĩ rằng có thể theo cả ba cùng một lúc và càng không thể coi chúng là 'đồng nguyên' được"* (tr. 464).

Tại sao không? Văn hóa nó không đơn giản như một bài toán, hai với hai là bốn. Nó không *"cartésien"* như một ông kỹ sư điện toán. Một người Việt Nam có thể đi chùa, vừa tin có một đời sống sau cái chết (Phật giáo), thờ cúng tổ tiên (Khổng giáo) vừa muốn tìm nơi thanh tịnh để tránh cái phiền lụy của cuộc sống (Lão giáo). Ảnh hưởng của "tam giáo đồng nguyên" đối với xã hội Việt Nam như thế nào, tốt hay xấu, là chuyện khác. Nó có thực.

NGK nói không thể bảo người Việt Nam chịu ảnh hưởng Lão giáo được, vì người Việt Nam không hiểu gì về Lão giáo. Nhưng ở một trang khác, anh viết: một người Tây phương chưa bao giờ đọc Socrate, Platon vẫn ảnh hưởng tư tưởng Socrate, Platon. Cái đúng với người Tây phương, sẽ không đúng với những người khác?

Tác giả đặt câu hỏi: "Sao lại có thể mâu thuẫn như thế được?" Xin trả lời: chưa chắc nó đã mâu thuẫn như ông bạn tưởng. Và nếu mâu thuẫn thì sao. Con người không phải là một cái máy computer. Nó đầy rẫy mâu thuẫn. Tất cả các tác giả nghiên cứu về các dân tộc đều nhận điều đó: dân tộc nào cũng đầy những mâu thuẫn.

Nhức nhối

Sau ông cụ Khổng Khâu, NGK chĩa mũi dùi vào những người được gọi là anh hùng dân tộc. Anh viết: đó là những nhận định nhức nhối, làm nhiều người buồn, nhưng phải nói ra; thuốc đắng dã tật. Nguyễn Huệ, Đinh Bộ Lĩnh chỉ là những tay thảo khấu, bạo tàn, những kẻ sát nhân. Một dân tộc coi kẻ bạo ngược là thần tượng, chắc chắn là một dân tộc

tôn thờ bạo lực. Và một dân tộc tôn thờ bạo lực đương nhiên sẽ suốt đời chìm đắm trong chiến tranh, chết chóc. Cái nhân và cái quả.

Bạo lực

Dân tộc Việt Nam tôn thờ bạo lực? Dân tộc Việt Nam là một dân tộc bạo tàn? Nếu đúng như vậy, phải dùng chữ gì để nói đến dân tộc Mỹ (đã tiêu diệt cả chủng tộc da đỏ), dân Trung Hoa với tục chu di tam tộc, dân Nhật với những *samourais* sẵn sàng thảm sát cả làng già trẻ, lớn bé chỉ vì một con gà bị bắt trộm, người Algérie cứa cổ con nít để tế Allah, người Đức với hàng triệu nạn nhân Do Thái, người Thổ Nhĩ Kỳ với hàng triệu nạn nhân Arméniens, người Thái với tội ác đối với người Cao Miên, người Miên với Khờ Me đỏ và những vụ cáp duồn? Hãy nêu tên một dân tộc nào đó, tôi nói cho bạn những hành vi bạo tàn của họ mà đặt bên cạnh, cái bạo tàn của người Việt Nam không thấm thía gì. Ngay cả những cuộc thánh chiến, trên nguyên tắc là để cứu rỗi nhân loại, cũng chỉ là những trang sử đẫm máu.

Nhiều người, trong đó có NGK trong TQAN đặt câu hỏi tại sao Việt Nam không có những kiến trúc vĩ đại. Vũ Hạnh, qua một cái tên giả, cho rằng người Việt Nam suốt đời phải lo chống ngoại xâm, không có thì giờ để xây cất đền đài quy mô. Tôi nghĩ, một trong những lý do là cái tàn bạo của vua chúa Việt Nam chỉ có giới hạn. Bởi vì ở một thời đại không có kỹ thuật, muốn xây thành La Mã, Vạn Lý Trường Thành, Kim Tự Tháp, Angkor Vat v.v... ngoài bộ óc rất lớn, còn phải có những vua chúa cực kỳ hung bạo, coi mạng người như giun dế. Bởi vì những công trình vĩ đại ấy, mà ngày nay chúng ta ngưỡng mộ, là kết quả của những biển máu và nước mắt, của một sự bạo tàn không có giới hạn. Cái không giới hạn ấy, Việt Nam không có. Cái gì của người Việt ta nó cũng làng nhàng, nho nhỏ, ngay cả cái tàn bạo.

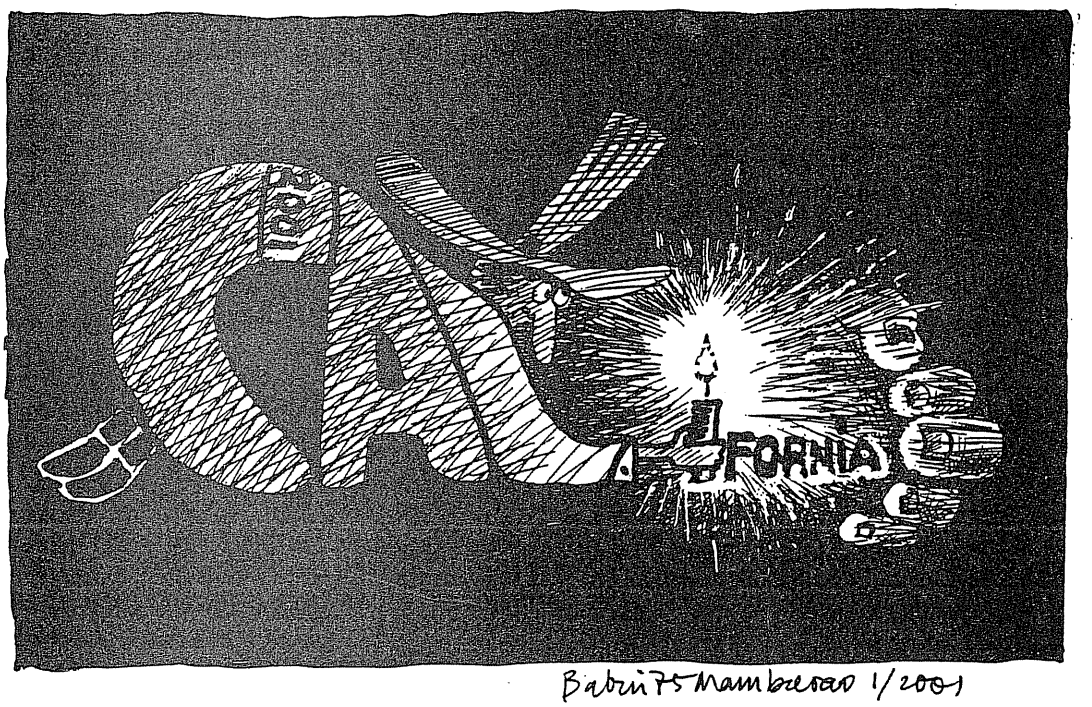

Bảo người Việt Nam có cái tội ganh ghét, đố kỵ nhau, phá phách nhau thì đúng. Và riêng cái tính quái lạ ấy cũng đủ để cái xứ ấy không ngửng đầu lên được. Bảo người Việt Nam tôn thờ bạo lực, tôi thực sự không tin.

Quang Trung

NGK kể hồi học tiểu học, thầy ra đề luận: "Trong những anh hùng nước Nam, em thích vị nào nhất," đa số đều chọn Nguyễn Huệ, "tuyệt đối không thấy Nguyễn du, Ngô Sĩ Liên, Phan Huy Chú" (tr. 95). Và từ đó, tác giả kết luận ngon lành: ngay từ khi còn con nít, người Việt đã tôn sùng bạo lực.

Cái lý luận ấy nó hơi lẩm cẩm. Cái chữ

"anh hùng" trong câu hỏi, nó hàm chỉ một chiến công nào đó, một hành động vẻ vang nào đó. Nguyễn Du là một khuôn mặt văn hóa, là một danh nhân, nhưng không phải là một anh hùng. Nếu bảo học sinh Pháp chọn một *"héros,"* chắc không ai kể tên Racine, Moliène, Hugo. Vả lại, khi học sinh nhắc đến Nguyễn Huệ, họ nghĩ đến chiến công chống ngoại xâm, họ không biết đến cái bạo ngược của Nguyễn Huệ mà NGK vạch ra trong sách, làm sao bảo họ tôn thờ bạo lực được?

Thần tượng

Có nên hạ bệ các thần tượng không? Tôi không thấy sự cần thiết. Nhưng đó là việc có thể tranh luận. Nhưng quả quyết người Việt ngưỡng mộ Nguyễn Huệ hay Đinh Bộ Lĩnh để kết tội họ là tôn thờ bạo lực và cho đó là nguyên nhân của chiến tranh, tang tóc, cái lý luận ấy khó chinh phục được người đọc.

Đối với NGK, Nguyễn Huệ không những bạo ngược, bất nhân, mà còn không có tài cán gì. *"Về kiến thức binh bị thì nếu sống lại bây giờ, tôi không chắc là ông ấy có được một nửa những kiến thức của một hạ sĩ quan."*

Nói như vậy, không khác gì nói rằng nếu Napoléon sống lại, ông ấy cũng thua xa con gái tôi, vì con nhỏ, 12 tuổi, biết sử dụng máy vi tính và đối thoại với người quen ở cách đây 10,000 cây số.

Kiều và Bolsa

Lối nói quá đáng, nói cho bõ ấy, người ta gặp rất nhiều trong sách.

Đây là nhận định về Truyện Kiều: *"Tôi nói nếu lấy một người rất rành tiếng Việt nhưng chưa biết Truyện Kiều rồi đưa cho anh ta đọc Truyện Kiều và một tập thơ gồm những bài thơ đăng trên các báo chí ở khu Bolsa, tôi bảo đảm họ sẽ thấy tập thơ Bolsa hay hơn Truyện Kiều. Hình như mọi người, trừ tôi, đều đồng ý là cho tới nay vẫn chưa có tác phẩm nào qua mặt được Truyện Kiều"* (trang 152).

Tôi mắc bệnh mất ngủ, cứ hai, ba giờ sáng là mò dậy, không biết làm gì, đọc sách, chờ sáng. Trong vài ba chục năm số sách đọc cũng khá nhiều, trong đó gần một nửa là sách Việt Nam, tôi chưa có cái may mắn như NGK rơi xuống một tác phẩm Bolsa "qua mặt Truyện Kiều."

Tôi rất mong NGK cho biết tác phẩm và tác giả ấy để chia xẻ sự khám phá của anh. Nếu không, tôi phải đi đến kết luận là một người có kiến thức, có những nhận xét sâu sắc về chính trị, xã hội lại là một người có trình độ thưởng ngoạn văn chương rất khả nghi, rất đáng phàn nàn.

NGK viết câu đó, sự thực, chỉ để đánh cái thói anh gọi là "tôn thờ người xưa" của người Việt Nam. Và nó nằm trong cái "chiến thuật" khiêu khích: nói ngược lại những điều mọi người nhìn nhận. Nếu trong bữa ăn đó, mọi người ca ngợi thợ văn Bolsa, chắc chắn NGK sẽ là người duy nhất cho các thứ văn ấy đáng bỏ vào sọt rác. Bằng chứng là về Nguyễn Du, người ta đọc ở trang 259, NGK quả quyết: *"Nguyễn Du là khuôn mặt văn học lớn nhất và cao nhất của nước ta cho tới ngày nay!"*

Với NGK, không có sự lưng chừng. Anh chối bỏ tuyệt đối hay tin tưởng tuyệt đối. Chối bỏ Khổng giáo, NGK nói Khổng giáo đào tạo những người vô lễ nhất thế giới, và những người chồng Việt Nam là *"một trong những người chồng thô bỉ nhất thế giới."*

Tin tưởng ở kinh tế thị trường, anh cho nó một sức mạnh vạn năng. *"Trái với một số người, tôi không quá lo ngại về sự băng hoại đạo đức hiện nay. Chúng ta mong muốn những con người có khả năng, chăm chỉ, lương thiện và nhã nhặn. Tất cả những đức tính đó một sinh hoạt kinh tế thị trường đúng nghĩa, nhất là hoạt động buôn bán, sẽ đem lại"* (tr. 235).

Chúng ta phải theo kinh tế thị trường, bởi vì đi ngược lại với trào lưu thế giới là một cách tự sát hữu hiệu nhất. Nhưng bảo rằng kinh tế thị trường có thể giải quyết cả cái băng hoại về đạo đức của xã hội là một điều ít nhà kinh tế nào dám nghĩ tới.

Truyện cổ tích

Cái tồi tệ của văn hóa Việt Nam, NGK tìm thấy cả trong những truyện cổ tích. Phù Đổng Thiên Vương là một chuyện hoang đường, bịa đặt ra để củng cố quyền lợi tuyệt đối của vua *"một vị thần mà phò vua thì chắc vua phải là trời")*. Chử Đồng Tử củng cố sự thống trị của nam giới trên nữ giới và đề cao cái quan niệm trinh tiết cổ hủ (một công chúa vô tình thấy một thanh niên khỏa thân tự coi là mất trinh, phải lấy anh ta). Lưu Bình - Dương Lễ nói lên cái thân phận thì thiếp của người đàn bà, cái quan niệm tôn thờ bằng cấp bệnh hoạn của người Việt.

Đọc truyện cổ tích để tìm hiểu xã hội là một điều thú vị, nhưng lấy cái nhãn quan ngày nay để phê phán người xưa, nó có một cái gì

quá đáng, bất công. Mỗi truyện cổ tích, người ta có thể đọc một cách khác nhau, tùy theo cái nhìn của mỗi người. Chẳng hạn, ở Chử Đồng Tử, người ta có thể tìm thấy một truyện tình lãng mạn. Còn cái quan điểm của người đời trước về chữ trinh thì chắc chắn không văn minh, cởi mở bằng một ông kỹ sư tin học sống ở Paris đầu thế kỷ 21. Ở thời điểm đó, tại Âu Châu, nơi có cái "văn hóa lành mạnh" của NGK, đàn ông làm một cái khóa sắt, khóa của quí của vợ trước khi đi xa, cho chắc ăn.

Ngay cả ngày hôm nay, đầu thế kỷ 21, ở Paris, vẫn còn những thiếu nữ Ả Rập dành dụm tiền để nhờ bác sĩ giải phẫu làm màng trinh giả trước khi về nhà chồng, vì những người Hồi giáo không đùa với chữ trinh. Như vậy, cái "quan niệm ghê tởm về chữ trinh" không phải độc quyền của Khổng giáo.

Người ta có cảm tưởng NGK có những định kiến, và anh tìm trong lịch sử và huyền sử những chi tiết có thể chứng minh cái tin tưởng của mình.

Văn hóa Tây phương xây dựng chung quanh Thiên Chúa giáo, gọi là nền văn minh Thiên Chúa giáo. Nghĩa là xây dựng chung quanh một người sinh ra không qua sự thụ thai, biết đi trên mặt nước, chết đi sống lại, biết làm phép lạ. Tôi không thấy nhà tư tưởng nào đem con mắt khoa học để phê phán, để đòi gạt bỏ cái văn hóa xây dựng trên sự mê tín. Người ta chỉ nhìn thấy ở Thiên Chúa giáo một tôn giáo đã dạy dỗ con người biết thương yêu nhau, đã đề cao tình yêu và lòng bác ái, đã tôn trọng nhân phẩm con người.

Để làm lại nước Việt

Đọc tới đây, người đọc có thể cho rằng TQAN là muốn cuốn sách chỉ nhằm đả phá. Đó là một ngộ nhận. Bên cạnh những ý kiến có tính cách khiêu khích, TQAN đưa ra những ý kiến cụ thể về nhiều vấn đề liên quan đến đất nước: vấn đề tự do và phát triển, vai trò của cộng đồng Việt Nam tại hải ngoại, vai trò quan trọng của thương mại và ngư nghiệp đối với kinh tế Việt Nam v.v... Tác giả dành 15 chương sách để đề nghị "một số kiến thức và nhận thức cơ bản để nghĩ lại và làm lại nước Việt."

Sau khi nghiên cứu trường hợp các quốc gia đã và đang phát triển, tác giả đưa ra 10 định luật cho một xã hội muốn vươn lên. Trong 10 định luật này, tác giả quả quyết phát triển chủ yếu là một vấn đề tâm lý và văn hóa, không phải chỉ là những yếu tố vật chất như tài nguyên, thiên nhiên, khí hậu và địa lý. Dân chủ là nguyên nhân tạo ra phát triển, trái hẳn với một số người cho rằng cứ để đất nước phát triển, dân chủ sẽ đến. Phát triển đòi hỏi phải có tự do. Một quốc gia chỉ mạnh nếu mọi người được hoàn toàn tự do trên mọi lãnh vực v.v...

Bằng những lý luận chặt chẽ, NGK bác bỏ hoàn toàn quan điểm của một số người cho rằng dân chủ sẽ đưa tới hỗn loạn, dân chủ không có lợi cho phát triển kinh tế, dân chủ tự nhiên sẽ đến, một khi đất nước giầu mạnh.

*

Nhiều người trách NGK không liệt kê những tài liệu anh sử dụng. Tác giả giải thích: *"Vì là một cuốn sách ý kiến, và hơn nữa ý kiến cá nhân, nên việc liệt kê tài liệu lại càng khó"* (trang XI). Lý luận ấy có thể chấp nhận được, nếu chỉ là những ý kiến. Nhưng khi tác giả đưa ra những khẳng định khác hẳn với những điều người ta vẫn nghĩ, người đọc muốn biết tác giả căn cứ vào đâu. Thí dụ NGK nói: *"Không làm gì có chủ ý chính trị của các nước Âu Châu (và Pháp nói riêng) để chiếm đóng các nước Châu Á"* (tr. 190), việc xâm chiếm chỉ do các công ty thương mại chủ trương. Khi NGK quả quyết *"tiền giấy của Hồ Quý Ly không khác gì tiền mã đã có từ lâu để cúng tế người chết, không có một giá trị thanh toán nào cả"* (tr. 141) mà không đưa một bằng chứng nào, người đọc không biết phải tin NGK hay tin những người *"phát ngôn bừa bãi"* (tr. 141) đã ca tụng Quý Ly phát minh ra tiền giấy.

NGK viết TQAN không phải để "chửi cả nước." Đó là một công trình suy nghĩ đáng kể. TQAN đưa ra những nhận xét sâu sắc, đôi khi độc đáo, cần thiết cho sự phản tỉnh của một dân tộc, bên cạnh những ý kiến làm người ta bực mình, muốn ngồi nhổm dậy, viết bài phản bác. TQAN đặt vấn đề một cách thẳng thắn, dứt khoát, can đảm, khác hẳn cái lối nghị luận nửa nạc, nửa mỡ, vô thưởng vô phạt, rào trước đón sau của người Việt Nam. Đó là một cuốn sách phải đọc. Khẩn cấp.●

Paris, tháng 4, 2001
Địa chỉ e-mail của tác giả:
tcsparis1@aol.com

(1) Trong một bản sách gởi tặng, NGK viết: "Những ý kiến của một người không phải đạo gởi một người không phải đạo." Do đó có tựa đề của bài này.
(2) Xuất bản tại Paris, Jan 2001. Không đề tên nhà xuất bản và địa chỉ liên lạc. Điều đó xác nhận một khuyết điểm của người Việt Nam mà tác giả nêu ra trong sách: Không biết tổ chức và không biết truyền thông. Có thể liên lạc: THÔNG LUẬN, 7 allée Bouleau Carreau, 77600 Bussy-Saint-Georges, France.

BƯỚM ĐÊM

CỔ NGƯ

Ta chết theo ngày em cất tiếng,
Nhạc còn buông xuôi,
Người còn chơi vơi
Tìm người...
(Từ giọng hát em - Ngô Thụy Miên)

Gần như đêm nào cũng vậy, khi Tuyên bước lên cầu Saint Michel là bao nhiêu dinh thự, lâu đài, công trình kiến trúc của Paris ụp vào bóng tối. Đồng loạt. Một giờ sáng. Lầm lũi từ tả ngạn về hữu ngạn, ngang qua đảo Cité và hai chiếc cầu. Dù giữa mùa hè xôn xao giọng cười lời nói hay giữa mùa đông rú dài hun hút tiếng gió. Lầm lũi từ tả ngạn về hữu ngạn, từ ánh sáng vào bóng tối, từ đêm trở mình mớ ngủ gọi ngày. Vậy mà hôm nay, Tuyên đứng lại giữa cầu, nhìn về Nhà Thờ Đức Bà đen mờ một khối. Lạ lẫm như mới thấy lần đầu, như lâu lắm không gặp lại. Chúa ơi! Chúa ngự trong đó hay Chúa giữa hồn con, có thấy tim con chảy máu, có nghe tiếng đinh đóng ngập ở trong? Chúa ơi! Tiếng kêu từ tâm sao lại đau thương vang vọng hơn lời gọi phát ra từ đôi môi êm ái. Đôi môi hồng nhạt của Duyên. Lời gọi êm như thánh ca của Duyên. Chúa ơi! Chúa ơi!

Chập chờn. Lấp loáng. Có gì lơ lửng trên đầu Tuyên. Không phải con dơi mù bay theo đường siêu âm. Không phải loài chim đêm nặng nề uể oải. Một cánh bướm chấp chới giữa trời, không định hướng. Bất chợt Tuyên rùng mình. Kỷ niệm tuổi thơ như ác mộng ám ảnh suốt cuộc đời. Chú bé tinh nghịch quẹt diêm đốt cánh con bướm bà to bằng hai bàn tay xoè ra đậu trên cây ổi sau nhà. Cháy. Nóng. Khét. Đốm lửa quay cuồng, hốt hoảng trước khi rụng xuống trong hoàng hôn tím ngập ấy đi theo chú bé suốt đời, như tội trọng dù đã xưng nhưng vẫn nặng trĩu trong lòng, như lời hứa không tròn dù đã phai nhưng vẫn chẳng thể nào quên nổi... Con bướm đã tìm được ngọn đèn. Đường bay thẳng góc với chùm tia sáng nhân tạo rốt cuộc tạo ra một đường xoắn ốc ngoạn mục. Rốt cuộc rồi con bướm cũng sẽ chết cháy vì sức nóng hay tự đập vỡ đầu mình vào bóng thủy tinh. Như những con bướm khác, lúc nãy, chút nữa, hôm qua hay ngày mai. Chỉ có bóng đèn lì mặt ở lại cho đến phiên chính nó, đứt bóng và được người ta thay đi. Nhẫn nại mà nhìn cuộc đời, có gì là bất biến đâu phải không Duyên? Duyên tóc uốn lông mi cong son phấn rực rỡ ngồi cạnh ông chồng tây còn lại mấy mươi phần trăm của Duyên tóc thề áo tím nhạt đơn sơ đứng hát thánh ca trong nhà nguyện Saint Paul mỗi sáng chúa nhật? Có còn chăng là tiếng Chúa ơi chết lặng trên môi khi em nhìn thấy anh giữa quán đông người. Anh là bồi, em là khách, anh hầu bàn, nhận *pourboire* và nói cám ơn chồng em; anh và em chia sớt ngọn lửa đêm Phục Sinh; hai đứa đứng sát nhau trước hang đá cùng cầu nguyện giữa đêm Noël cho tình yêu và hạnh phúc vững bền trong tương lai sắp đến. Mười hai năm cách xa mình đến như vậy sao Duyên? Hay mình đã xa nhau, mất nhau hẳn từ cái ngày em theo gia đình lên

phi cơ, anh lận đận vượt biển, cuối cùng mất sạch, chỉ còn cứu được mỗi mạng sống lênh đênh ngơ ngác giữa bến bờ xa lạ này. Giá mà mình đừng gặp lại nhau khi nãy, cứ để cho tiếng hát ngợi ca Thiên Chúa của dàn đồng ca nữ làm nền, hàng sứ trắng và những khuôn mặt nữ tu hiền từ làm phông cho cuộc tình mình, thì anh sẽ còn yêu hoài nhạc của Ngô Thụy Miên vì mỗi lần em cất tiếng *"Rời từ giọng hát em, chợt vút cao vút cao một trời,"* những hợp âm anh theo dường như cuống quýt, đam mê hơn, thì anh sẽ còn lẩm nhẩm đọc hoài bài thơ của Nguyễn Tất Nhiên viết cho người tên Duyên. Duyên của Nhiên hay Duyên của Tuyên, rồi cũng ướt, cũng xa, cũng nhòa vào mưa, phải không em?

Những cơn mưa đầu mùa thường làm em ướt áo

Và tình yêu đầu tiên nào có phải dễ quên,

Để lạnh lùng không cánh vỗ trong đêm

Lũ kỷ niệm ùa về làm huyên náo,

Và hồn anh chợt như ốc đảo, ngại mình nhỏ bé giữa bao la

Nhưng cũng khẽ mở ra đón từng nhung nhớ

Nhưng cũng khẽ thở dài theo trời nức nở ngoài hiên.

Những giọt mưa hiền như dòng nước mắt lăn vào giữa đêm sâu, vào những nơi đâu không tên không tuổi,

Những giọt mưa vội đuổi theo nhau như tình nhân chơi trò cút bắt trong mê lộ tình yêu, chẳng hiểu mình được gì, mất gì, nhưng cứ phung phí ngày giờ không tiếc nuối...

Và cũng đến khi giọt mưa cuối ngừng rơi,

Đất ướt đầm, rời rã,

Nhưng

Đâu đó

Từng nụ mầm nhỏ đã vươn lên,

Đêm cũng sẽ tàn, ngày sẽ rạng,

Còn nỗi buồn phiền cứ tản mạn quanh đây, cất tiếng thì thầm không ngừng nghỉ...

Hát làm chi mãi điệp khúc không quên?

Nhắc làm chi mãi tên người yêu dấu?

Tên em, tên em, tên em, cơn mưa đầu mùa cứ gọi mãi tên em

Dù giọt mưa đã thấm vào đất đen, đã rửa xanh màu lá, đã tìm về cội nguồn biển cả,

Nhưng kìa, từng hàng cây vẫn cứ vẫy lá gọi tên,

Con đường nào qua níu lấy chân, để bầy sỏi đá vô tri lên tiếng...

Ước gì được theo em vào giấc thụy miên, được đặt miệng lên môi nghìn lần không ngượng nghịu, và được em yêu, như đã yêu em,

Cho anh chợt bừng khoảng thức giấc nửa đêm,

Ngày chưa đến, không gian mềm tiếc nuối...

Giọt mưa cuối đã ngừng rơi

Nhưng cơn mưa đầu mùa giữa hồn anh gọi mãi tên em suốt đời không ngưng nghỉ

Để ngoài kia

Một bình minh huyền bí

Chỉ vừ a nhó m khẽMong manh...

Bài thơ duy nhất còn sót lại trong mười mấy bài thơ anh viết cho em khi mình còn yêu nhau, khi mình vừa xa nhau. Nó không bị đốt cùng xấp thư từ trước ngày anh vượt biển. Nó cũng không chìm theo mớ giấy tờ lúc thuyền anh đắm đuối. Nó chém những vết thật ngọt trong trí nhớ rồi nằm yên ở đó, mưng mủ, lên da non, thành sẹo. Mấy năm qua, anh cũng không có dịp ghi nó ra giấy, cứ lâu lâu lại lôi ra ôn lại như khi còn bé học thuộc lòng những bài thơ ngắn ngắn, dễ thương. Anh cứ nghĩ rồi sẽ có ngày nó yên ổn hóa thạch, thành một thứ mộ bia đánh dấu cuộc tình mình. Đâu ngờ hôm nay nó bừng dậy, cào cấu, gào rú man dại trong anh. Vết thương lại nhiễm trùng, sưng tấy. Xin lỗi em, nghe Duyên. Bài thơ mà em chưa có dịp đọc, bài thơ mà em không hề biết nó đã đi theo anh suốt bao nhiêu năm nay, cùng với tiếng hát và bóng dáng em, hôm nay, bây giờ, anh sẽ tập quên đi. Những bài học thuộc lòng thuở ấu thời, mấy ai còn nhớ? Mười, hai mươi năm nữa, rồi cũng xong. Ngày ấy, nếu còn may mắn được tiếp tục hiện diện, bất chợt nghe một giọng hát nào đó cất lên ngọt ngào: *"Ta vốn thương người yêu dấu cũ, dù hồn chơi vơi, dù nhạc buông lơi, tàn rồi. Người còn mai sau, thôi lạc kiếp mãi chờ nhau..."*, trí nhớ của anh khi ấy đã mỏi mòn có thể sẽ khơi lên một cái tên, một khuôn mặt thơ dại, cùng đôi ba dòng thơ còn sót lại, gãy vụn. Và anh sẽ thầm hãnh diện về một thời tuổi trẻ lãng mạn của mình, như người ta hãnh diện cài đầy huy chương lên ngực áo ngày đại lễ, như người ta dài dòng kể lể những chiến tích oanh liệt, những thành công vang dội. Rồi sẽ lại chìm vào lãng quên. Tấm bia mộ úp xấp mặt. Người ta sẽ quên tên một con sông, một ngọn núi, một quốc gia, có gì tồn tại mãi trong trí nhớ loài người nếu thỉnh thoảng không được gợi nhắc, phải không Duyên?

Tuyên nhìn lên ngọn đèn. Con bướm đêm không còn múa lộn ở đó nữa. Có thể đã kiệt lực, gãy cánh. Cũng có thể một ngọn gió ngẫu nhiên đã cuốn nó xa ngọn đèn này để đẩy tấp

đến một ngọn đèn khác. Để lại tiếp tục điệu múa tự hủy. Để sẽ chết. Đâu có ai xót thương cho một kiếp bướm đêm vô danh hèn mọn, với đôi cánh rách rưới, gãy nát hay cháy đỏ khét lẹt? Chỉ đôi khi là một hình ảnh thoáng qua để rồi sẽ khuất lấp sau muôn vạn hình ảnh khác, lóng lánh rực rỡ, kỳ diệu và trác tuyệt hơn nhiều. Tội nghiệp cho kiếp bướm đêm, tội nghiệp cho kiếp em, kiếp anh, Duyên nhỉ? Nhiều lúc anh tự hỏi, Chúa đã chọn cho mỗi đứa chúng mình một con đường đi, những đường thẳng song song, tiệm cận hay hai nhánh *parabol* bỏ nhau đi xa tít mù tắp, vậy mà sao anh cứ mù quáng khăng khăng cầu nguyện xin cho mình hội tụ hay trùng lên nhau khít khao. Hôm nay thì vỡ rồi ảo mộng. Em son phấn rực rỡ khoác lên người bộ cánh bướm ngày lộng lẫy và có thể đang bay lượn nhởn nhơ giữa vườn hạnh phúc, còn anh mãi tăm tối mộng du, dù giữa Sài Gòn u uất đèn dầu hay giữa Paris kinh đô ánh sáng. Cái hố thẳm Tiên Dung - Chử Đồng Tử mỗi lúc một sâu, một rộng, một mênh mông, còn ai đành lòng mà tìm cách lấp đi nữa, phải không em? Thôi vậy nhé! Người tên Duyên và người tên Tuyên, cả hai đều đã có lúc yêu nhau, đều đau khổ khi xa nhau và bây giờ lặng im đứng nhìn nhau từ hai đầu khoảng cách. Những bến bờ...

Tuyên nhìn đồng hồ đeo tay, cúi đầu bước chậm. Chuyến *métro* đầu tiên còn lâu mới khởi hành. Paris co ro trăn trở, rạo rực những nụ hôn hay lè nhè lời kể lể chua nồng mùi rượu. Paris nhìn Tuyên đi qua bằng những con mắt khép hờ. Một dáng còm cõi, xiêu xiêu. Lầm lũi trở về như con dơi mù bay theo đường siêu âm. Lầm lũi leo lên sáu tầng lầu. Lầm lũi vào nhà, không gây tiếng động để khỏi làm thức giấc bé Vy, chỉ đủ cho Phương hé mắt nhìn, nhận một nụ hôn phớt rồi lại chìm vào giấc ngủ mệt nhọc, tiếp sức cho một ngày làm việc mệt nhọc sắp đến. Và lầm lũi đi vào cõi vô thức, khi những quán cà-phê đầu tiên của Paris bắt đầu mở cửa.●

CỔ NGƯ
PARIS 05.1993

VÕ ĐÌNH TUYẾT

CÓ MỘT NGÀY TÔI VỀ

Tặng Hoàng Mai Đạt và Nguyễn Thị Minh Thủy

Có một ngày tôi về
Mời em mừng nắng gọi
Trên quê hương bờ môi
Người không cợn gian dối.

Có một ngày tôi về
Bờ vai em tóc dài
Nghiêng hồn ôm dáng chiều
Trút nỗi buồn trên sông.

Có một ngày tôi về
Trả lời từng bến sông
Trả lời từng khu rừng
Tôi là giống Tiên Rồng.

Có một ngày tôi về
Đường mây chiều mưa bụi
Hôn người lòng phố khuya
Cho hương tóc theo đời.

Có một ngày tôi về
Dừng chân căn nhà nhỏ
Nghe tiếng dế nỉ non
Đọc thơ tình ngoài ngõ.

Có một ngày tôi về
Em thơm tình ruộng mới
Trên cánh đồng vàng tươi
Trẻ thơ vang tiếng cười.

Có một ngày tôi về
Xin quê hương buổi sáng
Em đứng chờ ngoài hiên
Nắng lên hồng môi hiền.

Có một ngày tôi về
Như chuyến tàu hôm qua
Chở mây trôi phiền muộn
Quên một lần xưa xa.

MỘT MƠ ƯỚC, MỘT BI KỊCH

VŨ QUÝ HẠO NHIÊN

Điểm Sách

Thuở Mơ Làm Văn Sĩ của Nguyễn Thụy Long

Nhà xuất bản Tuổi Xanh, 2000

Người ta nói, người Việt mình chuộng văn chương. Đất Việt Nam là đất văn vật. Giấc mơ làm văn, thi sĩ, v.v., các món "sĩ" bấp bênh về tiền bạc, hầu như Việt Nam mười người thì bị dính hết chín. Bao nhiêu người đã từng làm những "sĩ" có tiền (như bác sĩ, dược sĩ, tiến sĩ, v.v.), đến lúc đầu hai thứ tóc, viết truyện, hồi ký, lúc bấy giờ mới thú thật là mình chả hề muốn làm những nghề kia mà chỉ muốn làm thơ viết văn.

Cứ thế, nếu người nào chỉ tìm hiểu văn hóa Việt Nam qua sách vở, chắc phải kết luận rằng trí thức Việt Nam hầu hết đều tiếc nuối con đường mình đã không đi.

Chẳng phải vậy. Chỉ vì các vị nào hài lòng với nghề bác sĩ, dược sĩ, thì đã chẳng viết văn, in sách làm gì. Ngay cả những người muốn làm văn sĩ, nhưng lại ngại cuộc đời gian nan nên rẽ qua đường khác, biết đâu họ vẫn yêu thích nghề chuyên môn, biết đâu được đấy! Mà vẫn khỏi phải sống đời chật vật của người làm văn sĩ.

Kể chuyện đời cầm bút chật vật thì chắc hiếm ai có thể tự cho đời mình chật vật hơn Nguyễn Thụy Long. Đọc "Thuở Mơ Làm Văn Sĩ," thật là ái ngại cho đời người văn sĩ. Ngay từ khi ông ta còn học trung học, một truyện ngắn được tuyển đăng trên báo, là ông chú đã cho một trận đòn nhớ đời, cho ông sáng mắt ra, lo học lo hành, liệu mà bỏ cái ước mơ văn nghệ ấy đi. Nguyễn Thụy Long viết, ngay khi cho ăn roi, ông chú đã giải thích là ông đánh vì muốn cháu mình nên người:

Giọng ông hằn học nhưng không kém phần buồn bã:

— Làm văn sĩ không phải là chuyện gì xấu xa, chú khẳng định như vậy, nhưng đời nghệ sĩ khổ lắm con ơi, nhất là nghệ sĩ ở đất nước mình .... Con không thấy bao nhiêu văn nghệ sĩ ở đất nước mình than thân trách phận đó sao? ....

Tôi ngạc nhiên vì thấy chú tôi đọc ra mấy câu thơ dẫn chứng cho lối nói của ông. Hình như mấy câu thơ của Nguyễn Vỹ. Giọng chú tôi như muốn gầm lên:

— Đấy nhé, chính mấy anh làm thơ viết văn nói ra để "khuyên đời," răn đe những kẻ lăm le đi theo con đường ấy, chú không đặt điều nói bậy.

(trang 24)

Tôi không biết những câu thơ người chú ông Nguyễn Thụy Long trích dẫn là những câu nào. Hôm nay, nếu cần sách vở để chứng minh rằng nghề viết văn "khổ lắm con ơi," tôi chỉ cần "Thuở Mơ Làm Văn Sĩ" của Nguyễn Thụy Long. Chính ông cũng nói với người em: *"Rán mà học đi, đừng có như anh."*

Vậy mà Nguyễn Thụy Long cũng trở thành nhà văn. Cũng chứng tỏ rằng tuy là "yêu cho roi cho vọt" nhưng một khi đứa trẻ đã muốn làm cái gì rồi, thì roi vọt cách mấy cũng chẳng ngăn cản được.

Ông viết báo, viết tiểu thuyết, với những tác phẩm như "Bà Chúa 8 Cửa Ngục," "Gái Thời Loạn," "Biệt Thự Phù Du," "Biển Đen," "Loan Mắt Nhung," v.v. Truyện "Loan Mắt Nhung" được dựng thành phim. Truyện nổi tiếng đến nỗi sau này, trong giới trẻ lớn lên sau 1975, nhiều người gọi đùa bạn nữ tên Loan là "Loan Mắt Nhung," mà có khi chưa từng xem cuốn phim hay đọc quyển truyện đã bị cấm.

Trong "Thuở Mơ Làm Văn Sĩ," Nguyễn Thụy Long kể nguồn gốc bà Chúa Tám cửa ngục. Sau vụ đảo chánh hụt 1961, Nguyễn Thụy Long bỏ trại lính đi lang thang, đang đi vào một đám đông thì bị người ta la toáng lên là ông... móc túi. Người ông thì cao lớn, mà sau mấy ngày đói và rất có thể là không giặt giũ, người đọc cũng có thể tưởng tượng ra ông dáng dấp ra sao. Người ta tưởng là quân bất lương thì chắc cũng có lý. Dân chúng đánh ông, cảnh sát thấy ông vô Chí Hòa.

Khám đường xây theo hình bát quái, tám khu riêng biệt. Người ta nói khám đường này do Nhật xây sau khám lớn Sài Gòn do Tây. Theo yểm triệt bùa chú Đông Phương, vào khám là cửa sinh, ra cửa tử. Ngay giữa khám là một bồn nước lớn, hình dáng của cái chuôi kiếm cắm ngược. Hình dạng khám đường chính là một lá bùa huyền bí ghim bằng một mũi kiếm ngập đến chuôi.

....

Rằm tháng bảy, cúng cô hồn các đảng. Nhưng khám Chí Hòa cúng bà Chúa Tám cửa ngục. Vì

những người tù ở khám tin rằng tám cửa ngục ở cái lò bát quái này có một bà chúa cai quản tất cả các cô hồn uổng tử, những đêm mưa dầm ẩm đạm trong không khí bí ẩn. Đèn nhang thắp đầy trên những thềm các cửa phòng giam của cả tám khu. Người ta nói rằng đã có năm thấy bà chúa hiện lên lê dây xiềng xích đi dọc theo hành lang cả tám khu.

(trang 169, 174)

Sống hẳn trong tù, mới viết được "Bà Chúa 8 Cửa Ngục." Tư liệu viết văn ấy, mấy ai mà có được.

Sau 1975, sách Nguyễn Thụy Long bị cấm, bị đốt. Gia đình ông tan tác. Ông đi tù. Rồi lại về, nhưng không được xuất bản nữa. Tên ông vào sổ đen, có thời gian sau đổi mới ông viết báo kiếm tiền, nhưng phải dùng tên giả.

"Thuở Mơ Làm Văn Sĩ" là tác phẩm ông viết trong lúc lâm bệnh, giữa những cơn thổ huyết. Sách không được in trong nước, ông gửi bản thảo cho bạn bè, rồi người ta in ở Mỹ. Một quyển sách khác của ông, "Hồi Ký Viết Trên Gác Bút," cũng đã được xuất bản theo kiểu này.

Nếu chỉ đọc và hiểu theo thời gian, quyển sách kể chuyện tác giả tập tành viết lách. Mở đầu từ lúc ông còn là một học sinh trung học Chu Văn An, mồ côi cha, mẹ đi làm ăn xa, ông ở với chú. Ông cùng năm bảy ông choai choai khác lập cái mang tên rất oai là "thi văn đoàn Lãng Bạc." Nguyễn Thụy Long gửi bài đăng báo, bị chú đánh đòn.

Rồi đi lính, đến lúc Nguyễn Chánh Thi đảo chánh hụt ông bỏ trại đi tìm đồ ăn, bị vu oan móc túi, ông vào tù. Ra khám, không gia đình, không người thân, ông đi làm thợ, sống như người vô gia cư. Ông gặp những người sau này sẽ là những "tay tổ" trong làng báo làng văn, như nhà thơ Trần Dạ Từ ("Thuở Làm Thơ Yêu Em," "Người Đi Qua Đời Tôi"), nhà văn Nhã Ca ("Giải Khăn Sô Cho Huế," "Hoa Phượng Đừng Đỏ Nữa"), nhà văn Dương Nghiễm Mậu ("Con Sâu," "Cánh Cửa Sau Cùng"), nhà thơ trào phúng Tú Kếu, ông Nguyễn Đình Vượng làm nhà xuất bản, nhà thơ Viên Linh, v.v.

Chế độ Diệm suy đồi, ông cùng bạn bè góp sức làm tờ báo Ngàn Khơi, nửa công khai (kiểm duyệt đục bỏ lung tung cả cột, có khi cả trang), nửa chui (bản không kiểm duyệt được mang đi bán khắp Sài Gòn).

Kể về trình tự thời gian, quyển hồi ký xem như kết thúc sau đảo chánh 1963. Ông mua được một căn nhà nhỏ ở một xóm ruộng ngoại ô Sài Gòn, và bắt đầu bước vào nghề văn thực sự.

Chấm dứt thuở chỉ "mơ" làm văn sĩ chăng?

Không phải thế.

Giấc mơ chỉ "thành" được trong một thời gian. Hai mươi năm viết lách và đi tù - khoảng thời gian không ghi lại trong hồi ký. Sau đó, rơi trở lại vào hoàn cảnh chỉ được "mơ làm văn sĩ." Trong những câu chuyện kể lại, kiểu như cập nhật hóa, tác giả đã cho thấy, cái "thuở mơ làm văn sĩ" nó có hai đầu - đầu trước, khi tác giả còn phấn đấu để trở thành nhà văn, là phần chính trong sách. Nhưng vẫn có bóng dáng của đầu sau, khi tác giả đã là nhà văn phải gác bút, mộng lại hoàn mộng.

Giấc mơ hai đầu. Một đầu hướng về những điều chưa đến. Đầu kia nhìn lại những gì đã mất.

Như khi nói về Duyên Anh, tác giả kể:

Khi ấy Duyên Anh làm công chức, cán bộ gì đó ở Thanh Niên Cộng Hòa. Anh hay đến nhà in Nguyễn Đình Vượng in sách báo gì đó trong bộ quần áo xanh cán bộ Thanh Niên Cộng Hòa trên chiếc Vespa Italic....

[H]ai mươi mấy năm sau,... Duyên Anh gặp tôi ngồi ăn với nhau một bữa ban đêm ở chợ Thái Bình, trước nhà in Nguyễn Đình Vượng xưa. Anh đưa tôi xem mọi thứ giấy tờ ra đi theo diện ODP. Nhưng rồi anh gấp lại:

— Tao đầy đủ giấy tờ để ra đi hợp pháp, nhưng tao không làm chuyện này. Tao vượt biên, đi vậy mới đáng mặt....

(trang 217-218)

Đầu trước, đầu sau. Một đầu là một nhà văn đã có sách xuất bản với một người mới cầm bút. Đầu kia một người sửa xe đạp và một người nói chuyện vượt biên.

Với Vũ Bằng:

Hai mươi năm sau tôi còn thấy nhà văn Vũ Bằng, bậc đàn anh trên văn đàn, lọm khọm đi thu gom những mẩu chuyện tiếu lâm ở chợ trời trong thành phố được tái chiếm.... Tôi hỏi ông làm gì vậy? Ông trả lời đồ ngu, tao làm việc này như tao viết "Miếng Ngon Hà Nội" thuở nào, cứ gom lại đã không cần xuất bản.

(trang 205)

Một đầu là một "bậc đàn anh trên văn đàn," đầu kia là một người viết "không cần xuất bản."

Với nhà văn Dương Hùng Cường ("Buồn Vui Phi Trường," "Lính Thành Phố," "Vĩnh Biệt Phương"), một người bạn Không Quân:

Tôi không ngờ lần gặp Dương Hùng Cường ấy, sau đó chúng tôi trở nên thân tình trong tình đồng nghiệp kéo dài mấy chục năm trời, đến khi nghe tin anh chết trong trại tù, lúc tôi đang là thợ sửa xe đạp ngồi ngoài lề đường... Ly rượu "nước mắt quê hương" tràn đầy cụng nhau ở quán Mười Hai Bến Nước đường Trương Minh Giảng khi chúng tôi là kẻ ngã ngựa.

(trang 127)

Với các tác phẩm của chính mình:

Tại sao bốn mươi năm sau, một buổi chiều tôi lại chảy nước mắt, khi tôi ngồi đọc lại cuốn tiểu thuyết Kinh Nước Đen của tôi, xuất bản từ gần bốn chục năm về trước?... Cuốn sách tìm lại được, nằm ở một nhà cho thuê truyện ... Đã có một thuở người ta gọi tôi là văn sĩ hay nhà văn có tác phẩm bán chạy và cũng đủ ăn đủ tiêu. Thuở đó xa rồi, chỉ còn lại tôi già cỗi và căn nhà xưa xiêu vẹo này, nếu tôi không biết ăn vạ biết lăn đùng ngã ngửa ra thì cũng mất lâu rồi.

(trang 239-240)

Thì ra tác giả cũng hé cho người đọc thấy rằng cái thuở mơ làm văn sĩ có khúc trước và khúc sau. Mơ được viết, rồi viết được rồi, nhưng sau lại chỉ được mơ.

Trong đời mơ làm văn sĩ ấy, tác giả đã là nhân chứng cho nhiều sự kiện lịch sử. Đến cái khám Chí Hòa ai cũng biết tiếng, ông đã vào nằm đó cả một năm. Ông là một loại "người trong cuộc" theo đúng nghĩa của chữ đó.

Người trong cuộc, nhưng cứ bị như người ngoài cuộc.

Đây chính là bi kịch lớn nhất trong sách. Không những của riêng ông Nguyễn Thụy Long, mà còn của hầu hết người Việt Nam.

Từ chuyện nhỏ hàng ngày, cho đến chuyện quốc gia đại sự, nó là chuyện của mình rõ ràng ấy, mà mình cứ bị bỏ qua một bên như người ngoài.

Nguyễn Thụy Long viết bài đăng báo. Tác phẩm đầu tiên được đăng, ông đã *"tra trong nhiều quyển từ điển Hán Việt mới tìm ra"* một bút hiệu ưng ý, đến lúc báo đăng truyện, *"'người ta' quên bẹng mất không ghi bút hiệu"* của ông mà ghi luôn tên thật. Bút hiệu của mình, người ta không xem ra gì, cứ tự tiện ghi tên khác dù là tên thật. Chuyện ông lăm le làm văn sĩ bị lộ, chú ông nện cho một trận. Mới chỉ là chuyện nhỏ.

Mẹ ông vỡ nợ, phải đi buôn bên Lào. Ông vào lính Không Quân. *"Cấp binh nhì lương 916$50 một tháng. Năm hào cắc lẻ không bao giờ được lãnh. Tôi không biết nó đi đâu."* (1) Tiền của mình rõ ràng, người ta không hỏi gì mình, cứ tự tiện bỏ túi.

Viên Linh và Trần Dạ Từ (lúc bấy giờ mới 13 tuổi, mang bút hiệu Hoài Nam) ở trong trại học sinh di cư Phú Thọ. Trại có tiền nhà nước, nhưng *"vị quản lý trại đó tham nhũng tiền cấp dưỡng, nên các học sinh phải ăn uống rất kham khổ."* Đến khi trại giải thể, *"[n]hững kẻ quản lý trại ấy trở nên giầu sụ."* Cơm của mình, người ta không cho đụng đến, bỏ túi.

Trong Không Quân, Nguyễn Thụy Long được giao trách nhiệm giữ kho nhiên liệu. Xăng, xi măng, tôn, sơn, hàng viện trợ nằm trong kho của ông. Dùng cho quân đội thì ít, mà cho cấp trên dùng và bán ra chợ đen thì nhiều. Bảo xuất thì phải xuất, chẳng nói được tiếng nào. Bị bắt quả tang, ông trung úy trưởng phòng chối bay, bỏ ông làm *"con chốt thí"* cho an ninh quân đội bắt nằm tù. Cũng may là ông có mảnh giấy ông trung úy ghi tóm tắt những món ông ta cần. Nguyễn Thụy Long thoát tù, lại còn bị lên lớp, *"Lần sau thì cậu phải cẩn thận, đừng có la cà để an ninh nó tóm được."* Ông nói ngay, *"Báo cáo trung úy, sẽ không có lần sau với tôi, xuất kho phải có chứng từ, nếu không tôi lại thành thằng ăn cắp."* Và thế là *"[m]ấy ngày sau tôi đi khỏi kho nhiên liệu để làm thứ lính tạp dịch trong phi đoàn."* Trách nhiệm của mình rõ ràng, người ta bắt mình phải làm ngược lại. Mình muốn làm đúng trách nhiệm, là cho đi chỗ khác.

Năm 1961, Nguyễn Chánh Thi đảo chánh. Một đầu mối quan trọng là sân bay Tân Sơn Nhứt. Nguyễn Thụy Long có mặt tại đó. Người trong cuộc đấy. Nhưng chỉ với tư cách một tù binh. Nguyễn Chánh Thi lúc bấy giờ là đại tá Nhảy Dù, việc đầu tiên là sai lính Dù bỏ tù lính Không Quân. Chính người lính Dù làm việc ấy cũng chẳng được cho biết gì. Người trung sĩ Dù bảo *"Nhảy Dù chúng tớ được tin Việt Cộng xâm nhập khắp thành phố, nên Nhảy Dù tới thanh lọc đấy chứ."* Rồi lại than *"khi hành quân tớ nghe nói khác bây giờ người chỉ huy lại nói khác."* Chiếm xong sân bay, đảo chánh chưa thành, không ai được đi đâu, cả lính canh lẫn lính tù biến thành lính đói. *"Không biết cuộc đàm phán giữa phe cách mạng và tổng thống diễn ra thế nào, nhưng tất cả binh sĩ Nhảy Dù chiếm sân bay đều đói, không bữa sáng, không bữa trưa và không cả bữa cơm chiều.... Lính Không Quân trong phi trường cũng đói lây, không đâu bán đồ ăn, mà ai phải ở chỗ nấy."* Đánh nhau là chuyện sinh mạng của người lính. Mạng sống của mình rõ ràng, mà chẳng ai coi ra gì, muốn sai đánh ai, đánh lúc nào, thì cứ sai.

Mà có phải chỉ có lính thấp cổ bé miệng không thôi đâu. Đến ngày cuối cuộc đảo chánh, một sĩ quan đang bị bắt, *"Trung úy Phan Phụng Tiên, hoa tiêu vận tải bị gọi ra, đưa ra phi đạo. Ông lên máy bay, rồi xăng được tiếp, một chiếc xe nạp điện chạy đến cạnh máy bay mở máy nạp điện."* Cứ tưởng sẽ chở tổng thống đi lưu vong đâu đó. Đến phút chót mới biết là đảo chánh thất bại và người đi lưu vong không phải ông Diệm mà là ông Thi. Máy bay của mình, chuyến bay của mình, "phe" mình là phe thắng rõ ràng, thế mà cũng chẳng ai bảo mình một tiếng.

Qua đến thời cộng sản, những đứa con tinh thần của tác giả bị nhà nước vất đi mà chẳng làm gì được cả. Sau 1975, sách của Nguyễn Thụy Long phải đem đốt, trong cuộc bài trừ văn hóa đồi trụy và phản động. Đến thế kỷ mới, ông mới tìm lại được một bản.

Tại sao bốn mươi năm sau, một buổi chiều tôi lại chẩy nước mắt, khi tôi ngồi đọc lại cuốn tiểu thuyết Kinh Nước Đen của tôi, xuất bản từ gần bốn chục năm về trước?... Cuốn sách tìm lại được, nằm ở một nhà cho thuê truyện, bìa đóng bằng giấy dầu mầu nâu xỉn, đã trốn thoát trong cuộc hỏa tai năm 1976, hai mươi lăm năm qua tôi không rõ nó lưu lạc và ẩn náu ở đâu, bây giờ nó trở về trong chính vòng tay của cha nó.... Riêng tâm hồn tôi bị tổn thương thì kệ tôi, tôi vẫn tiếp tục đi tìm những đứa con bị thất lạc, tôi đã thấy vài đứa như thằng bé tội nghiệp này.

(trang 239-240)

Quyển "Thuở Mơ Làm Văn Sĩ," cũng chẳng được ra đời nơi nó thai nghén. Sách của mình đấy, con tinh thần của mình đấy, phải xin mới được in, mà có ai cho!

Cứ thế, người trong cuộc cứ bị bỏ ngoài cuộc. Dân làm chủ nhưng nhà nước quản lý. Cái bẩn của một chế độ độc tài, hay quân phiệt, là ở chỗ đó. Nó coi thường người dân, coi thường người lính, coi thường bất cứ ai không ở trong não bộ lãnh đạo.

Phải khi nhất quyết không phục tùng chế độ như thế, người ta mới thực sự là người trong cuộc, và thực sự làm chủ cuộc đời mình.

Trong cuộc đời Nguyễn Thụy Long, đó là thời gian ông làm báo Ngàn Khơi. Báo Ngàn Khơi là một tờ báo nửa chui nửa chính thức.

Ông chủ nhà in [Nguyễn Đình Vượng], Tú Kếu, tôi kéo nhau lên lầu, ngồi ngay sàn gác đánh chén và bàn kế hoạch phát hành báo. Làm thế nào tờ báo nguyên vẹn đến tay độc giả và tờ bị kiểm duyệt nộp lưu chiểu cho Bộ Thông Tin vẫn hợp pháp, tuân hành lệnh kiểm duyệt.

Rượu vào, lời ra, chúng tôi tìm ra giải pháp. Nghĩa là in hai ấn bản, số ít thôi có kiểm duyệt tại nhà in Nguyễn Đình Vượng, mang về tòa soạn phát hành và nộp lưu chiểu. Ấn bản không dục đẽo được mang bản in qua nhà in khác in bí mật và cũng nộp bí mật qua các em học sinh có tâm huyết. Phát hành trong những cuộc biểu tình đấu tranh như phổ biến truyền đơn... Chưa bao giờ tôi thấy say mê làm báo như lúc ấy.

(trang 228) Không say mê sao được! Lần duy nhất trong quyển sách này, người đọc thấy tác giả tự nắm được vận mệnh của mình. Bài viết ra không phải "bị ngăn chặn phát hành, bị Bộ Thông Tin dục đẽo nham nhở."

Tờ báo không qua mặt được chính quyền; chủ bút Trần Dạ Từ bị mật vụ bắt. Nhưng riêng tác giả và những người khác trong báo Ngàn Khơi vẫn nắm được phần chủ động. *"Báo vẫn ra, những bài viết đấu tranh ngày một hung hãn tợn hơn, những em học sinh giúp báo phát hành."*

Nguyễn Thụy Long không làm chính trị, không phải chuyên viên xuống đường, cũng chẳng phải triết gia gì. Nhưng trong cuộc đời ông, người ta nhìn thấy chân lý mà nhiều lý thuyết gia đã nói tới: Con người ta phải làm chủ chính mình. Không ai có thể bắt những người trong cuộc đứng ngoài cuộc mãi được.

Bi kịch của người làm văn sĩ, chính là bi kịch của một người cứ khăng khăng muốn đi theo đường của mình, muốn làm chủ việc của mình, trong một xã hội cứ lăm le vất người ấy ra ngoài cuộc.

Trong một xã hội như thế có những người sống được, lại sống rất sung túc nữa. Như những vị quản lý trại học sinh Phú Thọ. Hay như người thay Nguyễn Thụy Long trông kho nhiên liệu. *"Tay hạ sĩ thay thế chỗ tôi có vẻ ăn nên làm ra... Kho nhiên liệu trở thành cây xăng... Hắn biết kinh doanh và biết điều với những xếp cấp trên."* Đến bây giờ, Việt Nam vẫn đầy rẫy những hạng người đó.

Nhưng nhà văn thì không thể thế. *"Liêm sỉ con người được thể hiện trung thực qua ngòi bút, ngòi bút mảnh mai và bền bỉ."* Ngòi bút trung thực có cái giá của nó. *"Tôi biết thêm rằng sự tự do tư tưởng cần thiết như thế nào. Điều này rồi đây suốt một đời cầm bút phải trả giá đắt, đắt mà rẻ."* Như nhà văn Dương Hùng Cường, đang ngồi trong nhà tù lính mà nói với ông an ninh: *"Thiếu úy thấy tôi đã sợ ai chưa? - Bởi vậy anh mới vô đây."*

Thuở mơ làm văn sĩ, chính là thuở mơ vượt qua được cái xã hội vô liêm sỉ, được làm chủ bản thân và số mệnh. Roi vọt không ngăn cản được.

Cái thuở ấy có hai đầu, một đầu lúc muốn làm chủ vận mệnh mình, đầu kia là đã làm chủ vận mệnh mình rồi, sau đó lại mất đi, *"trong cuộc hỏa tai," "trong thành phố đã được tái chiếm," "khi chúng tôi là kẻ ngã ngựa".*

Có ai không thấy số phận nhà văn giống số phận một dân tộc.

Chẳng phải tự nhiên mà người chú ông Nguyễn Thụy Long nghiệm ra rằng, "đời kẻ nghệ sĩ khổ lắm con ơi, nhất là nghệ sĩ ở đất nước mình."●

1. Dường như nhà in sắp chữ sai. Ở trang 105 in là *"Lương tân binh của chúng tôi hồi đó chỉ có 516$50, trừ tiền cơm,"* sang đến trang 113 lại in là *"Cấp binh nhì lương 916$50 một tháng."*

BÌNH MINH CỦA LUẬT PHÁP

- VÀI TRUYỆN MINH HỌA

NGUYỄN VĂN THÀNH

Luật pháp có tính phổ quát và đa dạng đề cập tới đời sống hàng ngày của người dân trong xã hội qua mọi thời đại. Những sự tương tranh về quyền lợi cá nhân hay tập thể diễn ra không ngừng như đêm nối tiếp ngày, cần được giải quyết một cách thỏa đáng. Nếu không có sự xung đột về quyền lợi tương phản chắc rằng xã hội sẽ không cần tới luật pháp. Xã hội ngày càng thay đổi lại càng cần tới luật pháp. May mắn thay khi luật pháp thay đổi, xã hội cũng thay đổi theo.

Vào khoảng 2000 năm trước Công Nguyên, ta thấy những xã hội sớm nhất đã hình thành tại cổ thành Sumer và Babylon, hiện nay nằm ở vùng Đông Nam và miền Trung nước Iraq. Người dân trong xã hội đó đã có Bộ Luật Lipit-Ishtar, tên của người chăn cừu thông thái, và Bộ Luật lấy tên vua Hammurabi trị vì Babylon. Một hệ thống pháp lý đã ra đời nhưng hãy còn sơ sài.

Phải đợi đến thế kỷ 13 trước Công Nguyên, mới thấy sự xuất hiện một hệ thống pháp lý theo đúng nghĩa, qui định thủ tục và hình phạt trong Bộ Luật Môi-Se tức cổ luật Do Thái (Mosaic code) có hiệu lực suốt tám thế kỷ cho đến khi các nhà Tiên Tri canh cải Bộ Luật đó. Ảnh hưởng của Bộ Luật Môi-Se vào sự phát triển nền văn minh Tây Phương thật đáng kể. Các truyện chọn lọc trong Kinh Cựu Ước đã bổ sung cho ảnh hưởng đó được coi như một phần di sản của thế giới ngày nay.

Truyện Cain và Abel, phán xét của vua Solomon cùng Susanna và các trưởng lão đặt ra những vấn đề pháp lý liên quan mật thiết tới quyền lợi căn bản của con người và đặc biệt đề ra khía cạnh triết lý của từng truyện. Vấn đề cá nhân vô tội hay có tội đã được thảo luận từ thời cổ xưa. Tội lỗi cá nhân được hiểu theo ý nghĩa nào? Sự vô tội của con người được giải thích ra sao? Kể từ khi con người có ý thức về chính mình và về xã hội, vấn đề đó đã được nêu ra và cho đến tận ngày nay vẫn luôn được nhắc nhở trong các phiên xử và trong lương tâm của con người.

Một vấn đề khác: có nên duy trì án tử hình hay bãi bỏ? Ngay những điều qui định trong Bộ Luật Môi-Se như "mạng đền mạng" không phải lúc nào cũng áp dụng. Cain giết em chỉ bị xử phạt lưu đày thể hiện tinh thần nhân đạo đối với hình phạt quá khắc nghiệt. Ngày nay cũng vậy, có nhiều nước tại Âu Châu bãi bỏ án tử hình nhưng phần đông các Châu khác vẫn duy trì hình phạt đó. Vấn đề vừa đề cập được đưa ra bàn cãi từ ngàn xưa và cho đến nay hãy còn là đề tài được tranh luận sôi nổi chưa có câu trả lời dứt khoát.

Ngoài ra, Môi-Se còn sáng tạo những nguyên tắc đầu tiên, trên 3000 năm nay, như sự phân lập giữa thần quyền và thế quyền hay tôn giáo với nhà nước, sự độc lập của ngành tư pháp và cấu trúc thượng tầng của luật Môi-Se nhằm bảo vệ hình thức dân chủ của chính quyền dân sự khá vững mạnh tồn tại suốt tám thế kỷ.

Trong bài viết này, chúng tôi xin trình bày hai phần: tóm tắt ba Bộ Luật và vài câu truyện minh họa.

PHẦN THỨ NHẤT: BA BỘ CỔ LUẬT

1. Bộ Luật Lipit-Ishtar (1)

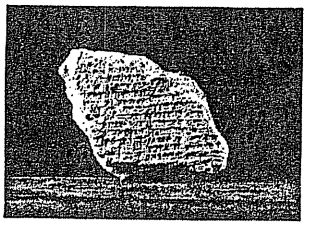

The University Museum,
University of Pennsylvania,
Philadelphia

Bộ Luật lấy tên của người chăn cừu thông thái Lipit-Ishtar được khắc trên đá, 1860 trước Công Nguyên, tại cổ thành Sumer và Babylon nằm trong hạ lưu sông Euphrates, nay là miền Trung nước Iraq.

Sau này, Lipit-Ishtar cai trị cổ thành Isin từ

năm 1868 đến 1857 trước Công Nguyên, đã có công qui định một hệ thống pháp lý rất sớm tại Sumer và Akkad, từng có thời là kinh đô của Đế quốc Babylonia. Các nhà khảo cổ đã khám phá vào thập niên 1930, Bộ Luật tại Nippur viết bằng tiếng Sumerian, nay là miền Đông Nam nước Iraq.

Xin trích một vài điều khoản qui định trong Bộ Luật Lipit-Ishtar:

Nếu người nào vào vườn cây ăn quả (thường rào kín) của người khác để ăn trộm, sẽ bị phạt phải trả 10 Shekels bạc, đơn vị tiền tệ của người Do Thái.

Nếu người nào vào vườn chặt cây của người khác sẽ bị phạt một nửa đồng Mina bạc, đơn vị tiền tệ của người Hy Lạp, Ai Cập... tương đương 50 Shekels bạc.

Nếu người nào thuê con bò và gây thương tích ở mũi nó, sẽ phải trả một phần ba giá tiền của con bò.

Nếu người nào thuê con bò và làm gẫy sừng của nó, sẽ phải trả một phần tư giá tiền của con bò.

Nếu người nào thuê con bò và gây hư hại đuôi nó, sẽ phải trả một phần tư giá tiền của con bò.

Xem như vậy, con bò được coi trọng không những giúp người canh tác hay chuyên chở mà còn là con vật để sinh lời. Sự qui định phạt kẻ nào vào vườn cây ăn quả của người khác để ăn trộm hay chặt cây cho thấy người dân có quyền tư hữu được luật pháp bảo vệ từ thời đó.

2. Bộ luật Hammurabi (2)

Bộ Luật nổi tiếng được khắc trên đá lấy tên Hammurabi, vua cổ thành Babylon vào thế kỷ 18 trước Công Nguyên. Bộ Luật này đã thiết lập một hệ thống pháp lý đầu tiên và quan trọng trong thời kỳ vua Hammurabi thống trị Babylon (1792 1750 trước Công Nguyên). Các nhà khảo cổ đã khám phá vào năm 1931, Luật Hammurabi viết bằng tiếng Akkad vùng Bắc Babylonia (2000-2100 trước Công Nguyên) tại Susa, hiện là cổ thành về miền Tây nước Ba Tư (Iran).

Có nhiều điều khoản, tuy sơ sài, cũng qui định thủ tục xét xử và hình phạt như sau:

Nếu pháp quan nào đã tuyên án và sau đó, lại hủy bỏ bản án do mình tuyên, sẽ bị bãi chức.

Nếu người nào hủy hoại mắt của người khác sẽ thấy mắt của mình cũng bị hủy hoại như thế.

Nếu người nào bẻ gẫy xương của người khác sẽ thấy xương của mình cũng bị bẻ gẫy như thế.

Nếu người nào nhổ răng của người khác sẽ thấy răng của mình cũng bị nhổ như thế.

Nếu người nào đánh chết một người khác, dù kẻ đó là ai, sẽ bị xử tử.

Nếu vợ của người nào bị bắt đang nằm với người đàn ông khác, cả hai sẽ bị trói và ném xuống nước.

Nếu người (đàn ông) nào, sau khi cha chết, nằm trong lòng mẹ, sẽ cùng với người mẹ bị thiêu chết.

Nếu người nào tố giác một người khác về tội sát nhân nhưng không thể kết tội người đó được, sẽ bị xử tử hình.

...

Đọc qua các điều khoản trên, ta thấy Luật Hammurabi bắt nguồn từ tôn giáo và phong tục tập quán đã áp dụng các nguyên tắc:

Mạng đền mạng
Mắt đền mắt
Răng đền răng
Xương đền xương

3. Bộ luật Môi-se (3)
(Mosaic code)

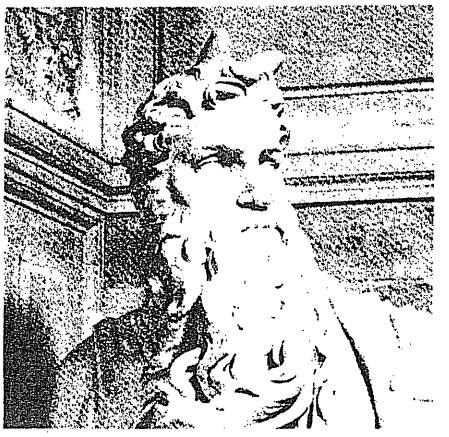

Luật Do Thái, tiêu biểu là Bộ Luật Môi-Se xuất hiện vào thế kỷ 13 trước Công Nguyên, được qui định chính yếu trong Năm Sách đầu của Môi-Se trong Kinh Cựu Ước gọi là Sáng Thế Ký (Pentateuch). Luật Môi-Se chính yếu được phân chia ra ba loại:

Sự quan hệ giữa cá nhân với cá nhân, cá nhân với quốc gia và cá nhân đối với Thượng Đế.

Những điều qui định trong Bộ Cổ Luật Môi-Se khá phong phú như:

Luật về tang chế
Phạt tiên tri giả
Phạt tội tà thần
Sự lập giao ước
Lời hứa và sự hăm dọa
Kết hôn
Quyền trưởng tử
Trừng trị các con bội nghịch
Luật về đánh đòn

Về tội đại hình, nguyên tắc quan trọng được áp dụng:

Mạng đền mạng
Tay đền tay
Chân đền chân

Bộ Luật Môi-Se đích thực là văn kiện lập pháp đầu tiên được thảo ra và làm lu mờ tất cả các luật trước vì chứa đựng tinh thần nhân đạo, yêu chuộng công lý và dân chủ. Luật lệ của Môi-Se minh định những quyền của cá nhân không bao giờ bị lệ thuộc vào nhu cầu của nhà nước. Người dân có thể làm bất cứ điều gì nếu không bị luật minh thị cấm đoán. Do đó, ta thấy cấu trúc thượng tầng của Luật Môi-Se đã tạo những điều kiện thuận lợi cho sự xuất hiện một hình thức dân chủ trong chính quyền bền vững suốt tám thế kỷ.

Ngoài ra, Luật Môi-Se đã đặt ra những nguyên tắc đầu tiên về sự phân lập giữa tôn giáo và nhà nước. Mặc dầu giới giáo sĩ có quyền giải quyết các vụ tranh tụng không được qui định ở Bộ Luật Môi-Se nhưng không thể đứng trên chính quyền dân sự (Sách thứ Năm chương 17: đoạn 8 đến 12-Deuteronomy). Không những vậy, giới giáo sĩ còn có trách nhiệm phải bảo vệ chính quyền đó trong khuôn khổ luật pháp Môi-Se cũng giống như Tối Cao Pháp Viện Hoa Kỳ không thể ở trên chính quyền liên bang mà cũng có trách nhiệm giữ chính quyền đó trong khuôn khổ của Hiến Pháp vậy. Môi-Se cũng đặt ra nền móng của sự phân quyền khác rất cần thiết cho bất cứ một nền dân chủ nào. Đó là sự độc lập của ngành tư pháp.

Hiện nay, ở thế kỷ 21 này, còn có rất nhiều nước trên thế giới, ngoại trừ các nước văn minh, đang đối đầu để giải quyết những vấn đề pháp lý mà Môi-Se đã đặt ra để áp dụng trên 3000 năm nay.

Tiếp theo Bộ Luật Môi-Se, ta thấy các luật gia lỗi lạc đã đóng góp liên tục những công trình nghiên cứu quan trọng vào sự phát triển luật pháp Tây Phương ảnh hưởng mạnh mẽ khắp nơi trên thế giới, đặc biệt đối với thuộc địa của Anh và Pháp.

Mặc dầu Pháp bị ảnh hưởng luật La Mã, nhưng nước Pháp rất tự hào có Bộ Luật Nã Phá Luân (Napoleonic code) tác động cực mạnh vào hệ thống pháp lý trên khắp thế giới. Bộ Luật gồm có Dân Luật (1804), Luật Dân Sự Tố Tụng (1806), Luật Thương Mại và Luật Hình Sự Tố Tụng (1808), và Hình Luật (1811).

Với văn phong pháp lý tuyệt hảo, năm bộ luật trên được coi như một kho tàng của luật pháp và văn học.

PHẦN THỨ HAI: TRUYỆN MINH HỌA

1. Vụ Cố Sát Abel (4)

Có lẽ vụ sát nhân nổi tiếng nhất trong nền văn minh Tây Phương là vụ anh em giết nhau được thuật trong Sách thứ Nhất của Môi-Se (Moses) , Chương 4, đoạn 1-16 (Book of Genesis, 4:1-16). Các sự kiện như duyên cớ, phiên xử và bản án gồm những câu ngắn gọn đủ giúp chúng ta có thể, không khó khăn lắm, diễn lại đủ sự việc xẩy ra tại hiện trường.

Vụ sát nhân diễn tiến như sau:

Cain và Abel là anh em, con của ông Adam và bà Ê-Va. Cain làm nghề nông, còn Abel chăn cừu. Hai anh em mang lễ vật dâng Chúa.

Cain dâng trái cây và Abel dâng chiên đầu đàn và mỡ của nó. Không rõ vì lý do gì, Chúa nhận lễ vật của Abel và không đoái tới lễ vật của Cain. "Cain tức giận không còn giữ được sự bình tĩnh nữa" Cain cúi gằm mặt xuống tỏ vẻ ghen tị với người em mặc dầu Chúa đã cảnh cáo y không được có thái độ như vậy đối với em. Không nghe theo tiếng gọi của lương tâm, Cain chờ cơ hội thuận tiện "khi hai anh em ở cánh đồng vắng, Cain nổi giận xông tới giết chết em." Những chi tiết ghi trong hồ sơ vụ án thật giản dị; một tội phạm nghiêm trọng thông thường luôn luôn xảy ra do sự ghen tị, căm ghét và giận dữ.

Có hai sự kiện chính được coi như bằng chứng để buộc tội Cain: người ta đã trông thấy Cain và Abel cùng đi ra cánh đồng nhưng khi trở về chỉ thấy có một mình Cain thôi. Máu của người em bị giết đổ ra trên đất kêu gào sự báo thù thấu tới Chúa. Cuộc điều tra bắt đầu. Chúa cho đòi Cain tới để phán xét. Chúa hỏi: "Em ngươi ở đâu?" Cain trả lời "Thưa, tôi không biết. Tôi là người giữ em tôi." Câu trả lời như vậy càng tăng thêm sự nghi ngờ. Một người vô tội bị buộc tội giết em không bao giờ trả lời như vậy. Cuối cùng Cain giữ im lặng coi như là biện pháp hay nhất để tự biện hộ vì không có một nhân chứng nào chứng kiến vụ án mạng đó. Cain đã quên có một nhân chứng, máu của người em, đã tố giác hành vi sát nhân của y trong câu hỏi sau "Ngươi đã làm điều chi vậy? Tiếng máu của em ngươi từ dưới đất kêu thấu đến ta."

Theo thủ tục cổ xưa, cuộc thẩm vấn tại Tòa thật sơ sài nhưng cũng có đủ bằng chứng cho rằng Cain có tội. Bị can không bị kết án tử hình nhưng bị hình phạt lưu đày.

Qui chế đầu tiên liên quan tới vấn đề sát nhân được qui định như sau trong Sách IX, chương 6 "Kẻ nào làm đổ máu của người khác sẽ thấy máu của mình đổ ra như thế." (Who so sheddeth man's blood, by man shall his blood be shed." Cain sợ chết, thưa "Chúa đuổi tôi ra khỏi đất này, khi sống lưu lạc e có người gặp tôi, họ sẽ giết tôi." Bởi cớ ấy, Chúa phán, "Nếu ai giết Cain thì sẽ bị báo thù bảy lần." Chúa đóng dấu trên mình Cain để cho mọi người biết không được giết Cain.

Phạm nhân Cain bị xua đuổi khỏi khu dân cư đông đúc, bị lưu đày vào chốn hoang vu tại xứ Nod về phía Đông Eden, nơi đó không có gia đình, luật pháp và Thượng Đế che chở cho y.

2. Vua Solomon Xử Án (5)

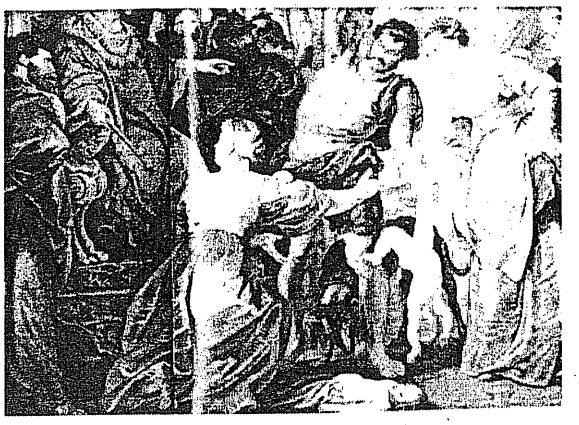

Vua Solomon đang ngồi ở phòng xử án, bỗng có hai con bợm vào phòng xử và đứng trước mặt vua khai, "Chúa tôi ơi! Người đàn bà này ở chung một nhà với tôi và tôi sinh đứa con trai. Sau ba ngày, người đàn bà này cũng đẻ đứa con trai. Chỉ có hai chúng tôi ở chung với nhau, không có kẻ lạ nào ở với chúng tôi. Đứa con của bà này chết bởi vì bà ta đã nằm đè lên nó. Khoảng nửa đêm, bà ta thức dậy ôm đứa con của tôi vào lòng rồi đặt đứa bé chết vào lòng tôi. Sáng sớm khi thức dậy để cho con bú, tôi thấy nó đã chết. Tôi nhìn kỹ càng nhận thấy nó không phải là con của tôi."

Rồi người đàn bà kia trả lời, "Đứa sống là con trai tao, đứa chết là con trai mày." Người đàn bà này nói, "Đứa chết là con trai mày, đứa sống là con trai tao." Họ khai như thế trước mặt vua Solomon.

Với các sự kiện như vậy, hai bên tranh chấp đứa bé trai còn sống thỉnh nguyện vua phán xét. Chỉ có lời khai trái ngược của hai bên tranh tụng. Không có nhân chứng, chồng, bạn hữu và thân nhân ra khai trước Tòa. Phương pháp điều tra thời đó phần nhiều dựa vào sự sáng suốt và uyên bác của pháp quan. Nếu có đủ nhân chứng để ra Tòa đối chất, vua Solomon có thể tìm ra được sự thật cho thấy ai là kẻ khai gian.

Trước khi tuyên án, vua Solomon làm theo đúng thủ tục của luật Talmud, luật tôn giáo của Do Thái. Vua nhắc lại công khai lời khai của hai bên tranh tụng trước Tòa. Người này nói, "Đứa bé sống là con trai tao, đứa chết là con trai mày." Người kia nói, "Đứa chết là con trai mày, đứa sống là con trai tao." Nhắc xong lời khai trái ngược đó, bất thần vua Solomon ra lệnh, "Vậy, hãy đem cho ta một cây gươm."

Vua đã làm đúng thủ tục phần đầu nhắc lại lời khai của hai bên tranh tụng nhưng phần sau ra lệnh cho đem cây gươm ra đã vi phạm luật Talmud, bị một số người chịu ảnh hưởng của luật Talmud chỉ trích. Luật tôn giáo của Do Thái cấm sự đe dọa để lấy lời khai của hai bên trước Tòa. Tuy nhiên, theo ý nghĩ của dân gian, một pháp quan lỗi lạc cần phải có những phương pháp trực tiếp, nhanh chóng và đặc biệt để tìm ra sự thật trong những vụ án khó khăn.

Khi vua Solomon ra lệnh cho đem cây gươm chỉ có mục đích quan sát hai người đàn bà để xem phản ứng của họ ra sao. Nếu là kẻ gian chắc người đàn bà giả đó sẽ tỏ ra có dấu hiệu sợ hãi; chỉ cần hỏi cung một hay hai câu, người đó sẽ thú nhận. Sự việc diễn ra không theo ý muốn của vua Solomon. Người đàn bà giả mạo rất ương ngạnh, gan lì và rất khôn ngoan, không hề tỏ ra sợ hãi gì cả.

Vua Solomon bèn ra lệnh, "Hãy chia đứa trẻ sống làm hai; phân nửa cho người này, phân nửa cho người kia." Sự đe dọa của vua đã có hiệu quả mong muốn. Người mẹ đích thực của đứa bé vì xúc cảm và thương yêu con mình vội quì xuống tâu với vua, "Ôi, Chúa tôi! Xin hãy cho người kia đứa trẻ sống, chớ giết nó." Người đàn bà giả mạo kia nói, "Nó sẽ chẳng thuộc về tao mà cũng chẳng thuộc về mày; hãy chia nó đi."

Nghe xong lời thỉnh nguyện của hai bên tranh chấp đứa bé trai còn sống, vua Solomon phán, "Hãy cho người này đứa trẻ sống, chớ giết nó; ấy là mẹ nó." Đó là người đàn bà đã xin cho đứa bé được sống, tình mẫu tử thật sự đã khiến bà ta nói lời ấy.

Lệnh, "Hãy đem cho ta một cây gươm." (Fetch me a sword) nổi tiếng dưới triều đại vua Solomon của nước Do Thái (975- 933 trước Công Nguyên) được ghi trong Sách Thứ Nhất về các Vua, chương 3: đoạn 16 đến 28 (First Book of Kings, 3: 16- 28).●

SƯƠNG MAI

LÒNG TÔI

Ôi lòng tôi,
Có cơn bão nhỏ đi qua
Tôi gọi nó là cơn bão trong tách trà
Tôi sẽ dìm nó xuống
Để cơn bão không thể thành cơn bão lớn

Ôi lòng tôi,
Có cơn giông vừa đến
Tôi gọi nó là cơn giông giữa sân nhà
Tôi sẽ giữ nó lại trong phạm vi nhỏ hẹp
Để cơn giông kia, không làm sụp đổ... đời tôi

Ôi lòng tôi,
Đang gợn sóng...
Gió ơi, hãy im đi
Hãy trả lại phẳng lặng cho mặt hồ
Gió ơi, hãy ngưng đi
Cho lòng tôi bình yên

Ôi lòng tôi,
Đang nổi gió...
Tôi sẽ khép lại cánh cửa
Để gió không tràn vào
Làm nghiêng ngả lòng tôi.

01/03/2000

Chú thích:

(1) và (2) *Ancient Beginnings- From The Code of Lipit Ishtar - The Code of Hammurabi - Law: A Treasury of Art and Litterature* edited by Sara Robbins.

(3) Max I. Dimont- *From Jews, God and History* - On Mosaic Law.

(4) và (5) David Werner Amram- *From Leading cases in The Bible* - "The Murder of Abel"- "The Judgment of Solomon"

QUÊ HƯƠNG VÀ MỘT CÕI ĐI VỀ

Bút ký

NGUYỄN VĂN TUẤN

(Tiếp theo)

Người quê chỉ có tấm lòng

Đêm đầu tiên về với quê hương, tôi không cách gì yên giấc được. Cứ trăn trở, suy tư đủ chuyện chẳng đâu vào đâu. Mới bốn giờ sáng, tôi đã thức dậy theo tiếng gà gáy và tiếng máy đuôi tôm dưới sông. Phía sau vườn vẫn còn tối om. Tôi thèm đi dạo quanh một vòng dưới những hàng cau, dừa, xoài, chuối, tre... mà tôi đã từng một thời bỏ công vun trồng. Không có gì thú vị bằng một buổi trưa hè với chiếc võng giăng ngang hàng cau để ngủ. Phía trước sân mấy chú gà góng cổ lên gáy ó o; xong rồi lại cuối xuống mổ vài hạt lúa; rồi lại ngửa mặt lên lấy giọng gáy tiếp. Chao ôi, hơn 17 năm không nghe tiếng gà gáy, giờ này nghe lại nó ngay phía trước sân nhà, lòng tôi vừa bồi hồi vừa hạnh phúc không bút nào tả hết. Ước gì có ngày tôi sẽ về đây sống lại quãng đời sau cùng của mình.

Tôi mon men ra sân nhìn xuống bè qua lại. Thấy tôi đứng trước sân, dù trời còn nhá nhem tối, nhưng một vài người chèo xuống đã nhận ra tôi, và tiếng chào hỏi lại vang lên trên sông: "Mày về hồi nào vậy, Tuấn," "Lát nữa, xuống chợ uống cà phê với cậu nghen," "Chiều nay rảnh hông, ghé nhà tao chơi, mới vỡ chà, có con cá lóc này đã lắm..." Đúng là *"Về đây người quê chỉ có tấm lòng."* Cái câu "có con cá lóc này đã lắm" làm tôi chú ý, vì ngày xưa, ba 30t tôm cá trên sông cực kỳ dễ dàng, chỉ cần cái chài, một cần câu và chiếc xuồng lênh đênh trên sông một vài phút là có đủ bữa ăn, thậm chí còn mang đi bán ở chợ. Những đêm hè, bọn trẻ con chúng tôi chỉ cần một cây đèn dầu lần mò theo những rặng dừa nước một vài giờ cũng có thể kiếm một rổ cá bóng (loại cá này chỉ ở trong khe nước nhỏ). Thế mà ngày nay, do dùng thuốc trừ sâu bừa bãi cộng với việc dùng lưu đạn bắt cá hàng loạt, làm cho nguồn tài nguyên này cạn dần đi. Bây giờ, bắt được một con cá lớn hay một con tôm càng đã là việc khó khăn...

Lang thang cuốc bộ xuống chợ. Trên đường đi phải qua nhà thầy. Ngày xưa, lúc còn học tiểu học, mỗi lần theo Má tôi ra chợ là mỗi lần tôi lo lắng: nếu ngày nào không được "may mắn" đi ngang qua nhà thầy mà phải chạm mặt thầy hiệu trưởng, là hai tay phải khoanh lại cuối rạp người chào hỏi đàng hoàng. Có phải là cực hình gì đâu, vậy mà tôi vẫn sợ gặp thầy. Sau này lớn lên, tôi mới biết được thầy là một trong những tay đá gà cừ khôi trong tỉnh, và là bạn của ông tướng Nguyễn Cao Kỳ (cũng là một tay đá gà danh tiếng). Dù biết vậy, sự kính trọng của tôi dành cho thầy vẫn còn nguyên vẹn. Có lẽ cái uy nghiêm của thầy nó lấn đi những chuyện đời tư của ông. Bây giờ, cái hình ảnh của thầy trong tâm tưởng tôi vẫn là một ông cụ cao cao, đạo mạo, nghiêm nghị, ít cười, lúc nào áo cũng trong quần (dù là ở quê), cái nón phớt màu nâu, và trên tay luôn có cây roi mây.

Căn nhà thầy vẫn còn đó, nhưng cả thầy lẫn cô đã qua đời từ lâu, và con của thầy (một số cũng làm nghề dạy học ngày xưa) đã lưu lạc nơi nào đó trên thành phố, chủ nhà bây giờ là những người lạ mà gia đình tôi chưa quen biết. Tôi đứng trước nhà cũ của thầy một vài giây lát như muốn tìm lại một chút gì quen để nhớ, nhưng tôi thất vọng: cái vách ván màu nâu đen ngày xưa nay đã thành tường gạch tráng xi-măng; cái vườn hoa trước nhà và hai bên nhà mà lũ học trò tôi ngày xưa có lần xung phong trồng tỉa cho thầy cũng không còn, và thay vào đó là cái sân xi-măng to dùng làm chỗ phơi lúa.

Bên cạnh nhà thầy là Nhà thờ và trường tiểu học mà ngày xưa tôi từng theo học. Nhà

thờ ngày nay được xây lại lớn hơn, có vườn cho trẻ em chơi. Tôi hãnh diện là một trong những người có góp tiền vào việc trùng tu Nhà thờ này. Trường tiểu học bây giờ thuộc quyền quản lý của Nhà nước. Trường nghèo xơ xác, tường loang lổ, xiêu vẹo, mái ngói đen xì, có lợp lại vài chỗ bằng tole... trông vô cùng thảm hại. Hình như cả 30 năm nay, trường này chưa bao giờ đ ược trùng tu hay thậm chí sơn phết gì cả. Tôi nghĩ bụng, nếu mình có 10,000 đô-la, tôi sẽ xây lại trường này cho bề thế hơn. Tôi bèn chụp vài tấm ảnh của ngôi trường làm kỷ niệm.

Tôi tần ngần đứng trước trường cũ cố tìm vài kỷ niệm xa xưa. Cái sân trường còn đó, nhưng cột cờ cao vút giữa sân thì không còn nữa. Ngày xưa, mỗi khi bị phạt, lũ học trò chúng tôi từng quỳ gối trước cái sân này. Phía sau trường là cái sân đất bóng trơn và cũng là nơi tôi thường chơi bắn bi với bạn bè. Cũng cái sân đó, có lần tôi bị thầy đánh đau điếng, cô bạn học tên Ng, con bác Ba Tr, thấy tội nghiệp, lại gần cho tôi một miếng quế và nói "Ma 141y ăn cái này là hết đau." Thực ra, quế thì cay cay ngọt ngọt đấy, chứ có trị đau gì đâu! Chả biết bây giờ bạn bè lưu lạc phương nào. Đúng là *"Hôm nay tôi trở về thăm trường cũ / Hỏi lá hỏi hoa bạn cũ đâu rồi."*

Chẳng mấy hồi tôi đã đến chợ. Đi ngang qua nhà may Danh, mà chủ rất gần gũi với Ba Má tôi như bà con; tôi thấy Th, một người bạn học thời tiểu học đang cặm cụi may, tôi ghé vào hỏi thăm. Gặp lại tôi sau hơn 20 năm xa cách, Th. mừng rỡ líu quíu ra mặt, bỏ công việc đang làm để tiếp tôi. Theo thói quen, tôi chìa tay định bắt tay, nhưng nàng đỏ mặt không dám chìa tay ra, và lúc đó tôi chợt nhận ra là mình đang ở một làng quê Việt Nam; tôi cảm thấy bàn tay mình thừa thãi. Tôi xin lỗi. Lại mo t lời thừa thãi. Tôi thấy Th, tuy khuôn mặt có phần già dặn hơn, nhưng vẫn thùy mị, kín đáo như ngày nào. Ngày xưa, Th. có mái tóc dài mượt mà rất "nữ sinh," mà ngày nay lại để tóc ngắn. Cái thay đổi này làm tôi tự nhiên lên tiếng: "Tóc của Th. ngắn hơn xưa quá!" Nàng đưa tay vuốt mái tóc ngắn nói như vừa trách móc, vừa mời gọi kỷ niệm xa xưa: "Anh vẫn còn nhớ mái tóc của Th. ngày xưa à?" Nàng đánh trống lãng, bảo đứa cháu băng ngang chợ mua bún và cà ph ê cho tôi ăn sáng, nhưng tôi khoát tay nói chỉ ghé chốc lát hỏi thăm và sẽ đi. Tôi hỏi cô Danh đâu thì được biết là cô đã qua đời, và anh H, anh của Th, đã trở thành "bê bối" bỏ nhà lên sống ở Thị xã từ lâu, bây giờ chỉ một mình Th và đứa con của anh H ở lại chăm lo nhà may này. Tôi nghe nói một ông Việt kiều nào đó về định cưới Th. và mang sang Mỹ, nhưng nàng nói không có chuyện đó, vì nàng quyết chí ở lại quê nhà, thờ phụng cha mẹ. Trong khi bao nhiêu cô gái ngày nay xếp hàng chờ đi làm vợ cho những ông Đài Loan hay đi nước ngoài, cô bạn tôi, vẫn còn nét đẹp của một hoa khôi ngày nào, lại có một lựa chọn hết sức ý nghĩa và cao thượng. Tôi bỗng dưng cảm thấy mình ích kỷ, và cảm phục tấm lòng gắn bó với quê hương của Th.

Ghé qua chợ. Ngày xưa, chợ này được tổ chức theo mô hình của Chợ Bến Thành ở Sài Gòn. Trung tâm chợ có mái ngói che dành cho những người bán thường xuyên và hình như có đóng thuế, còn chung quanh là sân xi-măng rộng cho người bán không thường xuyên, tức là dân chúng trong làng có gì muốn bán thì ra bán ở đây. Một con rắn, một lố chuột, vài con rùa, một vài ký lô cá tôm, hay vài ký lô thịt trâu, v.v... đều có thể mang ra đây bán. Chỉ cần một cái ghế đẩu và một cái kệ gỗ là đủ. Bao bọc ngoài bốn sân xi-măng là hàng quán bán cà phê, mì, hủ tiếu (nhưng không có phở), vải, phân bón, dụng cụ dùng trong nhà, chạp phô, v.v... Khu chợ ngày nay vẫn như xưa, nhưng được trải dài và rộng ra, vì người bán lẫn người người mua đều nhiều hơn ngày xưa.

Tôi có khá nhiều bà con có sạp bán hàng ở đây. Tôi ghé qua hàng vải của Đ, một cô em họ cùng tuổi tôi, từng làm nghề dạy học trong thập niên 80, nhưng vì đồng lương không nuôi nổi con cái nên quay sang tần tảo làm nghề bán quần áo may sẵn. Còn chồng của Đ, cũng từng là một giáo viên, ngày nay chuyên chạy xe Honda ôm, đưa khách từ làng ra Rạch Sỏi hay thị xã Rạch Giá. Tôi khó mà tưởng tượng nổi một cô giáo xinh đẹp, dễ thương nhất nhì trong làng, tác phong lúc nào cũng tỏ rất mô ph ạm, mà ngày nay lại ngồi bán hàng! Đ. nói cho tôi hay là hàng của em bán không chạy bằng người khác và có khi lỗ lã, vì không có khiếu chào hàng và không nói dối được, nhưng vẫn phải bám lấy để phụ cùng chồng nuôi con. Tôi chỉ biết cười trừ thông cảm. Trường hợp của cô em tôi chỉ là một trong hàng trăm, thậm chí ngàn, giáo viên bỏ nghề dạy học để xoay xở làm những nghề không có dính dáng gì đến trường lớp. Bao nhiêu nhân lực cho giáo dục đã và đang bị phí phạm. Nhà nước hô hào

nâng cao giáo dục người dân, nhưng đối với những người như cô em tôi, những hô hào đó đều vô ý nghĩa.

Lang thang qua dãy phố, tôi cố tìm lại dấu vết kỷ niệm ngày xưa. Bên kia là tiệm hớt tóc của Chú Sáu B, nhưng chú đã qua đời cách đây cả 10 năm, tiệm bây giờ do con chú đảm nhiệm. Hồi xưa, Ba tôi thường hay "dẫn độ" tôi đến đó để hớt tóc chỉ một kiểu duy nhất là hớt cua, và mỗi lần tới là Chú B luôn có một câu hỏi đùa: "Hớt tóc đi cưới vợ hả mạy." Lúc đó, tôi cảm thấy khổ sở mỗi lần phải đến đây, vì bị Chú B uốn đầu qua lại và ne 60u chậm làm theo lệnh của chú ấy, còn bị la rầy nữa chứ! Bên cạnh tiệm hớt tóc của chú Sáu B là tiệm bán chạp phô của chú Ba S, nhưng nay đã thành quán cà phê. Tôi nhớ tiệm này là vì ngày xưa mỗi khi tựu trường, Má tôi dẫn đến đây tìm mua nón cối, loại nón giống như nón cối bộ đội nhưng rộng hơn và làm bằng nhựa. Bọn nhỏ tôi đi học thường đội nón cối này.

Xong ly cà phê với một người cậu và vài bạn của cậu, tôi ghé qua Ủy ban Nhân dân xã để trình giấy cho đúng luật lệ. Tôi thấy Ủy ban được xây thêm đến ba tầng và trông cũng đẹp mắt. Trụ sở Ủy ban này nguyên là nhà của Bác Bảy H, một người có tiếng giàu trong làng và là chỗ thân tình của gia đình tôi; nhưng chả hiểu sao sau ngày 30/4/75, Nhà nước nghiễm nhiên chiếm lấy ngôi nhà và làm trụ sở hành chính. Bây giờ, Bác Bảy tuy đã già, nhưng vẫn đâm đơn kiện hết chỗ n ày đến chỗ khác để đòi lại căn nhà, và Nhà nước cứ hứa hẹn...

Tôi bước vào trình giấy và đếm có khoảng 10 người làm việc trong Ủy ban. Được giới thiệu gặp ông Chủ tịch xã, hóa ra anh này là học trò của người chị họ tôi ngày xưa, học dưới tôi một lớp, nhưng anh ta chỉ học xong đệ ngũ là về làm ruộng. Gặp nhau tay bắt, mặt mừng. Anh ta hỏi tôi về hồi nào, và lại đây làm gì. Tôi nói lại trình giấy tờ chứ làm gì! Anh ta xua tay nói quen nhau mà, lễ phải chi cho mệt. Nói vậy, nhưng anh ta cũng đóng con mộc và ký tên cho đúng luật. Trước khi về, tôi cứ tưởng là mình sẽ được đối đãi như một phần tử "phản động" hay ít ra là sẽ gặp thái độ "lạnh lùng" của chính quyền, chứ không ngờ họ chẳng những chẳng hỏi han gì quá khứ vượt biên của tôi, mà lại còn tỏ ra thân mật, như tình hàng xóm. Anh ta còn hẹn tôi tối đi... nhậu rượu đế. Tôi vui vẻ nhận lời.

Tôi cuốc bộ đến chỗ hẹn ở nhà ông em họ tôi, bây giờ là thủ quỹ của Quỹ Tín dụng trong xã để... nhậu. Trong khi chờ đợi bạn bè và ông Chủ tịch xã, tôi có dịp tò mò hỏi thăm về hoạt động của Quỹ Tín dụng, mà tôi có lần đọc báo Việt ngữ ở hải ngoại chỉ trích dữ dội. Đó là một tổ chức bán tư, bán công. Ở xã tôi, thành phần quản lý quỹ này gồm có một ông giám đốc, một phó giám đốc, một thủ quỹ, và hai ông chuyên đi "field" (tức là cho vay, đòi nợ, v.v...). Mấy người này không dính dáng gì tới chính quyền địa phương (như nhiều bài báo nói), nhưng họ phải thường xuyên báo cáo lên cho Ngân hàng Nhà nước ở tỉnh. Lương của ông giám đốc là một triệu rưỡi/tháng, lương của phó giám đốc và thủ quỹ là một triệu/tháng, tức còn hơn lương Chủ tịch xã. Nguồn vốn của quỹ này được huy động từ hai phần: từ bà con ở địa phương, những người có tiền dư (khoảng 40%), phần còn lại vay từ ngâ n hàng nhà nước (60%). Ban điều hành quỹ mang nguồn tiền này cho bà con thiếu vốn vay làm ăn. Tiền lời cho vay ra ngoài khoảng 4% /năm. Không phải họ cho vay bừa bãi đâu, nhưng họ đều chọn đối tượng cho vay mà họ nghĩ là có thể thu hồi lại tiền vốn và ít lời để trả cho hai nguồn tài trợ trên đây. Đối tượng cho vay được chọn là những người có tài sản, những người có thành tích "credit" tốt, hoặc được giới thiệu hay bảo trợ từ những người hàng xóm hay Trư ?ng ấp. Sau khi thu hoạch mỗi mùa, bà con trả lại cho quỹ tín dụng. Có người còn vay thêm để làm ăn lớn hơn.

Tôi tò mò hỏi nó nếu người vay vì lý do chính đáng nào đó không trả được thì Ban điều hành dùng biện pháp gì. Ông em họ tôi cho biết là quả đã có vài trường hợp mà người vay không trả được nợ vì tai nạn, rủi ro, vì người lao động chính qua đời, v.v... và những trường hợp này, Ban điều hành cũng... đầu hàng bằng cách âm thầm xóa nợ và lờ đi không đòi nữa (nhưng không dám nói cho con nợ biết). Tính tới nay, chương trình quỹ tín dụng này rất thành công trong xã tôi. Tôi gặp nhiều bà con, và ai cũng khen cái sáng kiến này hay, vì nó giải quyết được nguồn vốn rất hữu hiệu. Nhiều khi, bà con chỉ cần 100,000 đ để mua phân bón mà không biết chạy ở đâu, thì quỹ tín dụng này là nguồn tài trợ duy nhất và đáng tin cậy.

Có điều đáng buồn là một số người lại bị vướn vào những con "cá mập" tài chính khác. Một số người ham làm giàu mau đã và đang lợi dụng khó khăn của người nghèo để cho vay với phân lời cắt cổ. Tôi biết được nhiều người

NGUYỄN NGỌC BỘI

DÒNG SÔNG VỀ BIỂN

khi hồn anh rất âm thầm
là tình xưa gọi trong tâm thức buồn
bình nguyên anh rất cô đơn
khi sông em đã xa nguồn dong chơi
ơi con sóng nhỏ bên trời
tiếc tình xưa hãy ru người chân mây
và anh chim lạ xa bầy
bay ngơ về biển lòng ngây ngất buồn

trong làng tôi đã phải vay tiền những con cá mập này với phân lời 10% hàng ngày, để trang trải trong lúc túng thiếu. Phần đông những người cho vay tiền cắt cổ này từng làm giàu qua các chuyến đi buôn lậu ở biên giới Miên-Việ t Nam. Họ nhập hàng hóa, quần áo may sẵn của Thái Lan vào Việt Nam và bán lấy lời. Dĩ nhiên, hiện nay, số người cho vay kiểu này đã bớt đi so với mấy năm về trước, vì sự ra đời và trợ giúp của Quỹ Tín dụng.

Đang rôm rả câu chuyện trên bàn tiệc thì anh Công an xã có điện thoại báo về một cuộc chém nhau ở một ấp cách đó khoảng năm cây số (đường sông). Nhận tin xong, anh Công an này vào lại bàn tiệc tỉnh queo. Tôi ngạc nhiên hỏi sao anh ta không đi giải quyết tranh chấp cho xong rồi quay lại cũng không muộn. Anh Công an phân trần là anh đã biết gia đình đó quá rồi, anh không dám đi can thiệp chỗ đó vì sợ... bị chém (anh ta đã suýt bị chém trước đây vì đi can thiệp mấy vụ này). Anh ta nói theo kinh nghiệm, chờ khoảng 30 phút nữa, anh sẽ tới đó giải quyết! Trong khi tán gẫu, tôi tò mò hỏi về tình trạng làm việc của ủy ban nhân dân xã, và được biết là phần đông mấy ông quan xã này chỉ làm tới 12 giờ trưa. Còn sau đó là họ đi làm ruộng của họ, hay đi nhậu. Thành ra, muốn làm việc hay gặp mấy ông Ủy ban này, buổi sáng là giờ lý tưởng nhất. Tôi không hiểu tại sao họ lại xây cái trụ sở quá lớn và sang trọng, trong khi thời gian làm việc, phục vụ lại quá ngắn.

"Khi lá hoa thật nhiều, trái yêu thương đầy cành"

Ngày hôm sau, tôi chèo xuồng lên kênh R để thăm hỏi bà con. Tôi chưa biết chính xác ông ngoại tôi từ Bình Định vào đây lập nghiệp năm nào, nhưng tôi biết rằng bà con bên ngoại tôi ở làng này rất đông. Có thể nói một phần ba dân làng là bà con, không xa thì gần, của tôi. Con kênh nho nhỏ này ngày xưa chỉ có khoảng 15 gia đình là bà con tôi, mà ngày nay hàng trăm nhà lá mọc lên khá gần nhau. Ghé thăm nhà ông anh bà con, nguyên là bạn đồng môn thời tiểu và trung học ngày xưa. Anh Đ. ngày xưa có tiếng là đẹp trai, đắc đào, mà bây giờ đen đúa khó nhận ra, vì suốt ngày anh chỉ ở ngoài đồng lo chăm sóc đám vịt khoảng 3000 con. Theo phong trào trong quê, anh Đ. đang làm nghề nuôi vịt thương mại để bán. Gặp lại tôi sau cả hai mươi năm vắng bóng (thời sau 1975 tôi ít khi về nhà), anh ta hét mấy cháu đi bắt vịt để anh trổ tài làm tiết canh, mà lần đầu tiên tôi được thưởng thức. Mới đầu thì hơi... ngại, nhưng sau vài ly rượu đế, tôi lại thấy ngon là đằng khác!

Nhà anh Đ. được xem là kha khá ở trong xóm, nhưng nhìn gia đình anh ta, một vợ, sáu con phải chen chúc nhau sống trong một cái nhà chật chội mà tôi khó cầm lòng được. Nói là "nhà," nhưng thật ra, đó chỉ là cái chòi, lợp lá và chung quanh "tường" cũng bằng lá dừa nước. Khi trời mưa thì dột khắp nơi. Trong nhà, chỉ có một cái bàn gỗ cũ kỹ để tiếp khách, để ăn cơm và cũng để cho mấy cháu dùng làm bàn học. Phía trên bàn, cái bình trà và vài ly con dùng cho cả uống trà lẫ n uống rượu. Ba cái giường bằng tre được kê một cách xiêu vẹo, khập khễnh. Mấy đứa con thì đen đúa chắc suốt ngày chỉ rong ngoài đồng. Không thấy anh ta than phiền về cuộc sống hiện tại như nhiều người khác, tôi gợi chuyện và hỏi sao anh không lợp lại nhà cho đàng hoàng. Anh nói bao nhiêu tiền dồn vào đàn vịt cả rồi, và nếu "trời phù hộ" anh ta sẽ trả được nợ kỳ này và kiếm chút lời. Năm ngoái anh bị lỗ quá cỡ vì đàn vịt gần 5000 con bị dịch và chết sạch! To 31i nói anh từng có học, phải biết khoa học nuôi vịt chứ sao lại làm ngang

như thế. Anh ta có vẻ chê tôi là lại "khoa học với khoa hiếc," ở đây chẳng có ai tin khoa học cả, kinh nghiệm là vốn sống.

Xong nhà anh bạn, tôi đi sang thăm nhà vài bà con cùng xóm. Sau nhiều năm xa nhà, tôi đã trở thành chú, bác, cậu, ông chú, ông cậu... vì đã có quá nhiều cháu ra đời sau này mà tôi không tài gì nhớ tên hết được. Đi nhà nào, dù nghèo bà con đều đối xử với tôi một cách chân tình. Họ mời ăn uống một cách thật lòng, cho dù bữa ăn chỉ là rau và mắm. Mặc dù nghèo, nhưng không một ai hỏi xin tiền tôi. Ở nhà nào, nói chuyện vài câu là tôi nhận ra cái "keywords:" *"Bây giờ dễ thở hơn hồi thời bao cấp rồi, nhưng nghèo vẫn hoàn nghèo con à."*

Đi thăm vài gia đình bà con ở đây tôi mới thấm thía câu nói đó. Chẳng hạn như gia đình cậu Tư Th, một người cậu phía bên bà ngoại, là một trường hợp đổi đời xấu hơn. Ngày xưa cậu là một trong những người giàu có nhất nhì trong xóm này, với ruộng hàng trăm công. Cậu cũng là người xây nhà ngói đầu tiên trong con kênh này. Nhưng nay, cậu đang nằm chờ chết, vì bệnh ung thư của cậu đang ở vào giai đoạn cuối cùng. Còn nhà thì không còn gì cả, vì đã bán hết 164ể nuôi cậu. Ruộng chỉ còn vài công đủ sống qua ngày, phần lớn bị Nhà nước tịch thu và không bao giờ trả lại. Ngày nay, cậu nghèo đến nỗi phải chạy miếng cơm hàng ngày. Cậu nhận ra tôi, nhưng không nói lên tiếng và không ngồi dậy được. Tôi cho cậu một số tiền để chích morphine. Nhưng một tuần sau khi lên Sài Gòn, tôi nghe tin cậu đã qua đời.

Trường hợp của cậu Tư Th. làm tôi liên tưởng đến tình hình chung về y tế trong làng. Cả xã chỉ có một trạm y tế duy nhất với một y sĩ, chủ yếu là giải quyết các vấn đề về y tế dự phòng (preventive health) không có giường bệnh. Bệnh nhân có bệnh thì phải ra ngoài huyện hay tỉnh để điều trị, một quãng đường tốn khoảng hai tới bốn giờ đi đường. Nếu có bệnh cấp tính thì người bệnh rất dễ chết, và trong thực tế đã có hàng trăm trường hợp như thế. Làm sao xe cứu thương có thể vào đến đây? Có thể dùng trực thăng? Chỉ là một giả thuyết, vì cả tỉnh vẫn chưa có trực thăng cứu thương. Nhưng điện thoại vẫn chưa về 100% dân làng, thì vấn đề liên lạc sẽ ra sao? Mà nếu có xe cứu thương thì vấn đề vận chuyển cũng khó khăn, vì đường lộ chưa hoàn chỉnh và dẫu cho hoàn chỉnh cũng vẫn cần phải đi đò vào. Bài toán y tế ở những làng xa xôi này không đơn giản chút nào...

Chuyện trò một đỗi, tôi băng ngang qua cánh đồng đang mùa gặt lúa để ghé thăm "Xóm Miên." Tôi lần mò theo bờ mẫu của ruộng đi qua từng mảnh đất mà tôi có lần nhổ cỏ, cày bừa mấy chục năm trước đây. Trời xế chiều, vài ngọn gió hiu hiu thổi lướt qua hai bên bờ ruộng xào xạc... một buổi chiều mùa hè thật là thanh bình. Bao nhiêu kỷ niệm lại dồn về, và cái cảm xúc "đi giữa lòng quê hương" thật là khó tả hết được. Xa xa, tiếng hát của cô ca sĩ Phi Nhung vang lẫn tie 60ng vọng cổ của ai đó lại vang lên:

Một mai qụa cơn mê
Sau cuộc đời bềnh bồng
Tôi lại về bên em...
Còn tôi như cánh chim
Mãi vui nên bay xa
Sẽ trở về ăn năn
Khi lá hoa thật nhiều
Trái yêu thương đầy cành
Hái đem cho mọi người

Thì ra bà con đang gặt lúa, nhưng lại có máy cassette bên cạnh mở to lên cho cả nhóm cùng nghe! Điều này quả mới đối với tôi, vì hồi xưa làm gì có chuyện vừa gặt lúa vừa nghe vọng cổ, chứ nói gì đến nghe tân nhạc! Cũng là một "tiến bộ" đáng mừng.

Tuy nhiên, nhìn bà con ta gặt hái, tôi chợt liên tưởng đến việc đồng áng bên Mỹ, họ toàn dùng máy móc. Còn ở đây, vào thời điểm cuối cùng của thế kỷ 20 mà bà con nông dân của ta vẫn còn cày bừa, thu hoạch lúa không khác gì cả mấy thế kỷ về trước. Vẫn lưỡi hái, cái phản, cái bàn đập lúa... Con trâu vẫn là nguồn lao động chính trong cày bừa. Ngày nay, còn có người nuôi và cho mướn trâu. Họ chở trâu đi trên những chiếc ghe tam bản lớn từ làng này qua làng nọ để cày bừa mướn. Thương lượng giá cả phần lớn đều dựa trên lúa thóc, ít khi nào dùng tiền. Tôi chợt nhận ra chiếc máy cày hiệu John Deer (nguyên là của gia đình tôi ngày xưa, nhưng sau 1975 phải bán cho một bà con khác), vẫn còn được mang ra làm việc như con trâu ì ạch trên đồng.

Xóm Miên là nơi có khoảng hai chục gia đình Khmer sinh sống và lập nghiệp ở đó tự bao giờ. Đây là một xóm nghèo, theo đúng nghĩa của nó, vì phần đông họ làm nghề làm lúa mướn cho người Việt để kiếm sống. Ngày xưa, gia đình tôi từng cưu mang nhiều gia đình người Miên, và tôi từng ở lại ngủ tại đây nhiều đêm, nên những người lớn tuổi trong

làng chẳng còn xa lạ gì tôi. Vừa bước chân vào xóm, nhiều người đã nhận ngay ra tôi, và thế là một tràn câu t hăm hỏi râm rang lại tái diễn. Qua hỏi han qua lại, tôi mới biết cuộc sống bây giờ của họ còn tệ hơn xưa. Tuy được Nhà nước chia cho ruộng đất (khoảng năm công đất trên mỗi gia đình), nhưng họ vẫn làm mướn để sống qua ngày. Vẫn nợ nần chồng chất. Tôi ngậm ngùi khi biết Chú Q và S, những người tôi rất mến, đã qua đời cách đây chỉ hai năm khi chưa đến độ tuổi 60. Tôi thật không cầm nổi nước mắt khi nghe kể lại là khi chết, gia đình của hai chú đều không đủ tiền mua quan tài để liệm, và phải nhờ sự giúp đỡ của người Việt và Miên hàng xóm để đem đi hỏa táng.

Và những tai họa...

Đang chuyện trò tôi thấy một nhóm trẻ con vác sau lưng những bao gì có vẻ nặng lắm. Hỏi ra mới biết là chúng nó đi bắt ốc bưu vàng về để đốt. Ốc bưu vàng? Hỏi thêm nữa tôi mới biết bà con nông dân mình, vốn đã khổ cực, giờ này đang phải khốn khổ với loài ốc này. Nghe nói cách đây vài năm, người Đài Loan mang vào Việt Nam vài con (chỉ vài con thôi) ốc bưu vàng, họ chào hàng nói với các ông chính quyền địa phương rằng nông dân Việt Nam ta có thể nuôi ốc này và xuất cảng sang Đài Loan để kiếm lời. Loài ốc này sinh sản theo cấp số nhân, nên chẳng bao lâu nông dân ta sẽ thành triệu phú. Họ còn làm ra vẻ quí giá bằng cách xây tường cao chung quanh, và chỉ cho vài người có trách nhiệm vào tham quan. Nhưng các ông quan xã, quan huyện vào tham quan và ăn cắp vài con mang về địa phương mình để làm giống. Ban đầu nghe nói cũng xuất khẩu một vài chuyến. Sau đó thì con buôn Đài Loan từ chối không mua ốc nữa.

Trong khi đó thì mấy chú ốc này sinh sôi nẩy nở trên đồng ruộng. Cho tới bây giờ, khoảng 70% đồng ruộng ở ĐBSCL đã có mặt mấy chú ốc bưu này. Nếu sinh sản không thì cũng chẳng có gì đáng nói, nhưng đằng này chúng phá hoại ruộng lúa mới là điều đáng ngại. Ruộng nào mới sạ (gieo) xong, là chúng ăn hết! Nhưng khi lúa đã lớn lên thì nó quay ra thịt luôn mấy con ốc đồng, ốc gạo khác, làm cho sinh thái trong đồng ruộng mất cân bằng.

(còn tiếp)

"Tôi là Nguyễn Văn Bé, vẫn còn sống đây!"

MONG TÌM LẠI CÁC BẠN CŨ
ĐANG SỐNG TRÊN TOÀN THẾ GIỚI !

Tại hạ : Tên viết lách + Võ thuật : LẠC HÀ
Tên cúng cơm + tên làm Phủ Đặc ủy Trung ương Tình báo : NGUYỄN VĂN BÉ.
Tên anh em thường gọi trong tù cải tạo : BÉ ĐIÊN + BÉ ĐUI + BÉ ĐỜN
(xin lỗi đã làm khổ lỗ nhĩ anh em vì tiếng đờn ghi-ta classique quá dở)!

Hôm nay tại hạ muốn tìm lại các bạn cũ để nói dóc cho vui.

Xin liên lạc:

NGUYỄN VĂN BÉ (hiện nay, có thêm một tên mới : Anh Bảy) :
* **Tel : 301- 408 - 1661** (mới)
-- Tiểu bang Maryland – giờ Miền Đông – cùng giờ với Washington DC, New York, Georgia ...
Sớm hơn giờ Cali 3 tiếng.

Hơn 3 năm nay, tại hạ ở nhà suốt ngày làm "Thượng sĩ Thường vụ" cho CHƯƠNG TRÌNH KHỎE-TRẺ-ĐẸP của bà xã (KIM NGUYỄN).

* Fax : 301- 408 - 4607 * E-mail : bkimnguyen2000@aol.com
Địa chỉ : 12809 NEW HAMPSHIRE AVE
SILVER SPRING, MD 20904 / USA

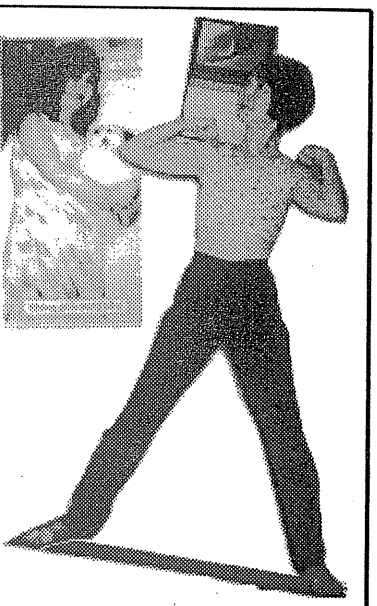

Xin giới thiệu bà xã của tại hạ : Kim Nguyễn (nhiều bạn chưa biết mặt).
* *Hình phía trên : chụp năm 1997 -- mập, bụng mỡ, chớ chẳng bầu bì gì đâu !*
* *Hình dưới : năm 2000 -- 47 tuổi.*

QUẬN CAM

Đài Little Saigon Radio và Nhật báo Người Việt tổ chức Hội Luận về Báo Nói và Báo Viết

Lần đầu tiên một cuộc hội luận về truyền thông được tổ chức trong cộng đồng Việt Nam tại Nam California do hai cơ quan truyền thông Việt Nam khởi xướng đã diễn ra tại hội quán Little Saigon Radio vào chiều ngày thứ Bẩy 19 tháng Năm 2001 thu hút gần một trăm người tham dự trong đó có rất nhiều bạn trẻ.

MC Phạm Long đã giới thiệu các diễn giả Vũ Quang Ninh, giám đốc đài Little Saigon Radio, ông Đỗ Ngọc Yến, cựu chủ nhiệm nhật báo Người Việt và người điều hợp chương trình là ông Nguyễn Xuân Nghĩa, chuyên gia về kinh tế tài chánh, cộng tác với các đài phát thanh Á Châu Tự Do, đài LSR...

Ông Vũ Quang Ninh nói về đề tài "báo nói" tức là phát thanh, với khả năng truyền đạt lớn lao và rộng khắp của nó. Ông cũng nói những hiệu quả và tầm quan trọng của ngành phát thanh khi đưa ra các thí dụ ở tại miền Nam trước 1975, các tổ chức có mưu đồ đảo chánh thường đặt trọng tâm chiến lược vào việc chiếm giữ và khống chế cho bằng được đài phát thanh như là một công cụ tuyên truyền, thuyết phục quân đội và dân chúng. Những đặc tính tương đồng và khác biệt giữa "báo nói" và "báo viết" đã được diễn giả đề cập đến, đồng thời cũng nói về những khác biệt giữa ngành truyền thanh ở Việt Nam trước kia vốn là những cơ quan của chánh quyền, với ngành này tại Hoa Kỳ, các đài phát thanh là do tư nhân thành lập, quản trị với lợi nhuận kiếm được nhờ quảng cáo. Nhưng những người làm phát thanh chuyên nghiệp vẫn có thể xây dựng cộng đồng, hướng dẫn dư luận qua những nghiệp vụ chuyên nghiệp của mình đồng thời cũng phải tuân theo những luật lệ về truyền thông của Hoa Kỳ.

Ông Vũ Quang Ninh nói rằng thế giới hiện nay thuộc về khoa học thông tin và kỹ thuật điện tử. Báo chí, truyền thanh, truyền hình lúc nào cũng phải hướng về con người và phục vụ con người là chính.

Trong khi thuyết trình, ông Vũ Quang Ninh có hai cuộc nói chuyện trực tiếp qua điện thoại (được truyền thanh) với hai vị cựu giám đốc đài phát thanh Saigon trước 1975 là cựu Trung Tá Phạm Xuân Ninh, tức nhà thơ Hà Thượng Nhân và cựu Trung Tá Vũ Đức Vinh. Cả hai vị từng là Tổng Giám Đốc Đài Phát Thanh Saigon từ những thập niên 1950 và 1960. Hai vị đã nhắc đến tầm quan trọng của ngành phát thanh và kể một vài giai thoại cùng với những chức năng và đức độ của người làm ngành này.

Ông Đỗ Ngọc Yến nói đến việc thành hình của ngành truyền thông Việt Nam tại Hoa Kỳ khởi đi từ những nhu cầu bức thiết của người tỵ nạn Việt Nam. Nhật báo Người Việt do ông dựng nên đã khởi đi từ cái garage của nhà ông, hơn hai mươi năm về trước. Ông sơ lược về tổ chức của một tờ báo chủ yếu sống bằng độc giả và thân chủ quảng cáo, từ việc thực hiện tin tức bài vở cho đến việc quản trị, điều hành. Ông cũng nói đến những người làm báo Việt ở Hoa Kỳ hôm nay phần lớn đều đã lớn tuổi và cần có những người trẻ tiếp tục. Nhưng những người trẻ Việt Nam lớn lên ở Hoa Kỳ có yêu thích truyền thông thì cũng đi vào dòng chính của ngành truyền thông Hoa Kỳ. Ông cũng nhắc đến nhà báo Lê Đình Điểu lúc còn sanh tiền cũng đã rất quan tâm việc đào tạo những người làm báo trẻ cho truyền thông Việt Nam hải ngoại, đã thực hiện được tám khóa huấn luyện vào các kỳ hè.

Ông kể tại Việt Nam trước 1975 có hai trường dạy làm báo là trường Báo Chí Đà Lạt và Đại Học Vạn Hạnh. Cứ năm ngươi tốt nghiệp báo chí thì may lắm có hai ngươi theo nghề, còn thì bỏ qua nghề khác.

Ông Đỗ Ngọc Yến cho biết ông rất vui mừng trong buổi hội luận hôm nay có nhiều người tham dự và nhất là có sự tham gia đông đảo giới trẻ chứng tỏ có sự quan tâm của cộng đồng với các ngành truyền thông. Ông khuyến khích giới trẻ yêu thích ngành truyền thông Việt Nam nên hăng hái tham gia phát triển ngành truyền thông Việt Nam hải ngoại. Điều cần thiết trong ngành truyền thông hiện nay ngoài nghiệp vụ chuyên môn cần phải giỏi về Internet, về điện toán để truy cập nguồn tài liệu phong phú, đa dạng và nhanh chóng trên toàn cầu.

Ông Đỗ Ngọc Yến tin tưởng sẽ có những cuộc hội luận truyền thông hữu ích tương tự và ngày càng sẽ có nhiều giới trẻ Việt Nam thích thú với ngành truyền thông để có thể tiếp tục con đường phục vụ cộng đồng Việt Nam tại hải ngoại và cho quê hương sau này.

Nhiều bạn trẻ Việt Nam đã đưa ra một số nhận xét về các chương trình truyền thông, đặc biệt là về phát thanh cùng với sự đóng góp nhiệt tình của một số vị từng làm những nhiệm vụ truyền thông trong các cơ quan Việt Nam trước 1975, và bạn trẻ Việt Nam tốt nghiệp truyền thông tại ngoại quốc và hiện đang làm việc trong các cơ quan truyền thông Hoa Kỳ.

Ông Vũ Quang Ninh nay đã hơn 70 tuổi và đã làm công tác truyền thông, đặc biệt về phát thanh từ năm 1953 cho đến nay. Ông đã giữ nhiều chức vụ quan trọng về phát thanh từ Quản đốc đài phát thanh Saigon cho đến Đài Tự Do, Đài Mẹ Việt Nam. Ông có rất nhiều kinh nghiệm về truyền thông và đã tổ chức điều hành phát triển đài Little Saigon Radio từ năm 1993 cho đến nay. Ông Đỗ Ngọc Yến là một nhà báo kỳ cựu từ trước 1975 và sau 1975 ông đã say mê ngành làm báo và đã xây dựng thành công nhật báo Người Việt cùng với sự đóng góp của một số thân hữu đã hoạt động liên tục suốt 22 năm qua trong cộng đồng người Việt tại hải ngoại. Ông mới về hưu năm ngoái vì lý do sức khỏe nhưng vẫn theo dõi và quan tâm đến việc phát triển ngành truyền thông, đặc biệt là nhắm vào giới trẻ.

Đóa Hồng Gai, Hồi ký của một nữ tù nhân chánh trị

Rất hiếm khi một buổi ra mắt sách thu hút được nhiều giới trong cộng đồng Việt Nam và Hoa Kỳ như buổi giới thiệu tác phẩm mới Đóa Hồng Gai của tác giả Nguyễn Thanh Nga tại hội trường Trung Tâm Công Giáo Việt Nam, Giáo Phận Orange County vào chiều ngày Chủ Nhật 20 tháng Năm, 2001. Hơn 300 người đã đến, trong đó có cả các giáo sư trường đại học cộng đồng Golden West, các bạn trẻ truyền giáo Hoa Kỳ...

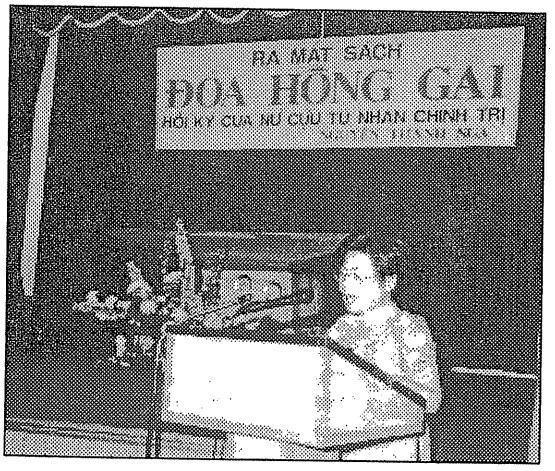

Nguyễn Thanh Nga

Ông Lê Văn Đạo, đại diện nhóm Huynh Đệ Chi Binh tổ chức buổi ra mắt sách hôm nay đã ngỏ lời cảm tạ đến cử tọa hiện diện và giới thiệu Việt Dzũng điều khiển chương trình cùng với Minh Phượng. Việt Dzũng đã giới thiệu cụ Phan Ngô, một đồng hương của tác giả lên giới thiệu về tác giả.

Cụ Phan Ngô nói chỉ mới biết tác giả Nguyễn Thanh Nga từ sau khi bà sang Mỹ và đến với Khu Hội Tù Nhân Chánh Trị mà lúc ấy cụ là Hội Trưởng. Vì là đồng hương và cùng chung số phận tù dưới chế độ Cộng Sản Việt Nam, cụ Phan Ngô đã xem tác giả như là nghĩa nữ.

Nguyễn Thanh Nga, sanh năm 1952 tại Đại Lộc Quảng Nam, lúc còn bé đã chứng kiến nhiều cảnh đau thương đẫm máu ngay từ trong gia đình mình do Cộng Sản Việt Nam gây ra. Năm 19 tuổi, Nguyễn Thanh Nga đã trở thành công chức của Bộ Phát Triển Nông Thôn ở Quân Khu 1 rồi sau đó trở thành thành viên của tổ chức Phượng Hoàng để thanh lọc cán bộ Cộng Sản trong vùng Quốc Gia cho đến 1975.

Nguyễn Thanh Nga đã không ra trình diện cải tạo. Tác giả lại đi tích cực tham gia vào phong trào Phục Quốc và đã bị Cộng Sản Việt Nam bắt sau đó và giam tại trại Tiên Lãnh cho đến năm 1985. Trong thời gian này, Nguyễn Thanh Nga cũng đã chịu những hành hạ khắc nghiệt của bọn cai tù Cộng Sản và bà đã từng bị chúng xô vào một hố rác đến gẫy chân. Cộng Sản chỉ thả bà ra khi bà đã trở thành tàn phế.

Bà đã định cư tại Hoa Kỳ theo chương trình HO vào cuối năm 1992, đầu tiên ở tiểu bang Michigan. Vì những vết thương cũ trong trại tù làm nhức buốt trong mùa lạnh nên bà đã di chuyển về tiểu bang California từ tháng 3 năm 1993, hiện đang cư trú trong vùng Quận Cam và đã hoạt động tích cực trong cộng đồng trong thời gian qua. Nhưng thời gian sau này vì sức khỏe suy kém không hoạt động được nhiều, bà mới ngồi viết lại hồi ký về thời gian bà là một nữ tù nhân. Giáo sư Phan Ngô nói rằng bà Nguyễn Thanh Nga thuộc loại "uy vũ bất năng khuất."

Nhà văn nữ Thái Hà nói về tác phẩm Đóa Hồng Gai, tác phẩm đầu tiên của một nữ tù nhân chánh trị đi tù dưới chế độ Cộng sản Việt Nam được giới thiệu đến cộng đồng, viết về những điều tai nghe mắt thấy trong thời gian bà bị cầm tù.

Nhà văn Thái Hà nói rằng trong Đóa Hồng Gai, tác giả đã thuật lại một cách chân thật, không vẽ vời cường điệu, hầu chia xẻ những

suy nghiệm của mình trong lao tù Cộng Sản để mưu tìm một cái gì cho quê mẹ.

Tác giả Nguyễn Thanh Nga, với bước đi không được bình thường, lên diễn đàn ngỏ lời cảm tạ đến tất cả mọi người, mọi đoàn thể, cơ quan truyền thông đã giúp đỡ cho tác giả hoàn thành cũng như giúp đỡ việc ra mắt tác phẩm hôm nay. Tác giả đã xúc động đến nghẹn ngào nói rằng mục đích của tập hồi ký này là ghi lại những hành động hào hùng bất khuất của những người tù cải tạo như một lời tri ân đến những anh hùng đã chết cho chánh nghĩa.

Ông Võ Đại Tôn, một cựu tù nhân của chế độ Cộng Sản, nói Cộng Sản Việt đã chấm dứt chiến tranh năm 1975 nhưng vẫn không chấm dứt hận thù. Ông cũng nói bổn phận của chúng ta lúc này là cùng nâng nhau và cùng đứng dậy để tạo những Đóa Hồng tươi thắm cho quê mẹ.

Nhà báo Hà Tường Cát, và một nữ giáo sư trường Đại học Golden West College khi phát biểu cảm tưởng về tác giả và tác phẩm, đã biểu dương tinh thần của một người đàn bà Việt Nam phải đương đầu với bạo lực, cùng những dòng hồi ký rất bình tĩnh, rất trong sáng khi nhìn lại toàn bộ những gì mình đã trải qua.

Thuyết Trình Về Nền Văn Hóa Đông Sơn Tại Indonesia

Vào lúc hai giờ chiều Chủ Nhật ngày 20 tháng 5 năm 2001, tại Phòng Sinh Hoạt Người Việt, thành phố Westminster, Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ (VAALA) đã tổ chức buổi nói chuyện về đề tài "Tường Trình Về Chuyến Du Khảo Nền Văn Hóa Đông Sơn Tại Indonesia," với diễn giả là Bác sĩ Kiều Quang Chẩn. Buổi nói chuyện do Hội Y Sĩ Việt Nam Miền Nam California bảo trợ.

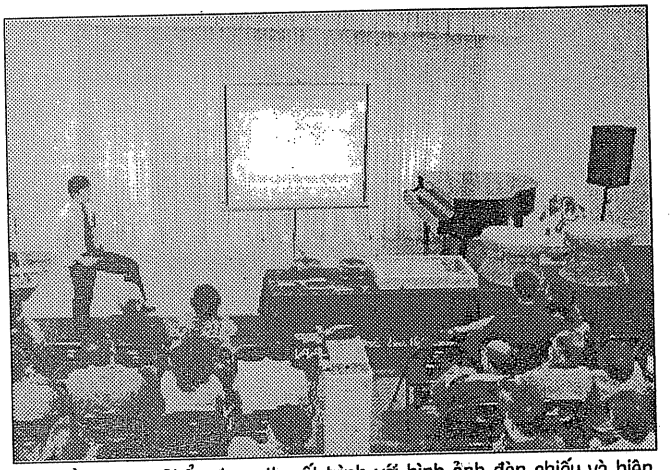

BS Kiều Quang Chẩn đang thuyết trình với hình ảnh đèn chiếu và hiện vật khảo cổ

Gần 200 người đã ngồi kín Phòng Sinh Hoạt Người Việt theo dõi hình ảnh và lời dẫn giải của BS Kiều Quang Chẩn. Trong chuyến đi Indonesia (Nam Dương) vào tháng Ba vừa qua, BS Kiều Quang Chẩn đã thu thập được rất nhiều tài liệu liên quan đến nền văn hóa Đông Sơn.

Theo BS Chẩn, Indonesia hiện có 80 chiếc trống đồng, tuy nhiên, nhiều trống đã không còn nguyên vẹn. Các nhà khảo cổ học Indonesia công nhận phần lớn những chiếc trống đồng họ có là do du nhập từ vùng đất mà nay thuộc vùng Bắc Việt, nơi văn minh Đông Sơn xuất phát. Chỉ một vài trống đồng được đưa vào Indonesia từ Nam Trung Hoa. Trước Công nguyên, người ở Indonesia chưa biết làm đồ đồng.

BS Kiều Quang Chẩn sau đó trình bày một số giả thuyết giải thích sự hiện diện của trống đồng Đông Sơn tại Indonesia. Một trong những giả thuyết là việc trao đổi buôn bán giữa các vùng đất đã tồn tại từ nhiều năm trước Công Nguyên. Một số người khác lại cho rằng khi Mã Viện sang xâm lược, một số Lạc Hầu, Lạc Tướng phải xuôi thuyền xuống phía Nam, đem theo các báu vật như trống đồng, đến Indonesia lánh nạn.

Các nhà khảo cổ học Indonesia cho rằng nền văn minh cổ Hallstat ở Trung Âu có ảnh hưởng đến thời cổ điển của Hy Lạp, truyền sang Trung Hoa vào thời nhà Chu, và sau đó ảnh hưởng đậm đến các nhóm Bách Việt vào thế kỷ thứ 3 và thứ 4 trước Công Nguyên. BS Kiều Quang Chẩn hoàn toàn bất đồng ý kiến về điểm này. Ông đưa ra những hình ảnh của hoa văn trên các cổ vật Đông Sơn. Hoa văn này, thoạt nhìn thì giống hoa văn của Hy Lạp - các chữ T nằm ngược chiều nhau. Tuy nhiên, khi quan sát kỹ hơn, hoa văn trên các cổ vật Đông Sơn như trống đồng, bình đồng, qua, hộ tâm kính v.v. lại mang hình dáng hai dấu hỏi úp vào nhau. Dựa vào suy luận từ hoa văn, BS Kiều Quang Chẩn nhấn mạnh: "Nền văn hóa Đông Sơn là một nền văn hóa bản địa, không phải nền văn hóa ngoại lai."

Những người tham dự buổi nói chuyện đã được thấy tận mắt hai chiếc trống đồng Đông Sơn, một vài cái qua, hộ tâm kính, và một số trang sức Đông Sơn, kể cả một chiếc vòng đồng đeo đầu, mà BS Chẩn cho rằng không một viện bảo tàng nào có. Các tham dự viên sau đó đã đặt câu hỏi và góp ý với BS Kiều Quang Chẩn. Buổi nói chuyện kết thúc lúc 4 giờ chiều.

BS Kiều Quang Chẩn là bác sĩ chuyên về gây mê tại bệnh viện Fountain Valley. Tuy nhiên, ông lại say mê môn khảo cổ học. Ông hiện là hội viên Hội Khảo Cổ Học Hoa Kỳ. (Tâm Như)

Nhiều người viết về một người: Nguyễn Khoa Nam

Họ tộc Nguyễn Khoa đã tổ chức tưởng niệm ngày 30 tháng Tư năm nay bằng tác phẩm "Nguyễn Khoa Nam" do nhiều người viết. Sách viết về một người trong thân tộc, về một người chiến sĩ, một cấp chỉ huy, một người bạn đồng khóa, đã lấy cái chết của chính mình để đền nợ nước. Buổi ra mắt tác phẩm được tổ chức trọng thể trong hai ngày liên tiếp: thứ Bảy 28 tháng Tư năm 2001 tại hội quán Little Saigon Radio và buổi thứ hai tại Trung Tâm Công Giáo vào chiều ngày hôm sau.

Trong buổi ra mắt ngày thứ Bẩy 28 tháng Tư năm 2001 tại Little Saigon Radio, ông Nguyễn Khoa Khương, đại diện gia đình Nguyễn Khoa ngỏ lời chào mừng quan khách. Ông nói lẽ ra hôm nay có sự hiện diện của ông Nguyễn Khoa Phước, cựu Nghị Sĩ VNCH và là bào đệ của cố Thiếu Tướng Nguyễn Khoa Nam, nhưng vì trong nhà có người lâm bệnh nặng nên ông không đi được nên phải viết thư cáo lỗi cảm tạ.

Cựu Phó Đề Đốc Đặng Cao Thăng kể lại một vài kỷ niệm với cố Thiếu Tướng Nguyễn Khoa Nam khi ông có dịp làm việc chung. Ông nói Tướng Nam tuy là võ tướng nhưng có nhiều nét của một văn nhân. P.Đ.Đ Thăng trích đọc một đoạn trong cuốn Bạn Bè Gần Xa của nhà báo Phan Lạc Phúc: "Trong cuộc chiến kết thúc ngày 30-04-75, có năm vị tướng của Quân Lực VNCH đã tự tìm cho mình một cái chết theo vận nước; năm vị đó là các ông tướng Nguyễn Khoa Nam, ông tướng Phạm Văn Phú, ông tướng Lê Văn Hưng, ông tướng Trần Văn Hai và ông tướng Lê Nguyên Vỹ. Tôi không dám ghi danh các vị theo danh xưng chánh thức của hệ thống quân giai, mà xin suy tôn các vị là ông tướng như một người nông dân thành kính gọi những vị thần - "Sinh Vi Tướng; Tử Vi Thần"...

..."Các vị là những người đem cái chết của mình ra làm liều thuốc giải oan, tẩy độc cho cộng đồng người Việt nói chung, quân lực VNCH nói riêng trước những chiến dịch bôi tro trát trấu của đối phương và đồng lõa. Sau thất bại nhục nhã 30-4, ít ra chúng ta cũng có một niềm vinh dự thầm lặng và đau xót là đã có khá nhiều tướng, tá, úy, binh sĩ sẵn sàng chết theo vận nước..."

Tiếp theo là ông Nguyễn Trọng Liệu, một cựu sĩ quan đồng khóa với Tướng Nguyễn Khoa Nam, khóa 3 Thủ Đức. Ông Liệu nhắc đến những kỷ niệm của những ngày đầu trong quân ngũ, bị động viên ra trường đa số muốn tìm một nơi có thứ Thọ thì Thiếu Úy Nguyễn Khoa Nam tình nguyện vào binh chủng Nhẩy Dù và xin được ra mặt trận. Tướng Nam ở trong binh chủng Nhẩy Dù một phần lớn thời gian cho đến lúc ra làm Tư Lệnh Sư Đoàn 7 Bộ Binh rồi Tư Lệnh Quân Đoàn 4 Quân Khu 4.

Ông Liệu nói Tướng Nguyễn Khoa Nam bảy lần thăng cấp ngoài mặt trận cho đến khi tuẫn tiết năm 1975, ông chỉ mới 48 tuổi, chưa có gia đình và ông ăn chay trường. Tướng Nam là một tướng có tài nhưng không có... tật. Đó là một "tướng sạch" nói theo ngôn ngữ ở Việt Nam thời trước 1975, để chỉ một cấp tướng không lợi dụng địa vị của mình để làm giàu bất chính. Các bạn đồng khóa 3 Thủ Đức hằng năm nhân ngày kỷ niệm khóa 10 tháng Sáu có ra một đặc san của khóa mang tên Nguyễn Khoa Nam để tưởng nhớ đến người bạn đồng khóa anh hùng.

Bà Nhã Ca Trần Thu Vân, chủ nhiệm nhật báo Việt Báo nhắc đến những chuyện xẩy ra trong những ngày 30 tháng Tư dù đã 26 năm qua. Bà nói ngày 30 tháng Tư là ngày tang của dân tộc và cũng là ngày giỗ của những vị đã tuẫn tiết mà Tướng Nguyễn Khoa Nam là một.

Cựu Đại Tá Hoàng Đạo Thế Kiệt, Cục Trưởng Cục Chính Huấn/Tổng Cục Chiến Tranh Chánh Trị nói về tác phẩm Nguyễn Khoa Nam là một cuốn sách với trên 40 bài của nhiều người viết về một người. Ông cũng nói đến tính chất của tác phẩm và giá trị lịch sử của tác phẩm.

Cựu Đại Tá Cao Tiêu đã nhắc lại những vị anh hùng tuẫn tiết như Hoàng Diệu, Ngô Tùng Châu với các vị tướng VNCH đã tuẫn tiết sau ngày 30 tháng Tư năm 1975. Trong dịp ra mắt sách hôm nay, thi sĩ Cao Tiêu có làm hai câu đối treo trên sân khấu:

Trận mất chẳng hàng, sử sách lưu truyền danh tuẫn tiết

Thân còn không tiếc, quân dân ca ngợi tiếng anh hùng.

Rất đông khán giả tham dự đã mua sách Nguyễn Khoa Nam. Sách do chủ trương của Nguyễn Khoa Diệu Khâm và Nguyễn Khoa Phước là chị và em của tướng Nguyễn Khoa Nam, tổng hợp của Nguyễn Mạnh Trí, cháu của tướng Nguyễn Khoa Nam. Sách dầy gần 600 trang, in đẹp với nhiều hình ảnh tài liệu.●

SÁCH BÁO TRONG THÁNG

PHẠM XUÂN ĐÀI

Đóa Hồng Gai

hồi ký của nữ tù nhân chính trị **Nguyễn Thanh Nga**, tác giả xuất bản, 151 trang, giá US$10.00. Liên lạc với tác giả: P.O. Box 4283, Garden Grove CA 92842, USA.

"Lại thêm một hồi ký về chuyện tù đày trong chế độ Cộng sản" người đọc có thể thốt ra như vậy khi nhìn thấy cuốn sách này. Từ khi chế độ Cộng sản được thành lập, qua thời cực thịnh cho đến thời suy vi rồi tắt thở, đã có bao nhiêu cuốn hồi ký, truyện ký về đề tài này? Trên thế giới, riêng tại Việt Nam? Chuyện tù đày là một thuộc tính thiết thân của chế độ Cộng sản, một trong những cái lớn lao nhất mà chế độ này để lại trên trái đất chính là những cuốn truyện ký kể lại chuyện bị giam cầm trong nhà tù của nó. Đó là những trang sử nói về tội ác chống lại con người.

Nguyễn Thanh Nga đã đóng góp những trang viết rất đặc sắc, về trại Tiên Lãnh, tỉnh Quảng Nam, nơi cô đã ở tù 10 năm sau 1975. Cái đặc sắc của cô là ở chỗ đơn sơ và chân thành. Cô không có kinh nghiệm viết văn hay làm báo, nhưng cô đã viết được một cuốn hồi ký trong sáng, mạch lạc và cuốn hút. Đó là một người có ý lực và bản lãnh chính trị mạnh cộng với một đức tin tôn giáo và tấm lòng chính trực, có lẽ nhờ các yếu tố này mà cô có thể biến các kinh nghiệm đau thương của mình cũng như của đất nước thành một cuốn hồi ký long lanh như một viên ngọc sáng.

Văn Hóa Trì Trệ Nhìn Từ Hà Nội Đầu Thế Kỷ 21

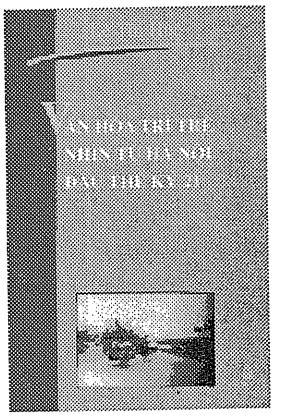

ký của **Lê Thị Huệ**, Văn Mới xuất bản, 283 trang, giá US$14.00. Liên lạc: Văn Mới, 1528 South La Cienega Blvd, Los Angeles CA 90035 - USA. Tel: (310) 559-0413.

Có mấy điều kiện tiên quyết để có thể đọc hết cuốn sách này. Thứ nhất phải bất chấp hình thức: sách có rất nhiều chữ in sai chính tả, và lại rất nhiều câu sai văn phạm, nhất là loại câu què do việc chấm câu không đúng. Thứ hai, phải biết "hỷ xả" những cái sai lặt vặt về nội dung, ví dụ trích dẫn câu hát *Nhìn vào khe song trong anh ốm yếu ho hen* mà nói là từ bài Kiếp Nghèo của Lam Phương thay vì là Phố Buồn của Phạm Duy, hoặc *Quê hương em nghèo lắm ai ơi, Mùa đông thiếu áo...* thì lại nói là của Phạm Duy thay vì là của Phạm Đình Chương.

Vượt qua được những cái khó chịu từ hình thức đến nội dung như thế, và chịu khó chăm chú đọc thì sẽ thấy đây là một cuốn sách có giá trị của một tác giả có cái nhìn thông minh và sắc sảo về văn hóa Việt Nam thông qua sự sống, sự học của chính mình cùng các nhận xét tận chỗ xã hội Việt Nam đương đại.

Lê Thị Huệ sinh quán ở Hà Tĩnh, lớn lên ở miền Nam, đã theo học Đại học Đà Lạt từ 1971-1975. Qua Mỹ năm 1975, bà đã tốt nghiệp Cao học ngành Tâm Lý và Hướng Dẫn Giáo Dục tại các đại học San Francisco và San Jose, và hiện đang là giáo sư hướng dẫn tại đại học cộng đồng Evergreen Alley College ở San Jose, Hoa Kỳ. Bà về thăm Việt Nam lần đầu năm 1992, sau đó tiếp tục về nhiều lần, và đến niên khóa 1999-2000, bà được đại học của mình cấp cho một năm nghiên cứu văn hóa Việt Nam tại Đại học Quốc gia Hà Nội. Trong dịp này bà đã đi nghiên cứu nhiều sinh hoạt văn hóa và thăm thú nhiều địa phương trong nước.

Với một quá trình như thế, tác giả Lê Thị Huệ có đủ điều kiện để nhìn văn hóa Việt Nam như một người tự nhìn mình, đồng thời như một "người ngoài" nhìn vào các đặc điểm của một nước khác. Hai cái nhìn ấy bổ túc cho

nhau tạo cho quyển sách này nhiều nét độc đáo. Mấy chữ "đầu thế kỷ 21" nơi tên của cuốn sách khẳng định thời gian khảo sát của tác giả rất mới, những hiện tượng xã hội, chính trị, kinh tế, tâm lý v.v... của Việt Nam mà tác giả đề cập, ngoài đặc điểm truyền thống, lại còn nóng hôi hổi tính chất thời sự.

Không hẹn mà hai tác giả Lê Thị Huệ và Nguyễn Gia Kiểng hầu như cùng một lúc cho ra đời tác phẩm phê phán văn hóa Việt Nam. Cũng thời gian này, báo Cánh Én bên Đức tổ chức một cuộc thảo luận về đặc tính người trí thức Việt Nam mà bài thuyết trình chính của nhà văn Phạm Thị Hoài đã vạch ra nhiều điều tiêu cực rất tiêu biểu của tầng lớp này. Ngay ở trong nước, giới trí thức cũng có cái nhìn tương tự, năm ngoái "Trung tâm nghiên cứu tâm lý dân tộc tại Tp. HCM" đã tổ chức buổi tọa đàm "Tâm lý Việt Nam nhìn từ nhiều góc độ" trong đó nhiều cái dở của người Việt Nam đã được mổ xẻ, như "tâm địa nông nổi, nói liều," "tâm lý tiểu nông," tính ưa nói khoác, ít xem trọng chữ tín, ý thức trách nhiệm không cao, địa phương chủ nghĩa v.v..." Hình như đến một thời điểm người Việt Nam không thể không làm công việc soi xét lại mình, vì thực trạng bê bết của đất nước trong suốt một hoặc nhiều thế kỷ qua đang kéo dài trong hiện tại và đang thẳng tiến vào tương lai. Tự huyễn hoặc mình bằng các ảo tưởng rút ra từ lịch sử hoặc từ huyền thoại và cá tính dân tộc thì chỉ có thể tạo được cái dũng khí nhất thời, lửa rơm, chứ không hữu hiệu để chữa bệnh nghèo đói lạc hậu cho bằng nhìn mình cho rõ và sửa đổi những chỗ yếu kém căn bản.

Cuốn sách của Lê Thị Huệ là một cái nhìn khá toàn diện những yếu kém cơ bản của người Việt Nam, nhưng điều đặc biệt là những khuyết điểm ấy đã được chế độ giảo hoạt, ngu dân, chèn ép của Cộng sản khai triển cho thêm phong phú, tô đậm cho chúng một màu sắc thời đại rất khó gột rửa. Đó là những yếu kém đã được "hiện đại hóa" trong cái lò toàn trị. Nhiều căn bịnh cổ truyền tưởng đã được quên đi, tự chữa lành rồi trong đời sống tương đối dân chủ, no đủ và văn minh ở miền Nam trước kia, bây giờ lại tái phát tăng trưởng song song với chế độ hiện hành. Kèn cựa vì miếng ăn chẳng hạn, miền Nam trước kia xem là chuyện đời xưa của các bức hý họa của báo Phong Hóa, Ngày Nay, bỗng sống dậy mạnh mẽ theo đoàn quân chiếm đóng cộng sản. Chế độ đó đã có tác dụng làm mạnh thêm cái xấu cũ và sáng tác ra vô số điều tệ hại mới trong đời sống tinh thần của con người Việt Nam. Lê Thị Huệ đã có công về sống tận nơi "nghìn năm văn vật" đồng thời cũng là cái nôi nhung nhúc vi trung của bệnh lạ nhiễm vào phủ tạng của dân tộc nửa thế kỷ qua, quan sát, nghiên cứu, ghi nhận và sắp xếp thành chương hồi hẳn hoi. Nếu Nguyễn Gia Kiểng chỉ đưa ra nhận xét mà không trưng bằng chứng, thì ngược lại Lê Thị Huệ rút nhận định của mình ra từ đời sống hàng ngày, từ từng tờ nhật báo, từng chương trình truyền hình mà mình tiếp xúc và theo dõi trong những ngày sống tại Hà Nội. Bà đi từ cụ thể đến phổ quát, và viện dẫn rất nhiều kho tàng túi khôn của người Việt là ca dao tục ngữ để nối kết cái bây giờ với cái ngày xưa.

Mấy năm trước đây, khi cuốn Người Trung Quốc Xấu Xí được dịch ra tiếng Việt, nhiều người thắc mắc sao chẳng có cuốn nào nói về "người Việt Nam xấu xí" mà chỉ toàn "ưu việt, anh hùng, đỉnh cao trí tuệ." Phong trào phản tỉnh của người Việt hình như đang bắt đầu. Những cuốn sách như "Văn Hóa Trì Trệ..." này nên được coi là những gợi ý suy nghĩ của các tác giả có can đảm bắn phát súng đầu tiên. Sách loại này cần được đọc ngay bởi người Việt Nam trong nước và ngoài nước, nội dung của nó cần mổ xẻ, góp ý, trao đổi. Thế nhưng một trong những nhân tố gây trì trệ và vô số "xấu xí" cho người Việt Nam là chế độ cộng sản thì lại vẫn còn ngự trị với sự trì kéo cố hữu của nó, thì công việc thảo luận sâu rộng của đồng bào trong nước chắc chắn lại sẽ gặp khó khăn. Thế nhưng chính tư thế "ở trong chăn" mà người trong nước sẽ có quyết tâm hay không để "bắt rận," cần bắt cho kỳ hết để những con vật ký sinh nhỏ bé mà hằng hà sa số đó để cơ thể hết bệnh hoạn, hầu sống một đời khỏe mạnh hơn.

Đảng Cộng Sản Việt Nam
qua những biến động trong phong trào Cộng sản quốc tế

biên khảo của **Nguyễn Minh Cần**, Tuổi Xanh xuất bản, 230 trang, giá US$13.00. Liên lạc e-mail: vietrans@aol.com.

Trích Lời Giới Thiệu của **Vương Hữu Bột**

Nhiều tác giả người Việt cũng như người ngoại quốc đã viết về lịch sử đảng Cộng Sản Việt Nam; cuốn sách của ông Nguyễn Minh Cần cung cấp cho chúng ta điều gì mới mẻ đáng nói thêm hay không?

Thứ nhất là những tài liệu mới do chính ông Nguyễn Minh Cần sưu tầm tại các văn

khố và thư viện ở Nga, là xứ sở mà ông phải sống, lập gia đình và làm việc lưu vong 40 năm qua. Sau khi Cộng Hòa Nga ra đời, chế độ Cộng Sản chấm dứt, nhưng kho lưu trữ đó đã mở cửa cho nhiều người tìm tòi, khai thác, nhưng mới có một phần rất nhỏ được tìm thấy và phân tích, sử dụng. Ông Nguyễn Minh Cần trình bày nhiều tài liệu còn ít người biết tại Kho Lưu trữ của Cộng Sản Quốc Tế. Lần đầu tiên một nhà nghiên cứu người Việt sử dụng nhiều tài liệu trong đó là tác phẩm này. Những tác giả Việt Nam và ngoại quốc sau này có thể căn cứ vào những tài liệu do ông Nguyễn Minh Cần tìm ra khi họ nghiên cứu lịch sử Cộng Sản Việt Nam.

Một điều mới mẻ đáng chú ý hơn nữa trong cuốn sách này là quan điểm đối chiếu khi tác giả nhìn các diễn biến trong lịch sử đảng Cộng Sản Việt Nam song song với các biến chuyển của Phong trào Cộng sản Quốc tế. Cộng sản là một phong trào quốc tế. Từ khi thành lập, đảng Cộng sản Việt Nam vẫn trung thành với phong trào quốc tế vô sản, ít nhất cho đến khi phong trào này phân liệt vì Liên bang Xô viết và Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa kình chống lẫn nhau. Tình trạng một phong trào quốc tế hai đầu này khiến đảng Cộng sản Việt Nam lúc phải ngả về phía Trung Quốc, lúc nghiêng sang phía Liên Xô. Họ thường nghiêng về phía nào thủ cựu hơn, tức là Trung Quốc, trừ trường hợp Lê Duẩn trở mặt.

Hai đặc điểm trên đây được tác giả phối hợp khéo léo khi biên soạn toàn thể tập tài liệu này, theo dõi các diễn biến từ ngày đảng Cộng sản Đông Dương thành lập đến thời kỳ chiến tranh Việt Nam, và cho tới cả ngày nay khi Cộng sản Quốc tế không còn nữa.

...Nguyễn Minh Cần chứng minh đảng Cộng sản Việt Nam xuất hiện là do những yếu tố bên ngoài đóng vai chính yếu, cũng như các đường lối, chiến lược v.v... đều du nhập từ bên ngoài, và phương tiện hoạt động cũng do bên ngoài cung cấp. Cộng sản Việt Nam vẫn tìm cách che giấu hoặc trình bày sai lạc hiện tượng này, nhưng nếu tìm tòi người ta thấy các chứng có không thể chối cãi.

...Cuốn sách này có thể coi là một bản sơ thảo về liên hệ giữa đảng Cộng sản Việt nam và phong trào Cộng sản Quốc tế, một tương quan có tính cách lệ thuộc như thế nào. Chúng tôi hy vọng các học giả khác, và ông Nguyễn Minh Cần khi có phương tiện và thời giờ sẽ khai triển đề tài này với các tài liệu mới của Cộng sản Quốc tế có sẵn và chưa được tìm tòi, khai thác đầy đủ.

Sử gia ngoại quốc khi viết về lịch sử Cộng sản Việt Nam thường căn cứ vào các tài liệu chính thức do đảng này tồn trữ, và đảng Cộng sản ở đâu cũng có thói quen xóa bỏ các tài liệu, hình ảnh cũ, thay thế bằng những thứ phù hợp với đường lối từng giai đoạn, theo ý kiến từng lãnh tụ nhất thời. cho nên các sử gia cũng vô tình bị lừa gạt. Việc nghiên cứu các tài liệu của Cộng sản Liên Xô sẽ giúp người ta biết rõ hơn về lịch sử đảng Cộng sản Việt Nam. Ông Nguyễn Minh Cần mới chỉ làm được một phần công việc đó, vì phương tiện và thời giờ của ông có giới hạn. Nếu có thêm phương tiện chắc chắn ông và các nhà nghiên cứu khác sẽ còn tìm được nhiều điều mà trước đây không ai biết tới.

* *Ghi chú của Tòa soạn Thế Kỷ 21:* Sau khi cuốn "Đảng Cộng Sản Việt Nam..." của Nguyễn Minh Cần được xuất bản, do yêu cầu của một số bạn đọc, nhà xuất bản Tuổi Xanh đang thực hiện việc dịch sang Anh ngữ cuốn sách này, hầu có thể phổ biến giá trị và tài liệu chính xác của nó đến người đọc ngoại quốc. Thế Kỷ 21 sẽ tiếp tục thông tin đến độc giả khi bản dịch Anh ngữ được xuất bản.

Tô Đông Pha, Những Phương Trời Viễn Mộng

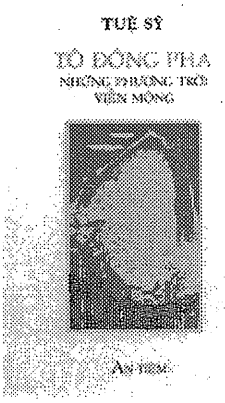

bình và dịch thơ Tô Đông Pha của Tuệ Sĩ, An Tiêm tái bản có thêm nhiều sửa đổi của tác giả, 243 trang, giá US$14.00. Không ghi địa chỉ liên lạc.

Ông Thanh Tuệ, chủ nhà xuất bản An Tiêm có một đam mê là in sách thật có giá trị và in thật đẹp. Cuốn *Tô Đông Pha, những phương trời viễn mộng* này được ông cho ra đời một cách nâng niu, chăm chút, đáp ứng đúng đam mê về sách hay và đẹp của ông.

Tác giả, Tuệ Sĩ, tên thật là Nguyễn Văn Thương, sinh năm 1943 tại tỉnh Paksé, nước Lào. Rất thông minh từ thuở nhỏ, Tuệ Sĩ say mê tìm hiểu Phật pháp ở chùa làng. Mới ngoài 20 tuổi ông đã trở thành một trí thức lỗi lạc, giáo sư Đại học Vạn Hạnh. Ông am hiểu sâu rộng triết lý Phật giáo cũng như các triết

thuyết Tây phương và là tác giả của nhiều tác phẩm có giá trị. Trong thập niên 80 ông đã bị nhà cầm quyền CSVN kết án tử hình, nhưng trước sự phẫn nộ của thế giới, bản án đã không được thi hành, và sau đó ông đã được trả tự do.

Trong cuốn *Đi vào cõi thơ* Bùi Giáng đã viết về Tuệ Sĩ như sau:

Tuệ Sĩ là một vị sư. Ông viết văn nghiêm túc, những sở tri của ông về Phật học quả thật quảng bác vô cùng. Thấy ông vẻ người khắc khổ, không ai ngờ rằng linh hồn kia còn ẩn một nguồn thơ thâm viễn u u...

Đọc những trang tác giả viết về thơ Tô Đông Pha thì thấy quả là như thế, một cách bình thơ rất tài hoa nhưng không phải là cái tài chơi văn giữa chữ cạn cợt, mà là dựa trên một trí tuệ uyên thâm và một tâm hồn sâu thẳm. Có thể xem đây là một cuốn văn học sử về Tô Đông Pha, trong đó tác giả cho thấy cái sức học và sức cảm nhận to lớn của mình về cổ văn Trung Quốc.

Quê Hương Thương Ghét

Nỗi lòng của người Việt hải ngoại

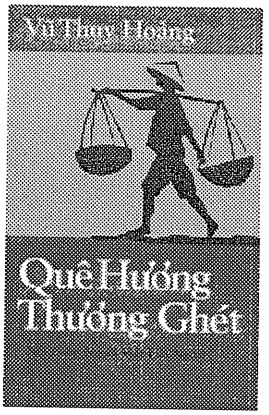

ký của **Vũ Thụy Hoàng**, VietNam Books xuất bản, 430 trang, giá US$20.00. Liên lạc: Catherine Vũ, P.O. Box 5060, Springfield, VA 22150.

Đây đúng là một kho tài liệu về "nỗi lòng của người Việt hải ngoại" đối với quê hương Việt Nam. Nhưng chữ "nỗi lòng" ở đây không nên chỉ hiểu theo nghĩa thuần tình cảm, mà gồm cả muôn hình vạn trạng những sự việc mà người Việt đang ở nước ngoài đã làm đối với mảnh đất mà mình đã bỏ đi.

Tác giả viết theo cung cách báo chí, luôn luôn tuân thủ công thức *Ai? Ở đâu? Tại sao? Thế nào?* dù đó là chuyện bỏ mấy lạng vàng trong hộp cá gửi về nước của một chàng thanh niên di tản, cách viết thư nói bằng ẩn ngữ trao đổi giữa người trong và ngoài nước, việc chuyển tiền và thùng quà về nước, hoặc chính chuyến đi về Việt Nam của tác giả, đều được viết một cách chính xác (nói có sách mách có chứng), cùng lúc cũng rất sống động và ý nhị nhưng không để tình cảm của mình ảnh hưởng quá lớn khi trình bày sự kiện. Người ta sẽ nghĩ nếu không ở trong nghề làm báo (tác giả đã sống 44 năm với ngành báo chí, trong đó 33 năm làm với tờ *Washington Post*), thì tác giả khó lòng thu thập tài liệu và có một cung cách viết lách như thế.

Vũ Thụy Hoàng đã làm một công việc cần thiết là ghi lại rất nhiều công việc làm có vẻ âm thầm của những con người Việt di tản đối với thân nhân còn ở trong nước. Những công việc ấy đã nuôi sống rất nhiều gia đình của phe thua trận miền Nam sau năm 1975 đã bị nhà cầm quyền mới đối xử một cách kỳ thị trong đời sống tinh thần và vật chất, đồng thời cũng nuôi sống luôn cái nước Việt Nam kiệt quệ vì "muốn tiến nhanh tiến mạnh tiến vững chắc" đến chế độ cộng sản. Mỗi hoạt cảnh nho nhỏ mà tác giả trình bày là một tấn bi hài kịch đã lặng lẽ diễn ra trong bao nhiêu năm, đã có sức tác động rất lớn vào đời sống Việt Nam mà ít người để ý. Cuốn sách này giúp người đời nay và đời sau biết về khía cạnh ấy.

Thơ Tạ Ký

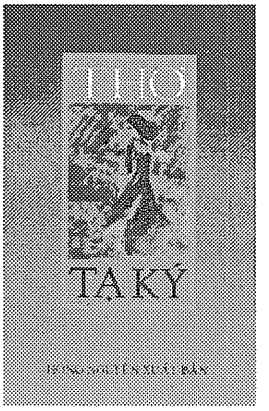

tuyển tập thơ của **Tạ Ký**, Hồng Nguyên xuất bản, 127 trang, giá $10.00. Liên lạc: Tạ Thái, P.O. Box 1784, Garden Grove CA 92842-1784 - USA. E-mail: Tbutitry@aol.com

Nhà thơ Hà Thượng Nhân có lần đã viết về Tạ Ký như sau: *Tạ Ký là một thi tài. Anh hình như có một tâm sự u uất nào đó, không thể nói ra lời.*

Không nói ra lời được, thi nhân phổ tâm sự vào thơ, và người đời được hưởng những thành phẩm kết tinh bằng đau thương ấy. Vì thế mà tập thơ đầu tiên của Tạ Ký xuất bản năm 1969 ở Việt Nam có tên là Sầu Ở Lại. Và tập *Thơ Tạ Ký* này chính là hóa thân từ mối sầu ở lại mãi đến ngày hôm nay, hai mươi hai năm sau ngày tác giả qua đời trong cô đơn lặng lẽ. Như là chứng tích của một thi tài, cũng là chứng tích ý muốn phục hồi phần thể phách cũng như phần tinh anh của nhà thơ Tạ Ký do gia đình và bạn hữu thực hiện. Tập thơ này là một bước mở đầu để trao lại cho chúng ta sự nghiệp thơ ca giá trị của ông, có thể xem là phần tinh anh mà ông để lại cho đời.

Những tuyển tập nhạc đã phát hành!

TÌNH KHÚC TỪ CÔNG PHỤNG

TRÊN NGỌN TÌNH SẦU

GIỮ ĐỜI CHO NHAU

MỘT GÓC TRỜI PHÔI PHA

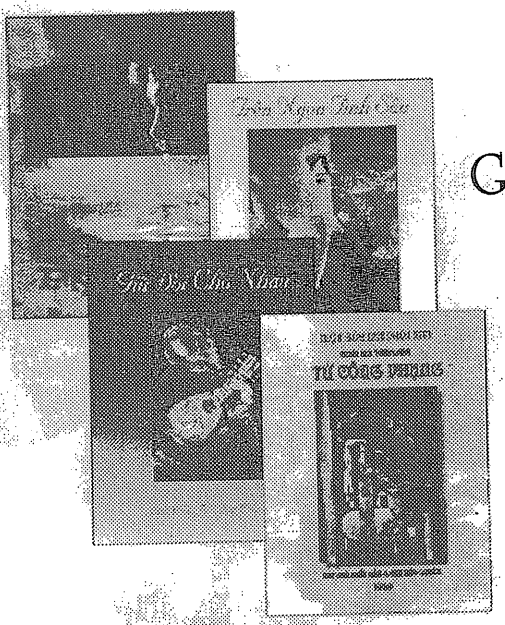

CD đã phát hành!

CD mới phát hành!

Mọi chi tiết xin liên lạc:

3145 SE. Hawthorne Blvd.
Portland, OR 97214 - USA.
Tel. 503-239-4857

Bolsa Medical Center

10362 Bolsa Ave., Westminster, CA 92683 - **(714) 531-2091**

AMVI, AMVI / PROSPECT SỐ 27 & BOLSA MEDICAL GROUP

in affiliation with

FOUNTAIN VALLEY REGIONAL HOSPITAL

17100 Euclid Ave., Fountain Valley, CA 92708 - **(714) 966-7250**

TRUNG TÂM Y TẾ TOÀN KHOA

TRUNG TÂM GIẢI PHẪU NGOẠI CHẨN

PHÒNG ĐIỀU TRỊ KHẨN CẤP, QUANG TUYẾN & THỬ NGHIỆM

- Trung tâm được trang bị với các dụng cụ y tế tối tân nhất trên thị trường hiện nay, chuyên về các trường hợp giải phẫu mà bệnh nhân có thể về nhà ngay không cần ở lại đêm.
- Trung tâm có bác sĩ chuyên khoa về gây mê, bác sĩ chuyên khoa về tim thường trực để bảo đảm và theo dõi sự an toàn của quý vị.
- Trung tâm được công nhận bởi các cơ sở y tế địa phương và tiểu bang.

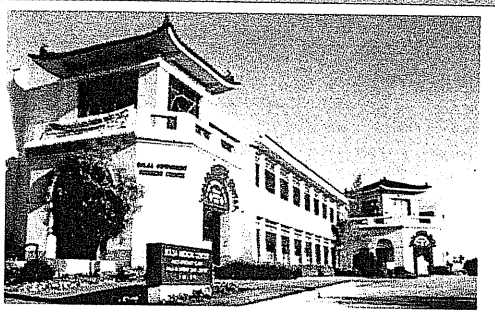

CHUYÊN TRỊ:

* Nội, Ngoại Thương, Sản Phụ Khoa, Nhi Khoa, Nha Khoa, Bệnh Người Già, Bệnh Đường Tiêu Hóa, Ruột....
* Các bệnh khẩn cấp, nóng sốt, tiêu chảy, ói mửa, tiểu rát, tiểu ra máu người lớn và trẻ em.
* Các tai nạn xe cộ, nghề nghiệp, ở nhà & ở sở - Khâu các vết thương.
* Các bệnh cấp tính đau nhức, đau xương, đau bụng, đau lưng, nhức đầu, đau mắt, bong gân, gẫy xương.
* Các bệnh khó thở, tức ngực, suyễn, sưng phổi, đau tim.

Xin mời quý vị đón nghe Chương trình Hội Thoại Y Khoa của Tổ Hợp Y Tế Bolsa Medical Group, hàng tuần vào mỗi thứ Tư, từ 2:15 PM - 3:15 PM và sáng thứ Sáu từ 6:15 AM tới 6:30 AM trên băng tần 106.3 FM, VNCR. Chúng tôi sẽ giải đáp tất cả những vấn đề liên quan đến sức khỏe của quý vị.

* *Nhận Medi-Cal, Cal OPTIMA, Medi-Care, HMO & PPO & hầu hết các loại bảo hiểm.*
* *Giá đặc biệt cho khách trả tiền mặt hoặc thẻ tín dụng với các dịch vụ giải phẫu & săn sóc thai nhi.*
* ***Có xe chuyên chở cho quý vị không có phương tiện di chuyển (Xin lấy hẹn)***
* *Có chỗ đậu xe rộng rãi và an toàn đằng sau Trung Tâm.*

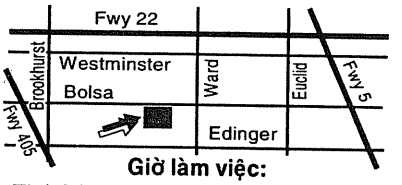

Giờ làm việc:

Thứ Hai - Thứ Sáu: 9 AM - 8 PM & Thứ Bảy: 9 AM - 4 PM

AMVI Medical Group, Fountain Valley Regional Hospital and Medical Center, affiliated with Telnet HealthSystem

DANH SÁCH CÁC BÁC SĨ CỦA BOLSA MEDICAL GROUP

B.S. PHẠM ĐĂNG LONG CƠ, M.D.
Sản Phụ Khoa, Hiếm Muộn

B.S. BÙI THỊ LÃM THÚY, M.D.
Y Khoa Gia Đình, Phụ Nữ

B.S. NGUYỄN HỮU HÙNG, M.D.
Nội Khoa, Bệnh Người Già

B.S. VĂN KỲ CHƯƠNG, M.D.
Giải Phẫu Tổng Quát

B.S. NGUYỄN VĂN LỘC, M.D.
Nhi Đồng, Thanh Thiếu Niên

B.S. DƯƠNG HỒNG TẠO, M.D.
Tim Mạch, Nội Thương

B.S. HOÀNG THANH VINCENT, M.D.
Nội Khoa và Y Khoa Gia Đình

B.S. HOÀNG THẢO CHRISTINE, M.D.
Sản Phụ Khoa

B.S. NGÔ NGỌC TRÂN, M.D.
Chỉnh Xương

B.S. DAVID NGUYỄN, M.D.
Nhi Đồng, Thanh Thiếu Niên

B.S. PHẠM VIỆT ANH, M.D.
Gia đình, Gây mê, Đau nhức

B.S. PHAN QUỐC QUANG, M.D.
Bệnh Bao Tử, Đường Ruột

B.S. QUẢN TRỌNG THANH LAN, M.D.
Nhãn Khoa

B.S. PETER NGUYỄN, M.D.
Giải Phẫu Thẩm Mỹ

B.S. VŨ QUỐC ĐỊNH, M.D.
Sản Phụ Khoa, Hiếm Muộn

B.S. BÙI THIỆN TRIỆU, M.D.
Y Khoa Gia Đình, Trẻ Em

BS. NGUYỄN SONG ANH TÚ, M.D.
Nội Khoa, Y Khoa Gia Đình

B.S. LƯU THỊ LỢI, M.D.
Y Khoa Gia Đình, Phụ Nữ

B.S. LAUREN YẾN CHÂU TRẦN, M.D.
Y Khoa Gia Đình, Phụ Nữ

B.S. HOÀNG QUÝ MINH, M.D.
Y Khoa Gia Đình & Nhi Đồng

B.S. NGUYỄN THANH THÙY, M.D.
Y Khoa Gia Đình & Nhi Đồng

Khi quý vị chọn BOLSA MEDICAL GROUP, quý vị đã chọn một Trung Tâm Y Tế có khả năng đem lại cho quý vị những dịch vụ y tế đầy đủ và phẩm chất cao. Trung Tâm Y Tế Bolsa được trang bị bởi những dụng cụ tối tân nhất như hệ thống Laser, Video và đặt trọng tâm vào lãnh vực săn sóc sức khỏe, chẩn và trị bệnh cho cộng đồng Việt Nam. Ngoài Phòng Thử Nghiệm và Phòng Quang Tuyến tối tân đúng tiêu chuẩn của Cơ Quan Y Tế Tiểu Bang California, Trung Tâm Giải Phẫu Ngoại Chẩn của Bolsa Medical Group còn chuyên về các dịch vụ giải phẫu mà bệnh nhân không cần ở lại qua đêm, giúp quý vị tiết kiệm thời gian và tiền bạc.

PRESORTED
STANDARD
U.S. POSTAGE PAID
SANTA ANA, CA
PERMIT No 63

TRUNG TÂM QUANG TUYẾN WESTMINSTER

Bác Sĩ LÊ VĂN GIAO M.D.

(Nguyên Giáo Sư Đại Học Y Khoa USC)

15550 BROOKHURST ST., STE #A, WESTMINSTER, CA 92683

(Góc McFadden, đối diện Jack In The Box)

(714) 839-4311 * (714) 839-4321

- *Trung Tâm định bệnh và truy tầm các chứng bệnh nội ngoại thương, các loại ung thư Nam Nữ và Trẻ em bằng phương pháp:* ***QUANG TUYẾN, SIÊU ÂM, SPIRAL CAT SCAN và OPEN MRI mới nhất và tối tân nhất hiện nay.***
- ***Trung Tâm Quang Tuyến Bác Sĩ Giao*** *đang hợp tác với các Bác Sĩ gia đình và chuyên khoa phục vụ quý vị tại Quận Cam cùng các nơi xa đến trên 10 năm nay.*
- *Trung Tâm tọa lạc tại một địa điểm khang trang, rộng rãi, lịch sự và đặc biệt được trang bị những máy móc tối tân nhất và duy nhất tại Cộng Đồng người Việt tại hải ngoại.*

TRUNG TÂM QUANG TUYẾN WESTMINSTER

1- ***MÁY GE-DMR PLUS MAMOGRAPHIC SYSTEM*** - Truy tầm ung thư vú - Đây là loại máy Digital mới nhất hiện nay, giúp định bệnh vô cùng chính xác với số lượng quang tuyến rất thấp, do nữ chuyên viên có bằng cấp thực thụ đảm nhiệm. Trung Tâm đã được sự chỉ định và ban khen của Hội Ung Thư Hoa Kỳ, thêm nữa **Bác Sĩ Giao** luôn có mặt tại chỗ để hướng dẫn giải đáp mọi thắc mắc của quí bà và quí cô.

2- MÁY GE-LUNAR PRODIGY-BONE DENSITOMETER (Máy đo xốp xương): Máy Lunar tối tân và chính xác nhất để truy tầm bệnh xốp xương của mọi lứa tuổi.

3- MÁY SIÊU ÂM MẠCH MÁU - Để truy tầm các bệnh ung thư nội ngoại thương và đặc biệt bệnh nghẽn mạch máu toàn thân. Máy này cũng do nữ chuyên viên có bằng thực thụ điều khiển.

4- MÁY SPIRAL CAT SCAN HOẶC HELICAL CAT SCAN - Loại mới nhất hiện nay do hãng SIEMENS của Đức chế tạo và chỉ có duy nhất tại Cộng Đồng Việt Nam. Máy này chỉ cần một phút là định được chính xác những bộ phận nào bị hủy hoại, suy yếu trong cơ thể. Quí vị nào dễ bị chứng ngộp ngạt (Claustrophobia) khi phải nằm trên những máy móc khác quá lâu, nay với máy này sẽ cảm thấy thật thoải mái.

5- MÁY HITACHI OPEN MRI - Mặc dầu không nhanh bằng máy SPIRAL nhưng khi định bệnh những bộ phận mềm thì rất là xuất sắc. Thêm nữa vì là OPEN MRI nên bệnh nhân không bị ngộp thở, gò bó như máy khác. Trung Tâm còn nhiều loại máy tối tân khác để phục vụ quí vị và sẵn sàng đón nhận và giải đáp những thắc mắc của quí vị.

Ấn Phí: 5 Mỹ Kim